

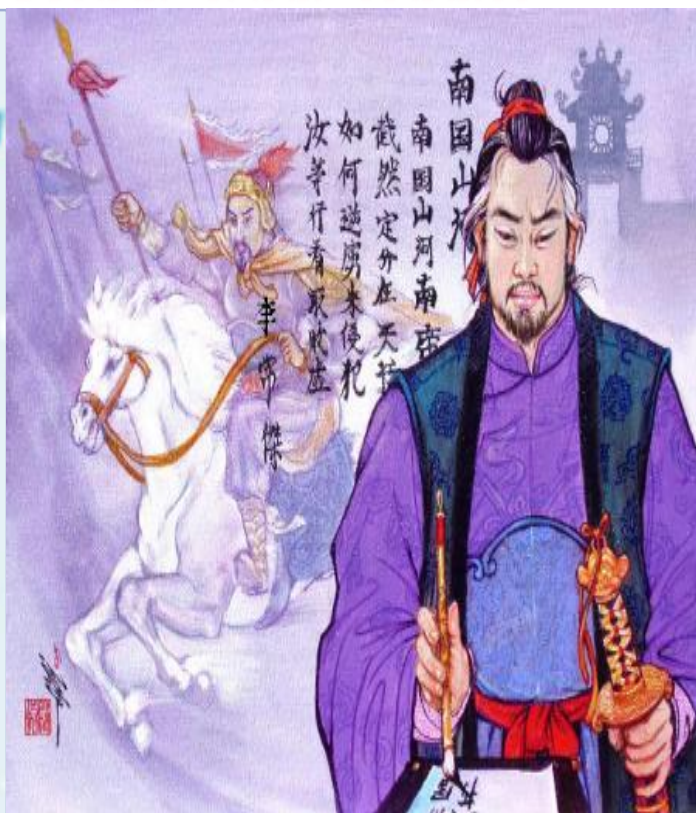


Nội San 20 Xuân Giáp Ngọ 2014



**HỘI ÁI HỮU LÊ NGỌC HÂN - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
MỸ THO – ÂU CHÂU**

KÍNH CHÚC TÂN XUÂN VẠN HẠNH



NAM QUỐC SƠN HÀ

Nam quốc sơn hà nam đế cư
Sông núi nước Nam Vua Nam ở
Tiết nhiên định phận tại thiên thư
Vằng vặc sách Trời chia xứ sở
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Giặc dữ có sao phạm đến đây
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư
Chúng bay nhất định phải tan vỡ

Lý Thường Kiệt

Thư Ngỏ Đầu Xuân Năm Ngọ nói chuyện Ngựa Tản Mạn Về Ngựa Chúc Mừng Cho Tôi Thêm Một Lần Say Mộng Cũ Nhìn những mùa Xuân Đi Những Giai Điệu Vàng Đôi dòng về Nhạc sĩ Hà Phương Nhạc phẩm: Em về Miệt Thứ Tản mạn về bánh miệt Lục Tỉnh Tình anh kép Hát Từ Bi Hồng, Nhà danh họa nổi tiếng về Ngựa Saint Avertin Nỗi Nhớ Trạng Quỳnh và Nợ Văn chương Sưu tầm: Lược Sử Chòm Cù Lao: Long-Lân-Quy-Phụng Một thoánng nhìn Rạch Miễu Quê Tôi Thơ: Cầu Rạch Miễu Thú vui trồng trọt Xứ Viết về Mẹ Cao Sơn Củ Gừng Saigon.Trong niềm thương nỗi nhớ Giấc Mộng Đêm Xuân Truyện ngắn : Tuổi Thọ - Thơ: Tâm Tình của Người sống xa xứ Truyện ngắn: Sapa và các vùng phụ cận Truyện ngắn: Chiếc Áo Dài Việt Nam Truyện ngắn: Vọng Cổ Hoài Lang Truyện ngắn: Tình Non Nước và Nỗi lòng Cố Quận Truyện ngắn:Nỗi đau bất tận Truyện ngắn: Lời nói Truyện ngắn: Lễ Tạt nước ở Xứ Ai Lao Truyện ngắn:Trái Ô Múi và tâm tình người xa xứ Truyện ngắn: Cần Giờ Truyện ngắn:Hồi ký buồn Truyện ngắn: Hoa Sen T i n h Đ ờ i Dòng Sông nơi Cố Quận Thơ: Mừng Xuân - Chợ Hoa đường Hùng Vương Mỹ Tho Xóm Chùa Chà nỗi nhớ Thơ vzuì: 10 Thương Áo Lụa Hà Đông Khi Anh Về Em Có Hỏi Thơ: Làm Sao Kẽ Ở Người Đi	Ban Chấp Hành LNH&NDC Mỹ Tho-Âu Châu Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ Mặc Nhân Tân Văn Công Phạm Văn Ngọc Hồ Trường An Lê Tấn Lộc Đỗ Bình Nguyễn Hạnh Hà Phương Thư Long Phùng Nhân Nguyễn Đức Tăng Nguyễn Hạnh Mặc Nhân Tân Văn Công Dã Hạc Mặc Nhân Tân Văn Công Âu Dương Trọng Lễ Trần Kim Điệp Ngô Hồng Lĩnh Võ Nhựt Ngô Nguyễn Phương Bác Sĩ Trần Thị Mỹ Bác Sĩ Trần Thị Mỹ Nguyễn Trần Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Âu Dương Trọng Lễ Bạch Vân Nguyễn Trần Bảo Tâm - Mặc Nhân - Nguyễn Trần Nguyễn Sa và Nguyễn Sẹo Phùng Nhân (tặng thầy Tân Văn Công) Âu Dương Trọng Lễ Ban Chấp Hành LNH&NDC MỹTho-Âu Châu
--	---

ĐỀN THỜ TRẦN QUỐC



Đạo làm người phải lấy luân thường đạo lý làm căn bản. Từ tổng thống, chủ tịch Nước, thủ tướng, bộ trưởng cho đến thứ dân, ai ai cũng phải lấy luân thường, đạo lý làm căn bản.

Vì luân lý là gốc của gia đình, là trật tự của xã hội. Một nước mà phong hóa suy đồi, đạo lý không còn, chỉ biết có tiền tài và danh lợi là một nước sớm muộn vì cũng sẽ suy vong. Làm người mà không có luân lý, chỉ biết có danh lợi, tiền tài thì còn thể thống gì nữa.

Vì thế nên hai câu thơ của nhà thơ mù ái quốc Nguyễn Đình Chiểu, dù đã trải qua mấy trăm năm vẫn còn là một giá trị tuyệt đối cho con cháu sau này học hỏi :

***Trai thì trung hiếu làm đầu
Gái thì tiết hạnh là câu trau mình***

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU



Chị Phạm Thị Phia – Anh Âu Dương Trọng Lễ

Đại Hội năm nay rất thiếu vắng các bạn đồng môn và quý thân hữu, nên không khí của ngày Đại Hội có vẻ buồn tẻ, nhưng cũng đưa ra được quyết định sau đây:

Chấp nhận sự từ chức Trưởng BBT của Anh Lê Văn Tư, Anh Âu Dương Trọng Lễ vẫn giữ chức vụ Phó Hội Trưởng, tạm thời kiêm luôn chức vụ Trưởng BBT, trong lúc chờ đợi...người thay thế.Hội cũng mong, như các năm qua, các Bạn đồng môn và quý thân hữu vẫn tiếp tục sự ủng hộ từ tinh thần đến vật chất để hội có thể thực hành các ước nguyện sau đây:

Tiếp tục trợ giúp các Thầy Cô và hỗ trợ học bổng cho học sinh LNH-NDC nghèo khó, học giỏi.

Cùng cố nhịp cầu đoàn kết thân tình giữa các Bạn đồng môn và các thân hữu của Hội ngày thêm tốt đẹp, gắn bó hơn...

Báo cáo Tài chánh Hội LNH& NDC MYTHO - ÂU CHÂU 2013 = 2913,19 €

<u>Banque</u>		<u>Caisse</u>	
<u>Soldes au 31/12/2012</u>	<u>Soldes au 31/12/2013</u>	<u>Soldes :</u>	
2 519,60 €	2 913,19 €	<u>31/12/2012</u>	125,20€
		<u>31/12/2013</u>	63,00€
Recettes 1 170,00€	Dépenses 776,41€	Dépenses	62,20€
Total 3 689,60€	3 689,60€		125,20€

NL 2013	UH/NS19	TC/ DM	LNH	NDC&LNH	NDC	TOTAL
500,00 €	225,00€	45,00€	125,00€	105,00€	170,00€	1 170,00€

Hội Ái hữu Lê Ngọc Hân-Nguyễn Đình Chiểu

Kính Chúc Tân Xuân Vạn Hạnh



Một năm nữa đã đi qua theo dòng thời gian không hề ngừng nghỉ.. Chúng ta lại sống thêm một cái Tết nơi đất khách quê người, kéo dài thêm kiếp sống lưu vong....

Mãi chạy theo đời sống rộn rịp, công kỹ nghệ cao ở xứ người, ngày mừng một Tết âm lịch có biết bao nhiêu người Việt trong chúng ta không có được những giây phút trầm lắng, để nhớ đến hôm nay là ngày đầu năm Tết Giáp Ngọ. Và tạm ngừng công việc thường nhật để thắp mấy nén hương tưởng nhớ đến Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, đã khuất núi. Chúng ta cùng nhau xum họp để chúc cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất, xum vầy cùng nhau bên mâm cỗ đầu năm để quên bớt đi những nỗi khó khăn, nhọc nhằn, buồn phiền, hờn giận trong công việc làm ăn, và còn chịu đựng biết bao nhiêu những oan tình cay đắng của nhân tình thế thái v.v... Dù biết rằng cuộc sống ở xứ người, ngày càng thêm khó khăn, không phải ai trong chúng ta đều có thể có được một ngày nghỉ vào ngày mừng một Tết, do hoàn cảnh, việc làm không cho phép... Nhưng, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta trong những ngày đầu năm vẫn có thể thực hiện được : Bằng cách gửi một tấm Thiệp Xuân -Vài lời chúc qua điện thoại, gửi một « email » chúc Tết cho bà con thân nhân ở rải rác khắp nơi trên thế giới (nếu chúng ta có xử dụng internet.) để sưởi ấm lòng nhau trong cảnh gió lạnh tuyết sương ở xứ người

« Ôi ! Quê Mẹ dù nghìn trùng xa cách

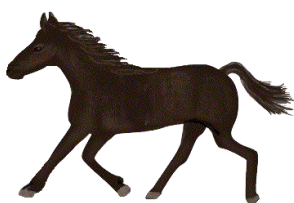
Mãi nhớ thương như từng bách nhớ rừng xanh!»

Số Nội San 20 Xuân Giáp Ngọ đã đánh dấu 12 năm góp mặt cùng các bạn đồng môn và thân hữu của chúng ta ở khắp nơi trên thế giới , sau biến cố đau thương ngày 30 04 75.

Chúng ta đã trải qua một năm Quý Tỵ với nhiều tai ương xảy ra khắp nơi trên thế giới : Chiến tranh, đói khát và bão lụt từ Âu sang Á. Chúng ta hi vọng năm Giáp Ngọ sẽ bớt đi những cảnh lầm than hay ít ra cũng giảm bớt đi được ít nhiều :Thiên tai, chiến tranh

Nhân dịp đầu năm Giáp Ngọ 2014, chúng tôi, những thành viên trong Ban Chấp Hành, Ban Biên Tập đồng kính chúc quý Bạn Đồng Môn và quý Bạn Bè Thân Hữu ở khắp nơi trên thế giới : Một Năm Giáp Ngọ 2014 : Gia Đình Hạnh Phúc – Đời Sống An Khang - Thân Tâm Thường Lạc

Thị Phia - Trọng Lễ - Jean Tài



NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA

(Giáp Ngọ từ 31-01-2014 đến 18-02-2015)

(Trích dẫn tác phẩm Từ-Vi & Địa-Lý Thực-Hành của Gs Hàn Lâm Nguyễn-Phú -Thứ)

Sau năm Quý Tỵ chấm dứt, thì đến năm Giáp Ngọ được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm thứ năm, 30-01-2014 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 18-02-2015. Năm Giáp Ngọ này thuộc hành Kim và mạng Sa Trung Kim, năm này thuộc Dương, có can Giáp thuộc mạng Mộc và có chi Ngọ thuộc mạng Hỏa. Căn cứ theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này "Can Trời sinh Chi Đất" tức "mạng Mộc sinh mạng Hỏa". Bởi vì : mạng Mộc bị sinh xuất, mạng Hỏa tức Đất được sinh nhập. Do vậy, năm này tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như người có : mạng Mộc gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Kim.- mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc. Được biết năm Ngọ vừa qua là năm Nhâm Ngọ thuộc hành Mộc, nhằm ngày thứ ba, 12-02-2002 đến 31-01-2003.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2014 = 4651$, rồi đem chia cho 60 năm, thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 31 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 đến năm 2043. Do vậy, năm Giáp Ngọ 2014 này là năm thứ 31 của Vận Niên Lục Giáp 78 và năm Ngọ kế tiếp sẽ là năm Bính Ngọ thuộc hành Thủy, nhằm ngày thứ ba tính từ 17-02-2026 đến 05-02-2027.

Trong thành ngữ, tục ngữ người ta thường nói, xin trích dẫn như sau : Như Ngựa bất kham - Quất Ngựa truy

phong - Thẳng như ruột Ngựa - Tàn che Ngựa cỡi - Ngựa bốn chân còn vấp - Ngựa chạy đường dài - Ngựa chạy về ngược - Ngựa hấu đá - Ngựa gầy hồ mặt người nuôi - Ngựa hỗn quen đường - Ngựa qua cửa sổ - Ngựa quen đường cũ - Ngựa xe như nước - Ngựa kéo Voi giày - Tái ông thất Mã (*) - Thiên binh vạn Mã (*) .v.v. (Thành Ngữ). (*) Ngựa tức Ngựa hay Mã có ý nghĩa giống nhau.

Một con Ngựa đau cả tàu không ăn cỏ - Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn - Đường dài mới biết Ngựa hay - Ngựa lê tề cũng đến bến giang - Ngựa hô thương gió heo may .v.v. (Tục Ngữ)

Ngoài ra, con Ngựa là loại thú vật xưa kia ở trong rừng và đã được loài người thuần hóa để trở thành gia súc như những thú vật trong nhà như : Chó, Mèo, Gà, Vịt v.v. Để rồi, con ngựa được giúp đỡ con người trong mọi công việc như di chuyển, chuyên chở cho đến chiến tranh v.v. chúng nó có những màu như sau :

Ngựa bạch = Ngựa có lông màu trắng.
 Ngựa Kim = Ngựa có lông màu trắng mốc.
 Ngựa Kim Than = Ngựa có lông trắng ít, đen nhiều.
 Ngựa Kim Lem = Ngựa có lông trắng và đen pha trộn lẫn nhau.
 Ngựa Kim Lân = Ngựa có lông đốm trắng đen.
 Ngựa Bích = Ngựa có lông ngà màu xanh.
 Ngựa Ô = Ngựa có lông màu đen tuyền.
 Ngựa Tía = Ngựa có lông ngà màu đỏ tía.
 Ngựa Hồng = Ngựa có lông ngà màu ửng hồng.
 Ngựa Đạm = Ngựa có lông ngà màu vàng lợt.v.v.
 Hơn nữa, mỗi loài ngựa có sanh hoạt riêng như sau :
 Ngựa ruổi = Ngựa chạy.
 Ngựa Tê = Ngựa chạy đua nước lớn.
 Ngựa Kiệu = Ngựa chạy lúp xúp.
 Ngựa sải = Ngựa nhảy sải.
 Ngựa Sa Hoàng = Ngựa dữ, Ngựa đi quá sức.
 Ngựa Bền = Ngựa chạy dai sức.
 Ngựa Bờ = Ngựa chạy yếu sức.
 Ngựa Nục = Ngựa mập béo quá.
 Ngựa Lao = Ngựa thường đau ốm mất sức.
 Mặt Ngựa = Thường để chỉ những người có gương mặt dài giống như mặt ngựa...

Con Ngựa tức con Mã, cho nên có những từ ngữ như sau :

Mã Binh = Binh lính cỡi Ngựa
 Mã Đề = Loại cây lớn lá, giống cái móng ngựa, thường dùng để làm vị thuốc mát.
 Mã Tiên Thảo = Tức loại cỏ roi ngựa.
 Thượng Mã = Lên ngựa.
 Hạ Mã = Xuống ngựa.
 Xa Mã = Xe ngựa.
 Xa Song Mã = Xe 2 con ngựa.
 Cung Mã = Cung ngựa, đồ kỵ mã.
 Hành Thuyền Kỵ Mã Tam Phân Mạng = Đi thuyền, cỡi ngựa, mạng sống có ba phân, để chỉ sự nguy hiểm.
 Long Mã Phụ Đồ = Ngựa rông đội họa đồ. Vua Phục Hi nhờ đó vẽ nên Bát Quái.
 Thượng Mã Phi Đề = Chỉ người sải ngựa mang giấy tờ đưa đi cho quan khản cấp.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy các danh từ : Mã Giáp, Mã Nào, Thợ Mã, Đồ Mã, Tốt Mã, Thượng Mã Phong hoặc trong dân gian thường nói như:

- Trường đồ tri Mã lục
 - Tiên trường bát cập Mã phúc = Roi dài không thấu bụng Ngựa. ...v.v.

Đặc biệt, chúng ta còn thấy những giống mang tên Ngựa, nhưng có hình dạng đặc biệt khác loài Ngựa, xin trích dẫn như sau:



Con Hà Mã = L' hippototame (n.m) = The hippopotamus, có thân hình lớn con như: Voi hoặc Tê Giác hay Trâu, lại hiền lành thường trầm mình dưới nước nơi

sông hồ ở Phi Châu cả ngày không biết lạnh, cho nên con Hà Mã có người gọi con Trâu Nước hay Ngựa Sông chăng?.



Con Hải Mã = Le cheval marin = The sea horse hoặc có người gọi con Cá Ngựa = L'hippocampe = The hippocampus. Con Hải Mã thường ở vùng biển ấm, nó lội đứng như ngựa sai, thân hình nó ít thịt nhiều xương. Tuy vậy, người ta cũng bắt nó rồi đem phơi khô, rồi đốt tán nhuyễn để trị bệnh suyễn hay tráng dương bổ thận.



Ở Phi Châu cũng có một giống Ngựa Rằn = Le zèbre = The zebra mình có sọc ngang.



Ở Hy Lạp thời xưa, cũng xuất hiện một giống Ngựa có đôi cánh để bay, được gọi là Phi Mã.

Đó là những loài Ngựa đặc biệt, hơn các loại Ngựa thông thường.

Trong năm Giáp Ngọ tức là năm do con Ngựa hay con Mã cầm tinh. Vậy, chúng ta thử tìm hiểu con Ngọ như thế nào?

Ngọ tức là con Ngựa = Le cheval, đứng hạng thứ 7 của 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi, chúng ta cũng thường thấy những từ ngữ nói về Ngọ như sau :
Giờ Ngọ = là giờ từ 11 giờ đến đúng 13 giờ.
Đúng Ngọ = 12 giờ trưa.
Thượng Ngọ = Đầu giờ Ngọ.
Trung Ngọ = Giữa giờ Ngọ.
Mạt Ngọ = Cuối giờ Ngọ.
Cúng Ngọ = Làm chay cúng khi mặt Trời đứng bóng giữa trưa.
Tháng Ngọ = là tháng năm của năm âm lịch. . . v.v.
Nhân đây, nói về Tết năm con Ngựa cầm tinh, xin trích dẫn một trong những món ăn liên quan đến con Ngựa, trong dịp Bà Từ Hi Thái Hậu, đời nhà Thanh Trung Hoa, khoản đãi phái đoàn sứ thần thuộc các quốc gia Tây Phương, nhân dịp mừng Xuân Canh Tý 1874. Tiệc được chuẩn bị 11 tháng 6 ngày trước, có 1750 người phục vụ, tốn kém 98 triệu hoa viên thời bấy giờ tương đương 374 ngàn lượng vàng ròng, gồm 400 thực khách và kéo dài suốt 7 ngày đêm bắt đầu giờ giao thừa Tết nguyên đán năm Canh Tý.

Đó là món Phương Chi Thảo như sau : Phương Chi Thảo là loại cỏ Phương Chi. Tương truyền Hoàng Đế Khang Hy nhà Thanh khi còn sanh tiền rất háo sắc, nhưng có tài y thuật cao cường. Vì vậy, dù có hăng trăm cung tần mỹ nữ cung phụng, nhà vua vẫn khỏe mạnh, vì tự bồi dưỡng cường lực bằng dược chất. Nhưng, lúc tuổi già vua mắc phải chứng bệnh khan háo trong ngũ tạng mà tự mình không thể chữa được, bao nhiêu ngự y đại tài của triều đình cũng bó tay, vua phải bỏ cáo tìm danh y, thần dược trong dân gian. Ngày nọ, có một dị nhân xin yết kiến rồi móc trong người ra một bó cỏ rất lạ, rễ xanh, lá dài như lá hẹ nhưng màu đỏ tía, ngọn lại trắng. Vua biết là cỏ quý nên hỏi, dị nhân trả lời. Đó là cỏ Phương Chi mọc trên đỉnh Thái Hàng Sơn hướng về mặt trời, đặc biệt chỉ mọc một lần trên một tảng đá duy nhất cao và chênh vênh vào dịp Trung

Thu năm nhuận, khoảng 30 đến 45 bắc đầu mùa thì Việc hái cỏ dất theo một con đỉnh núi cao mặt trời vừa mọc phiên đá để con



cỏ này chỉ sống trong ngày, lúc gặp ngọn gió lập tức bị khô héo. cũng rất công phu, phải Ngựa toàn bạch lên trước một ngày, đợi khi lên, mới đem Ngựa tới Ngựa ăn cỏ Phương

Chi, khi Ngựa vừa ăn xong, phải lập tức chém đầu và mổ bụng để lấy bao tử mang về chế thuốc phơi khô. Cỏ Phương Chi khi ăn vào làm cơ thể mát mẻ, đồng thời trị tuyệt các bệnh trầm kha hoặc hiểm nghèo. Trong đại tiệc do Từ Hi Thái Hậu khoản đãi, Phương Chi Thảo được nấu chung với Long Tu (Râu Rồng), thực khách ăn xong cảm thấy tinh thần vô cùng sảng khoái, cả tháng sau không khát nước cũng không mệt mỏi. (tài liệu này do Một Sách sưu tầm và tường thuật).

Trước khi tạm kết thúc bài này, tôi xin trích dẫn thời gian 10 năm những năm con Ngựa vừa qua và sắp tới có Hành như thế nào? để cống hiến quý bà con đồng hương nhân lãm hoặc xem mình có phải sanh đúng năm Ngọ hay không như dưới đây :

Tên Năm	Thời Gian	Hành Gì?	Thủy
Bính Ngọ	25-01-1906 đến 12-02-1907		Thủy
Mậu Ngọ	11-02-1918 đến 31-01-1919		Hỏa
Canh Ngọ	30-01-1930 đến 16-02-1931		Thổ
Nhâm Ngọ	15-02-1942 đến 04-02-1943		Mộc
Giáp Ngọ	03-02-1954 đến 23-01-1955		Kim
Bính Ngọ	21-01-1966 đến 08-02-1967		Thủy
Mậu Ngọ	07-02-1978 đến 27-01-1979		Hỏa
Canh Ngọ	27-01-1990 đến 14-02-1991		Thổ
Nhâm Ngọ	12-02-2002 đến 31-01-2003		Mộc
Giáp Ngọ	31-01-2014 đến 18-02-2015		Kim

Xuyên qua thời gian năm Ngọ ở trên, chúng ta thấy cứ 12 năm thì năm Ngọ trở lại, nhưng can khác nhau và cứ 60 năm thì năm Ngọ trở lại can giống nhau.

Và kính chúc quý bà con đồng hương năm mới mọi nhà được An Lạc cùng Đắc Thành tất cả.

Hàn Lâm NGUYỄN-PHÚ-THỨ
Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014



Con ngựa đi theo quân tài TT Reagan

TẢN MẠN VỀ NGỰA

Mặc Nhân TVC

Ngày xưa, con người Âu Á rất tôn trọng con ngựa nên từ gọi “chiến mã” ngang hàng với “chiến binh”. Trong văn học cũng đem nó lên ngang hàng với con người, thành ngữ “Anh hùng mã thượng” tương ứng với từ “chevaleresque” của tiếng Pháp một cách thú vị, trong tỉnh từ này có từ gốc “cheval” là ngựa hay “mã”Tuy nhiên nếu tiếng Pháp gọi ngựa cái là jument thì người Pháp cũng có một từ khác gọi ngựa cái là cavale. Từ này ít khi dùng vì nó có nghĩa xấu lắm khi tương đương với từ Việt Nam gọi “đồ ngựa cái”.

Trong văn học Trung Hoa cũng đề cao con ngựa trong vai trò của nó và tinh thần của nó. Chẳng hạn “Anh hùng mã thượng”, “Mã đáo thành công”, “Thất mã truy phong”, cũng như câu chuyện dạy đời “Tái Ông thất mã”. Một người thắng thắng, phải thì nói phải, sai thì nói không e dè, không kiêng nể gọi là “Thắng ruột ngựa”. Trước khi nói, phải uốn lưỡi bảy lần, bởi vì nếu lỡ lời nói sai không chuộc lỗi được vì có câu: “Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy” một lời lỡ nói ra rồi, bảy ngựa đuổi theo không kịp. Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu có nghĩa gần giống với “Ngưu tâm ngưu, mã tâm mã”. Chôn phồn hoa dưới hội đồng đảo người ta, xe cộ dập dềnh... nên có cảnh “Ngựa xe như nước...”. Trẻ tuổi mà không tự biết, chưa có kinh nghiệm mà háo thắng người ta cho là “Ngựa con háu đá”. Người Pháp khi cấp huân chương thường dùng những từ nguồn gốc vinh dự từ ngựa. Chẳng hạn *Chevalier de la Légion d'honneur* – một huân chương cao quý nhất của Pháp – tức là Bắc đẩu Bội tinh. Người Anh cũng vậy, các nhà Vua Anh có lễ phong Hiệp sĩ cho những anh tài của đất nước: *Cavalier* (knight).

Việt Nam ta cũng vinh danh ngựa qua thành ngữ “Đa ngựa bọc thân” do thành ngữ “Mã cách lý thi” của Trung Hoa, “Ngựa quen đường cũ”, “Một con ngựa bệnh cả tàu không ăn cỏ” v.v...

Lịch sử nước ta cũng như các nước khác khi nhắc lại các chiến công hiển hách của những anh hùng vào sinh ra tử trong chiến trường không quên nhắc đến ngựa. Chẳng hạn nói đến Phù Đổng Thiên Vương là ta nghĩ ngay đến roi đồng, ngựa sắt. Còn ở Pháp, tượng đồng của nữ anh thư Pháp Jeanne d'Arc chống quân Anh xâm lược, cầm cờ ngai trên lưng ngựa. Đến Paris ta bắt gặp hàng chục tượng của vua Louis XIV hầu hết đều cỡi ngựa, đặt trên những bệ đá uy nghi ở trước điện Louvre, điện Versailles, Công trường Chiến thắng v.v... Ở điện Versailles cũng như điện Maltes và nhiều điện khác ta thấy tượng của bảy ngựa tung hoành dưới làn nước. Sang Trung Hoa, nơi lăng tẩm Tần Thủy Hoàng không biết bao nhiêu là tượng chiến binh cùng với chiến mã. Trở về Huế nơi các lăng tẩm các vị vua, vẫn có những tượng chiến mã cùng với voi trận và các bậc công thần.

Nhưng buồn thay người ta cũng lạm dụng ngựa trong việc phi nghĩa phi nhân đạo như dùng ngựa trong việc xử tội “Tứ mã phân thân”, “Voi dày ngựa xéo”...Người ta còn lạm dụng sức lao động của ngựa như kéo xe, kéo cày...ta thử nhìn hình ảnh những con ngựa cu nhỏ thó ở các khu du lịch nước ta, ốm nhom ốm nhách quanh năm suốt tháng thiếu ăn thiếu uống, vậy mà phải kéo những chiếc xe cày thô sơ chở hàng chục khách du lịch ông tây bà đầm, ông nào bà nấy 100 kg trở lên, lọc cọc suốt ngày trên những con đường lộ đất gồ ghề. Kẻ viết bài này không dám nhìn vào cặp mắt của những con ngựa tội nghiệp này khi nó đang kéo những cỗ xe ngằn nhừ vậy. Bên Tây cũng không vừa gì. Gần đây ở Pháp, ở Đức, ở Anh nước có truyền thống quý trọng ngựa vậy mà ngựa vẫn bị lên lút làm thịt xay ra làm ba-tê thể cho thịt bò, thịt heo...

Nói chung ngựa là một con vật mà loài người chúng ta xếp vào hàng loài vật đóng góp nhiều cho sự sinh tồn của chúng ta từ thể chất đến tinh thần đáng cho ta trân trọng lắm lúc về mặt nào đó ngựa và chó được vinh danh ngang với người.

BIỂU TƯỢNG NGỰA:

- *Lộc mã* muốn chỉ sự giàu sang, phát đạt, tiền tài, gia sản.
- *Ngựa phi nước đại* tượng trưng cho sự bồn ba rầy đây mai đó.
Vó ngựa đường xa.

- *Bạch mã* nếu là bạch mã thì phải được dẫn đi – đồng hành với chủ chó không được cỡi – là biểu tượng của sự thăng quan tiến chức.

- *Đôi ngựa* hay *song mã*. Hình ảnh đôi ngựa hay đôi tuần mã ắt hẳn đem lại tài lộc, - *Tám ngựa*. Hình ảnh tám ngựa bồm dựng lên, đuôi thẳng ...phi nước đại trên đường thiên lý là biểu tượng của sự thành công trong kinh doanh, thăng quan tiến chức trong quan lộ, thành đạt trong thi cử.

- *Mã đáo thành công*. Cũng hình ảnh tám ngựa như vậy, nếu đặt trên bàn làm việc và hoặc treo trên tường nhà mà phải hướng chạy phải là hướng vào nhà, sẽ đạt được mọi điều cát lợi như làm quan lên chức, buôn bán làm giàu, thi cử đỗ đạt tóm lại vạn sự hanh thông đúng theo ý mã đáo thành công. Có người cho là hướng ngựa chạy ra cổng lớn hoặc cửa cái, hoặc đường lộ ...nếu nói như vậy thì mâu thuẫn với từ “đáo” là về, hơn nữa tài lộc, danh dự thì phải hướng vô chó cho nó tuồng hết ra ngoài thì thành “mã... đào khánh tận” mất.

- *Mã thượng đắc thiên hạ*. Ngày xưa lấy chiến trận làm nên nghiệp cả nên quá trình chiến đấu là luôn luôn trên mình ngựa. Do vậy thành ngữ này muốn nói chỉ có mỗi một cách đắc thiên hạ là phải cầm thương cỡi ngựa ra mặt trận.

- *Mã thượng phong hầu*. Hình ảnh một con khi ngai trên lưng hay trên bồm con ngựa để bắt chước – mấy ông ba tàu dám ghép chữ và ghép ý một cách trời ơi để trở thành “Mã thượng phong hầu” tức là mong ước cho việc thăng quan tiến chức nhanh chóng. Số là chữ “hầu” nghĩa là khi, đồng âm với chữ “hầu” trong chức phẩm “hầu” làm quan. Hình ảnh con khi ngai trên ngựa, “mã thượng - vậy mà do óc sáng chế của người Tàu biến thành cụm từ mỹ miều “Mã thượng phong hầu” rồi vẽ thành hình lều lảo lảo bán cho các “công bộc của dân” rất chạy.

- *Ngựa quen đường cũ*. Ngựa không thua vì chó về trí nhớ những con đường mà nó đã đi qua dù ngàn dặm để có thể trở về nhà. Một chủ tướng từ thương trong chiến trận, ngựa tự động mang xác chủ về nhà..

- *Trung thành và chung thủy*. Ba tấm gương: 1.- Không thờ hai chủ: Ngựa Địch Lư của Lưu Bị. 2.- Chỉ thờ người chủ tướng anh hùng: Ngựa Xích thố của Quan Vân Trường. 3.- Tình chiến hữu, đồng sanh đồng tử: Ngựa Buchephalus và Alexandre Đại đế.

- *Đa ngựa bọc thân*. Không biết bao nhiêu chuyện từ Á sang Âu kể về những con chiến mã đã từng mang thi hài của người chiến sĩ kỵ mã từ trận về doanh trại. Trong những phim chiến đấu của Mỹ cũng đã có chiếu những cảnh như vậy.

- *Kỵ binh*. Ngày xưa trong chiến tranh kỵ binh là lực lượng quan trọng nhất. Ngày nay sức ngựa không bì với sức cơ giới tuy nhiên trong quân đội hiện đại các nước Tây phương vẫn còn dùng từ kỵ binh, cavalerie để chỉ đội quân thiết giáp.

ĐẶC ĐIỂM CỦA LOÀI NGỰA

So với các động vật loài ngựa có quá nhiều đặc điểm:

- Hệ thống bộ tiêu hoá của ngựa ở giữa của loài nhai lại và không nhai lại. Chất enzyme trong ruột có thể làm tiêu hoá những thức ăn cứng và dai như rơm rạ, bo bo, các loại hạt.

- Ruột của loài ngựa cũng tương đối lớn và dài nên có cụm từ “thăng ruột ngựa”.

- Ngựa ngủ ít hơn các loài vật khác và ngựa ngủ đứng thay vì nằm. Tại sao? Vì ngựa ngoài công việc kéo xe kéo cày, công việc chính của ngựa là phương tiện giao thông và hơn hết là....xông pha chiến trận. Vậy ngựa phải sẵn sàng mọi lúc mọi khi, khi nhiệm vụ cần đến.

- Ăn. - Ngựa có thể ăn suốt ngày Ngựa có thể vừa kéo xe vừa ăn.

- Phóng uế. Cũng vậy, ngựa là loài động vật duy nhất có thể vừa chạy vừa phóng uế. Hai đặc điểm này cũng vì cần phải thích ứng với điều kiện cấp bách cho nhiệm vụ của loài ngựa là đang kéo xe, đang xông pha trận mạc...

- Tinh đồng loại. Một con ngựa ốm, cả tàu không ăn cỏ. Điều này được chứng minh trên thực tế.
- Không loạn luân. Dù là loài vật.

GIAL, HUYỀN VÀ THẦN THOẠI VỀ NGỰA

I. VIỆT NAM

1.I.-Phù Đổng Thiên Vương.



Đời Vua Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân tràn sang xâm lấn nước ta. Thế nước yếu, vua cho đi loan truyền các nơi cho những người tài giỏi ra cứu nước. Tại làng Phù Đổng huyện Võ Ninh, có một gia đình giàu có đến 60 tuổi mới sinh một đứa con. Người con này mãi đến 3 tuổi vẫn còn nằm trên giường không hề biết nói mà cũng không biết đi biết chạy. Tượng Thánh Gióng

Một hôm sứ giả của vua đến địa phương này rao truyền cho người tài ra dẹp giặc. Cậu bé bỗng nhiên mở lời và lớn tiếng nói với mẹ xin gặp sứ giả để xin tòng quân đánh giặc. Bà mẹ vô cùng kinh ngạc và lo lắng tuy nhiên sứ giả cũng đến. Cậu bé đồng ý theo sứ giả về xin vua đúc cho cậu một bộ giáp sắt, một mũ sắt, một roi sắt và một con ngựa sắt..khi nào giặc đến hãy mang đến cho cậu.

Thật vậy, khi giặc tràn sang cậu bé vung vai trở thành một người lớn vạm vỡ mặc giáp sắt, đội mũ sắt, cầm roi sắt, nhảy lên ngựa sắt phi ngựa đi đánh giặc. Ngựa phun ra lửa, cậu bé tung hoành giết giặc đến nỗi roi sắt gãy, cậu bèn nhổ bụi tre tiếp tục chiến đấu. Trước sự dũng mãnh, giặc xin đầu hàng. Sau khi đánh tan giặc, cậu bé phi ngựa đến làng Ninh Sóc dưới chân núi Sóc Sơn, cùng ngựa bay lên Trời. Nơi đây vẫn còn dấu vết lửa của ngựa sắt đốt cháy cả một vùng nên đến bây giờ còn gọi nơi đây là làng Cháy. Để nhớ công ơn, vua phong là Phù Đổng Thiên Vương đời đời nhang khói. Tượng của Đức Phù Đổng Thiên Vương bao giờ cũng vẫn là trên lưng ngựa sắt phun lửa. Dân gian tôn vinh Ngài là Thánh Gióng.

2.I. Lao Thạch Mã.

Việt sử còn đề cập đến chuyện con ngựa đá thời nhà Trần. Trong lúc làm lễ ở chùa Lăng sau khi dẹp tan giặc Mông Cổ, nhân lúc thấy các con ngựa đá đứng chầu trước các miếu có đỉnh bần, vua Trần Nhân Tông liền cảm khái hai câu thơ bằng chữ Hán.

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cộ điện Kim ô

Dịch là:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

3.I. Nhứt nhân nhứt mã.

Một người một ngựa. Hình ảnh một dũng tướng một người một ngựa xung pha trận mạc giữa guơm đao, hào hùng biết bao. Trong một trận chiến chống quân Mông cổ, tướng [Lê Phụ Trần](#) một mình một ngựa lao vào trận địa kỵ binh của quân Mông Cổ, sắc mặt vẫn thản nhiên tung hoành như chỗ không người. Vua [Trần Duệ Tông](#) cũng là một danh tướng đã từng trên lưng ngựa chiến đấu kiên cường giữa mũi dáo dạt đường tên và chết tại trận tiền.

4.I. Đền Bạch Mã Hà Nội.

Đền Bạch Mã ở Hà Nội là một trong bốn trấn của thành Thăng Long cùng với Đền Quan Thánh, Đền Kim Liên và Đền Voi Phục. Đền Bạch Mã trấn giữ phía Đông Kinh thành, hiện thuộc [quận Hoàn Kiếm, Hà Nội](#).

Đền Bạch Mã thờ thần Long Đỗ tức là Rún của rồng, vị thần gốc của Hà Nội cổ. Khi [Lý Thái Tổ](#) dời đô từ [Hoa Lư](#) ra Thăng Long công việc xây đắp thành nhiều lần đổ vỡ. Vua nằm mộng thấy từ đền Long Đỗ có một con ngựa trắng đi ra. Theo vết chân ngựa, vua cho xây lại và đã thành công nên đặt tên đền nơi đây là đền Bạch Mã.

5.I. Đền Bạch Mã xứ Nghệ.

Đền Bạch Mã được xây dựng từ đầu thời Lê, để thờ Phan Đà, người đã có công lớn chống quân Minh. Phan Đà quê Chí Linh tư chất thông minh, võ nghệ tài giỏi, đầu quân trong nghĩa binh Lam Sơn

Trong một lần đi thám thính nắm tình hình, ông bị địch phục kích và chém trọng thương ở bến Nguyệt Bông. Con chiến mã trung thành đã mang ông về căn cứ, ông đã trút hơi thở cuối cùng tại đó. Cũng có truyền thuyết, lúc ngựa mang ông qua vùng Lai Thành (nay thuộc xã Thanh Long) một dòng máu của ông đã chảy xuống và nơi đây mới xây lên thành nắm mỏ lớn. Về sau dân làng lập miếu thờ tại địa điểm này. Vua sắc phong là “Đô Thiên đại đế Bạch Mã thượng đẳng phúc thần”.

6.I. Ngựa trong thơ:

Chinh Phụ Ngâm. Người chinh phụ ở nhà và võ trông chồng, nơi biên cương và hình ảnh người chinh phu luôn luôn gắn liền người chiến sĩ và con chiến mã. Những câu như sau:

- Chí làm trai dặm nghìn da ngựa. Gieo Thái Sơn tựa hồng mao.

- Già nhà đeo bức chiến bào. Thét roi cầu Vĩ, ào ào gió thu.

- Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu. Kỳ sau còn khuất nẻo Tràng Dương.

- Ôm yên gối trống đã chồn. Nằm vùng cát trắng, ngủ còn rêu xanh.

- Trường chàng trải nhiều bề nắng nỏ.Ba thước guơm, một cổ nhung yên. -Xông pha gió bãi trắng ngàn, Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.

- Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ. Thiếp dạo hài lồi cũ rêu xanh.Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu cũng có một câu nói về ngựa: -Vân Tiên đầu đội kim khôi. Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu cũng có nhắc xa mã:-Mùi phú quý như làng xa mã. Bã vinh hoa lừa gã công khanh.

7.I. Ngựa trong nhạc.

Ba bài nổi tiếng: 1. Dân ca “Lý Ngựa ô” do Nguyễn Hữu Ba ghi lại. 2. “Ngựa phi đường xa” của Lê Yên. 3. “Vết thù hằn trên lưng ngựa hoang” của Ngọc Chánh và Phạm Duy. Một số nhiều nhạc phẩm khác do nhiều nhạc sĩ viết vẫn có hình bóng ngựa trong đó nhiều nhất phải nói là của Trịnh Công Sơn. Chẳng hạn như: *Ngựa hồng đã môi vó...trong* “Xin mặt trời ngủ yên”, *Ngáy đầu thu nghe chân ngựa về...trong* “Một cõi đi về”, *Ngựa xa rồi, người vẫn ngồi, bụi về với mây...trong* “Phúc âm buồn”, *Vó ngựa trên đồi hay dấu chim bay... trong* “Xa dấu mặt trời” v.v.

II.HY LẠP CỔ ĐẠI.



1.II. Chòm sao Auriga.

Theo thần thoại Hy Lạp, con ngựa đầu tiên do Hải Thần Poseidon tạo dựng và vị vua thứ nhất của xứ Athens tên Erichthonius là người đầu tiên sử dụng

xe ngựa. Do đó, nhà vua và cỗ xe tứ mã này được đưa lên trời trở thành chòm sao "Auriga" có nghĩa là "Người cưỡi xe" (charioter) bất tử.

2.II. Ngựa Arion, Baios, Hyppocampus.

Đặc biệt, ngựa của võ sĩ khỏe vô địch Hercules mang tên Arion do Thủy Vương Neptune tạo ra bằng cách dùng chĩa ba đâm mạnh xuống mặt đất. Ngựa Arion có chân người, nói tiếng người và chạy rất nhanh. Thủy Vương cũng tặng hiệp sĩ Achilles một con ngựa quý mang tên Baios. Thủy Vương Neptune có đặc tài tạo ra những loài ngựa pha trộn hiếm có, kỳ lạ như giống "Hyppocampus" thân giống rồng hay cá, chỉ có hai chân trước.

3.II. Phi mã. Pegasus.

Những con ngựa vừa kể tuy rất nổi tiếng, nhưng cũng chưa thể so sánh được với huyền thoại về thần mã Pegasus hay "nhân vật" đầu người mình ngựa Centaurus Pegasus, một con ngựa có cánh như chim đại bàng, là con của Thủy Thần Poseidon và nàng Medusa. Khi Medusa bị người hùng Persus chém đầu, máu từ cổ nàng phun ra thành ngựa Pegasus. Ngay khi vừa ra đời, Pegasus dậm mạnh chân xuống núi Helicon tạo thành giếng suối Hippocrene khơi nguồn cho thi ca. Pegasus bị vua xứ Corinth thuần phục và thắng đai vàng. Về sau Trời bắt Pegasus về trời và biến thành chòm sao Pegasus trên thiên thể.

4.II. Nhân mã. Centaurus.

Người Hy Lạp bị tấn công bởi những kỳ mã vô danh mà họ cho là những quái vật người và ngựa là một, nửa người nửa ngựa sống trong rừng núi và ăn thịt sống. Do vậy trong thần thoại Hy Lạp ta thấy những nhân mã – centaurus – với hình ảnh một quái vật mà chân và thân là ngựa còn tay và đầu là người.

5.II. Thần mã Buchephalus.

Buchephalus chỉ là con ngựa của Alexandre Đại đế mà tên của nó có nghĩa theo ngôn ngữ Hy Lạp là "bạn của những con ngựa". Alexandre Đại đế và con ngựa Buchephalus qua dòng đời chiến đấu đầy gian khổ đến đỉnh vinh quang cũng là ngày tận số của cả hai, không còn là chuyện của một chiến mã và một dũng tướng mà đã trở thành một mối tình chiến hữu sinh tử, hơn thế nữa là một chuyện tình thủy chung đầy xúc động. 326 năm trước CN., Buchephalus. thuộc giống nhân mã cùng tuổi với Alexandre nhưng là một con ngựa chứng không phục tùng bất một ai ngoại trừ Alexandre. Khi còn nhỏ vua cha đã nói với Alexandre: Đế quốc Macedoine này đối với tài con quá nhỏ. Và Alexandre đã nghe theo cha thôn tính khắp cả Trung Đông bây giờ, cả đến tận Ấn Độ dường như chỉ với một mình một ngựa. Đó là Alexandre dũng tướng và Buchephalus chiến mã.

Trong một trận chiến ác liệt, Buchephalus bị thương rất nặng, Alexandre định thay ngựa khác nhưng Buchephalus không chịu lần đến chủ tướng mọp mình cho Alexandre lên yên và với sức cùng lực tận Buchephalus đã hoàn thành sứ mạng đưa Alexandre chiến thắng trong trận này trước khi Buchephalus trút hơi thở cuối cùng.

Alexandre đã trở thành một hoàng đế lừng danh tự cô chí kim tức là Alexandre Đại đế, Alexandre le Grand. Nhà vua an táng Buchephalus với tất cả nghi lễ quân cách trọng thể và nơi đây trở thành một thành phố mang tên thành phố Buchephalus do nhà vua đặt. Không bao lâu Alexandre Đại đế, người bạn, người chiến hữu chung tình, chung thủy cũng chết theo Buchephalus. Ngựa đã lập nên nhiều kỳ tích trong thể thao và

trong chiến đấu. Ngựa là "bạn thân" của các bậc danh nhân và giai nhân trên thế giới đông tây, kim cổ.

6.II. Ngựa Thành Troie.

Con ngựa thành Troie là con [ngựa](#) gỗ mà quân [Hy Lạp](#) đã dùng mưu kế để chiến thắng quân [Troie](#) trong [cuộc chiến thành Troie](#). Sau 10 năm bao vây thành Troie, quân [Hy Lạp](#) không thể chiến thắng quân Troie bằng sức mạnh quân đội nên đã buộc phải làm theo kế của [Odyssey](#) là dỡ tàu ra và lấy gỗ để làm thành một con ngựa khổng lồ cho quân lính vào ẩn náo trong đó. Sau đó quân Hy Lạp giả vờ rút khỏi và chỉ để lại một người và con ngựa gỗ. Người này có nhiệm vụ đánh lừa quân Troie, khiến họ tưởng rằng ngựa gỗ là món quà của quân Hy Lạp đền bù cho bức tượng [Athena](#) đã bị phá hủy. Thực chất trong con ngựa chứa đầy lính. Khi quân Troie no say sau bữa tiệc chiến thắng, quân Hy Lạp trong bụng ngựa đã xông ra đánh bất ngờ và mở cổng thành cho quân bên ngoài vào. Nhờ có ngựa gỗ mà quân Hy Lạp đã chiến thắng. Một cuốn phim vĩ đại của Mỹ mang tên "Con ngựa thành Troie".

III.- TRUNG HOA CỔ.



1.III. Ngựa Ô Truy.

Hán Cao Tổ, ông vua sáng lập ra nhà Hán vẫn thường tự phụ là nhờ có mười năm sống trên lưng ngựa nên mới thu phục được cả giang san. Kẻ thù số một của Hán Cao Tổ là Sở Bá Vương Hạng Vũ khi mới

khởi nghiệp, cũng thu phục được thần mã Ô Truy ở bên cạnh. Về sau, khi thất thế, trước giờ tự tận, Hạng Vũ đem con ngựa quý của mình nhờ người lái đò đưa nó qua sông để trở về đất Giang Đông. Nhưng khi thuyền vừa buông chèo, con Ô Truy hí lên mấy tiếng ai oán rồi nhảy xuống sông mất dạng.

2.III. Ngựa Địch Lư.

Cuối đời Hán có ngựa Địch Lư cũng thuộc loại thần mã. Nó mang Lưu Huyền Đức nhảy qua suối Đàn Khê thoát nạn trong khi đoàn quân của Thái Mao truy đuổi theo sau. Ngựa Địch Lư vốn có một xoáy trắng ngay vầng trán, có người báo với Lưu Bị là ngựa phản chủ. Lưu Bị trả lời: Ngựa phản chủ là khi nào chủ phản nó, còn ta thì không.

3.III. Ngựa Xích Thố.

Ngựa Xích Thố có sắc lông màu đỏ tượng trưng cho ngựa quý. Ngựa Xích Thố, vốn là của tướng hữu dũng vô mưu Lã Bố. Sau Tào Tháo giết Lã Bố chiếm con Xích Thố và đem tặng cho Quan Vân Trường để lấy lòng. Quan Vân Trường được Xích Thố bèn quí lạy Tào Tháo xin cảm ơn. Tào Tháo đỡ dậy mà rằng: Ta thường tặng cho Quan Hầu nhiều thứ quý giá ngọc ngà châu báu, mỹ nữ mà Quan Hầu không nhận, thế sao chỉ con ngựa này mà Quan Hầu lại đa lễ như vậy? Thật vậy Quan Công đã cùng với con Xích Thố xông pha trận mạc, vào sinh ra tử, sống chết có nhau. Và cũng chính Quan Công cỡi con Xích Thố này quá khứ quan trọng lực tướng của Tào Tháo trong việc phò nhĩ tẩu vượt vòng vây về với Lưu Bị. Khi Quan Công chết, con Xích Thố cũng buồn mà chết theo. Câu chuyện này khiến khiến nhớ đến chuyện Alexandre Đại đế và con thần mã Buchephalus trong sử Hy Lạp.

4.III. Bạch mã, bạch giáp, bạch bào.

Đó chính là hình ảnh của Triệu Tử Long một dũng tướng trong Tam Quốc chí. Mỗi khi ra ra trận, Triệu Tử luôn dùng bạch mã, bạch giáp, bạch bào...đúng là trang anh hùng nam tử.

5.III. Ngựa Tiêu Sương.

Vua nước Lương có ngựa rất quý, ngày chạy ngàn dặm, tên là Tiêu Sương. Khi con ngựa này bị vua Tống đánh cắp đem đi, nó nhớ chủ cũ, bỏ ăn rồi chết.

6.III. Ngựa gỗ của Khổng Minh.

Đương đầu với quân sư nhà Ngụy là Tư Mã Ý, Gia Cát Lượng, một binh gia đại tài, quân sư của Lưu Huyền Đức đã chế tạo ra một loại ngựa gỗ thay thế ngựa thật để vận tải quân lương và có tính tiết lộ kỹ thuật này cho Tư Mã Ý. Tư Mã Ý, quân sư của Tào Tháo đã đánh cắp được kỹ thuật và cũng chế tạo ra loại ngựa gỗ giống như vậy nhưng bị Khổng Minh đưa vào tròng phản gián nên đã để cả đoàn xe lương thực của mình cho quân Thục Hán chiếm. Cho nên có thơ: *Kiểm Quan hiểm tuần khu lưu mã. Tà Cốc kỳ khu giá mộc ngư.* Nghĩa là: *Ái Kiểm núi cao cười ngựa máy. Tà Cốc hiểm trở ngồi ngựa gỗ.* Câu chuyện này có điểm giống câu chuyện con ngựa thành Troie của Hy Lạp và ngựa sắt của Đức Phù Đổng Thiên Vương của Việt Nam.

7.III. Hân huyết bảo mã.

Ở Trung Quốc khi khai khu lăng tẩm Tần Thủy Hoàng người ta khám phá ra có một loài ngựa lạ lông có mồ hôi đỏ như máu “Hân huyết bảo mã”. Những nhà khoa học ngày nay sau khi nghiên cứu đã cho là vấn đề có tính khoa học.

XE NGỰA MỸ THO



Nhân tản mạn về ngựa, tưởng chừng chúng ta cũng nên nói về xe ngựa Mỹ Tho trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975. Trâu cày, ngựa cỡi, bò kéo....cái nghiệp của ba loài vật

này đã được Trời định như vậy rồi. Thế mà ở chung với loài người thì lại do nhân định. Chả thế mà ba con vật tội nghiệp này ngoài cái số thiên định ra còn phải làm hay chịu nhiều nỗi cơ cực khác. Người xưa con người Âu Á rất tôn trọng con ngựa nên từ gọi “chiến mã” ngang hàng với “chiến binh”. Trong văn học cũng đem nó lên ngang hàng với con người, thành ngữ “Anh hùng mã thượng” qua từ “chevaleresque” của tiếng Pháp, trong tình từ này có từ “cheval” là ngựa....

Con ngựa ngày xưa là phương tiện chuyên chở giao thông độc nhất cho con người. Đi xa đi gần gì cũng ngựa, đánh giặc cũng nhờ vào ngựa – da ngựa bọc thân mà – nhà nào có ngựa giống như ngày nay nhà giàu sắm xe hơi. Thế rồi nhu cầu đi lại càng nhiều mà số cung của ngựa thì không đủ cho nên cái khó nó bó cái khôn: Thay vì một con ngựa chở một người bây giờ một con ngựa phải chở ba, bốn, năm, sáu...người. Mà làm sao chở được? Vậy... xe ngựa ra đời.

Mỹ Tho xưa cũng đã từng có những nhà giàu, những quan chức cấp cao, những ông Cai tổng,...cỡi ngựa đi làm việc hay đi hầu quan. Còn dân thường thì không thể sắm nổi một con ngựa nên đành đi...xe ngựa giống như ngày nay ta đi xe lam, xe đồ, xe bus, xe hồng-đa ôm ...vậy.

Chiếc xe ngựa, nói riêng ở Mỹ Tho và theo trí nhớ của tôi thôi, có nhiều hình dáng khác nhau, cái tiền tùy theo nhu cầu của xã hội và theo thời gian. Ngay lúc tôi 6, 7 tuổi tôi có thấy những chiếc xe ngựa chạy tuyến đường Chợ Gạo, Ông Văn, Bến Tranh, Tân Hiệp...dáng dấp giống như xe *calèche* của Âu Châu, nghĩa là thùng xe được thiết kế giống như một ghế dài (*canapé*), có lưng dựa có chỗ kê tay có thể đóng bằng gỗ nhưng thường là đan bằng mây. Hai bên có hai cái đèn xe ngựa đúng mẫu mã của nó, gió thổi không tắt. Hành khách lên xuống xe có một bàn đạp rất thuận tiện. Tôi đa là 4 hành khách, tất cả ngồi trên xe đều nhìn về phía trước. Anh đánh xe ngồi trên thùng xe hay trên cang xe, tay vịn cái roi ngựa, miệng luôn “họ ơ” để vừa trấn an, vừa điều khiển nó. Loại xe này nguồn gốc từ Bà Rịa, Vũng Tàu qua biển sang Gò Công lên Mỹ Tho.

Sau này tôi không nhớ chính xác năm nào là Mỹ Tho du nhập một loại xe ngựa khác từ Sài Gòn Gia Định về. Loại xe này mang hình dáng là một cái thùng hình chữ nhật có mui, sàn xe lót bằng gỗ dùng cho hành khách ngồi, khá rộng nên có thể chở 8, 10 người hay hơn nữa, chưa kể thùng giỡ, giồng gánh treo chung quanh. Do hình dáng như vậy cho nên người ta gọi nó là “xe hộp quẹt” và thì vị hơn là “xe thổ mộ”. Thật sự tôi cũng dốt đặt cái mai về từ thổ mộ muốn chỉ điều gì? Chiếc xe thổ mộ cuối cùng của Mỹ Tho còn “bỏ vó lóc cóc” trên con đường Trung Lương-Mỹ Tho vào năm 1980,81.. gì đó và người chủ chiếc xe này là ông Bảy Tốt nay cũng không còn.../-

ĐOẠN KẾT

Viết xong bài tản mạn về ngựa cho tập san AH. NĐC&LNH ra mắt vào năm Giáp Ngọ, tạm vừa ý nhưng còn cảm thấy thiếu thiếu một cái gì cho lời cuối. Trời thương, bỗng nhiên nhận được một cái PPS của một người cháu từ Paris gởi về có một số ảnh gây xúc động. Trong đó có một tấm ảnh mang lời chú



“Mối quan hệ thân thiết giữa người và vật”. Xin dùng tấm ảnh này để kết thúc bài viết về ngựa của tôi.../-

Chúc Mừng



Nhân dịp Năm Ngọ 2014, tôi xin mạn phép nói vài lời về Ngựa. Câu chuyện này có liên quan đến Bạn tôi, hiện tại là một thành viên trong BBT Hội Ái-Hữu LNH-NĐC MỹTho Âu Châu., CHS Nguyễn Đình Chiểu MỹTho
Câu chuyện như sau! Cháu nội gái của Anh Chị Trọng Lễ được tuyên dương chính thức là « vô địch toàn quốc Pháp năm 2011 về cỡi ngựa hạng 16 tuổi. (Championne de France en 2011-

officiel) Tôi có lời chia vui cùng Anh Chị TLAD và thân chúc Anh Chị và toàn gia một Năm Ngọ 2014 được vạn sự như ý.

Phạm Văn Ngọc

Khởi Nguồn Cảm Hứng

Chương Ba

Cho Tôi Thêm Một Lần Say Mộng Cũ

Hồ Trường An

Tôi còn nhớ hồi 13 tuổi tôi mơ làm nhà văn và làm cái gì cho điện ảnh nước nhà. Cái mộng ấy chỉ thực hiện quá trễ và chỉ có phân nửa. Mãi tới 1961, tôi có thơ đăng trên báo Bách Khoa được ba lần và rồi mãi tới 1966, tôi cộng tác với vài tập san lật vạt. Khi ra hải ngoại, mãi tới năm 1986, tôi mới có truyện dài *Phấn Bướm* do Làng Văn in một cách cầu thả.

Từ còn là học sinh, tôi có trí nhớ khá dai, khá tốt, nhưng học hành dở tôi dở tệ. Tôi thích coi những phim Việt Nam, phim Âu Mỹ, phim Hoa Kỳ, phim Nhật Bản, phim Hồng Kông, phim Ấn Độ, có nghĩa là về phim ảnh, tôi thích theo kiểu hăm-

bà-làng, loại hầu lớn, hề gấp phim nào chiếu ở rạp thường trực Văn Cầm và Cầm Văn ở Phú Nhuận, Moderne ở Tân Định, Casino ở Đa Cao, Văn Cầm ở Chợ Nancy, Cao Đồng Hưng, Đại Đồng ở Bà Chiểu... là tôi đi xem loại phim Tây Âu ấy chiếu 2 hay 3 lần. Tôi vào rạp thường với khúc bánh mì chả lụa, hoặc gói đậu phộng hay gói hột sen. Tôi vào rạp để trốn học. Có khi tôi thiu thiu ngủ trong lòng ghế bành. Tỉnh giấc, tôi thấy chung quanh tôi có vài cô nàng ăn mía ghim, có anh chàng cu-li khặc nhổ bữa bãi và có luôn cả chị đòn bà đồ dành cho con gái. Thường thì có vài cặp tình nhân ngồi xa màn bạc để tự do hun hít hoặc xào khô xào ướt chẳng ai tọc mạch dòm hành.

Cũng vậy, tôi bắt đầu say mê tân nhạc và ca kịch cải lương vào tuổi 13. Thuở đó, tân nhạc có lẽ tèo vài chục ca sĩ. Đó là Minh Trang, Mộc Lan, Ngọc Hà, Minh Diệu, Minh Tần, Oanh Oanh, Minh Hoan, Linh Sơn (nữ), Anh Ngọc, Châu Kỳ, Mạnh Phát, Vũ Huyền (nam). Các cuộc tuyển lựa ca sĩ du đài bà âm Pháp Á và đài Quốc Gia (về sau vào thuở Đệ nhất Cộng Hòa trở thành đài Sài Gòn) có thêm Hoàng Yến, Bích Thủy (nữ), Hùng Cường, Vân Hùng, Tùng Lâm, Thanh Hùng (nam). Ngoài ra có thêm nữ ca sĩ Minh Nguyệt (về sau kết hôn với nhạc sĩ Trần Văn Lý), Túy Hoa, Bích Thuận, Kim Hoàng bên sân khấu cải lương nhảy sang. Lại còn có Tâm Vần từ ngoài Bắc vào Sài Gòn.

Hôm nay, vào mùa Thu năm 2012, tôi có dịp cùng trò chuyện với bạn bè thơ ấu. Mùa thu của thời tiết trên quê người xứ lạ, mùa thu của tuổi đời! Không ai có can đảm toan tính tương lai. Không ai hình dung viễn ảnh tươi sáng. Chúng tôi thả tâm hồn và tâm tình về quá khứ càng lúc càng lùi xa như bóng khói ẩn hiện khi tỏ khi mờ. Các bạn bè quá khứ của tôi là chị Năm Thẹo, chị Hai Xí Xọn, cặp vợ chồng tên Láu Cá Láu Tôm, cặp vợ chồng Đạo Chê. Tất cả đều định cư ở Mỹ. Và còn cô Tư Lí Lắc nữa chứ. Đó là những kẻ mà tôi đã nhắc nhở trong quyển hồi ký về điện ảnh Việt Nam có cái tựa là "*Ảnh Trường Kịch Giới*".

Hình như từ năm 1962 trở về trước loại phim Âu Châu gồm phim Pháp, phim Ý, phim Anh, phim Đức còn có phim Mỹ-tây-cơ được chiếu ở các rạp nhỏ. Đó là những phim gây nước mắt tuôn trào (les films larmoyants), loại phim ngan ngát nước hoa hồng (les films à l'eau de rose). Thế có nghĩa là loại phim rẻ tiền, gây xúc cảm nồng đậm nhưng nghệ thuật thì hơi hợt dành cho giới bình dân. Vậy thì ở bài viết này tôi không viết về các tài tử ít nổi danh ở Hoa Kỳ. Tôi thích những tài tử nổi danh ở các xứ Âu Châu La-tinh (vedettes latino-européennes) và các tài tử Mỹ Châu La-tinh (vedettes latino-américaines).

Cô em gái của bạn tôi là Thụy Loan, hôn danh là cô Tư Lí Lắc vốn ghét điện ảnh Âu Tây nên chế ý chế eo:

Đào kép hát bóng của Tây Âu có ra gì đâu khi anh em tụi mình còn ở Việt Nam. Em lấy chồng Mỹ mèo nên phim ảnh Âu Châu Âu chiết coi riết cũng nhàm. Tôi chọc quê cô em lắm lời nhiều tiếng kia:

Những tên kép hát bóng thích cời trường của điện ảnh Pháp như Bernard Giraudeau, Christophe Malavoie, Jean Hugues Anglade đã được chàng Việt Nam nào, á Việt Nữ nào, mẹ me Mỹ me Mèo nào khen nức nở? Từ khi mẹ làm vợ cự Thiểu tá Huê Kỳ Huê cờ tên là John Morningstar, mẹ sửa huyên nào thiếu điều cần đào kép Âu Châu cho nát ngầu như tương mới vừa lòng mẹ. Ai vậy kìa?

Xuân Liễu, chị họ của tôi có cái hôn danh Năm Thẹo cũng lấy chồng Huê Kỳ tại Sài Gòn trước khi quân đội Mỹ sắp rút ra khỏi cuộc nội chiến ở Việt Nam. Hiện giờ vợ chồng chị ở North Carolina. Chị thường điện thoại cho tôi. Có lần chị bảo:

Trên đất Mỹ, các đài truyền hình lâu lâu chiếu các phim Âu Châu, loại phim diễn tả thời quân chủ La-mã (film péplum). Coi lại phim đã sử đó, chị sướng con mắt, tìm chị thất cảm hoài, anh kép kia bánh trai, anh chàng đực nọc *manly* / *viril* mình ngó hoài thêm ... thích ngó, ngó thêm 100 lần nữa cũng

không chán. Chị Năm của em đây gần tuổi thất tuần, nhưng chưa tắt lửa lòng, chưa cạn queo xí-quách nên vẫn thích ngắm đàn ông bô trai thuộc giống Mỹ mèo, Tây tà, Anh yét, Ý eo, Thụy Sĩ Thụy sãi. Mèn ơi, chị nhờ bác sĩ Hồ Tấn Phước hoán cải dung nhan nên chị giống cô đào Gianna Maria Canale như đúc từ một khuôn. Tôi đem lời mẹ chị họ tôi nói cho tên Láu Cá Láu Tôm nghe:

Hồi còn ở Sài Gòn chị ta ghét con Hai Mỹ An vì con bụi đời này ve vãn thẳng em thứ Sáu của chị ta. Còn hao hao nửa giống đào Mỹ Gloria Graham nửa giống Gianna Maria Canale. Bây giờ còn có can đàn châu chống với Mích- tơ Sáu, lại cư xử đẹp với chị ta nên chị ta trở lại chiếm ngưỡng chẳng những cô nàng Gianna Maria Canale mà còn thích Gloria Graham nữa.

Chị Hai Xí Xọn ở Texas, cũng thích điện thoại hay bằng thư từ hoặc bằng dùng điện thư điện thiết với bạn bè thuở xa xưa. Mới đây, chị điện thoại cho tôi:

Chị cảm ơn em trong cuốn "*Ảnh Trường Kịch Giới*" có nhắc tới chị. Bây giờ chị hết xí quách, nhan sắc phai mờ, lòng đầu còn rộn ràng dao động đối với tên chồng Bá Thanh Liêm. Lửa tình của chị trái hơn 15 năm khi không khi không đã tắt rụi rồi. Tên Bá Liêm có về thăm lại Việt Nam có cưới con mèo nhí sau khi vợ chồng chị xé hôn thú. Lỗi do chị, bởi vì càng lớn tuổi chị chán cái chuyện trả bài trước sự đòi hỏi lưỡng thân giao hội của chồng. Được một điều là con vợ mới của tên Bá Thanh Liêm giao hảo tốt với chị. Á ta thường rủ chị xem phim Tây Âu chiếu lại trên các đài truyền hình ở Houston, tuy thời đại vàng son phim Tây Âu đã tắt rụi hơn 40 chục năm có lẽ. Cái thời đại ấy, con vợ mới ấy chưa mở mắt chào đời.

Bác Sĩ Đàm Đông Dương khi còn ở Vĩnh Long có cái hôn danh Đạo Chê và bà vợ Đạo Chê phu nhơn đồng ý với nhau trên mọi quan điểm về phim ảnh Âu Châu và phim ảnh Mỹ-tây-cơ. Vợ ngún nguây:

Anh HTA coi vậy mà không lạc hậu, không nở đành chê phim Âu Châu. Hồi xưa, anh không có nhiều tiền nên anh coi phim Âu Châu chiếu ở các rạp nhỏ, rạp thường trực. Ảnh chỉ tốn 10 đồng là có thể xem hai phim có giá trị...

Chồng trọn cặp mắt chau quàu:

Mình mà khen phim Mỹ chê phim Âu Châu là không hợp ý với bà Năm Thẹo. Dù chồng bà là Mỹ, nhưng hồi còn son giá bà mê tài tử xứ Hồng Mao Sydney Chaplin. Anh chàng này là con của vua hề Charlot (Charlie Chaplin). Anh ta đẹp trai, nhưng sự nghiệp đóng phim có ra cái gì đâu? Nữ tài tử lừng danh Joan Collins rửa sả hần là tên ba que, xỏ lá, miệng tấp nuốt của cái của phụ nữ trót say mê hần như miệng măng xà, lòng ác độc như lòng quỷ ma yêu quái.

Rồi anh ta than thở: Các nhà sản xuất và đầu cơ phim Mỹ lặn lội tiêu diệt phim Ý và phim Mỹ-tây-cơ. Điện ảnh Ý thì bành trướng rộng khắp nơi trên hoàn vũ qua các phim tân hiện thực. Điện ảnh Mỹ-tây-cơ có rất nhiều phim giá trị. Hèn nào mà tụi sản xuất Mỹ không sát tận diệt tuyệt hai địch thủ của chúng? Tới bây giờ tui vẫn thích các nghệ sĩ trên đất Mỹ-tây-cơ như Dolores del Rio, Maria Felix, Kitty Jurado (nữ), Ramon Navarro, Pedro Armendariz (nam). Đào kép Mỹ sẵn sàng đi dự Đại Hội Điện Ảnh do Pháp, Đức tổ chức như Festival de Canne, Festival de Venise...

Vợ tán thành: Điện ảnh xứ ta mãi đến cuối thập niên 70 (thế kỷ 20) mới có các đào kép hát bóng dự Đại Hội Điện Ảnh Á Châu tổ chức tại Đài Bắc. Nhan sắc thiên kiều bá mị của Thẩm Thúy Hằng, dáng đi điệu đứng cao sang quý phái của Kiều Chinh, dung mạo đoan trang thủy mị của Thanh Nga, và linh hoạt thông minh của Kim Cương làm vẻ vang cho phụ nữ con Lạc cháu Hồng biết bao.

Bà Bá Thanh Liêm mà bạn bè gọi là Chị Hai Xí Xọn tuy bình vực phim ảnh Việt Nam, nhưng nghiêm khắc với phim ảnh ngoại quốc. Chị ta lèng èng và cảm râm với tôi:

Trong các bạn văn cộng tác tờ tạp san Cỏ Thơm, có lẽ chỉ có bà Nguyễn Thị Ngọc Dung là "kẻ đối thủ" với em về phim

Mỹ. Thiệt tình hồi thập niên 40, 50, phim Mỹ thua xa phim Ý thuộc loại tân hiện thực.

Qua cuộc địa đàm xuyên qua Đại Tây Dương, chị Ngọc Dung và tôi nhắc nhở những phim ca nhạc Huê Kỳ có cô nàng Ester Willams đóng với những điệu múa trên mặt nước hay trong đáy nước. Rồi các diễn viên trong các phim nổi tiếng của Hoa Kỳ. Đó là các nữ nghệ sĩ như Janet Light, June Alison, Elizabeth Taylor, Margaret O' Brien trong phim " *Les Quatre Filles du Docteur Marc* ".

Bút giả HTA cam đoan rằng chị Ngọc Dung chỉ biết hai cô đào Ý vừa sexy vừa đẹp nghiêng nước nghiêng thùng là Gina Lollobrigida và Sophia Loren mà thôi. Loại phim dưới hạng trung bình với các tài tử ít nổi danh đời nào chị thêm biết đến. Riêng về phần tôi, vì quá mê say các phim ảnh, nhưng tiền túi của tôi quá khiêm tốn nên tôi đành chui vào các rạp khiêm tốn trong đô thành Sài Gòn để giải trí. Đó là loại phim dành cho khối quần chúng có trình độ thường ngoạn tầm thường.

Ở bài viết này, tôi xin kể những minh tinh trong hai xứ sở La-tinh : Âu Châu La-tinh và Mỹ Châu La-tinh...

Hồi bạn bè yêu điện ảnh sinh vào ba năm cuối của thập niên 30, chắc các bạn không quên nữ minh tinh Maria Montez, một thần nữ điện ảnh sinh vào xứ Cộng Hoà République Dominicaine, thuộc Mỹ Châu La-tinh. Cô ta đẹp lộng lẫy thường đóng phim Hollywood trong những tác phẩm truyện diễm huyền dựa trên quyển *Một Ngàn Lẽ Một Đêm*. Những phim cô đóng thường là phim màu Technicolor, cho nên báo chí Âu Mỹ gọi là *Bà Chúa Phim Màu Technicolor*. Vốn tin lời bói toán nên cô định ninh rằng mình sẽ chết đắm vào thời lộng sắc bùng hương. Cho nên cô không tiếp xúc nhiều với báo chí và khán giả ái mộ cô. Cô kết hôn với nam tài tử gốc Pháp tên là Jean Pierre Aumont, bỏ biệt Kinh Đô Hoa-lệ-ước để sinh sống trên đất Pháp. Vợ chồng cô yêu đương say đắm. Jean Pierre Aumont thường khuyên vợ dùng tắm nước nóng trong bồn tắm quá lâu vì cô có sẵn bệnh đau tim. Một hôm nọ, vắng chồng cô nằm trong bồn tắm, mở vòi nước nóng. Nước quá nóng nên cô chết vì thể xác cô tuy không bị luộc chín, nhưng làm cho cô oằn oại con tim rồi tim ngừng đập.

Về sau, Jean Pierre Aumont tái hôn với cô đào Marisa Pavan, chị song sinh của cô đào Pier Angeli. Cô Pier Angeli có khuôn mặt thánh thiện, đã làm cho tim tài tử lừng danh James Dean rung động, nhưng sau khi James Dean chết vì tai nạn phóng xe đua, Pier Angeli kết hôn với ca sĩ diễn viên Vic Damoigne sáng chói khắp năm châu. Khuôn mặt của Pier Angeli trong sáng, diễm ảo gợi lên khuôn mặt của Nữ Thánh Đồng Trinh Maria. Cô ta rất thành công trong phim " *Demain il sera trop tard* " / Ngày mai sẽ muộn rồi".

Số kiếp Jean Pierre Aumont phải lấy vợ nguồn gốc La-tinh. Maria Montez thuộc Mỹ Châu La-tinh. Marisa Pavan là dân Ý-đại-lợi, thuộc nguồn gốc Âu Châu La-tinh, Marisa Pavan thủ những vai phụ, nhưng tài năng quá lớn qua các phim " *La Rose Tatouée* " (Bông Hồng Xâm), " *Diane de Poitiers* ", " *Le roi Salomon et la Reine de Saba* ".

Có hai cô đào Anita Ekberg và May Britt gốc người Thụy Điển xuất hiện sau hai nữ danh tài thuộc hạng quốc tế (cũng gốc Thụy Điển) là Greta Garbo và Ingrid Bergman. Cả hai tạo sự nghiệp đóng phim của mình ở Ý và ở Hoa Kỳ. Anita Ekberg tuy đóng vai phụ trong phim " *La Dolce Vita* " của thiên tài điện ảnh Federico Fellini nhưng tỏa ra một thứ nam châm từ trường thu hút mạnh làm các dân ái mộ xi-nê (les cinéphiles) say sưa ngây ngất. Còn May Britt với mái tóc óng ả như đầm ánh trắng rằm qua bên Hollywood đóng phim " *The Young Lions* ". và phim " *The Blue Angel* ". Hai phim này thuộc loại trung bình. Trước khi đóng phim Mỹ, May Britt đóng phim Ý với nhan đề " *La Navire des Filles Perdues* " / " *Con Tàu của các Cô Gái Sa Ngã* " cũng rất thành công.

Rất tiếc phim " *Guerre et Paix* " của King Vidor, có các tài tử lớn như Audrey Hepburn, Henry Fonda, Mel Ferrer, nhưng

ông Vidor giao vai phụ quá ngắn, quá khiêm tốn cho Anita Ekberg, Anna Maria Ferreri và Milly Vittal.

Về phim ảnh Ý-đại-lợi, chúng ta có thể biết các tài lừng danh như Anna Magnani, Gina Lollobrigida, Silvana Mangano, Sophia Loren (nữ), Marcello Mastroiani, Gabriel Ferzetti, Vittorrio Gassmann (nam). Nhưng bài này không thể viết về sự nghiệp huy hoàng của họ. Bài này viết rất nhiều về các minh tinh nổi tiếng ở Ý-đại-lợi và khắp trời Âu, nhưng chưa sáng danh trên hoàn vũ quốc tế.

Các cô đào thứ hạng nước Ý phải kể Silvana Pampanini, Sylvia Koscina, Eleonora Rossi Drago, Gianna Maria Canale, Lusia Bose, Milly Vitale, Anna Maria Ferrari, Marisa Allasio, Elsa Martinelli, Antonella Lualdi... Họ trước khi thành ngôi sao điện ảnh, đều là những kẻ xuất thân từ cuộc thi tuyển hoa hậu. Eleonora Rossi Drago, Luisa Bose đẹp toàn bích, nhưng không có gì đặc biệt. Đặc biệt có chẳng là Silvana Pampanini có cái hỗn danh là Bom Khinh Khí. Số là trước đó cô đào sexy Rita Hayworth của điện ảnh Hoa Kỳ được in hình trên hai quả bom nguyên tử để bạn đồng minh Hoa Kỳ của chúng ta trút xuống hai thành phố của bọn Phát xít Nhật Bản là Quang Đảo và Trường Kỳ. Cho nên cô đào Silvana Pampanini đẹp xéch-xi và lộng lẫy đầu kém gì Rita Hayworth nên giới yêu xi-nê Âu Châu cho rằng cô đào này xứng đáng in hình lên bom khinh khí nếu được bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đem ra xài nếu cần để nghiêm phạt bọn Cộng Sản. Riêng Gianna Maria Canale đẹp thì vẫn đẹp, nhưng có vẻ lạnh lùng, tàn nhẫn, nhất là trong phim " *Théodora* ", " *Spartacus* ". Và chúng ta không nên quên cô đào *pin-up* Sandra Milo sắc sảo thẩm tươi mà ca sĩ Duy Quang của chúng ta ái mộ.

Còn bên kếp thi có Amédeo Nazzari thường đóng cặp với Yvonne Sanson. Còn các chàng minh tinh khác là Massimo Girotti, Massimo Sèrato, Ettore Manni, Raf Vallone, Franco Interlanghi vẫn sáng lấp lánh trong vòm trời điện ảnh bao la. Đó là những đào kếp trẻ đẹp. Còn phải kể Pierre Cressoy (Pháp), Jacques Sernas (cha gốc Balte, mẹ gốc Lithuanian, hai xứ này trước đây thuộc Liên Bang Xô-viết, nhưng chàng ta nhập quốc tịch Pháp).

Cũng phải kể thêm Carlos Thompson gốc A-căn-đinh, Antonio Vilar gốc Bồ-đào-nha, Francisco Rabal gốc Tây-ban-nha. Ở đây tôi cũng nên thuật lại một thiên tình sử thương tâm của Carlos Thompson. Số là danh tài Rex Harrison đang có chuyện lục đục với vợ là nữ tài tử nước Áo tên là Lili Palmer. Đó là đến lúc Lili Palmer tìm được chỗ an thân gửi phận cho kếp đẹp Carlos Thompson nhỏ hơn nàng 9 tuổi. Biết được cô đào Anh lừng tiếng là Kay Kendal si tình với chồng mình quá nặng nề sâu sắc, nên cô khuyên Rex Harrison nên kết duyên với Kay Kendal vì cô biết Kay Kendal bị chứng hoại huyết (la leucemie) và chỉ còn sống vài năm nữa thôi. Rex nhận lời. Thật ra chàng ta cũng yêu Kay Kendal. Cô Kay thật tình cũng không rõ bệnh trạng của mình. Cô sống trong môi tình nồng mặn của Rex cho tới lúc cô trở bệnh nặng. Trước khi nhắm mắt lìa đời, cô yêu cầu Rex phải sớm tái hôn để được tìm lại hạnh phúc viên mãn.

Lili Palmer sống êm ả với Carlos Thompson. Nàng viết văn và vẽ tranh. Carlos theo vết chân của vợ. Ngờ đâu Lili mất vào năm 1986. Trải qua 4 năm

góa vợ để phải sống trong cô đơn liêu tịch nên Carlos Thompson kê nông súng lục vào thái dương rồi bấm cò súng một tiếng cắc. Rồi một tiếng vang dội xé không khí. Carlos Thompson xuống suối vàng tìm vợ để dệt mối tình thiên thu.

Tom Tryon là dân xứ Hợp Chúng Quốc, nhưng cũng đóng phim Âu Châu như phim " *Cardinal* " với Romy Schneider, như phim " *La Femme et le Rodeur* " với cô đào nguyên tử tóc vàng như tơ lụa phơi trong nắng ấm tên là Diana Dors. Cô này có tấm nhan sắc khêu gợi nhờ uốn éo làm nũng làm duyên (*la beauté par sex appel actif*) cũng như Marilyn Monroe và Jayne Mansfield vậy.

Kép hát bóng vốn gốc người Mỹ qua Ý khởi nghiệp điện ảnh phải kể là kẻ là Kevill Mathieux. Chàng đóng vai chính trong phim La-mã "Sapho" với nữ minh tinh Tina Louise mà giới điện ảnh cho là cô đào nguyên tử khêu gợi nhục cảm cuối cùng. Còn phải kể thêm hai chàng Steve Reeves và Mark Foreste và Mickay Hargitay (chồng thứ hai của Jayne Mansfield) cũng xây sự nghiệp đóng phim ở Ý. Mẹ vợ của chàng Lầu Cá Lầu Tôm than vãn với tôi :

Tui thích các gì vừa phải thôi. Đàn ông Giao Chỉ của chúng mình đừng có thân mình quá nở nang, bắp thịt đừng quá cuộn cuộn. Mấy vị bằng hữu có thấy mình mấy và tay chùn của Steve Reeves trong vai vị Thần Chiến Thắng Hercule và của Mark Foreste trong vai Thần Nghĩa Hiệp Maciste quá cường tráng, bắp thịt quá nở nang hay không ? Hai chàng này làm tui tưởng họ có mình đồng da sắt chẳng biết cảm ứng động tình.

Tên Lầu Cá Lầu Tôm biểu đồng tình với vợ :

Đúng vậy. Theo anh nghĩ, các tài tử đóng vai Tazan, vai Hercule, vai Mascite mặc khó khăn cùn cộn coi hay hơn. Họ mà dánh bộ lễ phục *complet* coi cả chón lảm.

Còn cô Tư Lí Lắc tự mãn :

Mấy bà con coi thẳng tình gốc Mỹ lai Ý của tui có phải cường tráng mà lại thon thả thanh tân như kép Jacques Sernas hay không. Đã vậy cái bụng của nó chia làm 6 múi như 6 thê số-cô-la nữa. Tui mà chọn anh tình non nào thì đương sự phải bỏ trai, phải được phải đẹp đều hoàn hảo tán thưởng, con lũng kia mền chuồng, con lành nọ yêu thầm.

Bút giả HTA nhận thấy Jacques Sernas thanh tú từng nét mặt, tượng trưng cho Thần Apollon (Thần Thái Dương) trong thần thoại Hy-lạp, nhưng chân dung và diện mạo chàng ta không được nồng nàn ấm áp lắm.

Những nam tài tử ở xứ xa về đầu quân cho kinh đô điện ảnh Ý dĩ nhiên là Georges Marchal, Henri Vidal (Pháp), Edmond Purdom, Frank Latimore, John Drew Barrymore (Hoa Kỳ).

Cho mãi tới bây giờ, không ai có rõ trong cuộc tuyển chọn hoa hậu năm 1947 gồm có Gina Lollobrigida, Luisa Bose, Gianna Maria Canale thì giữa hai cô Gina Lollobrigida, Luisa Bose, ai được chọn làm Hoa hậu ? Ai rớt xuống Á hậu II ? Trong khi đó, chúng ta yên chí Gianna Maria vẫn là Á hậu I.

Cô đào có gương mặt tươi trẻ và thân hình sexy là Marisa Allasio. Cô chưa đóng nhiều phim. Những phim dành cho cô chưa có giá trị và cô còn ngỡ ngàng bước vô nghề mà đã kích hai ngôi sao sáng chói trên hoàn vũ xuất thân điện ảnh Ý là Sophia Loren và Gina Lollobrigida. Khi được báo chí phỏng vấn, Gina giận dữ hỏi : " Cô nàng Allasio là ai ? Á nào vậy ? ". Thế có nghĩa là Gina chê Marisa là loại vô danh tiểu tốt. Còn Sophia cười hềnh hếch : " Cô ta đáng yêu đấy chứ ! ". Marisa Allasio được một ông hoàng vùng Savoie của nước Ý cưới làm vợ. Cô ta đành bỏ nghề ngang xương để làm vợ người quý tộc vùng Savoie trông thật bỏ trai làm cho các minh tinh Âu Châu phải nữ thêm thường ganh ghét.

Những nữ tài tử khác, không thuộc gốc Ý, nhưng vẫn đóng phim Ý. Dòng máu chảy trong huyết quản của họ gồm có máu Anh-lê, máu Áo, máu của các dân tộc Âu Châu khác. Đó là các nữ tài tử như Yvonne Sanson, Yvonne Furneaux, Mylène Demongeot, Isabelle Corey (đều là người Pháp). Còn Eva Bartok, Belinda Lee (người Anh). Còn Marta Toren, May Britt (người Thụy Điển), và Christine Kaufman (người Đức). Còn Sara Montiel (người Tây-ban-nha), Chelo Alonso (người Cuba) là nổi tiếng ở Ý nhiều hơn ở các quốc gia mà họ nhập quốc tịch. Chelo Alonso không có một chi tiết nào hài hòa và diễm lệ trên khuôn mặt; nhưng nhờ thân mình bốc lửa làm cho nam khán giả trên thế giới mê đắm say sưa. Nếu chúng ta loá mắt trước sắc đẹp thiên kiều bá mị của Yvonne Sanson trong phim "Fils de Personne" (Đứa Con Vô Thừa Nhận) thì chúng ta không thể quên cái nhan sắc mặn mà của Alida Valli cũng vào thuở trước.

Xứ A-căn đình có cô đào Rossana Podesta gợi nên nhan sắc khêu gợi tự nhiên (*la beauté par sex appel passif*) cũng như Martine Carol (Pháp) và Kim Novak (Huê Kỳ). Hai phim đưa cô ta lên tuyệt đỉnh vinh quang là phim "Le Filet" và phim "Hélène de Troie".

Bút giả cũng cần nói rõ một nữ diễn viên Ý Georgia Moll khi đóng phim "The Quiet American " (Người Mỹ Trầm Lặng), qua vai cô là thiếu nữ Việt Nam. Cô phải nhờ nữ nghệ sĩ Mai Trâm chỉ vẽ cho cô cách đi đứng và phong thái thủy mị đoan trang.

Những nữ nghệ sĩ có cái nhìn trong suốt như thủy tinh và có đôi mắt huyền ảo như mắt của Yvonne Furneaux rất hiếm có. Nói về đôi mắt đẹp trong ngời với cái nhìn thăm thẳm xa xôi và dịu vợi, chúng ta nhận thấy rất hiếm người có cái diễm phúc ấy . Phải kể Lauren Bacall (Huê Kỳ), Marta Toren (Thụy Điển) và nữ hoàng cinema nước Pháp là Michèle Morgan. Báo chí Âu Mỹ gọi Lauren Bacal là "The Look" (cái nhìn), gọi Marta Toren là " The Eyes " (đôi mắt), gọi mắt của Michèle Morgan là hai viên bích ngọc (*les deux émeraudes*). Vận sự lý thú về đôi mắt của Michèle Morgan như sau:

Chàng Jean d' Estrées, một chuyên viên trang điểm khuôn mặt (le visagiste)

nhận thấy đôi mắt bích ngọc của Michèle đẹp quá xá cỡ. Nhưng các chuyên viên hóa trang lại tô phông mắt màu đen cánh dơi hay màu xanh và màu tím lợt, chẳng những không tôn màu sắc của hai viên bích ngọc mà còn làm lung bại màu sắc bích ngọc hiếm quý đó. Chàng tô phông mắt của nữ thân chủ màu chàm, màu lông thú oanh và thú vũ của da trời, màu xanh thú liễu (xanh pha xám bạc). Mỗi lần thử nghiệm ấy, Michèle Morgan bắn khoả hỏi : " Ông Jean thân mến, hình như các màu tô phông mắt sao sao ấy! Ông có nhận như thế hay không ? ". Jean từ tốn trả lời : " Bà Morgan thân mến, kể như tôi thất bại rồi". Thế là anh chàng Jean d' Estrées nhẫn nại tìm kiếm màu sắc xứng ý của đôi bên, của người hóa trang và của khách hàng. Một hôm đi tới Place Vendôme, chàng nhìn trong tủ kính của một tiệm kim hoàn, bắt gặp một chiếc nhẫn nam bích ngọc được lốt trên nền nhưng nâu pha xám. Chàng mừng rỡ reo kêu lên : " Đây rồi ! ". Thế là màu nâu pha xám làm cho mắt của Michèle Morgan rạng ngời sắc bích lục. Chàng nhận được câu cảm ơn của nữ thân chủ : " Cảm ơn sự nhẫn nại của ông bạn lắm, ông Jean thân ái ạ ".

Ba kiều nữ Isabelle Corey, Mylène Demongeot vốn người Pháp, cùng Annette Vadim (gốc người Đan Mạch) được coi như là đối thủ của Brigitte Bardot. Ba nàng đẹp hơn Brigitte Bardot , nhưng không độc đáo và sexy bằng BB. Riêng Annette Vadim là dân Đan Mạch và là vợ thứ hai của điện ảnh gia Roger Vadim sau khi ông ta ly dị với BB. Cô giống BB khá nhiều, nhưng không độc đáo và gợi cảm kỳ dị như BB. Cùng với Mylène Demongeot, Annette Vadim có mái tóc bạch kim như tơ lụa sáng ngời trong nắng.

Có một vận sự đáng chú ý : Cô đào Rita Hayword có cha là Tây-ban-nha, mẹ là người Ai-nhi-lan, nhưng cô đóng phim Mỹ. Cô cái màu tóc quá đen như lông chim quạ và tai ác thay tóc mọc lan xuống trán. Cho nên mặt cô vừa xấu vừa khờ. Nhưng người chồng đầu tiên của cô thừa biết rằng cô có một cái gì trội vượt cái nhân dáng và diện mạo chung chung của các phái đẹp. Ông cho người hóa trang nhỏ bọng điện tận gốc rễ những chòm tóc mọc lan xuống trán. Do đó vàng trán của Rita Hayword trở nên vừa cao rộng vừa băng sương. Rồi đó, cô nhuộm tóc màu đỏ hung hung, mặt cô trở nên ngời rạng trí thông minh và nhất là khêu gợi nhục cảm nồng nàn cho khán giả đực rựa trên hoàn vũ qua cuốn phim "Gilda ".

Vào 5 năm cuối của thập niên 50 và trọn thập niên 60, phụ nữ trên các nước văn minh ưa thích mái tóc phong ba, rối rắm một cách nghệ thuật của BB. Mái tóc của nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh thuở ấy cũng được mô phỏng như thế.

Chúng ta cũng cần nhớ lại nữ tài tử Dominique Wilms với mái tóc nhung huyền buông lơi như dòng suối đêm, lại còn cắt

bum bê trên trán mà nhà văn nữ Túy Hồng gọi là tóc cắt mảnh tương. Mái tóc ấy được ca sĩ Quỳnh Giao thực hiện và đeo đuổi suốt mấy chục năm qua.

Thời đại hoàng kim của điện ảnh qua rồi, từ giữa thập niên 60. Trang sách của cuộc đời như quyển sách cứ lật từng trang, từ trái qua phải. Về kỹ thuật, điện ảnh tiến bộ không ngừng. Nhưng điện ảnh có địch thủ đáng sợ là đài vô tuyến truyền hình và rồi có thêm máy *internet*.

Dù gì thì dù, phim ảnh Ý và phim ảnh Mỹ-tây-cơ vẫn đeo đuổi tôi từ thuở nửa chừng xuân tới tuổi mùa chớm đông của tuổi trời. Nhắc lại đào kép Âu Châu, tôi tưởng chừng sống lại thời hoa mộng thuở xa xưa. Thuở ấy chuẩn bị cho tôi làm ký giả kịch ảnh và gây cảm hứng cho tôi khi tôi đặt bút trên trang giấy bản thảo của quyển sách văn chương.

Nhìn những mùa xuân đi...

Lê Tân Lộc

*Xuân đến khắp trời hoa rộ nở
Riêng ta với người buồn vậy thay!*

Tân mở quyển nhật ký may mắn thoát khỏi cơn truy lùng tìm diệt “tàn tích đòi tự do của Mỹ Ngụy” do đám công an văn hóa khách mệnh Bắc Bộ Phủ chủ xướng, dưới sự tiếp tay điềm chỉ của bọn trí thức thiên tả dỏm, theo đóm ăn tàn, tục gọi lũ khách miêng ba mươi tháng tư... Tất cả hành trang vượt trùng dương tìm tự do của Tân đã gửi lại trong lòng biển cả, quyển nhật ký là “tàn tích” duy nhất Tân còn giữ được trong tay, sau cơn hồng thủy trên quê hương tan tác và sau những đợt sóng thần đã cuốn phăng hàng muôn vạn sinh linh khốn cùng khỏi những con tàu định mệnh -những con tàu tưởng đã giúp họ thoát được kiếp lưu đày trên chính đất nước của họ- để chìm sâu họ xuống đáy biển ngàn đời u tối, giá băng ...

Quyển nhật ký đã theo Tân suốt thời gian nhục nhằn bức bách trong lao tù CS, tiếp tục bầu bạn với Tân ngày Tân rời trại giam nhỏ bước vào nhà tù lớn Xã Hội Chủ Nghĩa, cùng Tân hành trình lướt sóng biển Đông trời dạt vào đảo Galang “cửa ngõ của Tự Do và Tình Người” trước khi Tân được Xứ Tuyết, vì lòng nhân đạo đang tay đón nhận, cứu mang đùm bọc cùng với hàng hàng lớp lớp thuyền nhân Việt Nam liêu chết vượt thoát gông cùm của chính đồng bào họ đi tìm đất sống...

*Thân đất khách một mình xui nhớ
Hương đêm dần dần nở khúc thương...*

*Xuân “Cách Mạng” (Ất Dậu 1945)

Những tâm vòng vạt nhọn
những bầy chân đi trần
những lỗ mắt ngời ngời
những rừng đèn chai đứng dậy trong đêm khuya
đòi giải phóng
tự do
độc lập

Ngày ấy, tôi và Kiệt -đưa em út kể tôi- chuẩn bị cấp sách đến trường, bỗng dưng nghe tiếng giầy đinh nện đều trên mặt lộ Lamothe de Carrier, trước tiệm mộc của gia đình, như ai đang lắc một xô nước đá nghiền nhỏ: rộp! rộp! rộp! rộp!
Từng đoàn người mặc quân phục, mũ lưỡi trai ba mảnh vai buông thông che tai và ót, đội ngũ chỉnh tề, súng trường cầm tay -lưỡi lê tuốt trần cắm trên đầu súng- chiếm trọn mặt đường, nối đuôi nhau chạy lúp xúp về hướng Toà Bó (Toà Hành Chánh với Dinh Tỉnh Trưởng) và khu Cư Xá của Tây “thực dân”...

Khi đoàn quân “con mặt trời” xâm chiếm Bạc Liêu (là xứ quê mùa, Dưới sông cá chốt trên bờ Tiều Châu) khuất dạng trên bến xe dò, cuối đường La-mốt-dờ-ca-ri-dê, một số dân bản xứ túa ra mặt lộ, tranh nhau thu lượm quân trang quân dụng -kể cả súng ngắn- rơi rớt trên đường tiến quân của quân đội Nhật hoàng; những thứ sau này được trang bị cho kháng chiến quân chống Pháp. Biền cố “Nhật Bồn đảo chánh”, ngày 9 tháng 3 năm 1945 khơi mào cho khói lửa nhen nhúm, để rồi không bao lâu lan rộng khắp quê hương tôi... Vài mươi thi thể ông Tây bà Đám bị cửa cở nằm rải rác quanh hồ tắm công cộng, máu đọng vũng tuôn chảy nhuộm đỏ mặt hồ. Người bảo Nhật giết, kẻ bảo đồng bào ta trả thù đám Tây tà lâu nay hà hiếp dân lành. Khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt với sự đầu hàng của Nhật, Pháp trở lại Đông Dương. Họ không quên đồng bào họ bị sát hại, thẳng tay trừng phạt đồng bào ta để báo thù. Có thể đó là một trong những nguyên nhân chính đưa đến “Cách Mạng Mùa Thu, toàn quốc kháng chiến”. Với chủ trương “vườn không nhà trống”, nhà cầm quyền lúc bấy giờ kêu gọi dân chúng tản cư:

*Lệnh truyền kháng chiến vô bùng,
Ruộng vườn triệt phá giặc đừng thu gươ*

*Xuân Khói lửa (Bính Tuất 1946)

*Kẻ già công người bỗng con dại
Dân tản cư ừn chạy bỏ thành*

Gia đình tôi hưởng ứng lời kêu gọi, tạm lánh nạn về Trà Kha, Trà Khứa, rồi rút xa hơn nữa về Béc-Heng, một vùng đất hoang vu, nơi làng Việt tiếp cận sát Miên, rất xa Châu thành Bạc Liêu. Hai anh tôi, người cầm súng giết giặc, kẻ xung vào đội Võ Trang Tuyên Truyền, đồng viên tinh thần đồng bào ủng hộ kháng chiến; chị tôi gia nhập đoàn Nữ Cứu Thương. Tôi và cậu em út xung vào đội văn nghệ lưu động “giúp vui chiến sĩ và đồng bào”, nhân tiện cổ vũ họ đóng góp tiền bạc, quần áo, thực phẩm “nuôi quân”. Hai anh em tôi vừa ca vừa múa, quyền tiền như sơn đông mại võ: Mừng xuân ánh sáng bốn phương (ánh sáng bốn phương) tràn lan đất nước (tràn lan đất nước) ánh sáng ngày xuân (ánh sáng ngày xuân) chiếu ngàn năm. Xuân đầu tiên của chúng tôi trong bụng biển tràn ngập khói súng, bom đạn thường xuyên gieo rắc tang tóc, điêu linh...

Thuở ấy đám con nít chúng tôi còn quá non trẻ để thắc mắc vì sao lá cờ vàng ngôi sao đỏ của Thanh Niên Tiên Phong bỗng nhiên một sớm một chiều biến mất và cờ đỏ ngôi sao vàng của Việt Minh rộ nở khắp bùng biển, nơi dân chúng lánh nạn ẩn náu sau khi rời bỏ kinh thành do bộ máy cai trị của thực dân Pháp kiểm soát.

Theo đà truy lùng, càn quét của lính Tây, gia đình tôi chất nhau lên ghe chạy giặc, cùng với đoàn ghe tản cư chèo miết tới Chắc Băng, Cạnh Đèn, gần miệt U Minh. Tại đây, một cán bộ Việt Minh đề nghị tôi ca diễn bài hát “Măng Lê Tắc”. Tôi thích chí “lột hết khả năng diễn xuất” bắt thằng em út tôi quì gối thủ vai Lê Tắc nghe tôi hùng hổ miệt thị: Mi nghe chẳng hời ai tham mỗi phú quý quên non sông/ Hãy nghe đây lời ta mắng muôn năm/ Sao nữ đánh đem người ngoại quốc ác tâm /xâm chiếm quê hương nhà sát tàn nòi giống?/ Loài bán nước/ loài buôn dân/ loài phản quê hương/ Nguyễn rủa tên bọn mi khắp nơi muôn đời... Dân tản cư hoan hô nồng nhiệt, hăng hái ủng hộ quỹ “nuôi quân”.

Sau buổi văn nghệ “lạc quyền”, cán bộ cao cấp kể trên nhiệt liệt khen tặng và thuyết phục (đúng hơn, khuyến dụ) tôi nối chí “thiếu niên anh hùng kháng chiến” Lê Văn Tám tầm xăng châm lửa, nhào vô kho đạn Thị Nghè cho nổ tung! Tôi đã xiêu lòng muốn nghe theo, chờ “ngài” cán bộ giao công tác “hy sinh cho khách mệnh”. May thay, trước vô số vụ cuồng sát đồng bào tản cư bị tổ khố Việt gian (cho đi mò tôm, mò bụng dòn trầu, chôn sống, thiêu sống, xử trảm rồi bêu đầu thị uy, đập đầu thả

trôi sông v.v...) gia đình tôi kinh hoàng tìm đường hồi cư, chèo ghe về hướng Rạch Giá để tránh bị nghi “trốn về thành”, bỏ lại sau lưng hàng vạn đồng nghiệp, lảng giềng cùng đi tản cư trước đây, lớp bị độc đoán hành huyết vô căn cứ, lớp bỏ mình trong các cuộc giao tranh với lính Tây vì cái mà họ tin tưởng là... “lý tưởng cách mạng”. Cũng như tôi đã vội tin vào sự hy sinh cao quý của anh hùng Lê Văn Tám cho “sự nghiệp cách mạng” mà mãi sau này ai ai cũng rõ là một bịa đặt hoàn toàn của đảng Lao Động VN thời đó!

Một mùa xuân đi qua, cuốn theo hàng muôn vạn sinh linh đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi tầng lớp... Xém chút đã lồi theo cựa bé chưa hưởng trọn vẹn 11 mùa xuân, được nhồi nhét chí cốt lý tưởng anh hùng cách mạng...dòm!

*Xuân kinh hoàng (Mậu Tý 1948)

Tiếng hét thảm thiết chạy dài từ đầu kinh đến cuối kinh trong đêm bất tận

“aaaaaaa!!!Trời ơi đừng giết tôi! aaaaaa!!!!...”

Chiếc ghe tam bản, căn nhà lưu động của gia đình tản cư chúng tôi trông trành theo lượn sóng nhấp nhô dưới ánh trăng lưỡi liềm nhỏ rít, yếu ớt của đêm mừng ba Tết. Ăn cơm tối xong, cả nhà chuẩn bị lên bờ thăm viếng bà con tản cư thì bỗng nghe tiếng loa kêu gọi đồng bào tập trung trước sân đình làng Hốt Hòa (địa danh một vùng hẻo lánh thuộc tỉnh Rạch Giá) coi “chặt đầu Việt gian”! Ba tôi vội thổi tắt ngọn đèn dầu leo lét trong khoang ghe, ra dấu cho cả nhà nằm im, như tất cả đều đã ngủ say. Ông không muốn chúng tôi chứng kiến thêm lần nữa cảnh máu đỏ, dầu rơi của đồng bào mình dễ dàng bị ghép tội Việt gian, một hiện tượng quá ư thịnh hành trong thời buổi nhiều nhượng, cúi quế gạo châu...

Tiếng chân người thỉnh thoảng dẫm trên con đường đất ven sông, dẫn tôi nơi hành hình vang dội trong đêm thanh vắng. Ánh đèn chai cho thấy 4 người đàn ông bị trói thúc kè, đầu bù tóc rối, mặt mũi sưng húp, tím bầm, khắp khểnh lê bước. Theo sau là đoàn người hung hãn, áo quần đen, khăn rằn quấn đầu, dao mác, gậy gộc tua tủa. Tôi thoáng thấy chú Tư Hôn, tay lăm lăm con dao phai, chia vào lưng các tù tội, thúc họ bước nhanh. Chắc hẳn chú được chỉ định làm đao phủ thủ. Không thể ngờ con người rất hiền hoà, luôn rộng tay đón nhận, giúp đỡ dân tản cư, sẵn sàng cho họ tá túc trong nhà mình, buổi đầu họ chân ướt chân ráo đến nơi tạm cư lánh nạn, đêm nay lại đặng đặng sát khí đến thể dưới ánh đèn chai bập bùng...

Từ pháp trường vang lên từng chập tiếng la thất thanh chen lẫn tiếng nguyên rủa của một tù tội: “Tổ cha tui bây! Bậy chém tao hơn chục nhát rồi mà đầu tao cũng chưa rơi! Trời ơi là trời!”...

Con dao cùn làm cá chém đến chiếc đầu thứ tư phải cửa qua cửa lại nhấp nhần

tiếng hét thảm thương của con heo bị thọc huyết tủa ra trên kinh dài hỗn loạn
họ không có thì giờ để rên dao giết người

Chợt có tiếng la ó kêu cứu ầm ỉ chen lẫn tiếng vật lộn huỳnh huých... Dưới ánh đuốc chai ma quái một cảnh tượng ghê rợn từ nay trở đi sẽ ám ảnh tôi suốt đời: Đao phủ thủ Tư Hôn, mặt đỏ ngầu, sùi bọt mép, quơ con dao cùn vẩy máu, hét to: “Chém hết tui Việt gian! Chém hết tui Việt Gian!”, rượt chém loạn đả đám đông. Bọn người quần khăn rằn tức tốc vây chặt tên điên loạn, chia súng buộc hấn buông dao, hè nhau đè hấn xuống đất trói gô. Chém xong tù tội thứ tư, chú Tư Hôn, một nông dân xưa nay hiền lành, chất phác, hiếu khách đối với cư dân vùng đất hiền hoà Hốt Hoà, búi tai vì “sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”, phút chốc đã say máu, biến dạng thành một phần tử cuồng tín, khát máu, mù quáng trung kiên với “cách mạng”...

Đêm trở lại yên tĩnh. Một mùa xuân vẩy máu vừa lộ dạng, hứa hẹn nhiều máu lửa càng lúc càng cuồng nhiệt, ghê rợn. Bồn chiếc đầu lâu mất tròng, miệng há lẫn lốc trên mặt đất loang lổ vết máu khô quánh, chờ được mang đi bêu chốn thị tứ để hù dọa những ai không theo cách mạng. Sân đình làng lẽ ra nồng nàn hương khói lại sặc mùi máu tanh!

*Cuối Xuân Mậu Tý, hồi cư bằng hoàng ...

Có con chim nhỏ bé dăm ca câu sấm thì:

Cuối xuân năm Mậu Tý tướng quân mang kiếm về...

Đêm Giao thừa không tiếng súng. Lác đác vài tiếng pháo nổ đi đệt, gọi là cho có vẻ giữ lệ tống cựu nghinh tân. Quê hương vẫn còn chìm trong khói lửa ngút ngàn. Bất ngờ... người anh đầu đàn của tôi rón rén xuất hiện giữa lúc gia đình đang quay quần bên mâm cơm đạm bạc chờ đón tân xuân. Mọi người lặng lẽ rơi nước mắt, ôm chầm lấy anh, người anh đầu đàn trở về từ bưng biền, hốc hác, thất thần... Nhấp chung rượu xuân cho cơ thể bớt co thắt, anh tôi cố gắng bình tĩnh kể:

“Thưa ba má! Con bắt hiểu mang tâm thân tàn ma dại về đây, sau khi lòng kiếm không kết quả đưa em con thất lạc sau vụ Tây oanh kích vào đội Võ Trang tuyên Truyền của nó, là vì con muốn mọi người trong gia đình biết qua những thử thách đau thương mà con đã trải qua, khiến con không còn lòng dạ nào chiến đấu dưới sự chỉ đạo của nhóm cán bộ khát máu đang tự tung tự tác trong bưng biền...

Đêm mừng ba Tết vừa rồi, tại Chắc Bông, bọn này phóng hoả thiêu sống cả ngàn người Việt, Miên cùng toàn bộ gia đình họ, bị dồn nhốt chặt cứng một lùm lúa không lồ vì tình nghi họ hợp tác với Tây... Tiếng kêu khóc van xin đình tai diết óc, mùi da thịt khét lẹt làm mọi người chứng kiến màn nướng thịt người nghệt thờ, té ho sù sụ! Con và anh em trong đội của con bị bọn chúng trước khí giới trước khi chúng thẳng tay tàn sát đồng bào... Họ không có thì giờ để cắt cổ từng người một...

Hôm sau, đêm mừng bốn, tại Canh Đền, bọn này bắt cả đội tui con áp tải hơn 500 người bị trói thúc kè, bịt mắt, ra bờ sông cho chúng dùng phăng chém đầu, bồi thêm chày vồ... Suốt đêm, con phải sống với tiếng người ới ới kêu la, chửi bới vì chưa thiệt chết đã bị tống xuống sông cho dòng nước cuốn phăng!... Họ không có thì giờ đào những lỗ huyết tập thể... Và mùi máu tanh đã theo con chui vô nóp ngủ, liên tiếp nhiều đêm liền. Con phát điên. Con phải vượt khỏi cõi âm ty do bọn này tạo dựng trên làng xóm hiền hoà, nhân ái của chúng ta, nếu con không muốn loạn thần kinh giết hết bọn chúng hoặc bị lây bệnh giết người không gớm tay như chúng!...

Những người mất đầu vì cuốn văn phạm ngoại ngữ

Những người bị mổ bụng vì mặt biên áo trong có in ba màu
Có tiếng kêu mở cửa gấp rút: Hai người mặc đồ đen, một nam, một nữ diu một bộ xương người còn thoi thóp thờ ...Đưa em Võ Trang Tuyên Truyền của anh cả tôi cuối cùng còn sống sót tìm về tổ ấm! Cả nhà xúm lại đỡ anh xuống ghế bó. Anh nằm im lìm, không còn hơi sức chào hỏi gia đình. Bệnh kiết lỵ đã tước khả năng đi đứng của anh.

Người con gái vẫn tất cho biết cô đã tháo cũi sổ lồng cho người yêu và ông anh tôi thoát khỏi trại giam từ tội chờ ngày thọ hình. Anh ấy bị kết tội đã lên tiếng phản tuyên truyền chủ trương “tận diệt Việt gian” của cách mạng, sau khi chứng kiến hàng trăm vụ xô xâu đồng bào, kết thành từng bè cho đi “mò tôm”...

Lũ tôm chực sẵn bên bờ sông

Lũ tôm-ăn-thịt-người

Lũ người-ăn-thịt-tôm-ăn-thịt-người

Lũ người-ăn-thịt-người-ăn-thịt-tôm-ăn-thịt-người

Người yêu của cô gái đột nhiên ú ớ bật khóc! Cả gia đình sững sờ nhận ra... chú chín Xuân của chúng tôi, cảm điếc từ thuở lọt lòng mẹ. Chú theo kháng chiến giúp khuân vác lương thực, tải

đạn. Một hôm, giữa đêm chú ra bìa rừng hút thuốc giải khuây, đi lạc qua khu vực đóng quân của một đơn vị khác. Lính gác hô to: “Đứng lại! Dơ tay lên!” Chú tỉnh bơ xâm xâm tiến bước...Hỏi mật hiệu, chú vẫn đường ta ta cứ đi... Bị bắt về trạm kiểm soát thẩm vấn, chú chỉ biết cười cười phát âm “ụ à ụ á đều đều”. Tình nghi chú dọ thám cho Tây, họ tra khảo chú chết đi sống lại đôi ba lần...

Người cầm bắt buộc phải trả lời những tội phạm họ không bao giờ đủ khả năng nghĩ tới Người điếc bị đánh đờ xương sống vì không nghe được người ta hỏi gì

Một mùa xuân đậm máu nữa lại vừa âm thầm đi qua, lời theo sự ê chề, thất vọng của những người tưởng rằng mình tranh đấu vì độc lập, tự do, hạnh phúc cho giống nòi... Chiêu bài giải phóng đất nước khỏi ách tham tàn của thực dân Pháp do nhóm chỉ đạo đảng Lao Động VN rầm rộ hô hào, thực chất chỉ giản dị là một cuộc đấu tranh giai cấp rập khuôn Mác-Lê, nhằm tiêu diệt mọi giai cấp, chuẩn bị cho giai cấp vô sản độc quyền chuyên chính!

Cuối xuân năm ấy, cả gia đình tôi đau lòng rời bỏ “xứ quê mùa” yêu thương đang chìm đắm trong lửa đạn tơi bời, tái định cư tại Vĩnh Long, một thị trấn bốn bề có sông rạch bao quanh. Cậu bé 11 tuổi, năm xưa suýt trở thành “anh hùng” kiểu Lê Văn Tám...dòm, ngoan ngoãn trở lại bằng ghế nhà trường, dốc lòng chăm chỉ học hành. Các hoài niệm thương động thời tàn cư dân dạt đi vào quên lãng...

Tuổi thơ vẫn sẵn lòng quên những phát súng những mũi dao của bọn người lớn

Cho tới khi cậu bé chuyển sang trường Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho) tiếp tục học, có dịp chứng kiến các cuộc biểu tình “chống bắt lính” của học sinh,

**Xuân Giáp Ngọ (1954).*

Các hoài niệm đau thương tưởng đã phai pha theo năm tháng lại chập chờn trong đầu cậu. Xảo thuật kích động học sinh bài khóa khiến cậu có cảm tưởng “đã thấy qua rồi” (impression du déjà-vu): Trước mắt cậu, nhóm học sinh cầm đầu vào trường xách động các lớp bỏ học, các thầy cô ngưng giảng dạy cho học sinh tham gia biểu tình (thườ ầy chưa có danh từ “xuống đường”) hành sự y như các cán bộ Việt Minh hô hào đình công, bãi thị ở Bạc Liêu, năm nào! Tình cờ cậu khám phá một giáo sư của cậu là linh hồn của cuộc biểu tình chống bắt lính này. Ông thầy này sau đó đứng hẳn về phía “kách mệnh”, sau vụ Tết Mậu Thân...

**Xuân “Thanh Bình” mong manh (Kỷ Hợi 1959)*

Ngày xưa em qua đây

Cho tình tôi chớm nở

Như chân chim muôn thuở

In mãi bậc thềm rêu

Chiếc xe lửa phi phò phun khói đen từng cụm, nặng nhọc bò lên triền núi gần như thẳng đứng trên đường rầy có răng cưa (crémaillère) móc giữ cho khỏi tuột dốc. Chánh phủ tiết kiệm công quỹ, trưng dụng một toa xe đưa 30 sinh viên ban Triết Đại học Sư phạm Sài Gòn, giữa niên khóa, lên Đà Lạt tiếp tục học trình, thay vì cấp kinh phí cho họ đi xe đò, đắt hơn đi tàu hỏa. Cảnh trí chung quanh vừa hùng vĩ vừa thơ mộng. Hứng chí, tôi cầm guitar đệm nhạc cho cả nhóm hòa ca vang rền... Sau hiệp định đình chiến Genève, ngày 20 tháng 7 năm 1954, miền Nam liên tiếp hưởng được mấy mùa xuân không tiếng súng, an bình, thịnh vượng...

Anh chị em sinh viên chúng tôi vừa ăn Tết xong ở Sài Gòn, một cái Tết rất vui nhộn, có pháo nổ, có lân múa, có mai vàng, dưa hấu, bánh tét, bánh chưng, kẹo mứt, hoa quả v.v...Nhộn nhịp vô cùng. Đà Lạt có vẻ quá yên tĩnh đối với chúng tôi. Nhưng thành phố cao nguyên mù sương này lại là nơi hẹn hò

lý tưởng của những cặp tình nhân lãng mạn, là nơi gặp gỡ tuyệt vời của tao nhân mặc khách...Ôi! Đà Lạt là thơ... Ai lên xứ Hoa Đào đừng chân bên hồ nghe chiều rơi...

Hoàng, bạn cùng khóa, bạn Pháp văn và tôi quyết định rời khu nội trú Viện Đại học Đà Lạt, dọn ra thuê chung một gác trọ trên đường Phan Đình Phùng cho được thoải mái hơn. Hoàng thích vẽ, tôi thích nghe nhạc cổ điển Tây phương nên khó tuân giữ giờ giấc qui định trong khu nội trú. Và lại hai đứa thường lang thang trên đường phố Đà Lạt về đêm tìm hứng -Hoàng đề vẽ, tôi, đề suy gẫm- khi trên đồi thông, lúc bên bờ hồ...Chiếc Vespa tôi chờ theo trên xe lửa quá đặc dụng cho những cuộc dạ hành không giờ giấc này. Cuộc sống hai gã con trai độc thân bình lặng trôi đều cho đến lúc một giai nhân mà dung nhan và dáng dấp phảng phất ít nhiều phong thái của nữ-bá-tước-chân-trần (la comtesse-aux-pieds-nus) Ava Gardner xuất hiện như giấc mơ tiên nữ giáng xuống trần, tóc mây buông lơi tha thướt bên hồ...Than Thở khi mặt trời lặn sau đồi chiều vàng... Tú, tên giai nhân bên bờ hồ, khẽ gật đầu đáp lời chào xã giao của Hoàng, lơ dềnh liếc nhìn tôi tần ngần dựng chiếc Vespa, chưa biết có nên bước tới làm quen với người em sâu mộng hay không. Nhìn tôi bối rối thấy rõ, Hoàng nắm tay tôi kéo tới trước người đẹp giới thiệu:

-Đây là Tú, láng giềng của tao ở Phú Nhuận. Còn thằng thỏ để này là Tân, “triết-gia-phù-thủy-tập-sự”, bạn cùng trọ với tôi. Mấy chào Tú đi chứ! Làm gì đứng chết trân như trời trồng vậy! Bị sét đánh á khẩu hả? Đúng là dân philo-folie! Mời Tú lên ngồi giữa hai thằng tôi. Lâu lâu chờ ba giởn mặt chính quyền chơi. Đèo Tú về nhà thay đồ, mình đi kiếm gì ăn cho vui. Cố tập trung lái, tôi vẫn không thể không bồn chồn lo lắng hai thằng làm gì có tiền trả bữa ăn với Tú. Tiền trọ vẫn chưa thanh toán, chờ lãnh học bổng hàng tháng. Đã thế Hoàng còn đề nghị rủ nguyên băng Lư-Quang-Trình-Tân-Thu đến nhà hàng Chic Shanghai “chung vui”! (Vui chung rồi mạnh ai nấy trốn chăng?) Đúng là điếc không sợ súng!

Cả bọn, trừ tôi lái xì-cút-tơ, đạp xe tới biệt thự Rosalie, cuối đường Phan đình Phùng. Y như đoàn quân hầu cận chuẩn bị “hộ giá” Công Nương! Tú đứng chờ sẵn trước cổng. Đột nhiên một chiếc Falcon bóng loáng lao thẳng vào chúng tôi, thắng gấp. Một gã đàn ông ăn mặc sang trọng, bước xuống xe, hăm hăm xóc tới kênh kiệu nghênh ngó bọn tôi, đoạn tiến về hướng giai nhân, choàng vai mỹ nhân, định diu lên “long xa” Cờ Hoa. Tú trừng mắt hất tay gã, bước thẳng về chiếc Vespa, ngồi hẳn lên yên sau. Tôi gấp rút nổ máy phóng đi, đoàn xe đạp nối đuôi như một đám rước! Gã đàn ông sạm mặt, cung tay quơ quả đấm về hướng tôi...

Suốt bữa tiệc, Tú gần như hoàn toàn im lặng, thỉnh thoảng mỉm cười, nụ cười “bí ẩn” của La Joconde, nhưng đôi mắt không cười theo, luôn trầm buồn, xa vắng. Đôi lúc nhìn lên nàg, tôi ngỡ ngờ Tú cũng có nhìn trộm tôi! Mắt, môi Tú hình như toát ra “cái gì đó” xoáy sâu tâm can người đối thoại, dù Tú hầu như không bao giờ xen vào câu chuyện trao đổi giữa chúng tôi. Mãi nghĩ vẩn vơ, tôi quên mất bận tâm tiền đâu trả bữa ăn! May thay, hình như tất cả hàng quán trên miền đất lạnh này đều được yêu cầu “ghi sổ” mọi chi tiêu của nữ-bá-tước-chân-trần chuyên về biệt thự Rosalie: Tú là người duy nhứt thừa hưởng tài sản kếch sù do ông nội để lại theo di chúc...

Hôm sau, Tú hẹn chúng tôi ở Café Tùng. Không hiểu vì sao chỉ mình tôi đến điểm hẹn. Chúng tôi vừa bước ra cửa quán, gã đàn ông hôm qua sấn tới nắm tay Tú lôi đi. Tú vùng vẫy gỡ tay nín, hấn giận dữ tát tai nàg. Tôi vội vã buông chiếc Vespa ngã lăn bên vệ đường phóng tới. Thấy tôi có thể xông vào can thiệp Tú ra tay trước, giáng cho hấn một cái tát đả lửa, sấn trốn xô hấn ngã bật ngựa trên dây bàn cà phê ngoài hiên quán, cặp kính cận của hấn văng xuống thềm gạch bể nát...

Chẳng rõ vì sao tôi chờ Tú thẳng tới Viện Đại học Đà Lạt, đưa nàg vào luôn lớp Triết đang nghỉ giải lao chờ đổi giờ học môn khác. Các bạn đồng liêu áp tới vây khờn Tú, hỏi han về môn nàg theo học ở Đại học Văn khoa Sài Gòn (vì tôi trót giới thiệu

“sáng” nàng học dư bị văn khoa với tôi, để nàng đỡ ngượng đột ngột xuất hiện cùng tôi giữa đám “thư sinh lều chông” nghiêm túc như các chủng sinh!) Tú rảo mắt tìm tôi cầu cứu tới giải vây...

Khi nắng vàng bắt đầu mờ nhạt sau lớp sương mù se lạnh, giăng mắc lụa lê thê trên các ngọn thông đưa theo làn gió thoảng trong khuôn viên đại học, không hiểu sao tôi đưa Tú về gác trọ Phan Đình Phùng thay vì đưa nàng về biệt thự Rosalie... Và lạ lùng thay, Tú không chút do dự theo tôi bước lên cầu thang rập rình, dốc ngược lên trời, dẫn tới căn gác xếp gắn ghép vào vách tường mặt sau căn phố lâu của chủ cho thuê, trông như treo chênh vênh giữa không trung!

Gác trọ tuy chật hẹp nhưng bàn tay nghệ sĩ của Hoàng đã biến thành một căn phòng rất trật tự ngăn nắp, có kệ sách như một mini-thư viện, bàn viết, giá vẽ, máy hát đĩa, bàn cà phê... Hai chiếc ghế bố nhà binh ghép chung, kê sát góc tường làm chỗ nghỉ lưng cho hai chàng trai tơi khà lập dị.

Tú ngồi bất động nơi bàn cà phê, cúi nhìn... sàn gỗ, thỉnh thoảng ngược nhìn chân dung nữ tài tử điện ảnh Ava Gardner do Hoàng phát họa treo gần kệ sách. Đối diện Tú, tôi cũng ngồi im, ngược nhìn... trần nhà! Hai tách trà đã nguội lạnh từ lâu. Chẳng ai nói với ai lời nào. Trên máy hát đĩa, một mẩu giấy con của Hoàng: “Tao đi nghe récital dương cầm của Supitra, rất khuya mới về”.

Sau bữa ăn ở Chic Shanghai, trên đường về Hoàng kể chuyện gã đàn ông đã hung hăng lái xe đâm sầm vào chúng tôi trước nhà Tú: Gã là bác sĩ, đã theo đuổi Tú từ lúc nàng mới lên 16, đang học lớp seconde ở Yersin. Tú mồ côi cha rất sớm, mẹ tục huyền. Dượng ghẻ rất ác cảm với chị em Tú, nhứt là với Tú. Nàng cũng muốn nhận bữa lời cầu hôn của tay đốc-tờ này để thoát khỏi không khí ngột ngạt trong gia đình. Nhưng khổ nỗi nàng không ngửi nổi cái kênh kiệu, cái thô tục của hắn. Hắn nghĩ rằng cứ vãi tiền ra là muốn cái gì cũng được. Chưa chi hắn đã muốn xử sự như Tú là vợ của hắn. Cho nên Tú đã cho hắn một bài học thích đáng.

When I fall in love... It will be for ever... So I never fall in love... Giọng ca truyền cảm, đắm đuối của Nat King Cole từ máy hát bay ra trầm buồn. Tú và tôi không một lần nhìn nhau, không một lần nói với nhau bất cứ điều gì, lặng im nghe nhạc cho đến khi đã quá khuya. Chúng tôi lặng lẽ xuống cầu thang, rồi căn gác trước đây chưa một lần tiếp đón phái nữ... Tú hẹn tôi ngày mai sẽ trở lại gác trọ nghe nhạc. Lúc chia tay, có lẽ Tú không khỏi ngạc nhiên nghe tôi “ngập ngừng” thì thầm: Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!

Tôi đảo một vòng thành phố đầy đặc sương mù, tư bề vắng ngắt, dừng xe giây phút trước khu đại học còn leo lét vài ngọn đèn vàng yếu, lướt qua biệt thự Rosalie kính công cao tường lơ mờ trong đêm đen...

Tôi trở về cửa cài then gác xếp
Giường chiếu mệnh mộng sầu khép đôi tay
Đêm tuổi thời gian dưới bóng đèn gầy
Soi cô độc nằm tròn trong đáy mắt...

Tú và tôi không lần nào gặp lại nhau nữa. Chỉ một lần duy nhất mặt đối mặt, thanh trong, huyền ảo như... nắng đưa em về bên dòng suối mơ, như... nhẹ vờn theo gió (tôi) xa rời chôn xưa... Cuối niên học, khi tôi rời Đà Lạt đi Paris, Việt Cộng bắt đầu dấy loạn, công đồn đã viện quân đội VNCH tại Trảng Súp (Tây Ninh):

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

Trận bày trận thiệt Mặt làm bình phong

Xuân thanh bình qua mau. *Xuân Canh Tý (1960):
khói lửa lại kéo tới tái diễn cảnh thịt nát xương tan, đầu rơi máu đổ, tưởng đã vĩnh viễn sang trang.

*Xuân Mậu Thân sắt máu, tang tóc (1968)

*Ngoài Hà Nội dân ăn Tết sớm
Hồ Giáp Đồng lặn lờm con đen
Giao thừa vừa độ quá đêm
Nằm vùng ra mặt súng rền miền Nam*

Anh chị em chúng tôi và bầu đoàn thể noa đông đủ tề tựu về đón Giao thừa ở nhà đưa em út, đường Bạch Đằng (Hàng Xanh) cùng với ba má từ Vĩnh Long lên ăn Tết với con cháu. Pháo đỏ đầy thêm, rượu đỏ tràn ly, tứ sắc, bài cào, xì phé, bầu cua đều chi! Năm nay hầu như mọi nhà đều tung bừng đón Xuân... Chẳng ai ngờ những tràng pháo đại nổ liên hồi về sáng là đạn pháo VC công phá các công sự phòng thủ Sài Gòn, hầu như hoàn toàn “bỏ ngõ” vì đôi bên lâm chiến đều tuyên bố hưu chiến nhân dịp Tết Nguyên Đán!

Đợt I “Tổng công kích” vừa bị đẩy lui, những đám cháy chưa dập tắt hết, hàng núi xác người nhầy nhụa thối rữa chưa kịp vùi lấp hay hỏa táng tập thể thì VC lại tung thêm đợt II, mưu toan san bằng thủ đô Sài Gòn đã không hưởng ứng lời kêu gọi “tổng nổi dậy” cùng chúng lật đổ chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa. Cùng lúc chúng tàn sát hàng ngàn quân cán chính cũng như lương dân vô tội tại Huế.

Cố đô Huế nhân dân cửa đóng

Giải phóng quân giải phóng nghìn người

Đập đầu cắt cổ chôn tươi

Oan khiên u uất ngợp trời Cố Đô

Thảm cảnh “tận diệt Việt gian” tái diễn kinh khiếp và nhanh chóng gấp bội lần Xuân kinh hoàng Mậu Tý 1945...

Vừa cỡi quân phục chưa đầy 2 năm, tôi lại phải giã từ đám môn sinh, khoác chiến y ra trận, đánh cận chiến, giành từng góc phố, từng con đường như phim “combat” trên truyền hình, trước khi phụ trách cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc tại khu Vườn Lài, “đoàn ngũ hóa sinh viên” trong Liên đoàn sinh viên “phòng vệ” Thủ đô, để rồi sau cùng được trả về làm công tác giáo dục thuần túy.

Trở lại trường cũ ở Bình Dương, tôi cúi nhìn các lớp đệ nhị cấp trống vắng: một số lớn học sinh ở vùng xôi đậu của trường đã bỏ thân trên các chiếc xe lô do VC trưng dụng tiến đánh Sài Gòn bị chặn đánh, tiêu diệt toàn bộ ngay ngã tư xa lộ Biên Hoà...

Dụng hưu chiến toan bề tráo trở

Tướng nhân dân hỗ trợ quân Hồ

Ngờ dân nổi dậy ô hô

Cán binh Mặt Trận chôn mờ Mậu Thân

*Xuân Ất Mẹo tan tác (1975):

-Nhà tan cửa nát, người người ly tán...

Ba chục Tết tôi bởi xương máu

Triệu oan hồn lão đảo đòi nương

Ba đời gươm súng thê lương

Mẹ cha còn bấy lư hương đình đồng

Những đứa con chết muộn

Vện bức tức gỡ ống nghe khỏi tai, lầu bầu: “Lệnh lạc khôi hài thật. Chưa đựng đã bảo rút là sao?”. Chàng đau lòng nhìn đám lính địa phương quân đang cò thủ dưới dạ cầu và quanh khu Tân Cảng. Rõ ràng họ chưa biết phải rút. Chính chàng cũng chẳng rõ ai đã ra lệnh kỳ quái vậy. Cấp chỉ huy trực tiếp chỉ nói lệnh từ Mặt Trời. Chắc chắn chàng không thể bỏ đám lính kiên cường này bơ vơ. Lại càng không thể khơi khơi bỏ chạy khi nhớ tới người anh cả, đại úy Trung đã tử trận trong lần giải tỏa cố đô Huế, hôm Tết Mậu Thân 1968. Và đại úy Hiếu, đã nằm xuống trong lần tái chiếm cố thành Quảng Trị, hè đỏ lửa 1972...

Nhưng lệnh là lệnh. Phải tuân hành. Sau khi ra lệnh cho các chiến xa khác tháo lui về hướng Tiểu khu Gia Định, Vện yêu cầu số quân nhân trên chiến xa M48 án ngữ bên kia cầu xa lộ sang qua chiếc Jeep chỉ huy đơn vị trực chỉ Bộ Chỉ Huy Thiết

Giáp, cầm theo công điện mang tay thông báo đơn vị đã triệt thoái theo yêu cầu, đơn vị trưởng ở lại. Chấm hết. Nửa giờ sau, chiến xa T54 xuất hiện rầm rộ. Vện khai hỏa trước và bắn tới viên đạn cuối cùng rồi nổ súng vào đầu, gục ngã trên pháo tháp, máu nhuộm đỏ ba mai vàng trên ve áo... Trước khi quyết định ở lại trận tuyến, chắc Vện thừa biết Phủ Tổng Thống giờ đã như nồi cháo heo, nói chi tới Bộ Tổng Tham Mưu và cái Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp khốn khổ của chàng. Nhưng Vện vẫn chu toàn trách nhiệm trong danh dự, như một kỵ mã thời Nã Phá Luân đệ I, trên con ngựa sắt khổng lồ M48... *Ôi tiếng súng sau cùng đó, anh còn nghe tầm đạn đi không anh?...*

Cùng lúc, trên chót vót một cao ốc, Tuân hướng ống dòm về phía Tân Cảng rực lửa, ngao ngán lắc đầu, cầm ống liên hợp (combiné) liên lạc với “thâm quyền”. Im lặng vô tuyến hoàn toàn!

Gọi mấy nhiều lần không kết quả, Tuân quyết định chuyển quân qua bên kia cầu Phan Thanh Giản, rải dọc hai bên xa lộ, gần trạm biến điện. Lại được lệnh rút lui về Lăng Ông Bà Chiểu! Tân bầm combiné chuyển lệnh cho đại đội phó thi hành. Tuân, đại đội trưởng ở lại vì trí chiến đấu, đơn độc tiến về hướng Ngã Tư Xa Lộ, lột bỏ nón sắt, đội chiếc mũ đỏ lên đầu, ngao ngẩn đứng sững trên mặt lộ chờ... xe tăng địch. Lúc cây M72 trên tay chàng bắn cháy một T54 cũng là lúc hàng ngàn viên đạn lớn nhỏ đủ cỡ từ các T54 khác tua tua bay tới xé nát người Tuân, chiếc mũ đỏ bị hất tung, bay lơ lửng trên trời cao trước khi lao đảo rơi rụng xuống chụp ngay vào họng đại bác một chiếc tăng! Có lẽ Tuân ao ước được tan xác theo quê hương tan tác. Anh! Hỡi anh ở lại Charlie...

Lúc những mảnh thịt còn lại của Tuân bị xích sặc xe tăng nghiền nát ngoài xa lộ cũng là lúc Toàn đang âm ức trấn thủ phía sau Dinh Độc Lập. Khi chiếc T54 đầu tiên ủi sập cửa sắt của Dinh, Toàn nổ súng vào đầu... Cũng như Tuân, Toàn không thể sống khi đất nước đã chết... Anh nằm xuống sau một lần đã đến đây... Bạn bè còn đó anh biết không anh, người tình còn đây anh nhớ không anh...

Mặt trời thật sự đã vụt tắt, dù ngày ấy nắng chói chang, với Vện, với Tuân, với Toàn và với nhiều chiến hữu khác của họ, trong ngày cuối của VNCH. Nhưng mặt trời giả hiệu vẫn còn leo lét nhắc nhở, khuyến khích những ai đã từng đâm sau lưng chiến sĩ hãy tiếp tục ngo ngoe kiếm ăn trên xác chết của con em mình. Độc hại nhứt vẫn là thái độ khà ó của cựu đồng minh cờ hoa, cứ thường xuyên trình chiếu những cuốn phim về chiến tranh VN, trong ấy chẳng bao giờ có bóng dáng người chiến binh cộng hoà kiêu hùng, gây ngộ nhận cho dư luận thế giới rằng cuộc chiến ở Việt Nam chỉ là cuộc đấu súng giữa du kích CS và cao bồi Huê Kỳ!

Trong ba người vĩnh viễn nằm xuống ngày 30 tháng 4 năm 1975, chỉ có Toàn tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Điểm đáng nói: Vện, 27 tuổi. Toàn, 25. Tuân, 23 là... anh em ruột. Cả ba đều chết cho quê hương ở lứa tuổi dưới 30, ở cấp bậc đại úy.

*Hỡi ơi một dải san hô
Lọt tay cộng sản hận loài sử xanh*

(Trích “Tập ghi những điều trông thấy”)
-Tù đây...

Trại cải tạo Z30Z (Hàm Tân, 1977)

*Biển đất Việt nhà tù vĩ đại
Khắp nơi nơi dựng trại tập trung.
Học tập cải tạo tàn hung,
Quân nhân công chức trị trừng tội xưa.*

Quả thật tôi đang cử động trong bốn bề thời gian đặc cứng trong căn nhà tù do chính tôi cùng một số đồng anh chị em “tù

cải tạo” chém tre, đẵn gỗ, phá rừng, đắp nền, dựng cột, lợp tranh, chắn song, xích cửa, cài then dựng nên tự nhốt mình rồi... trao chìa khóa cho bọn cai ngục cộng sản. Đúng theo “yêu cầu” của giới tự cho là “đỉnh cao của trí tuệ loài người”: Các “phạm nhân” -hết rồi mỹ từ “cải tạo viên”, sau hơn 2 năm “học tập” -tự ý trừng phạt, tự ý giam mình. Nói cách khác: tự ý xin được ở tù.

Sự tự nguyện “tự giác” này được phát huy đến cao độ khi phạm nhân tự lực cánh sinh và kêu réo gia đình “thăm nuôi”, để đủ sức lao động “vượt chỉ tiêu” cho nhà nước. Trước đây có lũ “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, vô tình hay cố ý “đâm sau lưng chiến sĩ”. Bây giờ, cả bọn đâm và bị đâm đều “tự nguyện” vào rọ hết để... ăn cơm tư gia cuộc cày chết cha cho cộng sản!

Đêm đã xuống từ lâu trên Căn Cứ 5 Rừng Lá cũ. Thế nhưng cường độ oi bức, không khí nặng mùi xú uế trong nhà giam không hề lắng dịu...

Vâng, đêm nay tôi đã dừng lại một bước trên đường dài gian khổ đọa đày, nhục nhằn, bức bách -“con đường đầy máu và nước mắt”- và nói thầm đó là mùa hè...dầu chẳng còn là mùa hè xa lắc xa lơ năm nào, nơi đó có lời Tây Ban Cầm tự tình bên khung cửa khuyết, có chiếc khăn choàng đã bỏ quên trên bãi muộn, không bao giờ tìm thấy nữa... Nhưng vẫn là mùa hè muôn thuở trong tôi, dù giờ đây ngọn đèn pha trại tù chói lòa chiếu rực vào mắt, dù xiềng gông đã thay vòng tay nồng nhiệt yêu đương năm nào đã trói buộc tôi trên làn cát mịn Địa Trung Hải xanh lơ, dù giờ đây tôi đang nằm trơ vơ trên chông tre ọp ẹp vấy máu-người-quên-đen-quanh-vô-số-xác-rệp, giữa hai khoảng trống dành cho Tá và Đạt, hai bạn tù đã tắt thở trên tay tôi vì thiếu liều thuốc sinh tử làm hạ cơn suyễn cực nặng. Và tôi đã phải cứa đôi chiếc poncho quần xác họ, cho cả hai khối kẻ thâm thiêt. Xưa có “sơ mi gỗ”, trống kèn chen lẫn tiếng khóc kể thảm thiêt. Nay, sơ mi cao su hoặc sơ mi chiếu. Cả tiếng nấc, câu kinh cũng bị cấm tuyệt. Tuy thế, tôi cũng thầm thì Amen, A Di Đà Phật khi bọn cai ngục cho mang xác hai bạn tôi đi vùi lấp ở một xó xỉnh nào đó, không lưu vết tích gì hết...

Bất giác tôi thờ dài chạnh nghĩ đến những nữ “phạm nhân” rất trẻ, thuộc nhóm kháng chiến Phục Quốc -những người nữ đáng được yêu thương, trân quý- bị nhốt kín trong nhà giam cận kề, không còn tự do tung tăng bay nhảy, một thời đã cùng người yêu rong chơi vui thích, khi trong rừng chồi, trên đồi thông, lúc trên ghềnh đá sóng vỗ bập bùng...

Với tay mở chiếc ba lô sờn rách đã theo tôi trên khắp nẻo đường hành quân, tôi lôi chiếc khăn choàng cổ màu đỏ, cũng đã bạc màu, bịt mắt để đi vào giấc ngủ chấp chờn, một lử, trong trạng thái căng thẳng tột cùng: đợi chờ tiếng keng inh ỏi báo thức, như những đêm mất ngủ trước đây -lúc còn bên ngoài vòng kẽm gai- thao thức chờ tiếng “bơm” của giọt nước từ rô-bi-nê không khóa chặt, rỉ ra, rơi xuống...

*Giờ sấy vực triển miên địa ngục
Giữa vòng gai nuốt nhục sa cơ
Thân lao lý đến bao giờ
Nước non tàn một cuộc cờ trắng tay*
(Trích “Nhật ký của một người lạc thực”)

*Những mùa Xuân sau 30.4.1975

*Xưa nay sử Việt chưa từng
Nạn dân bỏ nước ừn ừn ra đi
Dù biết vạn hiểm nguy vẫn trốn
Nộ trùng dương ghê rợn sóng phẳng.
Hiếp dân hải tặc dã man
Cạn lương giữa biển người ăn thịt người...*

*Xứ Tuyết, xuân Đinh Hợi 2007

Thảm họa ba mươi tháng tư một chín bảy lăm bắt chợt phủ chụp xuống đất nước như một tai nạn lưu thông kinh hồn, vô tiền khoáng hậu, gây thương vong hàng loạt cho hàng muôn vạn sanh linh (hécatombe), đột biến như cơn nước lũ vỡ đê cuốn phăng đi một mảng mặt lộ khổng lồ trên *đại lộ kinh hoàng*, chia cắt đôi bờ *sông Côn mùa lũ*; bên này bờ, nhục nhằn đầy đọa; bên kia bờ, an lạc, tự do...Đôi bờ càng lúc càng đang xa, càng lúc càng *nghìn trùng xa cách* như bên này và bên kia đại dương mông mênh, phong ba bão táp trùng trùng điệp điệp. Một đại-dương-chứng-nhân biết bao thảm kịch vượt ngoài trí tưởng tượng của loài người, một đại dương như bể khổ trầm luân, đã đánh đắm hơn nửa triệu nhân mạng vượt trùng dương mưu tìm đất sống...

Cơn gió thốc từ nhánh sông Saint-Laurent lơ dờ trôi ngang hậu liêu tu viện Dòng Tên Villa Saint-Martin lay động hàng phi lau ven sông. Từng đàn bướm trắng bung lên, chói với vẩy cánh bay lượn la đà mặt sông làm liên tưởng tới những cánh bướm của những chiếc xuồng ba lá tí teo, mong manh như lá liễu trên đại dương bao la sóng gào gió thét, ngày nào đã đưa từng đoàn người không đành lòng rời bỏ quê cha đất tổ vượt biển tìm đất hứa...Phải chăng các cánh bướm kia là những oan hồn vất vưởng của bạn bè thân thương vạn lần ưu tú hơn tôi đã phơi thây trên chiến trận, chôn xác trong rừng sâu nước độc của những trại giam nghiệt ngã, tàn khốc hay vùi thân dưới đáy biển tăm tối thiên thu? Requescat in pace!

Hỡi ôi! Hí trường hay dở ba canh vãn, Thế sự thăng trầm một kiếp thôi. Chẳng còn được như ngày xưa viếng thăm phần mộ những người đã khuất, cúi đầu lặng yên suy gẫm thể sự thì...Hỡi những anh em đã nằm xuống không một nấm mồ-morts sans sépultures! Xin hãy cho tôi được một lần Nhớ nhau vầy bút làm mưa gió Cho nấm xương tàn được nở hương

*Xuân Mậu Tý (2008): ngõ ngang như giấc chiêm bao...

*Người ời buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy*

Sáu mươi năm đã trôi đi từ độ Xuân kinh hoàng Mậu Tý 1948 ngự trị trên thôn xóm quê hương -với chính sách khủng bố kinh khiếp của Việt Minh do đảng Lao Động VN chuyên quyền áp đặt- tưởng chừng qua như một chớp tắt của sấm sét trên không trung...

Thế sự thăng trầm thì cuộc sống trên đất tạm dung của tôi cũng không tránh khỏi những đổi thay, đôi khi rất đau lòng. Những cảnh “đổi đời” tưởng chỉ xảy ra trên quê nhà lại diễn ra nhanh chóng ngoài sức tưởng tượng trên xứ người với cộng đồng người Việt xa xứ. Không kể xiết những đảo lộn trong cuộc sống hằng ngày của di dân VN trên đất khách...

Ngoài mọi dự tính, chờ đợi, ước muốn, những tưởng đã đến lúc tự cho phép mình rửa tay gác kiếm hưởng nhàn -ba bốn chục năm sương chải để sinh tồn, còn ức hiếp gì nữa mà không chịu ngưng nghỉ- bỗng dưng tôi đành bỏ hết, làm lại từ đầu khi gần hội đủ điều kiện để an tâm dưỡng lão, dọn ra “căn nhà ngoại ô” này, tính ra đã 16 năm qua...

Căn nhà nhỏ trong một chung cư nằm ở đoạn cuối con đường dẫn ra bờ sông. Toàn bộ cao ốc xếp hàng làm một thành lũy bê-tông tiếp cận một khu rừng thưa, lổ chỗ những đầm lầy ao tù ngập đầy lá cành mục rã. Khung cảnh yên lặng cổ hữu của xẻo đất hẻo lánh vùng ngoại ô thành phố Montréal này rất thích hợp với cư dân tới hoặc sắp tới tuổi hoi hưu. Khu chung cư hoang vắng như thành phố ma. Họa hoằn lắm mới có một hai bóng người lụ khụ thấp thoáng, chậm chạp di động. Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi cô lẻ, nhưng được bảo toàn quá kỹ, rề rề lăn bánh chở hai mái đầu bạc phơ, y như một hoạt cảnh trong phim câm. Sự huyền ảo duy nhất đến từ lũ chim bay liệng, riu rít trắng giỡn...Khu chung cư có vẻ một chợ chim khổng lồ hơn một cư xá cho con người! Mọi tiếng động đều tắt

ngấm theo bóng đêm vừa chụp xuống. Tĩnh lặng hoàn toàn. Có lẽ vì lý do an ninh, đèn đường san sát và sáng hơn các nơi khác. Từ các góc tối, nhiều đèn đèn rọi tập trung chiếu vào các kiến trúc, làm khu chung cư nổi bật lên nền trời đen tuyền như một di tích lịch sử!

Cơ thể rù liệt, thần trí rời rã sau chuyển rong chơi vào miền quá khứ vui buồn lẫn lộn, nhưng giấc ngủ không đến với tôi trong căn nhà ngoại ô tĩnh mịch. Bạn bè tứ tán, cố nhân nếu không bật thăm thì cũng ơ thờ, tránh mặt... Khi bước chân ta về...Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ...

Tình cờ điện thư của một bạn văn báo tin có một bạn đọc muốn nhờ anh giúp liên lạc với tôi. Quả thật hết sức bất ngờ vì chẳng bao giờ tôi chờ đợi hay nghĩ rằng việc ấy có thể xảy ra: Một cô nhân chỉ một lần mặt đối mặt trên Xứ Hoa Đào 49 năm về trước, đang ở bên kia đầu dây, cách tôi ba múi giờ, về hướng Tây Nam, vùng đất được các nhà địa chất học tiên đoán sẽ bị nhận chìm xuống lòng Thái Bình Dương sau một trận động đất khủng khiếp.

-Tân nghe đây!

-Tân-Viện Đại học Đà Lạt, phải không?

-Không sai! Tú-Rosalie, đúng không? Không thể Tú nào khác được!

-Sao chắc dữ vậy?

-Chỉ có Tú-Rosalie mới biết Tân-Phan Đình Phùng, Đà Lạt 1959!

-Còn nhớ năm 1959 nữa cơ à?

-Chẳng lẽ Tú quên gác trọ năm nào...

Hai người bạn non nửa thế kỷ bất tin, nhờ một bài viết của Tân đăng báo ở Cali, tìm được dấu vết nhau! Họ nói chuyện như mới chia tay ngày hôm qua, coi chuyện xa cách nhau 49 năm qua như một giấc chiêm bao! Bao nhiêu cố nhân nặng tình nặng nghĩa với nhau bên nhà, sang đây, nếu không ngoảnh mặt làm ngơ, cũng chẳng còn chút thân tình nào như trước, dấu chỉ mới xa nhau năm ba năm! Thế mà Tú đã nhớ và để tâm dò la tung tích anh sinh viên “thô đế”, năm nào đã ra đi không một lời giã biệt, 49 năm trước!...Trong bối cảnh thế thái nhân tình ngày nay, phải nhìn nhận một tấm lòng như thế vô cùng hiếm hoi và quả thật đã làm “ấm lòng chiến sĩ” (già nua, thất thế) trên xứ lạ quê người...

Sau tháng Tư đen, hơn cả tôi Tú đã trải qua nhiều gian truân khổ lụy, mẹ góa con côi, đơn thân độc mã gánh gồng mọi nhục nhằn, đương đầu với biết bao thử thách gian nguy. Đau nhứt là đã “cúng” cho CS đưa con trai đầu lòng chết đuối khi bị điều đi làm công tác thủy lợi. Trống tay sau vụ đánh tư sản, giờ đây mẹ định cư một nơi, các con một ngã, rải rác khắp năm châu. Ít ra tôi may mắn hơn Tú về điểm này, tuy tôi cũng tay trắng như Tú khi vượt thoát ngục tù CS...Nữ bá-tước-chân-trần năm xưa giờ đây đành...“tay-trần”!

Đà Lạt, một thuở...Nay còn đâu

Đà Lạt cảnh thơ tình man mác

Vàng lối thu ngơ ngác nai tơ

Đôi thông bụi phấn buông mờ

Xuân Hương hồ biếc phẳng lờ mặt gương

Tú hẹn sẽ ghé thăm căn nhà ngoại ô ven sông vào mùa xuân tới. Có lẽ cho tròn năm (mười) năm rồi không gặp... chẳng? Chỉ sợ không còn nhìn ra nhau nữa... Tang thương đến cả hoa kia cỏ này!

Lòng đắng sá chi muôn hớp rượu

Mà không uống cạn mà không say

Quyển nhật ký vượt khỏi tay Tân, rơi xuống sàn gỗ, mở ra ở trang viết về *Xuân Ất Mão (1975), kết thúc bằng bốn câu thơ ghi nguệch ngoạc, có lẽ chép trong cơn say, lúc chạnh nhớ tới chuỗi ngày gian khổ trong ngục tù cộng sản:

Khuya vượn hót chiều tà tu hú
Đại mộng đời thế sự bến mê
Phù vân mây chó trôi về
Ba mươi năm giấc nẻo nê hoa niên
Thôn trang Rêu-Phong, Xứ Tuyết, cuối xuân Mậu Tý (2008)
-Lê Tấn Lộc-

Ghi chú: Trích đoạn thơ văn sử dụng trong bài viết này, người viết mượn của các thi sĩ Kiệt Tấn, Nguyễn Bính, Phạm Thiên Thư, Trần Huyền Trân, Tạ Tỵ và đôi khi của chính tác giả. Lời nhạc mượn của các nhạc sĩ Nguyễn Văn Khánh, Ngô Thụy Miên, Hoàng Nguyên, Trần Thiện Thanh, Lê Thương, Trịnh Công Sơn.

NHỮNG GIAI ĐIỆU VÀNG

Đỗ Bình



Từ thuở hồng hoang xa xưa khi con người chưa xuất hiện trên trái đất thì gió vẫn vi vu trên đồi, biển vẫn rì rào tiếng sóng, và rừng vẫn xào xác lá. Những tiếng động va chạm phát ra trong thiên nhiên thoảng nghe chỉ là những tạp âm, nhưng nếu

tất cả những âm thanh đó cùng hòa nhịp, quện với nhau thì biết đâu chẳng phải là bản giao hưởng tuyệt vời mà tạo hóa đã ban cho con người ? Trái đất có ý nghĩa hơn từ khi con người xuất hiện làm cho cuộc sống vui lên, nhờ trí khôn của con người và sự đa cảm của những tâm hồn nghệ sĩ biết rung động trước cái hay cái đẹp của thiên nhiên. Nhạc sĩ nhờ có thính giác thẩm âm phân biệt được các âm sắc, biết vận dụng kỹ thuật chất lọc các âm thanh phối hợp thành một thứ nghệ thuật gọi là âm nhạc làm ngôn ngữ; để diễn đạt tư tưởng và tình cảm của con người. Ngày nay người ta còn dùng âm nhạc để trị liệu bệnh tâm thần (musicotherapie). Âm nhạc gồm những đặc tính như cao độ, trường độ, âm sắc v.v... những ký hiệu hình nốt diễn tả những cảm xúc của nhạc sĩ qua những giai điệu dịu dặt khoan thai như thả hồn vào một cõi mộng. Từ những cánh bướm xa khơi thấp thoáng dần khuất trong bóng hoàng hôn, đến cơn mưa chiều rả rích trên phố... Chỉ những hình ảnh ấy cũng đủ gợi nguồn cảm hứng cho nghệ sĩ vút hồn tận chốn ngàn khơi để nghe trùng dương thì thầm lời biển cả, hay nghe tiếng mưa buồn tí tách như lời thở than. Tâm hồn nghệ sĩ thật nhạy bén, dù sự rung động của con tim mỗi người có khác nhau nhưng tính đam mê vẫn chót vót, hòa điệu chung cuộc sống như giọt nước long lanh trong nắng tỏa sắc muôn màu.

Trong dòng lịch sử tân nhạc Việt Nam đã gần thế kỷ khởi từ những nhạc sĩ đầu tiên như Nguyễn Văn Tuyên (Kiếp Hoa, Bông Cúc Vàng), Nguyễn Xuân Khoát (Bình Minh, phở thơ Thê Lữ), Lê Yên (Bể Bàng, Nghệ Sĩ Hành Khúc, Ngựa Phi Đường Xa), Thẩm Oánh (Khúc Yêu Đường, Đôi Oanh Vàng, Xuân Vẻ), Nguyễn Thiện Tơ (Giáo Đường In Bóng, Trên ường Vẻ, Nhấn Gió Chiều), Dương Thiệu Tước (Vàng Trắng Sáng, Áng Mây Chiều, Ngọc Lan, Tiếng Xưa, Đêm Tàn Bến Ngự ...), Lê Thương (Bản Đàn Xuân, Hòn Vọng Phu 1,2,3, Tiếng Thu, phở thơ Lưu Trọng Lư), Văn Chung (Bóng Ai Qua Thềm), Doãn Mẫn (Biệt Ly, Gió Xa Khơi, Hương Cổ Nhân), Đan Trường (Trách Người Đi), Văn Cao (Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Trương Chi, Suối Mơ), Hoàng Quý (Cô Láng Giếng, Chiều Quê), Nguyễn Đình Phúc (Lời Người Lãng Tử, Cô Lái Đò, phở thơ Nguyễn Bính), Từ Phác (Tiếng Hát Quay Tơ), Lương Ngọc Châu & Từ Phác (Tiếng Hát Lênh Đênh), Phan Huỳnh Điểu (Trầu Cau), Đặng Thế Phong (Đêm Thu, Con Thuyền Không Bến, Giọt Mưa Thu), Nguyễn Văn

Thương (Đêm Đông, Bướm Hoa), Hoàng Giác (Lữ Cung Đàn, Khúc Hát Thương Binh), Trần Hoàn (Sơn Nữ Ca), Tô Hải (Nụ Cười Sơn Cước), Việt Lang (Tình quê hương), Nguyễn Mỹ Ca (Dạ Khúc), Phạm Duy (Cô Hái Mơ, phở thơ Nguyễn Bính, Cây Đàn Bỏ Quên, Chinh Phụ Ca), Tô Vũ (Anh Đến Thăm Em Một Chiều Mưa, Tạ Từ), Nguyễn Văn Tý (Dư Âm), Nguyễn Văn Khánh (Nỗi Lòng), Hoàng Trọng (Đêm Trăng, Một Thuở Yêu Đàn, Chiều Tha Hương, Dừng Bước Giang Hồ), Nguyễn Hiền (Người Em Nhỏ, phở thơ Thiệu Giang, Anh Cho Em Mùa Xuân, phở thơ Kim Tuấn, Ngàn năm mây bay), Thông Đạt (Ai Về Sông Tương), Tu My (Tan Tắt), Anh Việt (Bến Cù), Lê Mông Nguyên (Trăng Mờ Bên Suối, Quê Tôi, Bài Thơ Huế), Lê Trạch Lưu (Em Tôi), Đoàn Chuẩn & Từ Linh (Ánh Trăng Mùa Thu, Lá Thư, Tà Áo Tím, Thu Quyến Rũ, Chuyển Bến, Lá Đỏ Muôn Chiều),...vv... Dòng nhạc tiền chiến với những giai điệu mang tính lãng mạn trữ tình ảnh hưởng của dòng nhạc bán cổ điển Tây Phương, nhất là nhạc Pháp do các danh ca, trong đó có danh ca: Josephine Becker, Tino Rossi với những giai điệu trữ tình Foxtrott, Valse, Tango: C'est À Capri (1934), Il Pleut Sur La Route (1935), Marinella (1936) thể điệu rộn rã vui tươi, J' attendrai (1937), Ave Maria (1938) giai điệu dịu dặt khoan thai, Ecis Moi (1945), J'ai deux Amours, Mon Pays et Paris ... Thời đó có một số ít nhạc sĩ đã từng học nhạc Tây Phương nên đã đem những dòng nhạc ấy vào hòa với dòng Dân Nhạc của Việt Nam thành cổ kim hòa điệu. Tính chất nhạc Việt Nam dựa trên nền âm giai ngũ cung chỉ có 5 nốt, lấy chất liệu từ các thể điệu dân ca như Ca Dao, Hát Núi, Hát Quan Họ... trong khi nhạc Tây Phương âm giai 7 nốt lại giàu giai điệu, do đó càng về sau, hướng sáng tác ca khúc càng chịu nhiều ảnh hưởng dòng nhạc Tây Phương. Nhạc sĩ không chỉ đơn thuần viết cho ca khúc mà có người còn viết cho những dòng nhạc giao hưởng đại hòa tấu có cấu trúc nhạc rất phức tạp, đòi hỏi phân hòa thanh, âm sắc phong phú. Hơn nữa ngôn ngữ của Việt Nam có nhiều thay đổi đã xuất hiện nhiều cụm từ và chữ mới, do đó cấu trúc âm nhạc từ giai điệu, tiết tấu, hòa âm có thêm chất liệu giúp cho việc sáng tác những ca khúc thêm màu sắc, giai điệu đẹp. Những ca khúc có từ thời tiền chiến được phổ biến ở Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố lớn miền Bắc trải dài cho đến năm 1954 thì chịu chung số phận đau thương chia cắt của đất nước. Nền văn nghệ của miền bắc bị cưỡng bách o ép một chiều, điển hình là vụ án «Nhân Văn Giai Phẩm», giới văn nghệ sĩ không những bị cấm sáng tác mà còn bị cầm tù, có người bị nhốt nhiều năm dài ! Văn học nghệ thuật cũng có lúc hưng thịnh, lúc suy vi, âm nhạc nhạc cũng thế, gặp lúc trái thời dù cho dòng nhạc đậm tình quê hương đang được công chúng say đắm, tính nghệ thuật đã lôi cuốn lòng người bởi những ca khúc trữ tình lãng mạn, giai điệu mượt mà ca từ như một bài thơ, thể mà nhạc sĩ và tác phẩm bỗng nhiên tất nghẹn, đành phải lần khuất trong xó tối sống hẩm hiu, nhưng vẫn bị chính quyền Cộng Sản lôi ra kết tội là “phản động” vì nhạc Vàng mang tính bi lụy, giai điệu éo lá, ca từ ủy mị chỉ biết than thở không mang tính đấu tranh theo tinh thần “cách mạng” ! Người ta đã mang chính trị vào nghệ thuật, biến nó thành một thứ công cụ tuyên truyền cho quyền lực, nghĩa là phải viết những ca khúc đầy tính chiến đấu sát máu, nghệ sĩ phải đoạn lìa thứ chủ nghĩa cá nhân, nghệ thuật vì nghệ thuật, mà phải hướng về tình yêu Nước, yêu Đảng nên các văn nghệ sĩ bị dầy vò tã toi ! Vì sự hệ lụy đó dòng Nhạc Tiền Chiến đã biến mất một thời gian khá dài ở miền Bắc, và sau 1975 trên toàn quê hương, nhưng qua thế kỷ mới vì nhu cầu mở cửa để đón nhận những luồng gió mới trên thế giới du nhập vào Việt Nam, văn nghệ cởi trói, dòng nhạc Vàng từ cõi chết sống dậy, được khôi phục giá trị. Những ai đã từng là nạn nhân của văn hóa Vàng này, hôm nay đọc lại những cuốn sách cũ, hát lại dòng nhạc xưa chắc lòng không khỏi ngao ngán buồn tiếng thờ dài ? Năm xưa có một nhạc sĩ ở Sài Gòn chỉ vì cất giữ ít nhạc lưu niệm của các bạn, trong đó có một số nhạc phẩm của ông sáng tác thể mà bị kết tội 8 năm tù ! Thảm hơn nữa, ở Hà

Nội có người chỉ vì hát nhạc Đoàn Chuẩn Từ Linh, vì những bài tình ca ấy mà bị tù 14 năm hết cả đời thanh xuân ! Cũng từ đó dòng nhạc Vàng gắn liền tên người nghệ sĩ. Chân giá trị của Nghệ Thuật đòi hỏi từ sự rung cảm chân thật để diễn tả tiếng nói của con tim trước những biến đổi của ngoại cảnh, dù có những điều khác ý một số người chỉ vì người nghệ sĩ luôn đi trước thời đại, nên dễ bị ngộ nhận biến thành vật hy sinh, bị đập vùi trước bạo lực hay phe nhóm tranh giành quyền lực ! Sau năm 1954 nhạc Vàng bị kết tội là văn hóa đồi trụy ! Phải chăng vì sợ hãi mà chẳng còn ai dám nghe, hay sáng tác những ca khúc vàng đầy chất nghệ thuật thẩm tình người nữa ? Nếu có, thì họ cũng cất đầu chẳng dám khoe ra là đi tù ngay ! Một dân tộc tự hào về một nền văn hóa lâu đời, thắm nhuần lễ đạo, lại có một nguồn Ca Dao vô tận, thì con người phải thẩm tính Thơ và chan chứa Tình Người ? Than ôi, lòng đỏ kỹ và bạo lực đã tước đoạt ý nghĩa cao đẹp đó. Tình yêu và Quê hương là những đề tài muôn thuở trong văn học nghệ thuật, đó là nguồn sáng tác vô tận của nghệ sĩ; nhất là đối với những ai đã từng trải qua chiến tranh và ngục tù, hay chứng kiến sự thăng trầm của đất nước, khó mà quên được những mất mát, chia ly, đổ vỡ... Từ trong sâu thẳm của nỗi buồn đó vết hằn quê hương đã bật lên cung bậc chất chứa những đau thương minh họa bằng hình nốt, tiết tấu gieo thành bản hòa tấu mang chung giai điệu :Tiếng nấc nghẹn của tâm hồn ! Trong suốt thời gian đất nước chia đôi vì chiến tranh Quốc Cộng, cả hai miền đều có biết bao cuộc chia ly mất mát, biết bao cuộc tình dang dở. Bao nỗi lòng của người mẹ tiễn con lên đường ra trận. Cuộc chiến đã làm vợ chồng, cha con, anh chị em xa nhau ! Những tình cảnh đó ở hai miền Bắc Nam tuy giống nhau ở truyền thống dân tộc, nhưng lại hoàn toàn khác về cách diễn đạt tình cảm qua văn học và nghệ thuật. Trong thời kháng chiến chống Pháp vào thập niên 40 của thế kỷ trước, những văn nghệ sĩ ở mọi miền đất nước trước khi lên đường vào chiến khu kháng Pháp họ là những thành phần trí thức tiểu tư sản, ngoài tình yêu nước, tâm hồn họ còn mang chất nghệ sĩ. Họ yêu nghệ thuật và sáng tác những bài tình quê, hay những bài ca chiến đấu đều mang tính nghệ thuật đượm đầy tình cảm của con người. Những hình ảnh nhớ nhung, chia lìa và đợi mong đều được thể hiện trong văn thơ, trên nét nhạc, ca từ. Do đó những ca khúc hay mang tính xuất sắc thường ca ngợi tình quê hương, tình người, lễ đạo dựa trên nghệ thuật vì thế, dù thời gian đã qua lâu nhưng giá trị tác phẩm vẫn còn và được lưu truyền mãi đến hôm nay. Những hnhạc sĩ tài danh : Văn Cao, Phạm Duy(Tình ca, Bà Mẹ Gio Linh, Nương Chiều, Ngày Trở Về, Chiến Sĩ Vô Danh, Về Miền Trung, Tình Hoài Hương, Bà Mẹ Quê, Em Bé Quê...) Nhị Hà (Mẹ Tội, Trở Về Thôn Cũ), Việt Lang (Tình Quê Hương), Lưu Hữu Phước(Tiếng Gọi Thanh Niên), Nguyễn Văn Thương, Văn Chung (Đội Anh Về), Tô Hải, Tô Vũ, Phan Huỳnh Điểu, Huy Du, Huy Thục (Đội),....

Trong thời ly loạn không một ai là không bị ảnh hưởng, thân phận người đàn bà có lẽ còn chịu nhiều thiệt thòi đắng cay nghiệt ngã hơn ! Nhạc sĩ Phạm Duy đã viết lên ca khúc Bà Mẹ Gio Linh, bài ca mang tính biểu tượng bà mẹ Việt Nam chống ngoại xâm:

«Mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày.
Dù cho áo rách sòn vai, cơm ăn bát voi bát đây...».

Hình ảnh quê hương được nhân cách hóa với người mẹ. Sự gian khổ, nhần nại và đức tính hy sinh của người mẹ được gắn liền với sự thăng trầm của đất nước. Nhạc sĩ Nhị Hà đã viết lên ca khúc Mẹ Tôi để diễn tả tâm tình của người mẹ có con ở ngoài chiến trận,giai điệu buồn xa xót, ca từ có lẫn những giọt nước mắt thấm vào hồn người nghe như tiếng chuông vọng buồn từ cõi xa. Thuở ấy người nghệ sĩ chưa bị uốn bút nên đã dám bộc bạch cõi lòng :

«Mẹ tôi tóc xanh nhuộm bạc tháng ngày. Mẹ tôi đau buồn nặng trĩu đôi vai, bao năm nuôi đàn trẻ thơ nhỏ dại, cầu mong

con mình có một ngày mai. Mẹ tôi nắng mưa chẳng ngại nhọc nhằn, Mẹ tôi mỉm cười nhìn bóng con ngoan. Không than không phiền dù lâm hoạn nạn. Lòng mong con mình xứng thành người dân...Nhưng nay con nên người, thì nay còn đâu bà mẹ hiền xưa ! Chiều nay đốt hương tưởng niệm trước mồ, Nhìn khói đau lòng tưởng nhớ năm xưa. Công ơn sinh thành ngày nao đền trả. Mẹ ơi con mẹ nhớ lời mẹ khuyên. »
Trở Về Thôn Cũ của Nhị Hà và TÌNH QUÊ HƯƠNG của Việt Lang là những bức tranh quê mang những gam màu buồn. Ca từ là một bài thơ hòa quyện dòng nhạc Tây phương với âm giai ngũ cung thành giai điệu đẹp làm xao xuyến lòng người. Những Ca khúc tiền chiến đã gợi trong lòng người nghe thoáng hiện những hình ảnh đặc sắc như bức tranh ấn tượng. Nghe xong bản nhạc mà giai điệu và hình ảnh vẫn còn đọng trong hồn :

«Làng tôi nghiêng mình soi bóng Hương Giang
Những đêm trăng sáng long lanh giòng sông
Dáng ai giắt yếm bên bờ dịu dàng
Thả tiếng "khoan hò" theo nhịp chèo vọng xa
Làng tôi những chiều khi gió lên khơi
Nắng hanh phơn phớt pha hồng gò má
Những cô thôn nữ trên đường về chợ
Và tiếng sáo diều diu dặt buong lời thơ
Nhưng sao hôm nay ta trở lại quê hương
Tuy con sông xưa vẫn êm đềm uốn quanh
Còn đâu dòng xanh? Còn đâu gia đình?
Còn đâu bóng hình mẹ già mến yêu?
Nơi đây điều linh
Nơi đây quạnh quẽ
Nơi đây chẳng còn bóng người ngày trước
Nơi đây tang thương buong bức màn thê lương
Quê hương còn đó nhưng người về đâu?
Vĩ đâu thôn làng thành chốn nương hoang?
Cớ sao bao cánh chim xa tổ ảm?
Biết bao giờ gió tha hương trở về
Cùng tiếng sáo diều diu dặt lời nhạc xưa?»
(Nhị Hà)

TÌNH QUÊ HƯƠNG

«Ngàn dâu xanh ngắt mấy nếp tranh xa mờ
Tiếng sáo bay đập diu đường về thôn xưa
Tình quê lai láng dưới trời thu
Khởi xây thành chập chùng mây đưa
Cành tơ liễu thấp thoáng bên hồ
Mùa nhớ nhưng dòng nước lững lờ.
Ta ra đi một chiều thắm
Vang lời ca buồn trong khóm lá
Nổi u hoài ngày tháng khôn nguôi.
Miền xa thương nhớ
Tình quê hương thiết tha buồn lắng
Nhấn theo lời gió.
Mùa trăng êm tiếng tơ một trời còn vương
Ôi buồn nhớ quê hương!»
(Việt Lang)

Nhạc sĩ Văn Chung trong chiến khu đã không dấu lòng viết lên ca khúc: Đội Anh Về, diễn tả nỗi nhớ nhung người thương:
«Em ơi ! Đội anh về ! Đội anh hoài em nhé,
mưa có rơi dầm dề, ngày có buồn lê thê
thì em ơi em cứ đợi ...»

Chất lãng mạn theo nghệ sĩ bàng bạc trong không gian, lan tỏa núi rừng làm tâm hồn nghệ sĩ dào dạt nguồn cảm hứng sáng tác nên đã có những tác phẩm hay. Nhưng chỉ vài năm sau, sự sáng tác được chỉ đạo, những mộng mơ, nhớ nhà , nhớ gia đình, nhớ người yêu...đều ngủ kỹ trong đáy hồn ! Sau năm 1954 nền văn nghệ miền Bắc chỉ còn là chiếc loa phóng thanh hò hét thúc giục thanh niên lên đường và ca ngợi Đảng, mặc dù những văn

nghệ sĩ còn ở lại trên đất Bắc đa số đều có tài, bạo lực đã làm trầy trụa tâm hồn họ ! Trong vòm trời khép kín, vườn văn nghệ chỉ có một loài hoa đỏ được phép nở, cho dù màu hoa có rực rỡ vì đậm sắc thì cũng không thể thay thế được tất cả những màu sắc khác? ! Bỗng vào những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, có một số thơ nhạc trữ tình được rộ ra do một số văn nghệ sĩ có từ thời kháng chiến, những bài thơ phổ nhạc đó đã đi lệch hướng chỉ đạo, dăm ca ngợi tình lứa đôi, một tình cảm thiêng liêng của con người. Bản nhạc được công chúng đón nhận vì dân miền Bắc đã lâu bỗng được nghe lại những giai điệu trữ tình, những vần thơ lãng mạn thăm tình người mà không hò hét thi đua ccách mạng. Người nghệ sĩ chỉ cần một lần trong đời dám làm theo con tim dù phải chết, hay bị tù đầy thì cũng mãn nguyện. Nhạc sĩ Huy Du phổ bài Tình Em của nhà thơ **Ngọc Sơn** :

*«Khi chiếc lá xa cành, lá không còn màu xanh.
Mà sao em xa anh ; đời vẫn xanh với vơi.
Có gì đâu em ơi ! Tình yêu là sự sống ; nên nắng ứng trong lòng.
Tình yêu như khe suối, lưu luyến và nhớ thương, chảy theo anh khắp rừng...»*

Nhạc sĩ Huy Thục phổ bài thơ Đợi của nhà thơ Vũ Quần Phương:

*«Em đứng trên cầu đợi anh
Dưới chân cầu nước chảy ngày đêm.
Ngày xưa đã chảy sau còn chảy
Nước chảy bên lòng em đợi anh»*

Ở miền Nam nam trước 75 nền văn nghệ được tự do, trăm hoa đua nở, mặc dù chính quyền cũng cô vũ văn nghệ hướng ra tuyên truyền, nha tâm lý chiến khuyến khích các nhạc sĩ sáng tác các nhạc phẩm ca ngợi lòng dũng cảm của người lính, nhất là những bài chiến đấu ca. Giới văn nghệ sĩ được tự do sáng tác dù hòa vào chiến tranh nhưng những giai điệu quê hương hoặc tình đôi lứa vẫn dựa trên nghệ thuật, mang tính lãng mạn trữ tình của dòng nhạc Vàng, mà ca từ phải đẹp như lời thơ, hoặc lời bài hát là bài thơ được phổ, hòa quyện với giai điệu đẹp để của nhạc diễn tả những cảm xúc của tuyệt vời của tâm hồn. Những bài thơ được các nhạc sĩ cảm được hồn thơ nên đã hòa thêm âm thanh vào biến những bài thơ và nhạc cùng bắt từ : Thuyền Viễn Xứ, thơ Huyền Chi, Phạm Duy phổ nhạc. Mộng Dưới Hoa, thơ Đinh Hùng, phạm Đình Chương phổ nhạc. Nguyệt Cầm, thơ Xuân Diệu, Cung Tiến phổ nhạc. Tình Khúc Thứ Nhất, thơ Nguyễn Đình Toàn, Vũ Thành An phổ nhạc. Mầu Tim Hoa Sum, thơ Hữu Loan, Dzũng Chinh phổ nhạc. Mái Tóc Dạ Hương, thơ Đinh Hùng, Nguyễn Hiền phổ nhạc. Chiều Tím, thơ Đinh Hùng, Đan Thọ phổ nhạc. Áo Lụa Hà Đông, thơ Nguyễn Sa, Ngô Thụy Miên phổ nhạc..vv... Trong khi đó dòng nhạc tiền chiến dần dần bị chìm vào không khí chiến tranh, những ca khúc vàng êm dịu lắng sâu vào hồn khách mộ điệu nhường chỗ cho một thể loại khác được gọi là nhạc Thời trang trong đó có dòng nhạc viết về Lính, dòng nhạc Trẻ cho những thanh niên nam nữ đang còn ngồi ghế nhà trường, nhạc mang lời Việt hoặc lời ngoại quốc mà thể điệu đang thịnh hành ở các nước Âu Mỹ. Nhạc Thời trang nhằm diễn tả cái thực trạng của xã hội đang bị cuốn hút bởi những quyến rũ vật chất, đang vội vã hưởng thụ hầu quên đi thực tại của vòng khói lửa chiến tranh vây hãm ! Chính ở thời điểm khốc liệt này, làng tân nhạc miền nam xuất hiện nhiều ca khúc quê hương trữ tình đượm chất lãng mạn trữ tình pha chút chiến chinh. Những thể điệu rất thịnh hành trong giai đoạn đó: Valse, Slow, Boston nhẹ nhàng phảng phất chút âm hưởng bán cổ điển tây phương, điệu Blues Jazz lãng mạn, buồn tê tái như lời than chứa đầy những giọt nước mắt của những người da đen nô lệ xa xưa. Làn điệu Boléro mềm mại, ai oán diễn tả nỗi u uất thân phận người Gitan hát rong Tây Ban Nha, hay những thể

điệu Tango, Habanera, Rumba... dịu dàng tha thiết vọng theo nhịp sóng vỗ từ những hải đảo xa xăm bên kia bờ đại dương kết thành cung bậc gần gũi với dân ca Việt Nam để diễn tả về thân phận con người trong chiến tranh qua giai điệu trầm bổng ngũ cung. Lời ca tiếng nhạc đã đi vào lòng người, bàng bạc khắp mọi nơi, từ hang cùng ngõ hẻm nơi phố thị đến những thôn làng heo lánh nơi rừng sâu núi thẳm. Ở thời điểm chiến tranh hừng hực lửa ấy, nếu chỉ cần rời xa thành phố cư ngụ ít ngày hay thoáng nghe lại những giọng ca truyền cảm quen thuộc phát ra từ một máy thu thanh chắc hẳn ta không khỏi xao xuyến về một khung trời kỷ niệm mà chính ca khúc và nghệ sĩ đã làm sống lại. Ca sĩ tuy có khác nhau về các chất giọng và cách trình diễn, nhưng lại có chung sự quyến rũ làm say đắm khách mộ điệu. Giới thường thức, mỗi người một sở thích, tùy tâm trạng của người nghe chọn lựa bài hát và ca sĩ được ưa thích, nếu chất giọng nào mà mang nhiều ấn tượng của kỷ niệm, làm lòng họ xao xuyến thì họ sẽ yêu thích. Do đó có những ca sĩ chất giọng rất hay, kỹ thuật thanh nhạc cao, trình bày đẹp mắt nhưng chưa chắc bài nào cũng được mọi người thích ? Ở Sài gòn năm xưa, nếu ai đó tình cờ đi ngang qua một quán bên đường sẽ nghe từ trong quán văng ra tiếng kèn đồng nức nở giai điệu trầm bổng trong điệu blues hòa với chất giọng khàn của ca sĩ nghe náo nức, u uất ! Lời ca điệu nhạc diễn tả tâm trạng lớp người của chốn phồn hoa đô thị đầy ánh đèn màu, men rượu, khói thuốc, vũ trường, những thứ đó đã làm chóa mắt họ, mà quên, hay không biết hiện trạng của đất nước đang mịt mù khói lửa, phần đất tự do đang bấp bênh giữa cái mất còn ! Sự rung động của tâm hồn nhạc sĩ tuy có khác nhau về cảm nhận và cách diễn đạt nhưng những ca khúc thời chiến lại gần gũi, quyện vào nhau về cấu trúc lẫn giai điệu, phải chăng sự đồng điệu này đã biến những cảm âm thành những dòng nhạc liên khúc sau này? Nhưng có một điều chắc chắn chẳng có một nghệ sĩ nào dừng dừng sống bên lề chiến cuộc. Chiến tranh đã ảnh hưởng đến tâm hồn họ, nhưng trong sáng tác những ca từ trong loại nhạc phổ thông ở giai đoạn đó lại thật hiền hòa, nhân bản. Nhạc sĩ Lam Phương đã xúc cảm nỗi lòng của người Mẹ, ông viết lên ca khúc Tình Mẹ như tiếng ru buồn diễn tả nỗi lòng cô quạnh của thiếu phụ chờ chồng và tấm lòng của người mẹ trong thời chiến, và thực trạng đó là nỗi buồn quê hương :

«Đêm khuya rồi à ơi..con yên ngủ. Trăng xa với đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lùng hắt gió sương rơi, được nhìn con thân mẹ đường âm cuộc đời. Hận loạn thù tình cha dứt bước ra đi, tháng năm qua thôn nghèo chờ mỗi duyên quê. Rồi một ngày người người lừng chiêng công về, mừng thăm mẹ hỏi tin cha, ngơ đầu bóng đã khuất xa !»

Hình ảnh những người lính trận được dệt trong ca khúc mang vóc dáng hào hùng và rất đa cảm, lãng mạn mà nghệ sĩ đã phản ánh mô tả bộ mặt nhân bản của xã hội đương thời. Nhạc sĩ Trần Thiện Thanh viết ca khúc Anh Về Với Em diễn tả tâm trạng người lính trận xa nhà mong ước về thăm vợ, sự nhớ nhung da diết đó nói lên tình yêu chân thật của con tim. Nếu ở vào tâm trạng người lính miền Bắc sẽ không dám nói những lời ủy mị đó, vì sẽ bị khép tội mất cảnh giác chiến đấu!:

*Anh về với em, như chim liền cánh như cây liền cành.
Như đò với sóng, như nước xuôi giòng vào lòng biển xanh.
Em ơi trăng còn sáng nên tình yêu vẫn còn mang,
Em ơi sương còn xuống nên tim côی mong sương ấm.
Ta xa nhau lâu rồi, ta mong nhau lâu rồi, gần nhau đêm nay thôi...
Anh về với em, mai ta lại cách xa nhau muôn trùng.
Bao ngày nhớ nhung, với hết tâm sự vừa cạn một đêm.
Sao em anh lại khóc khi anh ra đi vì em?
Hay chẳng ăn tình lớn hơn không gian đôi mình cách?
Mai nay anh đi rồi, mai nay anh đi rồi, mai nay anh lại đi...»*

Cùng sống giai đoạn đó, nhạc sĩ Hàn Châu đã viết ca khúc Những Đóm Mắt Hòa Châu diễn tả một ước mơ hòa bình của những người sắp bước vào cuộc chiến nhưng tâm thức đã không thích chiến tranh, điều đó đã thể hiện qua nét nhạc viết lên nỗi lòng mình. Những trái hỏa châu làm sáng rực đêm tối, lộ những hình ảnh quê hương, nơi đó đầy những hiểm nguy và nỗi sợ ! Chỉ cần một tia sáng trong đêm đen cũng là chút hy vọng, dù đó là những vũ khí dành cho chiến tranh để soi rọi vào nỗi chết ! Nhạc sĩ Hàn Châu hình tượng hóa những hỏa châu trong đêm sẽ là hoa đăng nếu quê hương thanh bình. Ca từ như thể lại hòa trong thể điệu Boléro buồn bã, bài hát da diết thấm vào lòng người mà chẳng làm giao động những người trai tiền tuyến ; vì hòa bình là ước nguyện chung của con người.

« Có những đêm dài, anh ngồi nhìn hỏa châu rơi, n ghe vũng tâm tư cháy đỏ xoay ngang lưng trời. Những đóm mắt hỏa châu bùng lên trong màn tối, như mắt em sáng ngời, theo anh đi ngàn lối, những đêm không ngủ anh ngồi tâm sự cùng hỏa châu rơi. Ôi đẹp làm sao, màu hỏa châu đêm đêm tô son, tô phấn những con đường, Ôi những con đường mang nặng đau thương! Cho anh nhận diện quê hương giữa đêm đen buồn, bằng những dòng sông chảy xuôi đêm trường, Ôi những dòng sông nhẵn nhụi đau thương... Dưới ánh châu hồng, anh ngồi gọi thầm tên em, mơ một ngày mai pháo nổ vang trên lối về .Những đóm mắt hỏa châu là hoa đăng ngày cưới, khi chiến chinh hết rồi, tương lai ta tìm tới, có nhau trong đời đêm trường không sợ lạc loài yêu thương.. ».

Đầu thập niên 70, nhà thơ Lê Thị Ý sống ở thành phố Pleiku cao nguyên sương mù, hàng ngày nghe toàn tiếng bom đạn và chứng kiến những thảm cảnh chiến tranh nên cảm xúc viết bài thơ: “Tuồng Như Còn Người Yêu” được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc. Thơ nhạc hòa quyện nhau như tiếng đau thương của sự chia lìa đã gây xúc động trong công chúng, vì đó là nỗi lòng, tâm trạng của những người thiếu nữ trong thời chiến, nhất là ở thời điểm chiến tranh khốc liệt. :

«Ngày mai đi nhận xác chồng
Say đi để thấy mình không là mình
Say đi cho rõ người tình
Cuồng si độ ấy hiển linh bây giờ
Cao nguyên hoang lạnh ơ hờ
Như môi thiếu phụ nhạt mờ dấu son
Tình ta không thể vuông tròn
Say đi mà tưởng như còn người yêu... »

Cùng thời gian đó nhà thơ Vũ Hữu Định đang nhập cuộc chiến, nhìn phỏ núi qua lăng kính thi vị, nhà thơ đã gởi tâm sự trong bài thơ Còn Một Chút Gì Để Nhớ, viết về một thành phố bụi dơ và bom đạn được nhạc sĩ Phạm Duy đồng cảm phổ nhạc:

« Phỏ núi cao phỏ núi đầy sương
Phỏ núi cây xanh trời thấp thật buồn.
Anh khách lạ đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương.
Em Pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông!
Nên tóc em ướt và mắt em ướt
Nên em mềm như mây chiều trong.
Phỏ núi cao phỏ núi trời gần
Phỏ xá không xa nên phỏ tình thân.
Đi dăm phút đã về chốn cũ
Một buổi chiều nào lòng vẫn băng khuâng!
Xin cảm ơn thành phố có em
Xin cảm ơn một mái tóc mềm
Mai xa lác trên đồn biên giới
Còn một chút gì để nhớ để quên.
(Còn Một Chút Gì Nhớ)

Trong khi đó ở Miền Bắc cũng có biết bao người trai lên đường và không bao giờ trở lại, biết bao bà mẹ mất con, vợ mất chồng thể mà chẳng có nhiều giọt nước mắt ghi lại trong âm nhạc, thực tế thì chắc có nhiều nước mắt vì có mẹ nào mà không thương nhớ và muốn xa con?! Nhưng những hình ảnh nhớ nhung xa cách, và đợi mong đều bị «đóng khung» trong văn thơ âm nhạc! Vì sợ bị kết tội ủy mị nên nghệ sĩ ít dám biểu lộ « nỗi buồn» trong tác phẩm mà đã dấu những giọt nước mắt ấy. Nay chiến tranh đã lui vào dĩ vãng thì những gì của thời đó nếu còn đọng lại, cổ lẽ chỉ còn là kỷ niệm trong thơ văn âm nhạc, mãi sau này trong văn có những tác phẩm Bến Không Chờ của Nhà văn Dương Hương, Nỗi Buồn Chiến Tranh của Nhà văn Bảo Ninh, Phỏ của Nhà văn Chu Lai,... tâm hồn của người lính, dù là miền Bắc hay miền Nam thì cũng rung động trước những nỗi buồn vui xa cách. Nhưng tâm tình người lính miền Bắc được dấu kỹ, do đó ít thấy những giọt nước mắt của sự chia lìa đổ vỡ trong những ca khúc ! Những nhạc sĩ đã tự kiểm và tự diệt tính lãng mạn để trở thành bộ máy sáng tác ráp khuôn nhau ca ngợi Đảng và chiến công! Thịnh thoảng có vài văn nghệ sĩ dám phá lệ viết những đề tài của tình yêu đôi lứa được triết lý làm tâm hồn người đọc xao xuyến dạt dào. Làm sao cảm được những gì chất chứa trong sâu thẳm tâm hồn con người ? Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu phổ nhạc bài thơ Ở Hai Đầu Nỗi Nhớ của Nhà thơ **Trần Hoài Thu** :

«Có một không gian nào đó chiều dài nỗi nhớ.
Có khoảng mệnh mông nào sâu thẳm hơn tình thương,
Ở đầu này nỗi nhớ anh mơ về bên em
Ngôi sao như xuống thấp cho ta gần nhau thêm.
Đêm nghe tiếng mưa rơi đếm mấy triệu hạt rồi
Mà chưa vội nỗi nhớ.
Ở hai đầu nỗi nhớ yêu và thương sâu hơn...»

Ông cũng phổ nhạc bài thơ Thuyền Và Biển của Nhà thơ **Xuân Quỳnh**:

Em sẽ kể anh nghe
Chuyện con thuyền và biển
"Từ ngày nào chẳng biết
Thuyền nghe lời biển khơi
Cánh hải âu, sóng biếc
Đưa thuyền đi muôn nơi
.....Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mệnh mang nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu
Những ngày không gặp nhau
Biển bạc dẫu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ
Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió"
Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố »

Hai bài thơ: Ở Hai Đầu Nỗi Nhớ, Thuyền Và Biển là những áng thơ hay lại được chấp cánh bởi nhạc vì những văn nghệ sĩ đó đã dám bày tỏ cảm xúc chân thật của mình cho nghệ thuật, biến những sự vật quen thuộc trở thành nhưng ngôn ngữ thơ đặc sắc, đầy lãng mạn mang tính triết lý mà không sợ lệch đường «Nhà nước». Viết ra những thứ trái cảm lại còn phổ biến cho những tâm hồn đồng điệu quả là can đảm, và hiểm hoi dưới chế độ kiểm duyệt ấy ! Tác giả đã không sợ lòng đố kỵ hẹp hòi của những «thợ hát» dèm pha phê phán là nhạc Vàng nên hôm nay đời có thêm tác phẩm hay. Sự sợ hãi làm vây kín tâm hồn người nên các nhạc sĩ phải chùng mực khi diễn tả; Họ chỉ vút nguồn cảm hứng qua những bài dân ca và những bài ca chiến đấu qua lối viết điêu luyện, những cấu trúc cầu kỳ. Làm

sao diễn tả hết những gì xảy ra trong giai đoạn chiến tranh ấy ? Người nghệ sĩ không thể đem tâm tình hôm nay để viết về tâm cảnh năm xưa, nếu có viết thì cảm xúc cũng không thật ! Cảm xúc của nghệ sĩ chợt đến như sương khói, mây bay rồi tan biến trong bầu trời, nhưng sẽ để lại cho đời tác phẩm. Âm nhạc miền Bắc đã thiếu vắng những bài ca diễn tả tình cảm chân thật của con người, thay vào đó là những bài thức quân tô điểm cho Đường Trường Sơn, để hôm nay chỉ còn những ca khúc miền Nam nói về tâm tình những người lính trẻ, những hạnh phúc và sự đồ vờ, những mất mát và sự hy sinh. Một lần nữa chính trị lại xen vào tình cảm thiêng liêng của con người, đó là được nghe những giai điệu dịu dàng để sống lại với những kỷ niệm một thời. Vì những người «quần văn nghệ» đã cảm nên không có dòng nhạc Vàng trong thời kỳ chiến tranh, nay họ muốn xóa bỏ thực thể đó nên kết tội nhạc Vàng đồng nghĩa với Nhạc Sến ! Thuở ấy ở miền Nam có một dòng nhạc hòa trong thể loại thời trang nhưng nét nhạc mang dấu ấn riêng vì giai điệu êm dịu làm thôn thức lòng người qua những ca khúc trữ tình tuyệt vời mà ca từ là những ngôn ngữ thơ đầy chất hình tượng nhạc tính. Đang vút hồn vào cõi tình lãng mạn, người nhạc sĩ đó bỗng chuyển hướng sáng tác dần sâu vào thể sự. Dòng cảm xúc ngùn ngụt lửa chiến tranh, rồi bật lên những ca khúc phần nộ như muốn nói lên hết nỗi niềm của thân phận làm người trong một đất nước chiến tranh. Lời ca có tính triết lý mang đầy màu sắc hình tượng, giai điệu là tiếng khóc ti tê, tiếng thì thầm từ một cõi âm nào đó vọng về buồn tẻ tái như quặng chất ma túy, làm xói mòn tâm thức lớp trai cùng thế hệ của miền nam! Trong khi đó ở miền bắc, đối với lớp trai cùng thế hệ chẳng một chút hay biết gì về những lời ca này nên chẳng ảnh hưởng đến cái tâm thức «phản chiến», vì đã bị đảng và nhà nước CS đã bùng bít cảm phổ biến! Quả thật chiến tranh đã gieo vào tâm hồn Trịnh Công Sơn một ấn tượng mạnh tạo dòng cảm xúc tốt độ nên ông viết được những tác phẩm làm xao xuyến lòng người. Giai điệu và ca từ sâu lắng đờ rẻo rạc, trầm bổng như tiếng kinh gôi hồn nghe ai oán bi thương đến rợn người, làm xói mòn tâm thức của những người trai cùng thế hệ đang cầm súng làm nhiệm vụ bảo vệ sự tự do quê hương! Người ta tự hỏi có nên trách người nghệ sĩ sáng tác về những nỗi buồn chiến tranh? Làm sao cảm được dòng cảm xúc của người nghệ sĩ ?Một tác phẩm ở bất cứ một thể loại nào dù là văn học hay nghệ thuật giá trị đích thực không hẳn ở lời khen tiếng chê mà tùy thuộc vào bản thể tác phẩm có thực đi vào lòng người hay không. Tuy nhiên người đời vẫn lầm lẫn giữa tác phẩm và nhân cách tác giả !Người nghệ sĩ và tác phẩm là hai thực thể tách rời nhau nhưng lại khấn khít, có chung một niềm bất hạnh chứa đầy rủi ro, đôi khi bị vùi dập vì ngộ nhận! Tâm hồn nghệ sĩ rất phóng khoáng, bao dung, yêu thiên nhiên, yêu tha nhân, yêu cuộc đời cho dù đời muôn cay đắng! Người nghệ sĩ chân chính yêu nghệ thuật và yêu tự do như hơi thở mạng sống. Những tình hoa văn nghệ sáng rực giữa vòm trời của miền bắc một thời, không những họ được ca ngợi về tác phẩm mà còn ở phong cách nghệ sĩ như: Văn Cao, Hữu Loan, Quang Dũng, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Phùng Cung, Thụy An, Phan Khôi, Họ đã từng áp ủ được tự do sáng tạo, nhưng mơ ước ấy chỉ là mây khói ! Niềm vui chẳng bao lâu đã bị bạo lực nhân danh chủ nghĩa và quyền lợi đảng bóp chết mầm sống của muôn đoá hoa văn nghệ xứ bắc... Và từ đây những vì sao sáng kia đã tắt lịm trong tâm tôi, buồn thảm ! Phải chăng ngay những lúc tác phẩm ở vị thế sáng chói nhất tác giả vẫn cảm thấy cô đơn và đã nghe từng con chữ nhòa theo bóng thời gian, trong lãng quên hững hờ của người đời ?! Số phận một tác phẩm chìm nổi tùy theo tác động của xã hội. Sau năm 1975 ngọn lửa bạo lực đã thiêu rụi mạch sống của vườn hoa văn nghệ miền nam. Biết bao văn nghệ sĩ tinh hoa của đất nước bị tước đoạt ngòi bút, không những thế còn bị đẩy ai cầm tù trong chiến dịch mệnh danh «chiến dịch đánh văn nghệ sĩ phản động» như: Đoàn Quốc Sỹ, Duyên Anh, Hồ Hữu Tường, Hồ Văn Đồng,Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hoàng Hải Thủy,

Hoàng Anh Tuấn, Hồ Nam, Họa sĩ Chóe, Họa sĩ Đăng Giao, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Hoàng Vĩnh Lộc, Thân Trọng Kỳ, Minh Đăng Khánh, Lê Văn Vũ Bắc Tiên, Nguyễn Mạnh Côn, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Như Phong Lê Văn Tiến, Mạc Thu, Thái Thủy, Thanh Thương Hoàng, Tô Ngọc, Thái Dương, Trần Việt Sơn, Lý Đại Nguyên, Trịnh Viết Thành, Cao Sơn, Trịnh Hưng, Nguyễn Khánh Giư, Ngô Công Minh, Đậu Phi Lục, Võ Xuân Đình, Anh Quân, Nguyễn Văn Minh (Minh Vồ), Ninh Chữ, Uyên Thao ..vv..Những người đã chết trong tù : Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Côn, Phạm Văn Sơn, Hiếu Chân, Ngọc Thứ Lang, Dương Hùng Cường, Minh Vồ, Thục Vũ, Minh Kỳ, Hồ Đình Phương, Minh Đăng Khánh..Hoặc những người được thả ra về nhà chết:Vũ Hoàng Chương, TrịnhViết Thành, Anh Quân, Trần Việt Sơn...Bạo lực có thể cướp đi mạng sống của con người, nhưng vẫn không thể nào hủy diệt được tâm hồn nghệ sĩ chân chính và những người yêu tự do. Những hương thơm đó vẫn đọng với thời gian.

Ở thời kỳ cực thịnh của dòng nhạc Vàng, những tác phẩm thi nhau nở rộ, được phổ biến hàng ngày trên các băng đài, những ca khúc có nội dung:«Quê Hương Trong Ly Loạn, Tâm Sự Người Lính, Tình Yêu Lửa Đồi...đượm màu sắc dang dở, biệt ly..vv..» Xin hãy bước vào vườn hoa nghệ thuật để thấy mùa xuân bất tận của những ca từ trong nhạc, nó đượm đầy chất thơ và chứa sẵn tính nhạc. Điền hình những lời ca đã đi sâu vào lòng người, đó là những tài sản trong kho tàng của văn hóa dân tộc :

Phạm Đình Chương :

« ..Người đi qua đời tôi
trong những chiều đông sâu
Mưa mù lên mấy vai
Gió mù lên mấy trời...
Hồn lung miên rét mướt
Vàng xưa đầy dấu chân
(Người Đi Qua Đời Tôi)

Lam Phương:

“...Người đi hoa lá chết trong mùa nhớ
Người về lặng lẽ, tình vẫn bơ vơ !
Thà rằng ôm kín mộng ước xa nhau
Quên đi cho hết một kiếp thương đau...”
(Thu Sầu)

Trịnh Công Sơn:

«Gió sẽ mừng vì tóc em bay
Cho mây hờn ngủ quên trên vai
Vai em gầy guộc nhỏ
Như cánh vạc về chốn xa xôi.. »
(Như Cánh Vạc Bay)

Ngô Thụy Miên:

“...Nhớ tới năm xưa bên nhau
Bước trong chiều mưa phiêu du nhẹ đưa
Bến cũ đam mê say xưa lá thu còn rơi...
Mắt biếc năm xưa nay đâu, cánh sao còn đây
Tóc mây nào bay...Tình đã xa rồi !”
(Mắt Biếc)

Y Vân:

« ...Rời đây mây trên đồi vắng
lang tìm kìm kiếm, đá xưa rêu mòn....
Biệt ly hôn nhau lần cuối...
Dư âm còn đây, lệ trong mắt ai... »
(Mắt Lệ Cho Người Tình)

Từ Công Phụng:

« ...Thôi đừng tìm đến nhau làm gì !

Thôi, đừng tìm nhau nữa mà chi!
Đường về nhà em xa lắm,
Tương lai chưa vừa tầm hái tay này.
Trời đọa đầy cho cay đắng
Nên ta không còn nương cánh nhau mà đi.. »
(Lời Cuối)

Lê Uyên Phương:

« ...Ngày em thấp sao trời
Chờ trăng gió lên khơi
Mùa mưa bão tới bờ
Một ngày mưa bão không rời
Trên vai thanh xuân ướp hôn nồng trên gối đắm say
Ánh sao trời theo gió rụng rơi đầy
Cùng rót bao nhiêu ngày hoang
Cùng đếm bao nhiêu mộng tàn.. ”
(Đạ khúc Cho Tình Nhân)

Vũ Thành An:

“...Một làn khói trắng
Ru đời vào quên lãng
Nâng sầu thành hơi ấm
Hơ dịu tình đau.
Ngày tàn im lặng
Yêu người làn tóc trắng
Tâm sự rồi đến đắng
Như lệ giờ biết nhau...”
(Bài Không Tên Số 7)

Trường Hải:

“...Những chiều không có em
Ngõ hẻm sao hoang vắng.
Ôi! Dừng chân đây,
đường phố cũng nhớ tới người em thơ
cùng bước dưới trời mưa lòng trao chuyện lòng...”
(Những Chiều Không Có Em)

Trường Sa:

“...Tiếng hát bay trên thành phố băng khuê
Chiều đông đưa những bước chân đau mòn
Chợt nghe mùa thu bay trên trời không
Còn ai giữa mệnh mỏng đời mình?
Cho nỗi đau mùa lá rụng thơ...”
(Xin Còn Gọi Tên Nhau)

Phạm Duy:

“...Nha Trang ngày về
ngồi đây tôi lắng nghe
đê mê lòng tôi khóc
như oan hồn trách móc
Ôi trăng vàng lẻ loi! Ôi đời!
Trời biển ôi! Không có nuôi tình tôi.
Nha Trang biển này tình yêu không có đây
Tôi như là con ốc chui sâu vào thân xác lưu đây
Đã trảng ời sao lấp cho vơi sầu này!”
(Nha Trang Ngày Về)

Thanh Trang:

«Một vì sao sáng trong đêm lặng lẽ
nhạc buồn xa vắng mệnh mỏng trần thế
ánh mắt sáng ngời lòng trời u tối
không gian xa vời...
Tìm đến với nhau cho quên hận sầu
ngày đó lứa đôi vui duyên tình đầu
mộng ước tan rồi để buồn mai sau
để buồn mai sau ...»
(Duyên Thê)

Không thể trích hết lời ca đã từng vang bóng một thời của làng âm nhạc miền Nam. Những nhạc sĩ mang chút hồn thơ như: Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Ưng Lang, Văn Phụng, Hoàng Trọng, Trọng Khương, Lâm Tuyền, Xuân Lôì, Xuân Tiên, Cung Tiến, Trúc Phương, , Lê Trọng Nguyễn, , Hoàng Thi Thơ, Y Vân, Thu Hồ, Trịnh Hưng, Minh Kỳ, Hoài Linh, Phạm Mạnh Cương, Khánh Băng, Huỳnh Anh, Châu Kỳ, , Tuấn Khanh, Lê Trọng Cầu, Trịnh Công Sơn, Lê Uyên Phương, Vũ Thành, Thanh Trang, Trầm Tử Thiêng, Anh Bằng, Lê Dinh, Trần Thiện Thanh, Vũ Đức Sao Biển, Thanh Sơn, Hoàng Trang, Đỗ Lễ, Lê Hoàng Long, Thanh Bình, Hiếu Nghĩa, Văn Giảng, Phó Quốc Thăng, Thúc Đăng, Hoài An, Duy Khánh , Anh Việt Thu, Anh Việt Thanh, Nhật Ngân, Trần Trịnh, Nguyễn Ánh 9, Y Vũ, Mai Châu, Nam Lộc ; Lê Hữu Hà , Nguyễn Trung Cang..vv....

Đó là chưa kể đến những nhạc sĩ thời tiền chiến, họ là những nhạc sĩ mang tâm hồn thơ, đã cống hiến cho đời những lời ca đượm đầy chất hương thơ hòa trong ý nhạc, dệt lên những giai điệu đặc sắc.

Trong vườn hoa âm nhạc miền Nam, dòng nhạc Vàng được mùa, đây là cơ hội cho những con buôn văn nghệ làm giàu, và cũng là cơ hội giúp cho nhạc sĩ có dịp trình làng tác phẩm. Phong trào nhạc thời trang tuy có rầm rộ khắp nơi, được công chúng ưa thích vì có nhiều nhạc phẩm hay, độc đáo, nhưng lẫn trong đó có những nhạc phẩm kém cỏi, thiếu phẩm chất nghệ thuật do những nhạc phẩm viết vội, cộp xén của nhau, xào xáo giai điệu, ráp nối ca từ để tung ra thị trường bán, hoặc bản nhạc viết chưa ráo mực đã bán đứt bản quyền do người khác đứng tên, làng âm nhạc gọi là «bán cò non». Tình trạng khai thác bừa bãi, quá độ khiến cho người nghe cảm thấy nhàm chán nên xem nhẹ âm nhạc, thậm chí người khó tính còn gọi là nhạc «sến»! Dù chỉ là số ít nhưng cũng làm ảnh hưởng chung đến giới sáng tác và giới yêu nhạc. Dòng nhạc có tính chất thính phòng trở nên khan hiếm, thu hẹp lại chỉ xuất hiện ở những tụ điểm quán nhạc sinh viên hoặc những đêm nhạc chủ đề do văn nghệ sĩ thực hiện, mà cấu trúc lẫn ca từ có chọn lọc hơn. Thời gian trôi nhanh như gió thoảng, nhiều lúc đọc lại quyển sách cổ, nghe lại bài hát xưa cả khung trời ngày cũ hiện về thật êm đềm,thơ mộng, dù trong đó có dấu tích chiến tranh lẫn những giọt nước mắt quê hương ! Dù ở bất cứ phương trời nào những giai điệu Vàng vẫn làm thôn thức dòng ký niệm về quê hương. /.

Đỗ Bình 12/2013

Cầu Rạch Miễu

Nổi liền thành phố Mỹ Tho và Bến Tre
Thương mến kính tặng Anh Chị Pétrus Giản (Thị Trần Cái Mơn)

Tôi về thăm Bạn Cái Mơn
Qua Cầu Rạch Miễu dầm chân ngõ ngàng
Ngày xưa bến đợi đò sang
Ngày nay cầu đã đưa nàng quá giang
Mỹ Tho thương nhớ ngút ngàn
Cửu Long gần bó muôn vàn mến yêu
Đời lữ thứ, nhớ quê nhiều
Bến Tre thương nhớ những chiều xướng ca
Một vùng sông nước bao la
Rừng dừa bát ngát phù sa vun bồi
Mỹ Tho Thành Phố tôi yêu
Với bao kỷ niệm những chiều trúc ty
Người ở lại kẻ ra đi
Bao nhiêu đau xót từ khi xa nhà
Cầu Rạch Miễu, khách phương xa !
Nỗi lòng vẫn nhớ bến phà năm xưa!
Trong Lễ Ấu Dương

ĐÔI DÒNG VỀ NHẠC SĨ HÀ PHƯƠNG

Nguyễn Hạnh



Hà Phương bên bờ sông Trẹm

Sau 1975, hầu hết các nhạc sĩ Miền Nam đều ra nước ngoài chỉ trừ một số trong đó có nhạc sĩ Hà Phương. Thời gian đầu cũng như những người làm văn học nghệ thuật khác, Hà Phương không có điều kiện sáng tác. Nhưng sau đó, hồn nhạc thôi thúc nên Hà Phương bắt đầu sáng tác trở lại. Lần này Hà Phương cũng như nhạc sĩ Thanh Sơn chỉ nhắm vào dân ca Miền Nam. Hà Phương đã thành công với những nhạc khúc với giai điệu lấy từ những câu hò, câu lý, câu hát đưa em... thấm đậm tính dân gian của sông nước Cửu Long, từ miền Đồng Tháp Mười lau lách, từ sông Trẹm dịu hiu hút gió, từ Cà Mau địa lèn như bánh canh... để có những tác phẩm như: *Hương rừng Cà Mau.....Buồn tình hát Lý mùa u, Đồng sâu xứ lạ, Em về Miệt Thứ....*

Đề tài mà Hà Phương yêu thích nhất là bông, những bông hoa đơn sơ mộc mạc, hoang dã của một miền Tây cũng đơn sơ, mộc mạc như vậy. Từ bông bần rụng trắng bờ sông, từ màu vàng bông điên điển đi vào lòng người xa xứ, từ bông lục bình mang sắc tím vào tim, từ bông mua tím buồn với dáng băng khuâng cô lẻ, từ bông cát đằng sâu cô đơn chờ đợi người tình không đến, từ hoa phượng nở sao để lỡ buổi hẹn hòđể có những tác phẩm đề tài như: *Bông điên điển, Bông lục bình, Bông mua tím, Tình mùa hoa phượng, Chuyện tình hoa cát đằng...*

Nhưng không chỉ có vậy, Hà Phương còn giải toả tâm sự qua những đêm buồn nghe giọt mưa rã rít, một chiều mưa ngoài đường phố vắng, tuy nhiên vẫn luyện tiếu khi mùa mưa đi qua và tâm sự này được Hà Phương thể hiện qua các tác phẩm: *Mùa mưa đi qua, Mưa, Mưa đêm tình nhỏ, Mưa qua phố vắng, Mưa trên cánh hồng...*

Ngoài ra Hà Phương cũng sáng tác không ít những nhạc khúc trữ tình thơ mộng của tuổi học trò, tình tri âm tri kỷ, hạnh phúc gia đình, tình yêu đất quê hương...nhưng đây là một vấn đề khác sẽ có dịp trao đổi sau.

Nhạc phẩm của Hà Phương trước cũng như sau 1975 đã được những danh ca trình bày như: Giao Linh, Thanh Tuyền, Phương Dung, Hương Lan, Chế Linh, Trường Vũ, Phi Nhung...nhất là những bài được khán giả hải ngoại yêu thích nhất là *Bông điên điển, Em về miệt thứ...*qua Chương trình Thuý Nga.

Sau đây xin tóm lược tiểu sử của nhạc sĩ Hà Phương.

-Hà Phương tên thật là Dương văn Lắm sinh năm 1938 tại xã Đăng hưng Phước, tức là Ông Văn, Chợ Gạo, Mỹ Tho.

-Sáng tác từ năm 19 tuổi với bút danh: Du Uyên trước 1975 sau đó là Hà Phương.

-Trước 1975 đã cộng tác với Trung tâm sản xuất nhạc Trăm hoa miền Nam, Trung Tâm băng đĩa nhạc Sơn Ca, Hãng Continental do nhạc sĩ Nguyễn văn Đông làm Giám Đốc, Ban nhạc Hải Đăng đài Quân đội..

-Sau 1975 từ năm 1990 được Trung Tâm băng nhạc Fafaco mời cộng tác độc quyền. Chính trong thời gian này ra đời bài Bông điên điển và sau đó cộng tác với các Trung tâm Rạng Đông, Saigon Audio, Hoàng Đình

-Thành viên kỳ cựu của Hội Bảo vệ Bản quyền Nghệ sĩ Âm nhạc Quốc tế SACEM trụ sở tại Paris, Pháp.

-Được vinh danh Người nhạc sĩ chấp cánh cho hồn nhạc quê Nam bộ vào năm 2007 tại rạp Bến Thành.

-Trước 1975 Hà Phương còn là giáo sư âm nhạc tại các trường như Trung học Bình Phước Long An, Trung học Đốc Binh Kiều Cai Lậy, Bán công Tứ Kiệt, Nguyễn Du Cai lậy, Bỏ Đẻ Bến Tre, Trung học Gò Công, Sa dec /-

Xin trích lời phê bình của Nhà Giáo M.N. Tấn Văn Công, trong quyển MỹTho Xưa Trong Nam Kỳ Lục Tỉnh (1861-1945) viết chung với Kỹ Sư KH Võ Thành Dũng :

Trọng Lễ Âu Dương

« Dân Ca Miền Nam mà nhạc sĩ đã vận dụng câu ca dao “Má ơi đừng gả con xa. Chím kêu vượn hú biết nhà má đâu “. Đồng thời xin giải thích địa danh « Miệt Thứ »:

Số là người Pháp chiếm cứ Miền Nam xong, nhận thấy Đồng Tháp Mười là vùng nước phèn và giao thông bây giờ chủ yếu là đường thủy, nên họ dùng xáng để đào kinh ngang dọc trong khắp vùng đất Miền Nam.Lúc đầu họ còn đặt tên như kinh Le Comtes... sau họ đặt số, thí dụ Kinh Mười Hai (12) và vì nhiều quá người dân không nhớ hết nên sau này họ gọi là kinh THỨ MẤY cho tiện. Từ đó, người Miền Nam gọi các vùng này qua thứ hiệu con Kinh mà thôi. Do đó, từ “Miệt Thứ “ chỉ chỗ xa xôi hẻo lánh, quê mùa như CàMau, Năm Căn, Cạnh Đèn v.v...

Bài dân ca « Em Về Miệt Thứ» của nhạc sĩ Hà Phương đã được các nữ danh ca khắp nơi trình diễn như Hương Thủy, Hà Phương, Hương Lan, Mỹ Phương, Bích Tuyền v.v... Lời ca trong nhạc phẩm dân ca « Em Về Miệt Thứ» nói lên tâm trạng của người con gái bị Cha Mẹ gả đi xa nhưng vẫn thường nhớ về nơi chôn nhau cắt rún... Nhớ dòng sông, con đò, giàn bầu, giàn bí, bờ ao... Lời nhạc buồn buồn, đậm đà, súc tích, còn dòng nhạc thì êm đềm, thiết tha, trữ tình, lãng mạn..., như được nghe lại những câu hò tiếng hát của các thôn nữ trên sông..... Hơi hướng đặc sắc của dân ca Miền Nam được thể hiện một cách sống động, khiến cho người nghe qua có một tâm trạng buồn buồn như sống lại một thời dĩ vãng đã qua, mà bây giờ chỉ còn lại là một hồi tưởng

Nhạc phẩm dân ca « Em Về Miệt Thứ»

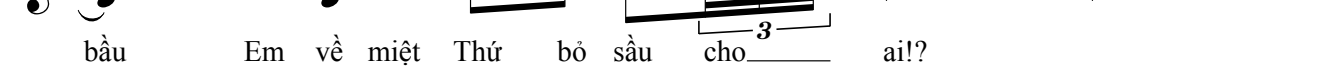
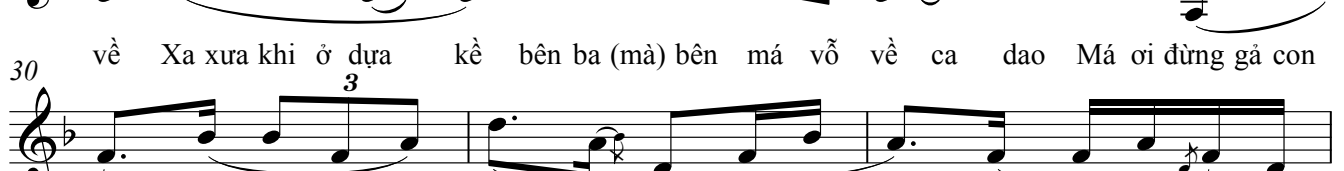
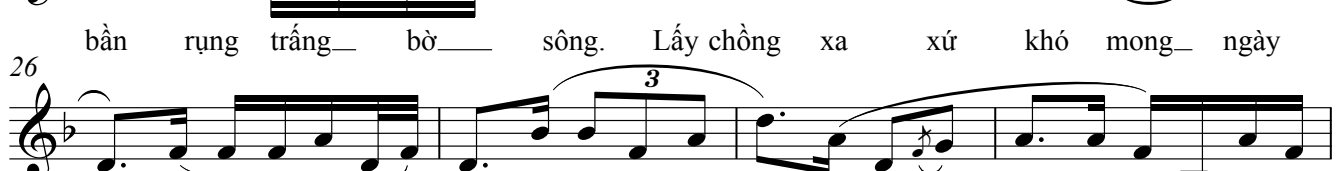
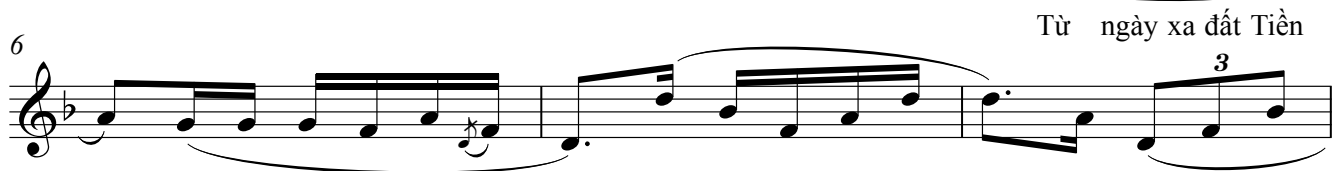
Em về miệt Thứ

Má ơi! đừng gả con xa
Chim kêu, vượn hú biết nhà má đâu!?

Hà Phương

INTRO

Hơi nhanh



TẢN MẠN VỀ BÁNH MIỆT LỤC TỈNH

Nhân buổi chiều ngồi bên dòng kênh nơi nhà người bạn, ăn bánh uống trà và lạc đề nói chuyện khơi khơi về bánh trái. Một ông bạn biết kha khá về ẩm thực của dân Lục tỉnh đã nhận xét rằng bánh ở Đàng Ngoài như là nói lối còn bánh ở Đàng Trong mới đúng là sáu-câu-vọng-cổ. Nói có sách mách có chứng, ông bạn đã dẫn chứng từ *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* - quyển tự điển song ngữ Hán Nôm đầu tiên của nước ta, in vào khoảng thế kỷ XV- XVIII. Theo sách này thì có khoảng ba mươi loại bánh được người Đàng Ngoài biết đến. Chẳng hạn như bánh giầy (dày), bánh chưng, bánh tày, bánh đa, bánh lá, bánh lọc, bánh 'mlót' (mlót là viết theo phiên âm cổ, đoán chừng là loại bánh có dạng tựa như trái nhót), bánh ú, bánh đúc, bánh ôi, bánh tiên (loại bánh này có thể đoán hình dạng của nó giống quả trứng và ngon vì là bánh của tiên ăn, dựa theo câu nói xưa - *Thiên nôãn là bánh tiên xơi*), bánh bông phồng, bánh tơ (hình dạng như bánh khúc), bánh vú chài (vì có hình dạng như 'núm vú' của cái chài đánh cá), bánh canh, bánh khảo, bánh trùy (được suy đoán là bánh tro nhưn đậu), bánh bọt bẻ, bánh vo tròn (ngày nay không hình dung được là bánh gì), bánh đường, bánh cuốn, bánh giò lam (phải chăng là chè lam ngày nay), bánh lỗ (không biết có giống như bánh còng của xứ Đàng Trong hay không biết chừng có giống như bánh vòng mè ngày nay ở miệt Sóc Trăng), bánh nổ bông (tuy gọi là bánh nhưng tương tự như cốm được thêm mật và vo tròn như ta thường thấy ở phương Nam), bánh rán, bánh đường, bánh bìa, bánh bác, bánh chưng tồ, bánh chài, bánh đỗ v.v. Lại thêm định nghĩa của *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* như *Tư bình vành vạnh bánh dày/ Phương bình thuở này hiệu là bánh chưng/ Tề bính bánh tày dài lưng v.v* thì cái bánh tét có hai đầu bằng nhau lưng hay mình bánh dài y như mô tả của cái bánh dày Đàng Ngoài.

Dù tác giả và năm in của sách *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* vẫn còn tồn nghi đối với các nhà nghiên cứu Hán Nôm ngày nay, cứ lấy năm in gần đây nhất theo giả thuyết được nêu là 1761 thì vào thời điểm này dân Việt đã có cuộc Nam tiến mở đất về phía nam khá lâu rồi. Công cuộc Nam tiến bắt đầu vào đầu thế kỷ XIV -*Tiến thay cây quế giữa rừng/ Để cho thẳng Mán thẳng Mường nó leo* - như việc Huyền Trân công chúa nhà Trần được gả cho Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô và Rí (còn được gọi là Lý). Nhưng *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* vẫn chưa theo kịp bước chân của những người mở đất xuôi về phương Nam. Dân Ngũ Quảng đón Tết có bánh tồ (hay còn gọi là bánh tồ), bánh tét, bánh nổ, bánh in, ngày kỵ giỗ thấy có mặt bánh rô, những thứ bánh này không thấy *Chỉ Nam ngọc âm*

giải nghĩa nói đến mặc dù vào thế kỷ XVII những người theo dòng Nam tiến đã có mặt ở hai xứ Đồng Nai và Mô Xoài (Biên Hòa và Bà Rịa).

Giữa năm đệ tứ, được tin bỏ kỳ thi lấy bằng trung học đệ nhập cấp, đứa nào cũng tươi rói, mặc sức nghỉ xả hơi. Nghỉ hè mới chừng mười ngày thẳng bạn học mới chuyển trường lúc đầu năm, theo gia đình về Sài Gòn gửi thư kêu lên chơi cho biết Hòn ngọc Viễn Đông. Tới tới thả đi ăn, mấy bà chị tao rành mấy chỗ vừa ngon vừa rẻ, ráng lên chơi nghe. Nó dụ khị và để chắc ăn nó còn thêm một đoạn giới thiệu mấy bà chị nó. Mấy bà cũng được bà già tao xếp vào hạng '*gái xưa đi chợ ăn hàng/ gái nay đi chợ ăn cà rem cây*'. Câu ca dao tân thời mà không biết nó lượn ở đâu- chắc là từ 'chư vị' hảo cà rem cây của hãng Dân Sanh ở số 183 đường Ông bà Nguyễn Trung Long còn in trong trí nhớ. Tôi nhớ hoài, mấy chục năm sau về nước gặp lại, tôi nhắc lại câu này nó cười ngất. Còn tôi thì tiếc là đã từ chối lời mời. Tôi không hiểu sao lúc ấy đã bỏ qua dịp 'bằng vàng', nói y như chữ của Huyền Vũ tường thuật đá ban trên ra-dô, để có dịp so sánh hương vị cà rem cây Sài Gòn mấy phần hơn với cà rem nước dừa Hữu Danh của Mỹ Tho và nếm mấy món ăn ở Sài Gòn 'hoa lệ'.

Thời đó, sáng đi học ăn gói xôi hay ghé gần trường ăn ổ bánh mì tương. Đôi khi muốn đổi món thì ăn tô cháo huyết với nước mắm chanh ớt, ăn chung với nửa cái 'dầu chá quây', đủ tiền thì nguyên cái. Bánh này của người Hoa, đã có người giải thích *chá quây* hay *cháo quây* là tiếng Quảng Đông, đọc theo âm Hán-Việt là *Tần Cối*. Tần Cối là quan to của nhà Tống, đã thông đồng với giặc Kim và đã hãm hại Nhạc Phi. Lấy cớ Nhạc Phi bất tuân thượng lệnh nên giam vào ngục và hành hạ cho đến chết. Nhà Tống thua, bỏ cơ đồ chạy về nam và lập ra triều Nam Tống. Dân Trung Hoa căm ghét Tần Cối nên làm ra cái bánh có hai khúc dính liền kè, tượng trưng cho vợ chồng Tần Cối, và đáng bị bỏ vạc dầu. Nhưng lại có người không đồng tình với sự giải thích này. Viện dẫn theo chữ nghĩa, Tần Cối theo âm Quảng Đông là *tsuân khui*, còn dầu chá quây viết ra chữ và đọc theo âm Hán-Việt là 'du trá quý' (du là dầu, trá là chiên, quý là ma quý) nghĩa là ma chiên trong dầu. Không biết chừng dân Trung Hoa ghét đại hán gian Tần Cối, tội ác tày trời nên hai vợ chồng đáng được nằm trong chảo dầu sôi. Gần nhà tôi, có chú Hai bán bò, người Tàu chuyên làm bánh bò bánh tiêu. Sáng nào hai thằng con chú cũng đội xè đi bán bánh. Ra tuốt chợ Mỹ Tho, dọc theo bờ sông gần chùa Ông (chùa Quan Đế), thả rề rề ở bến đò Hồng Vũ hay loanh quanh ở khu trường Trúc Giang ở đường 'Ai-rót-xăng-thì-rót' (Alexandre de Rhodes, đến thời xe gắn máy hai thì nổi lên thì đường này được gọi là 'Hai-lít-xăng-một-lít-nhót'). Bán đủ bộ 'tam sên' về

bánh - bánh bò, bánh tiêu, và dầu chá quẩy, món kể sau cùng này thì được ăn kèm với cháo cá. Mới chừng có khoảng tám chín chục năm trước dân Lục tỉnh còn ngồi tiệm nước điểm tâm bánh bò mặn với xá xíu. Giờ hết thấy, chỉ còn bánh bò trắng hình tròn đẹp, giữa hơi phồng lên ăn kẹp với bánh tiêu. Bánh bò đường tán màu da bò vàng ệch ăn với nước cốt dừa. Còn mấy cái bánh bò nhỏ bằng chung trà có màu trắng, hồng, xanh còn phía trên phồng ba hay bốn 'mẫu' nhỏ, giống cánh hoa nên gọi là bánh bò bông. Trong xóm mấy thằng bạn cùng trang lứa với mấy đứa con chú Hai bánh bò lâu lâu đi ngang nhà chú cùng xỏ một tràng *Con quạ nó đậu chuồng heo/ Nó kêu bớ má bánh bò chín chưa?* hay đọc *Bà ba bà bán bánh bò bông, bà bé bông búp, bị bắt bỏ bót ba bốn bữa* rồi hề nhau dọt lẹ dù thiếu Hai chưa chười đứa nào bao giờ. Không biết chừng nào đi dò ngang qua Xóm Dầu còn nghe lại được *Nước không chun sao kêu bằng nước đứng/ Bánh không căng sao gọi nó bánh bò?* / *Đây em đồ thử đặng dò ý anh.*

Nếu học buổi chiều thì có thể dậy trễ một chút, có thể đổi món bằng bún bánh giá. Còn không đủ tiền thì làm đỡ cái bánh giá, trên có nguyên con tép rồi trét tương trên mặt, để bụng lưng lưng chờ cơm trưa. Bà con lối xóm nói bánh giá Chợ Giồng (Vĩnh Bình, Gò Công) 'nổi tiếng như cồn' hơn bánh giá Mỹ Tho, thử gẫm lại câu ca dao *Một mai em gái theo chồng/ Còn đâu bánh giá Chợ Giồng* mời anh thì biết. Địa danh Chợ Giồng được biết đến nhiều vào cuối thập niên 50 thế kỷ trước, còn trước đó dân chúng gọi là chợ Giồng ông Huê (nhà giàu địa phương cất chợ vào khoảng năm 1890). Chợ nằm trong vùng đất gò của làng Vĩnh Bình nơi đặt tổng Hòa Đồng Hạ, sau 1924 đổi thành Hòa Đồng Trung. Vùng đất gò này được khai thác trồng trọt biến thành đất giồng. Bánh giá Chợ Giồng được chiên giòn có màu vàng gần như màu bông 'sao-nhái', trên có con tép lớn, bên trong mềm bùi, chấm nước mắm tỏi ớt pha chế đặc biệt cho loại bánh này, ăn nhớ đời. Dân Mỹ Tho, Gò Công, Rạch Giá và một số nơi khác gọi bánh này là 'bánh giá' vì có nhum giá, cũng có xứ khác gọi 'bánh đậu' vì để ý có đậu xanh đãi sào, bỏ hết hạt đậu sượng để làm nhum đậu. Còn dân Sóc Trăng, Bạc Liêu gọi là 'bánh xầy'. Làm sao phân biệt cho được bánh giá, bánh đậu, bánh xầy đây? Người rành rẽ phân biệt hẳn như đậu mà còn vỏ xanh thì chánh hẫu là 'bánh xầy', nổi tiếng bánh là bánh xầy Bãi Xàu- xứ nhiều tép tôm - trên mặt lúc nào cũng có hai con tép trên mặt bánh. *Hỏi anh có nhớ Bãi Xàu/ Bánh xầy chiên mỡ, bánh bao thịt bằm.* Bây giờ hiếm còn người chiên bánh bằng mỡ heo, do chiên dầu nên phần hương vị thơm ngon mất đi mấy phần. Đi về miền Tây, đến gần bắc Mỹ Thuận ở đây có loại bánh 'tương cận' với bánh giá, bánh đậu, đó là 'bánh cồng'. Bột gạo xay chung với một lượng cơm

nguội là bí quyết để bánh mềm ngon, tánh hết như mấy 'anh em' của nó. Rồi bột bánh được đưa vào 'cồng' (loại công cụ này thường thấy ở mấy tiệm chạp phô dùng để đông nước mắm, nước tương, dấm v.v), treo hay móc cồng ngang qua chảo sâu đáy để chiên bánh trong chảo dầu. Có người nói dân Việt gọi là bánh cồng còn người Tiều xa xa tuốt ở miệt dưới gọi bánh xầy. Chắc lý sự chữ nghĩa thôi, chứ theo hình dạng tạm tạm phân định thì bánh cồng dày, cao hơn bánh xầy khá nhiều. Mà thôi cứ tạm tạm chấp nhận bánh cồng, bánh xầy như là hai anh em sinh đôi. Thêm rau rác sẵn có ở miền Nam ăn mấy thứ bánh này với bún thấy thiệt đã. Khi kẹt không có bún mà thay bằng bánh hời, nhưng phải công nhận là bánh hời không mấy hợp, trớt-quớt như đàn câu vọng cổ sai nhịp. Bánh hời chắc bén duyên với thịt heo quay chớ ít hợp với bánh giá. *Nước mắm ngon dành ăn bánh hời/ Qua thương nàng dòi dôi mấy năm/ Có sao vắng bật tin thăm/ Hay là thực nữ đã tầm nơi nao?*

Bánh giá dường như lại hợp với bánh cuốn, bánh ướt, các quán này ở quanh khu Bệnh viện 3 Dã chiến Mỹ Tho, khúc gần nhà thầy Bảy Chánh, kể nhà thầy Viễn. Đĩa bánh cuốn lúc nào cũng có chừng ba cuốn cắt nhỏ từng đoạn thêm cái bánh giá xắt làm hai làm ba, một chiếc nem đồ hòn, mấy lát chả lụa, rau giá và hành phi. Ban đầu, ta còn thấy mấy chị bán bánh hấp bánh ướt ở nôi 'hấp' có lớp vải căng thẳng trên mặt. Bột múc từ giá, đổ lên mặt vải, rồi lật lưng cái giá trải đều bột. Úp nắp làm bằng nhôm chừng mười giây đồng hồ. Thanh tre dẹp trên tay chị bán bánh khươi nhẹ ở mép nôi hấp và lật bánh cuốn lại. Dù cuốn lại nhưng nó lại được gọi là bánh ướt, còn bánh cuốn là phải có thêm nhum 'núm' mè, với một chút thịt bằm. Thói quen ăn uống của khách nay có phần thay đổi. Ban đầu là bánh ướt, rồi sau chuồng bánh cuốn, còn giờ nhiều khách thận trọng trong ăn uống không chịu hành phi vì e ngại loại hành bán sẵn được chiên từ dầu tái chế vớt từ mấy đường cống có nguồn gốc không hợp vệ sinh, mà đành quay lại bánh ướt.

Câu về 'dầm mưa hoài hoài thì ăn bánh ướt' chừng như nhiều người nhớ lại những buổi trời mưa, ăn đĩa bánh ướt có mấy con tôm khô nhỏ với nước mắm ớt lỏng bông có vị giòn ngọt. Giồng giống bánh ướt nếu bột gạo lúa mùa ngâm chừng hai ngày, tráng mỏng hấp đúng cách, phơi cho khô thì được bánh tráng. Nay người Sài Gòn khoái ăn bánh tráng phơi sương Trảng Bàng với thịt heo ba rọi. Dân miền Tây thường luôn nhắc 'bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc'. Mỹ Lồng nay thuộc xã Mỹ Thạnh, Giồng Trôm tỉnh Bến Tre từ xưa nay nổi tiếng về bánh tráng. Bánh dùng để cuốn thịt heo, tôm tép, cá lóc nướng trui với rau sống, chuối chát gọi nôm na là gói cuốn có nhiều tên gọi khác nhau tùy từng vùng, thí dụ như dân Tân An gọi là bánh tráng ăn sống, Vĩnh Long, Bến Tre

gọi bánh trắng nem, còn ở Sa Đéc, Long Xuyên gọi bánh trắng cuốn, dân Bạc Liêu, Cà Mau thì gọi là bánh trắng nhúng, ngoài ra còn có loại nướng lên ăn giòn cho vui miệng. *Vái ông Tơ một châu bánh trắng/ Vái bà Nguyệt một tán đường đình/ Đôi ta gá nghĩa chung tình/ Dầu ăn cơm quán ngủ đình cũng ưng.* Đó là bánh trắng nướng, có loại không đường ăn nhạt nhạt thơm thoang thoang mùi bột gạo, có loại thêm đường thấm lưỡi nghe giòn ngọt. Còn Sơn Đốc thì ngày nay, cũng ở Bến Tre, thuộc xã Hưng Nhượng, Giồng Trôm. Tiếng quét bánh phồng những ngày sau rằm tháng Chạp gợi nhớ đến những ngày mong ngóng Tết tuổi thơ, gợi nhớ hương nếp dẻo, vị ngọt nhẹ lan tỏa chậm rãi trong miệng khi ăn. Ngày nay thì có bánh phồng sữa với nguyên liệu chính là nếp, khoai mì và sữa. Trước đây khách xuôi ngược qua bắc Mỹ Thuận thường được mời mua bánh phồng sữa vùng này để ăn sống, như bánh hồng sầu riêng cũng thường hay thưởng thức theo cách này. Bánh phồng nếp từ nếp nấu chín, trộn nước cốt dừa rồi đem cán mỏng phơi khô, điều đặc biệt là ít ai ăn sống bánh phồng nếp mà chỉ ăn nướng. Người lớn ở miền Nam hay kiêng cử lại không ưa ăn bánh phồng sầu riêng trong mấy ngày Tết. Trăm phần trăm kỵ chữ xúi quẩy, ham vui chung chứ không chịu mình ên ôm mỗi sầu riêng.

Lúc thời là sinh viên, ngồi trong cafeteria của trường đại học ở tiểu bang Oregon, uống ly cà phê pha từ trong máy, ăn cái bánh donut (một cuốn tự diễn Anh-Việt đáng tin cậy nào đó dịch là *bánh cam vòng*) có rải đường cát trắng mịn, ngọt dịu, thì lại nhớ vị thau mềm của bánh tiêu đường ở quê nhà. Một lần mới đây ngồi ăn donut uống cà phê ở quán của anh bạn cố tri ở Sunshine (Melbourne) thì lại thấy mềm mềm giống giống 'bánh mì tươi', có da có thịt tròn ú nù, nhưng về cuối mề, thiếu bột thì bánh chai, không nở, mới y hệt như mấy cái vòng ngày xưa nơi quê hơn. Nhìn dáng khan khác với cái bánh còn có phủ lớp đường trắng vàng óng ở trên mặt, nhưng vẫn cứ nhớ nhung hoài cái bánh không áo đường, không hiểu sao đôi khi được gọi là bánh vòng, chắc có lẽ hệt như mấy chiếc vòng đeo tay của các bà các cô. Mấy ông thầy về hay chơi chữ quê mình ngày xưa cũng hay thiệt, '*bánh kẹp bánh còn để cho đạo tặc*' hay vận dụng chữ Nho diễn Nôm, chữ 'cam' là ngọt được nói về thêm trong câu kế tiếp '*ai mà hảo ngọt đã có bánh cam*'. Bánh cam ngày nay cũng có nhiều biến đổi. Dạng dẹp tròn trong ruột có như đậu xanh, loại mặt ngoài có phủ lớp mỏng đường tán kéo chỉ, loại không có phủ đường nhưng thay vào đó là một ít mè. Ngày nay hiếm thấy loại mặt có có đường, họa chăng còn ở nông thôn mà người bán cần thận kẹp trong miếng lá chuối. Bánh cam thấy bán trên xe buýt ở bến xe An Sương hơi có phần thay-hình-đổi-dạng chút đỉnh, còn muốn ăn bánh

cam như ngày xưa thì phải vô mấy chợ. Vì giờ thì nó lại có hình tròn tria, cỡ chừng như trái sa-pô-chê. Ôi thời gian làm thay đổi hình hài, như trường hợp *mè láo* miệt Sóc Trăng, Bạc Liêu cũng vậy. Hơn nửa thế kỷ, mè láo có dạng tựa tựa như lóng mía, dài chừng một tấc. Ruột bánh mè láo được làm bằng mạch nha, kéo chỉ đan hàng ngang hàng dọc tựa rế tre, ngoài lăn bột giập vòng. Khi thưởng thức mè láo, nó cho cảm giá ngọt thau từ mạch nha, bùi bùi từ mấy hạt mè rắc quanh thân bánh. Tuy người địa phương đi xa nhớ vị quyến rũ, nhưng thời trước mè láo chỉ được biết quanh mấy tỉnh miền Tây. Đầu thế kỷ này mè láo mới được dân Sài Gòn biết nhiều. Trở lại chuyện mè láo được thay đổi hình dạng từ như lóng mía sang tròn tria lớn hơn trái ping-pong một chút, dĩ nhiên vẫn còn rắc mè chung quanh. Ông bạn già giải thích có lớp có lang như kiểu mấy ông bà xưa kể tuồng tích. Lý này dựa theo học giả Vương Hồng Sển nhắc chuyện lúc còn đi học ở Sài Gòn khi về thăm nhà thời có chị bạn, cụ huê khôi trường Marie Curie, nhờ mua mè láo nhưng không nhớ kêu làm sao, chỉ nói : "anh nhớ mua cho tôi một ký thứ bánh gì tôi quên tên rồi mà giống như 'c. chấm mè' ! " (sic). Câu này tôi chép lại chớ không 'chế' ra, mà tác giả *Ấn cơm mới, nói chuyện cũ: Hậu Giang-Ba Thắc*, ghi lại trong di cảo của mình. Chứng tỏ mè láo ngon lắm, nên cô này mới không còn mắc cỡ và mạnh miệng nhờ cậy. Tên khó nhớ thấu trời, không đổi dạng thay hình chút chút thì chắc sau này mấy bà mấy cô không dám hỏi mua.

Nhắc đến mấy món bánh đặc sản của người Tiều miệt dưới, sẽ thiếu sót nếu như không nhắc đến *bánh củ cải*, *bánh pía*. Bánh củ cải tương tự bánh ướt, làm bằng bột mì trắng pha với bột củ cải trắng nghiền nhuyễn. Như là tếp bạc đất lột vỏ hoặc tôm khô đập dập chung với thịt nạc băm với mấy hạt đậu xanh. Bánh được cuốn với nhân, chấm nước mắm chanh, tỏi ớt. Mùi bánh hăng hăng ngon khó quên. Ở xứ này còn có bánh pía (đôi khi được viết là bánh bía), tên gọi này mới được biết rộng rãi chừng hai chục năm gần đây, tiếng Tiều *pía* có nghĩa là bánh, người Việt thấy gọi 'bánh bánh' không ổn nên cứ giữ nguyên là bánh pía. Bánh pía ban đầu chỉ có như đậu xanh, tuy nhiên sau đó người Tiều ở đây mới thêm thất, dùng khoai môn trồng sẵn ở rẫy giồng. Bánh pía như khoai môn chỉ có mặt vào mùa thu hoạch khoai môn tức khoảng tháng bảy tháng tám âm lịch. Mấy lớp vỏ bánh bằng bột mì cán mỏng, gần như thì mỏng manh, ngoài cùng là lớp vỏ dày hơn để in thêm mấy chữ màu đỏ tươi. Các lớp vỏ này khi chín đều thì trở nên khá giòn, dễ rã ra thành từng lớp. Nhờ đặc điểm này ta dễ phân biệt bánh cũ hay bánh mới, bánh cũ có vỏ tưa rách nhìn khó ưa. Hết mùa khoai môn thì người ta chuyển qua nhưn đậu xanh, nhưn mít hay bán chung với bánh trung thu thì có thêm trông đỏ hột vịt

muối.Ở Mỹ Tho, tên bánh pía nay mới quen quen chớ từ xưa dân chúng ở đây gọi là *bánh tiêu* hay *bánh lột da*. Mấy người bạn ham ăn ham uống của tôi đúc kết ra một khái niệm về hai thứ bánh này.Bánh tiêu nhưn thuần đậu xanh, bánh pía có nhưn mít, có thêm trứng hột vịt muối. Ngoài ra còn một điều nữa thì 'bánh tiêu' thì nay vẫn có nhiều người kêu, chứ mấy tiếng 'bánh lột da' thì dường đã bị dần mai một rồi.

Bánh pía còn mang phong vị cổ xưa của bánh trung thu Tô Châu, Trung Quốc.Ngày nay nó được người bình dân mua để thưởng thức trung thu thay cho bánh trung thu mắc tiền hơn nhiều.Từ đời nhà Đường, bánh trung thu hình tròn có màu trắng của trắng sáng, nhưng đến thời Bắc Tống (960-1127) bánh trung thu mới được nhiều người biết đến và được gọi là 'nguyệt bính'.Tên gọi này được nói đến đầu tiên trong một quyển ẩm thực in trong khoảng thời gian 1129 -1297, thời Nam Tống.Như vậy bánh trung thu nguyên thủy chính cống làm bằng nếp và nó tiền thân của *bánh dẻo* ngày nay.Nếu như Kim Dung bỏ nhiều công sức bàn chuyện uống trà, uống rượu trong mấy bộ tiểu thuyết võ hiệp của mình, thì Cổ Long trong chuyện Sở Lưu Hương lại nhắc đến chiếc bánh 'Hằng Nga hận' nổi danh bốn phương do tiệm bánh Tam Nhật trai làm ra.Nhiều người cho rằng bánh trung thu có một quá trình lịch sử lâu dài, từ đời nhà Ân, Chu người Triết Giang Trung Quốc đã làm ra bánh Thái-sư để nhớ đến Thái sư Văn Trọng. Đến đời Tây Hán hạt mè và hạt hồ đào (dân buôn bán ở Chợ Lớn ngày nay gọi là hạt óc chó) được Trương Thiên mang về từ Tây Vực được làm nhưn bánh, nên gọi là bánh hồ-đào.Đến đời Đường, Đường Huyền Tông và Dương Quý Phi ăn bánh hồ-đào thường trắng nên gọi là 'nguyệt bính' (bánh nguyệt).Bánh nguyệt lại được nhiều người uống trà thưởng thức vào những đêm trăng tròn giữa mùa thu nên được gọi là bánh trung thu.Ở Mỹ Tho thời thập niên 60-70 có nhiều lò bánh trung thu, đơn cử, không xa chợ Mỹ Tho, gần thành Mỹ (đường Nguyễn Huệ) thì có lò Chung Ký, còn lò bánh Tuyết Bình, thì nằm trong hẻm nhỏ nơi đường Lê Lợi.Bánh trung thu ở Mỹ Tho thời ấy có phẩm chất nào thua kém bánh trung thu hiệu Đồng Khánh, Đồng Hưng Viên, Soái Kinh Lâm, Long Xương, Tân Tân, Đại Chúng ở Sài Gòn đâu.Nhìn qua 'bề sống' của thân bánh biết ngay tay nghề của thợ của lò tới mức nào.Màu chín vàng ở sống cái bánh chuyển qua khét cháy nhưng lúc ăn vẫn không thấy vị khét-lửa, bí quyết nghề nghiệp cũng nằm ngay chính ở chỗ phối chế bột bao bánh, ở chỗ tỉ lệ pha nước tro tàu. Nay khá nhiều lò bánh trung thu mới nổi ở Mỹ Tho như lò Kim Vân, Thanh Tâm, Minh Châu và mấy lò khác, phần nào có thể cạnh tranh về mặt chất lượng và giá cả phải chăng với các hiệu bánh ở tỉnh thành khác.Nhưn bánh trung thu thập cẩm thường có

trồng đỏ hột vịt muối, xá xíu, Lạp xưởng, mít bí, hạt dưa, hạt sen, đậu xanh.Lớp trung niên thích ăn bánh thập cẩm.Lớp già thì không thích bánh thập cẩm, ăn nhưn bánh thấy lộn nhộn khó nhai, cho nên thích bánh có trồng đỏ nhưn đậu xanh hay nhưn khoai môn.Vừa có mặn từ trồng đỏ, vừa có ngọt của nhưn bánh, một lối hòa hợp âm dương.Theo khía cạnh chế biến, bánh trung thu và bánh dẻo coi như có họ hàng gần. Trong khi bánh trung thu có hai phần chế biến riêng - phần vỏ bánh và phần nhưn, còn bánh dẻo thì vỏ - bằng bột nếp - và nhưn đều được làm chín trước, sau khi ép trong khuôn, lấy ra có thể ăn liền. Nhưng mấy năm gần đây thì khuynh hướng ăn bánh trung thu thường trắng dường như không còn được dân chúng 'mặn mà'.Thường thường sau ngày rằm mấy quầy bán bánh vẫn còn, lôi cuốn khách hàng bằng 'chiêu' hạ giá.Mua một tặng hai.Giảm giá năm mươi phần trăm.Năm rồi, mới ngày qua mười bốn âm lịch, ở Mỹ Tho đã thấy khá nhiều quầy bánh lề đường dẹp sớm.Hiện tượng khách hàng lơ là thấy rõ, người tiêu thụ sợ loại nhưn có trăm thứ chất bảo quản nhập từ Trung Quốc, sợ vị ngọt gắt cổ vì nhiều đường để bánh khỏi hư mà để lâu được, sợ cách làm bánh thiếu vệ sinh của mấy lò bánh thủ công.Tất nhiên đã có mấy chủ lò than trời như bọng, không còn câu nói cửa miệng - làm một mùa, sống cả năm - chừng như họ đang thấy nghề làm bánh trung thu đang đi vào khúc quanh mới.Ngày xưa, sau rằm tháng tám chừng một tháng, các lò bánh tận dụng bánh trung thu ế thậm chí bánh mốc meo làm nguyên liệu cho bánh chao.Gọi bánh chao lóc lẽ là vì trong khi làm bột người ta có thêm chao đổ vào.Hết như nấu món vịt hấp chao, nấu đúng sách cũng phải dùng tới chao đổ.Bánh chao tuy cứng 'thịt', không mềm, nhưng người ăn vẫn thấy vị béo và ngọt bùi, trong miệng còn thấy được hậu vị của bánh trung thu.Trời giữa mùa mưa người Miên miệt dưới cùng ông bà ông vải y hệt như người Hoa cúng thanh minh trong tiết tháng ba, có tục làm bánh diên diên dùng cho các sãi Miên thức đêm tụng kinh cầu siêu giữa đồng bên những nấm mồ hoang.Các thầy sãi theo Nam tông, nên chỉ ăn bữa ngọ, nếu kinh tụng chưa xong lúc ấy thì phải nhịn đói tới bữa ngọ ngày hôm sau.Tục lệ làm bánh diên diên ngay giữa đồng nổi nước của các chị em người Miên tạo nên nét duyên dân dã.Gần tám chín chục trước tục lệ cúng mả ông bà đã làm dân cổ cự nhớ hình bóng những chiếc xuồng lúc mờ sáng giữa đồng nước. Thường xuồng có hai thiếu nữ, một cô chèo, một cô ngồi bên vịn bột giữa lòng xuồng, kế bên đó là cái cà ràng đang chum lửa. Bột trong vịn đã trộn, nhồi sẵn có hột vịt có bông diên diên mà họ hái từ chiều hôm trước.Xuồng chèo từ tỉnh mơ, họ cứ lựa những đám diên diên gần nơi mả mà tới.Cô gái lo chuyện chiên bánh lựa những nhánh nhiều bông, kéo nhẹ

xuống và quây lắc đều trong vạm bột, để bông cũ và bông mới bám nhau. Rồi cô lẹ tay đưa chum bông ấy vô chảo mở đang nóng và đợi bánh chín vàng. Động tác nhẹ buông tay để thả chum bông về lại cây diên điển uyển chuyển và tập trung tâm tưởng cầu nguyện, cúng dường ấy dành cho những người khuất mặt và cũng giúp các thầy sãi lót lòng để tiếp tụng niệm khi qua giờ Ngọ. Bánh diên điển, ngày trước, cũng được các thiếp các mẹ làm để mấy đứa nhỏ trong nhà ăn lúc buồn miệng nhưng giờ thì chỉ còn được những người thất-thập-cổ-lai-hy nhắc tới. Đầu mùa bông diên điển, người dân miệt Đồng Tháp Mười được thưởng thức bánh xèo diên điển, có vị ngọt thanh như củ sắn xắt sợi mỏng và ngát hương vị đồng nội. Nhưn bánh xèo này giống như bánh xèo, nhưng chỉ khác ở chỗ có thêm bông diên điển đầu mùa vì vào khoảng đầu tháng chín âm lịch bông diên điển bắt đầu có sâu. Lúc này có thêm thì phải quay lại với cái bánh xèo truyền thống. Nhớ xưa vào nhà lồng chợ Mỹ Tho, thấy mấy cô, mấy chị bán hàng trễ buổi ăn sáng đang cuốn bánh xèo chấm nước mắm ớt lót lòng. Dù chỉ kêu một hai cái bánh nhưng vẫn được được giao tới tận nơi. Ở chợ quê thấy có mặt bánh khọt. Mùi hương miền quê quyến với mùi mỡ heo phi hành lỏi cuốn được những đứa trẻ theo chân mẹ ra chợ. Chỉ cần những cái bánh khọt nóng hổi lấy ra từ khuôn bánh bằng đất sét, chỉ cần một mớ rau sống với nước mắm được pha chế cũng đủ làm nhớ mãi không quên. Người bình dân chuộng bánh khọt vì không cầu kỳ như 'bánh căn' - là bánh khọt sang trọng- ở Nha Trang, Ninh Hòa hay ở mấy tỉnh miền nam Trung bộ. Nhưn bánh căn nhiều loại, cầu kỳ, kiểu cách đi cùng với loại nước chấm riêng cho từng loại hết như mấy tiểu thư nhà giàu chọn màu son phấn.

Khi mùa mưa vừa dứt, thì mùa đám hỏi đám cưới tha thướt đến và kéo dài đến gần Tết. Đám hỏi người Việt thế nào cũng có bánh thuẫn. Tuy hay thích chữ nghĩa nô nê, nhất là 'mâu thuẫn', câu về nhắc nhở - *mấy tay háo vô, bánh thuẫn sẵn sàng* - đây coi như hai loại vũ khí dùng đối luyện của mấy tay chuộng thập bát ban võ nghệ, nhưng không hiểu sao mấy ông già bà cả làm ngơ chuyện chữ nghĩa này, vẫn phải 'bắt mâm' bánh thuẫn mang trình nhà gái. Có lần nghe ông bạn già giải thích ý nghĩa của bánh thuẫn không phải là 'mâu thuẫn' mà là 'hậu thuẫn'. Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn. Bánh thuẫn làm bằng nguyên liệu dễ kiếm - bột mì tinh, đường, và trứng- nhưng làm bột đòi hỏi nhiều công vì phải đánh đều và lâu cho bột nổi về sau. Bột bánh đổ trong khuôn gang hình cái thuẫn. Khi đổ xong, người làm bánh lấy con dao tre chấm nước chanh gạch chữ thập trên mặt, để bánh nổi phồng lên bốn gù bông. Cắn một miếng nhỏ, nó như dần tan trong miệng, thích hợp cho phong cách thanh lịch, từ tốn của người nhàn nhã.

Người ham ăn hốt uống cắn một miếng bánh thuẫn to tướng thế nào cũng cứng họng, mắc nghẹn là cái chắc.

Đám cưới người Hoa thì phải có mặt *bánh gà con*, tiếng Quảng gọi là '*cây chấy pêng*',

mà nay còn được gọi dưới tên khác là *bánh bà xã*. Bánh tròn đường kính cỡ chừng nửa tấc, dẹp dẹp giống chiếc bánh Tiều loại nhỏ, mặt hơi vun lên. Vỏ bánh bằng bột mì pha chút mạch nha cán mỏng, nhiều lớp, trên mặt quét thêm lớp trứng đỏ trứng gà. Nhưn bánh tựa tựa nhưn bánh trung thu, nào là lapis xường, mút bí, mè, đậu phộng, vỏ quít. Lapis xường nói lên sự mặn mà, còn mè, đậu phộng và mút bí có ý ngọt bùi, vỏ quít nồng thắm thanh tân, tròn nhưn bánh như nói lên tính cách của người vợ đối với chồng mình. Cầu kỳ hơn lại có trứng vịt bắc thảo và đậu xanh cà ngâm ý cầu mong đôi vợ chồng ăn chung chiếc bánh gà con sẽ có con đầy đàn. Ở miệt Sóc Trăng người Tiều phân biệt rõ ràng *bánh bà xã* và *bánh ông xã* nhờ ở nhưn bánh. Nhưn bánh bà xã chỉ là đậu xanh, mè trắng, cộng với nguyên liệu đường, bơ do đó người ăn chay có thể thưởng thức bánh bà xã. Nhưn bánh ông xã thì là đậu xanh, mè, mỡ, thịt lapis, trứng vịt muối. Còn người Miên ở miệt miền Tây khi làm đám cưới cho con thì luôn chưng *bánh củ gừng* (num-kho-nhây), *tai yến*. Hai loại bánh này được trang hoàng như hai cây san hô chưng trên bàn thờ gia tiên. Sau ba ngày lễ cưới, bánh được hạ xuống và chiên trong dầu. Người Miên còn có nhiều loại bánh khác như bánh cô-nốc, bánh thốt nốt, và ngày nay có thêm bánh tét được nhiều người biết đến là bánh tét Trà Cuông. Lạ đề một chút, địa danh Trà Cuông theo tiếng Miên đầy đủ là Prek Trà Cuonn có nghĩa là 'rạch Rau Muống', có lẽ miệt này nhiều rau muống vậy mà từ nhỏ tôi cứ tưởng rau muống du nhập vào vùng đất 'Nam kỳ Lục tỉnh' khi người miền bắc di cư vào nam, chớ dè đâu rau muống có mặt quá sớm như vậy. Bánh củ gừng cũng được người Chăm bày biện trong lễ cưới cùng với bánh tét (paynung) và bánh gang tay (gakiya), nếu như bánh tét, bánh gang tay tượng trưng cho chồng-vợ thì bánh củ gừng tượng trưng cho sự thủy chung. Ngày lễ trọng đại hay thết đãi bạn quý thì luôn có mặt bánh 'sakaya'. Bánh gồm trứng, đường, gừng và đậu phộng giã nát được đánh nhuyễn, chưng cách thủy trong chén. Bánh ngày thường của người Chăm ở miệt Mương Chà, Châu Đốc có thể làm ta nhớ đến hương vị bánh bông lan và bánh bò nướng là bánh *hà-nam-căn* và bánh *cô-ăm*. Bánh hà-nam-căn có hình nón nhỏ, làm bằng bột mì, hạt vừng và đường thốt nốt đã được đánh đều tay, trước khi nướng trong chảo nhôm đầy người ta phết dầu trên trên mặt chảo để khỏi dính, rắc mè sau khi đổ bột vào. Chụp nắp lại, chừng khoảng năm phút là bánh chín. Cắn chiếc bánh ta thấy được cảm giác giòn của vỏ bánh, xốp của ruột bánh, ngọt thanh của đường

thốt nốt và beo béo của dầu và mè. Bánh cô-ăm cũng được làm như bánh hà-nam-căn nhưng thay thế bột mì bằng bột gạo, có đường thốt nốt nhưng không có hạt vừng nên bánh có màu trắng thay vì màu mỡ-gà, hương vị hết như bánh bò nướng.

Ngồi lẩm nhẩm mấy câu vè, câu hát thuộc lòng ngày xưa - *Vài thời một tác một quan/ Cắt thời khoét lỗ khoét hang đâu còn?/ Bày ra bánh cục, bánh hòn/ Nấn bằng chiếc đũa hầy còn bột không?* hay *Thầy chùa đi lừa bánh cúng/ Vợ ở nhà xách thúng chạy theo* hoặc như *Phật giáo mấy thầy, xin ăn bánh cúng* - lại man mác nhớ đến bánh hòn, bánh cúng. Ngày xa xưa nơi ven tỉnh lỵ Mỹ Tho nhỏ nhắn yên ả, đôi khi ta mới nghe được tiếng rao của mấy dì, mấy thím bán bánh hòn. Nhớ những lần bóc lùm từng cái bánh nhỏ như viên đạn cu li 'cò' màu trắng trứng chim trong. Dai dai của bột năng năng, bùi bùi của hạt đậu phộng làm nhum, beo béo của mấy miếng dừa nạo dòn dốt mới chuyển mình cứng cạy và của mè rang chín. Loại bánh hòn này là loại quý tộc, còn loại bánh hòn bình dân được làm bằng bột khoai mì cũng đỡ cơn đói sau những buổi trưa trốn ngủ đi mò hến. Bánh hòn trong ký ức của tôi chỉ có vậy, nhưng đối với bánh cúng thì vào thời tôi còn nhỏ tôi chẳng chút may mắn biết tới. Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình, sau này lớn lên có được dịp biết tới bánh cúng hình dáng và mùi vị ra sao. Người dân miệt ruộng vườn hay làm bánh cúng tạo thêm thanh sắc trong dịp đám giỗ hay lễ lộc của gia đình. Bánh cúng làm bằng bột gạo ngon, nước cốt dừa, nước lá dứa. Ba thứ này được trộn đều và rót vào 'ống' lá chuối trước đó đã được rọc sẵn rửa sạch, cuộn vắn tròn. Các ống này dài chừng gang tay, nhỏ hơn chiếc đũa bếp một chút, được cột bằng dây lạt và bó theo từng bó nhỏ khi đem hấp. Bánh cúng có màu ngọc bích, thoảng vị béo và hương lá dứa. Một thứ hương vị mộc mạc dân dã miền Nam khó quên trong tiềm thức.

Ngày thường cùng mấy đứa bạn đá banh ở công viên Dân Chủ (đối diện nhà thương tỉnh trên đường Hùng Vương) đôi khi muốn thay đổi món ăn vặt, nhờ thằng bạn quen chạy xẹt qua góc đường Hùng Vương- Lê Đại Hành ghé vô tiệm chụp hình Bạch Đằng mua bánh quai vạt nhưn dừa, nhưn đậu. Má của ông chủ tiệm trẻ có làm thêm các loại bánh như 'sâm-banh', quai vạt để bỏ mồi bán sỉ. Còn nếu không làm sang thì cả đám nhờ một đứa chạy tuốt vô chợ Mỹ mua bánh men (dù vậy cũng ít khi có thằng nào chịu đi). Bánh men nhỏ như viên men để nấu rượu, có màu trắng, xanh lơ, vàng, đỏ. Bánh men ngọt, béo vị nước cốt dừa. Bánh men mới thì giòn, bánh cũ khi ra gió thì mềm rụm. Mấy ông thầy vè nói *Mấy gã hay say, bánh men rất quý*. Thiệt tầm bậy, mấy đệ tử của Lưu Linh lại không hào ngọt nên không chuộng bánh men đâu, dầu vậy bánh men là bánh thân quen để ngồi 'lại rai' uống trà nói chuyện trời trăng mây

nước. Ngày trước nhà nào có đám tang, chủ nhà hay bày bánh men mời bà con chòm xóm đến viếng, đến nỗi đâm quen rồi thành tiếng nói trại 'đi ăn bánh men' có nghĩa là 'viếng đám ma', y như thể ngày nay còn nghe người ta hay nói trại là 'ăn cháo khuya'.

Vào mấy thập niên đầu thế kỷ hai mươi bánh in trở thành loại bánh của biếu tặng, của lễ lộc. Bánh in lục tỉnh lúc ấy khác nhiều với bánh in ở Huế, ở Quảng Nam hay đúng ra là ở miền ngoài. Bánh in miền ngoài thường là bánh in đậu xanh, có hình dạng tròn hoặc vuông, nhỏ nhắn và được gói trong giấy kiến nhiều màu khác nhau, tương trưng cho ngũ hành. Phong bánh in ở lục tỉnh hình chữ nhật, luôn được gói bằng giấy kiến màu đỏ. Loại bánh in nổi tiếng nhứt hạng là do tiệm bánh Bồn Lập trai làm ra nên dân Nam Kỳ gọi luôn là bánh 'bồn lập'. Bạn có nghe câu hò như vậy chưa - *...Anh cũng tính mua/ Một cặp cua, vài cặp vịt/ Cam, quýt, nhãn, hồng/ Một gói ô long/ Một phong bốn lập/ Cây dù mái sập, đôi dòn thêu cườm/ Khăn lụa vàng lườm, dầu chanh thơm ngát/ Trước gởi cô bác cùng song nhạc ở nhà/ Dầu, dù, khăn, dòn sau là của em...* Tiệm Bồn Lập trai nằm ở 'Quai Mytho' (bến Mỹ Tho) ở Chợ Lớn con đường chạy dọc theo bên sau này đổi là đường Trần Chánh Chiêu rồi nay là đường Trần Văn Kiếu. Bến Mỹ Tho là nơi tụ tập các ghe chở lúa gạo ở miền tây theo đường kinh Chợ Gạo lên Sài Gòn, cho nên tiệm Bồn Lập trai có được địa lợi. Tăng khạo hay bạn ghe chài sau khi giao hàng xong thường mua vài phong bánh in được làm bột rất khéo, có thể lột thành từng miếng ăn từng miếng, lấy hương lấy hoa, để cảm nhận được cái vị xộp vị ngon thoảng hương trần bi để tặng cho bà con, bạn bè ở nhà. Tiệm không biết lập năm nào nhưng nghe đồn chủ nhơn của Bồn Lập trai bà con xa với Tôn Thọ Tường, cho nên tiệm này bị Bình Xuyên bắn tan nát vào khoảng một năm đầu nào đó giữa thập niên 1950. Thằng bạn trong xóm nói chừng năm năm mươi bốn, năm mươi lăm vì nó còn nhớ chú Sáu của nó, lúc đó chưa vợ, theo ghe chài chở lúa lên Chợ Lớn. Trong lúc chờ con nước về, thằng nào ông chú cũng ghé xóm nhà Bình Khang (nay là đường Vĩnh Viễn), chọc trời khuấy nước cho đã, nhưng mà cũng không quên mua một hai phong bánh bồn lập cho gia đình của thiếu Sáu tương lai của nó. Bánh bồn lập chắc chắn được bà con ở lục tỉnh vô tình biết rành nhờ có mấy tay 'bạn ghe chài' như chú Sáu quảng cáo. Mấy người bạn cố cựu của tôi nhắc ở Mỹ Tho, ngay từ đầu thập niên 1940, đã có bánh 'bồn lập', do lò bánh Khương Lạc (tiệm bánh nằm ở đường Trung Trắc) ngon không thua gì bánh của hiệu Bồn Lập Trai ở Chợ Lớn. Tiệm Khương Lạc sau đổi chủ, đổi tên thành An Lạc. Bị tiệm bánh An Lạc ở đường Đồng Khánh trên Chợ Lớn thua vì lấy hiệu tiệm trùng với hiệu này, do đó tiệm An Lạc ở Mỹ

Tho phải đổi thành Lê An Lạc và đến đầu thập niên sáu mươi thì xuống dốc, lần hồi chìm vào quên lãng. Làm sao tôi quên ở gần góc đường Trưng Trắc và đầu Cầu Quay có sạp nhỏ của gia đình thằng 'Kha Trần Ác' bạn học chung hồi đệ-nhất-cấp, chiều chiều dọn ra bán tới khuya đủ loại bánh, như bánh bò, bánh khoai mì, bánh gang, bánh đa lợn v.v. Bây giờ nếu thường thức hương vị xưa có lẽ phải chịu khó đi ra Cây Xăng, đầu đường Trần Quốc Tuấn ở ngã quẹo vô chợ Thạnh Trị, có chiếc xe kiến nhỏ bày bán nhiều loại bánh, mỗi thứ một chút vậy cũng thỏa lòng người thích ăn vặt ban đêm.

Phim võ hiệp Hồng Kông, Trung Quốc có những cảnh mấy tay giang hồ hiệp khách ăn ngấu nghiến cái bánh bao không nhưn bằng nắm tay trên đường lán nạn. Loại bánh bao này người Quảng ở nước ta thường ăn với thịt vịt quay. Người miền Bắc Trung Quốc gọi là *màn thầu*. Người dân miền này biết trồng lúa mì, biết ủ bột cho bột nổi, nhưng họ không nướng để làm thành *bánh mì* mà chỉ hấp. Bánh mì theo chân quân viễn chinh Pháp xâm lăng Việt Nam vào hậu bán thế kỷ thứ 19. Nguyễn Đình Chiểu nói đến mấy chữ 'bánh mì' rất sớm, trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc vào cuối năm 1861 của ông có câu: *Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xỏ bàn độc, thấy lại thêm buồn/ Sống làm chi ở lính mã tà, chai rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ*. Đầu thế kỷ 20 thì nhiều người dân Sài Gòn đã biết tới bánh mì. Lúc này người miền Bắc gọi bánh mì là bánh tây; ở bánh mì sừng trâu trong Nam thì gọi là bánh thi sừng bò. Tôi còn nhớ khoảng thập niên 1950-60, ở Mỹ Tho có lò bánh mì Khánh Chương ở đường Trưng Trắc, lò Hoàn Thái ở đường Lê Văn Duyệt gần cửa chợ Mỹ Tho. Rồi sau đó có lò bánh mì điện Minh Cảnh, nằm cuối góc bến xe lô Minh Chánh (nay là chợ Thạnh Trị) và một lò khác - lò Hải Sơn- ở góc đường Lý Thường Kiệt và Pasteur (nay là Trần Hưng Đạo). Nhiều người quen ăn sáng bánh mì ốp la, bánh mì thịt có thêm pa-tê, bánh mì xíu mại, hoặc bánh mì chả lụa. Bánh mì thịt tối cũng có bán, nhưng đặc biệt bánh mì phá lấu bán chừng mười một, mười hai giờ khuya đến hừng sáng. Người bán ở đường Nguyễn Huệ, chạy xe đạp với gần mẫu giáo của mấy bà phước ở góc đường Hùng Vương-Ngô Quyền. Anh bày khay nhôm tròn bày phá lấu đủ loại trên chum xếp bằng cây bên cạnh đó có cần xé đựng bao bột trong có chứa bánh mì nóng hổi. Lúc đó vào những năm 90 thế kỷ trước. Nhưng đầu sao đi nữa thời còn đi học, tụi tôi vẫn khoái bánh mì bì với nước mắm tỏi ớt vào buổi sáng, hay chiều tắm Cầu Dầu xong, ghé nhà bạn ăn bánh mì chấm sữa, tuy nhiên nhớ thấu ruột gan là bánh mì tương, sau trận đá banh quần thảo nghỉ cuối giờ chiều ở công viên Dân chủ, thằng nào cũng ngòm ngòm khúc bánh mì tương của chú Năm bánh mì. Nội thấy cái quét tương từ chiếc 'đũa'

tre mỏng nhỏ bề ngang cầm sẵn trong hủ tương, lẹ làng vào giữa khúc bánh mì xẻ hai, hết như cú vuốt banh hay cú 'xỏ kim' qua háng đối phương điệu nghệ của mấy thằng bạn của tôi, cũng làm tụi tôi chảy nước miếng rồi. Làm sao quên được 'hương vị bình dân' của khúc bánh mì tương của thời xa xưa ấy. Nó cũng như mấy loại bánh trái miệt miền tây lục tỉnh vẫn còn ngọt ngào trong tâm tưởng. Nhớ sao quên.

THƯ LONG

Tình Anh Kép Hát

Phùng Nhân



Đêm nay trong căn phòng cô đơn lữ thứ, Tám Bánh không sao ngủ được. Làm cho anh chạnh lòng nhớ lại một thuở xa xưa. Hồi đó anh đang là một đứa thanh niên mới lớn, được người quen họ giới thiệu vào trong đội bốc vác ở các dây dưa Mỹ Tho. Những ghe chài chờ đầy khoai lang, bắp, bí rợ, dưa hấu, cá đồng, cá

linh. Được mấy đứa con trai như anh, vác từng giỏ cang xé đem lên đồ dây vun trong mấy dây dưa nhà kho. Nhưng rồi một đêm định mệnh đã đến, lại thay đổi cuộc đời anh một cách rất tình cờ. Khi có đoàn hát Trăng Ngàn Nơi đang lưu diễn ngoài miền Trung, đụng với đoàn Thủ Đô lượng sức địch không lại, nên mới chạy về Mỹ Tho đóng tại rạp hát Viễn Trường mé dưới cầu quay để kiếm cơm. Thế là Tám Bánh, một anh chàng thanh niên vác vựa, bị tiếng hát cái lương mê hoặc muốn thoát ly. Nhưng mà muốn làm quen với một anh kép hát vào thời đó đâu phải dễ. Tám Bánh phải rả tới rả lui tới cả tuần lễ mới bắt bớ được một thằng lác bầu cua. Ngày ngày Tám Bánh phải đem chiếc xe đạp lại chực hờ ở trước cửa rạp Viễn Trường, đợi cho nó ngủ thức dậy đánh răng súc miệng xong, thì Tám Bánh bèn chờ nó đi ăn sáng. Cũng may phần đông mấy anh kép hát, đứa nào cũng óm nhom óm nhách, nên Tám Bánh chỉ đạp tà tà. Nhưng khổ nhứt có hôm, đang chờ đi mà thằng kép hát lác bầu cua lại lên cơn ghìen thuốc phiện... Mọi công tác phục dịch của Tám Bánh cho thằng lác bầu cua để nhờ nó tiến cử với ông Bầu gánh, chớ còn bình thường thì làm sao gặp được. Nhưng thằng lác bầu cua vẫn hứa, mà không thực hiện, bởi nó đang có âm mưu, muốn bắt Tám Bánh dẫn đi nhậu chừng nào mút mùa Lễ Thủy thì mới tính. Biết vậy cho nên anh ta buồn lắm, nhưng phải ráng can đảm chịu đựng nhẫn về quê cho bà già tiếp tục gởi tiền lên. Viện có sắp tới tuổi đi lính quân dịch, nên mới tìm mồi mang chạy chọt, chớ còn không thì thế nào cũng phải đi trình diện trại Nhập Ngũ Số 3. Báo hại bà già tưởng thiệt, còn bao nhiêu gĩa lúc trong bồ cũng phải kêu lái bán để nuôi con, thế mới biết công lao của cha mẹ lớn như trời như biển là vậy. Cái lần đầu tiên thằng lác bầu cua dắt Tám Bánh đến gặp ông bầu hát gánh Trăng Ngàn Nơi thật vô cùng trọng đại. Hai đứa đứng khệp nép một hồi, đợi cho ông ăn sáng xia răng xong. Sau đó ông ta mới nhìn Tám Bánh hỏi: - Mày muốn đi theo đoàn hát, mà mày có xin phép cha má mày chưa? Tám Bánh lễ phép đáp: - Dạ thưa ông Bầu. Má con đã cho phép rồi, mà còn mong ước con sau này được lên hàng kép chánh nữa...

Ông Bầu hít thêm khói thuốc:

- Vậy thì tốt. Tướng mày mới nhìn qua cũng thấy triển vọng lắm đa, nếu biết siêng năng vâng lời thì sau này tao cất nhắc...

Rồi ông dạy tiếp:

- Đã đi chung một đoàn hát, thì phải coi nhau như gà cùng một mẹ, có cái gì không biết thì chỉ bảo với nhau. Chớ không được du côn, hay kết bè kết lũ rồi đánh lộn đó ghen...

Thế là cậu học trò Lê Văn Bánh thêm nghề bốc vác tại bến đò máy Mỹ Tho Lê, ở nhà thường gọi là Tám Bánh đã già từ gác trọ trong một đêm mưa gió tại chợ Hàng Còng, mà ở đó mới 18 tuổi đầu đã bị một con đĩ phá trinh, khi thấy thằng nhỏ bị đứt chi lộn thình, thì con đĩ bật ra những tràng cười khoái chí. Còn Tám Bánh cũng bắt đầu từ bữa đó, thêm dày dạn với tuổi đời, cũng tập tành hút thuốc cho oai. Đôi khi cũng chửi thề, cho cuộc đời này biết mặt...

Một đời theo hát thì nó trôi nổi khắp bốn phương, đào kép chánh, đào kép hạng nhì, hạng ba thì họ có nơi ăn chốn ở đàng hoàng. Chớ cái bọn khiên rương, lắc bầu cua hay tráo bài ba lá thì đụng đâu ngủ đó.

Riêng về phần Tám Bánh nhờ có bộ vó bánh trai, nên hết ông bầu bà bầu kêu lại đầm lưng, thì tới anh kép hát kêu lại dầy lỗ ghèn, hoặc mấy cô đào sai đi mua vài tô hủ tiếu.

Trên bước đường sân khấu, không biết ngày xưa kép Thanh Sang, Tấn Tài, Thành Được, Ba Vân họ làm cách nào để được trở thành những kép thượng thặng như ngày nay. Chớ riêng hoàn cảnh của Tám Bánh thì cứ như vậy hoài, biết tới chừng nào được ông bầu, hay ông đạo diễn thương tình cho đóng vai kép phụ. Còn mỗi khi đóng vai quân sĩ, cũng dậm mặt vẽ chun mày, nhưng đến khi bước ra sân khấu khải tấu vài câu, rồi lại chạy vô thì kẻ như hết lớp.

Nhưng trong số kép hát này, Tám Bánh thù ghét có thằng kép Hoàng Than, thật là vô cùng khó chịu. Tánh tình của nó y như đàn bà, thù vật một cây. Nếu làm không vừa ý, thì bị nó trù. Có lần Tám Bánh đang mê binh xập xám chướng, thằng kép Hoàng Than kêu giựt ngược lại biểu phải giác hơi cho nó.

Đang lúc ăn thua, nổi nóng Tám Bánh phang lại một câu nháng lửa:

- Mượn đũa khác đi ông. Bộ không thấy tui đang binh xập xám ở đây hả?

Thế là từ đó nó ém tài, hề vai nào có ngựa là nó nói với ông Bầu phải để Tám Bánh bò cho nó cỡi. Nó còn tằm tắc khen, diễn vai tuồng tướng mạo có oai phong hay không, thì cũng còn tùy thuộc vào con ngựa cỡi của mình. Chớ gặp phải mấy con ngựa yếu quá, óm nhom đi còn không muốn nổi, thì nói gì xông pha ra ngoài trận mạc...

Với số phận hẩm hiu như vậy, thét cũng quen dần. Cuộc đời đã dạy cho Tám Bánh biết thế nào là cay đắng, ngày tháng vẫn hững hờ lướt qua trên lửa tuổi thanh xuân, mà chẳng để lại dấu vết gì. Nếu có chăng, là những thói lợc lừa lẫn dưng đá cá...

Rồi hình bóng Thanh Nga cũng phai mờ trong trí nhớ. Tám Bánh cũng xót xa với thân phận của mình. Bởi sân khấu là một cuộc đời thu nhỏ lại, cho nên anh ta vẫn là một gã kéo màn. Rồi cho đến một hôm trên nhật báo Sài Gòn Mới, trong trang kịch trường người ta đã đăng tin nữ nghệ sĩ Thanh Nga sắp sửa về làm vợ ông đại úy Mẫn. Thế là cái tin này làm chấn động sân khấu cải lương, vì từ xưa tới nay lính tráng thì ngoài nơi trận mạc. Tại sao ông đại úy này o được Thanh Nga đó mới là một việc ly kỳ, riêng Tám Bánh sầu đời cũng muốn bỏ ăn, bởi đào hát thì phải lấy anh kép hát chớ còn lấy lính tráng thì kẻ như phản tở...

Giòng đời vẫn lạnh lùng trôi qua trong cuộc sống, Tám Bánh cũng vẫn là một tên kép hát khiên rương, lâu lâu cũng có sấm tuồng làm vai quân sĩ. Nhưng kiếp làm quân có sống thọ bao giờ, chỉ có một trận đánh xáp lá cà, rồi anh ta đưa lưng ra hứng một mũi trường thương, hay lưỡi kiếm rồi té xuống năm chết gia. Thế là bức màn nhung khép lại, Tám Bánh lại đi ra ngoài làm cò môi cho cái đám lắc bầu cua, hay cái đám xóc đĩa, hót me, đồ xỉ ngẫu để dụ khị mấy người có máu mê cờ bạc.

Cho mãi đến năm 1973, sau trận đánh xả lảng Tết Mậu Thân năm 1968. Bên phía (Việt Cộng) Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chắc đã ê càng, nên rút về phía biên giới Campuchia để chờ bổ sung quân số. Thế là quân đội Việt Nam Cộng Hòa của mình, đã bình định thêm lãnh thổ, làng xã an ninh được vẫn hồi. Đoàn hát Trăng Ngàn Núi bắt đầu lưu diễn xuống Miền Tây, bắt đầu từ xã Tân Thạch tỉnh Bến Tre hát dài xuống tới quận Bình Đại.

Mấy năm nay nhờ mưa thuận gió hòa, nên bà con mình làm ruộng cũng trúng mùa, gặp gánh hát về giống trồng khuya chiêng cả rích cả tang làm mọi người nô nức. Khi gánh Trăng Ngàn Núi về đóng đô tại xã Lộc Thuận, cũng là nơi quê hương bản quán của Tám Bánh hiện giờ, nên được bà con cô bác rất là hiếu khách.

Cho nên tới mấy bữa nước rong, bà con đóng đầy cá kèo, tép đất, cua cái gạch điều nó chạy thiếu gì. Hễ thấy tụi đào hát, kép hát xề rồ lại mua, thì họ hót cho mặc tình ăn nhậu. Có bà còn vui miệng nói, bác cho tui con ăn để có sức. Tối lên sân khấu hát tận tình cho tới văng tuồng, chớ còn nhịn đói thì hát thế nào cũng là nhận lớp phải hôn...

Những lời đối đáp nhà quê, vừa chan chứa cảm tình, vừa biểu lộ tấm lòng đùm bọc. Cũng nhờ thế mà đào kép gánh hát Trăng Ngàn Núi, ăn được cả tép còn tươi, đã mua giá rẻ mà còn được bà con thương tình hót cho thêm mà không hề tính toán.

Còn bà già Tám Bánh thì cũng hành diện âm thầm, nên bà đêm nào cũng rủ vài người bạn thân đi coi hát. Đó cũng là một cái thú coi hát ở dưới thôn quê, nhứt là tuồng Tàu, phải có người bạn thân ngồi kế bên để mà nhắc lớp.

Nhưng gánh Trăng Ngàn Núi đã hát hai đêm rồi, mà kép Hoàng Núi tức là Tám Bánh sao chưa thấy đóng vai nào, mà tối đến cứ lảng vảng trước chợ, rồi đứng soát vé cho tới khuya đến khi thả văng thì ngồi nhậu với đám lắc bầu cua cá cộp.

Chiều nay sau bữa cơm chiều, bà già xé mấy con mắm nha ra trộn với khế chua, rồi cho thêm tỏi, ớt, đường, rau răm để cho con mắm được dịu. Đó là một món ăn mà Tám Bánh mê như từ trước tới giờ, khi và hết một chén com, thì bà già hỏi:

- Sao tối nay hát tuồng gì đó, có vai con đóng hôn? Chớ mấy bữa rày cô bác ở đây, người ta trông dữ lắm...

Tám Bánh ngó bà già trả lời:

- Đêm nay hát tuồng “Quan Công Phò Nhị Tẩu”, con có đóng một vai. Vậy má cứ rủ bà con mình đến coi cho biết. Còn riêng phần má, thì để con dắt vô cửa khỏi mua vé, vì hồi chiều ông bầu có nói trước với con rồi...

Bà già mừng quá, vội nói:

- Phải vậy mới được chớ. Con phải làm sao cho nở mặt nở mày của má ghen con...

Nói xong rồi bà đi một vòng, để cổ động bà con. Rằng tối nay có thằng Tám Bánh sẽ thủ một vai trong vở tuồng Quan Công Phò Nhị Tẩu. Bởi ở nhà quê phần đông bà con của mình rất khoái tuồng Tàu, hoặc hát tuồng Hồ Quảng có pha chế cải lương, nên đêm nay chắc bà con của mình đi xem chật nhà lồng trên chợ.

Nhưng ngặt nỗi cái chợ Ngã Tư Lộc Thuận thì bốn bề trống trơn, bà con mình gà gáy canh tư thì đốt đuốc đi nhóm chợ bán buôn tới trưa thì kẻ như tan chợ. Cho nên gánh hát nào muốn về hát ở đây, thì phải lấy bao bố tời, hay vải bố ra mà dưng lại. Khi hát đến gần nửa tuồng, thì bầu gánh cũng rình xả giàn, vì tới giờ đó đâu có ai còn mua vé nữa. Ông bầu cho phép mấy người kép khiên rương như Tám Bánh vén bao bố hay mấy tấm cà tăng lên. Thế là bà con ở gần chợ, người thì rình ghé đầu đem lại, người vác chun bò, họ kê mấy chỗ nền đất vẽ vát rồi đứng lên coi, làm thành một cái vòng rào người ta thật là đông đúc.

Về phần bà già Tám Bánh, chiều nay đã có một sự hành diện âm thầm, nên ăn cơm xong bà lấy cái khăn đội đầu, rồi đi một mạch từ bên xóm bến ghe của ông Bộ Muôn, bọc qua tới cây quẹo, vòng qua xóm cầu chùa để rủ bà con thân thích. Bà còn cho biết là đêm nay đoàn hát sẽ hát tuồng Quan Công Phò Nhị

Tàu lại có thằng Tám Bảnh, tức là kép Hoàng Núi đóng một vai. Cái tin tức miệng như vậy, mà nó loan truyền rất nhanh trong xã. Cho nên mới có 3 giờ chiều, mà con nít người lớn họ chộn rộn tại chợ Ngã Tư. Có người lo mua vé hát cho sớm để dành chỗ tốt, sợ đề tối rồi mua vé đứng tuốt đằng sau coi thì làm sao cho đã.

Riêng hai vợ chồng ông bầu gánh tối nay thì vui quá. Bởi từ lâu rồi chưa có đêm hát nào mà được khán gia ủng hộ như vậy, nên ông ta muốn diễn vở tuồng này phải gây ấn tượng cho bà con, bèn kêu mấy thằng kép hát làm quân sĩ vô căn dặn:

- Đứa nào nếu có lác đồng tiền, mà hồi chiều ăn thịt chuột và uống rượu đế, thì làm ơn lấy chai thuốc xức lác hiệu “ông già” bôi lên dùm tao. Chớ đừng để đang hát, mà thò tay xuống gài là tao cúp tiền lương đó...

Như chưa hết lo xa, ông ta dạy qua người kép phụ trách cầm châu, rồi nói:

- Tối nay ráng dùm “tui” ngen cha, vở tuồng này mà trống châu thúc quân không giòn thì kể như hư bột hư đường hết. Còn khi Quan Vân Trường công ẩu chúa chạy qua khỏi cầu Trường Bản rồi, thì ông phải thúc trống cho ngựa phi. Vì bà con ở đây, họ thuộc lâu truyền Tàu này hết đó...

Ông đánh trống châu nhìn ông bầu:

- Tôi đánh trống kiểu nào cũng được. Chỉ tội là tội cho thằng Tám Bảnh kia. Không biết nó làm ngựa phi nước đại có nổi không. Bởi hồi chiều này tôi có nghe nó nói, là má nó cho ẵm cơm với mắm nha, nó có nhậu lai rai hết một xị đế...

Căn dặn mấy người đào kép xong, ông bầu thả lần ra trước cửa, thì ở nơi đây người ta chen lấn để giành mua vé hát quá trời.

Phải nói đêm nay là đêm tổ đãi cho đoàn hát Trăng Ngàn Núi, chớ theo như giặc già bây giờ gánh hát chỉ kiếm cơm, chớ làm sao mà giàu có. Chỉ có những gánh đại bang, họ có đủ đào kép thượng thặng mới trụ nổi mấy rạp lớn ở đất Sài Gòn, chớ còn mấy đoàn hát tiểu bang, thì đi xuôi về dưới mấy tỉnh miền Tây, có xã bị tụi du kích bóc lột có khi cả tháng cứ nằm bụng chờ thời chớ mong gì hát xướng. Nhưng vì nghiệp tổ, mà hai vợ chồng ông bầu phải ráng nuôi đào kép để kiếm cơm, cho nên y phục y trang nó đã cũ mèm, nhưng tiền đâu mà mua đồ mới. Màn đêm vừa buông xuống, xung quanh khu chợ Ngã Tư vui nhộn hẳn lên. Nhờ tiếng máy đèn của gánh hát chạy tạch xình tạch xình để phá tan bóng tối. Còn mấy người bán khoai nấu, hay bấp nướng với đậu phộng rang, dưa hấu thì họ đốt đèn dầu. Còn người nào bán cháo gà, cháo vịt thì họ đốt đèn măng xông sáng sủa.

Ngồi trong nhà lồng chợ, bà già Tám Bảnh cùng với mấy bà bạn thân hồi họp một cách lạ kỳ. Khi thấy mấy người kép hát chộn rộn bên trong, còn cô bác thì cứ mua vé bước vô lẫn chen tấp nập. Giờ hát bắt đầu, khi tấm màn nhung từ từ kéo lên, người ta lại thấy ông bầu gánh mặc áo thầy tuồng bước ra giới thiệu tuồng hát đêm nay, cùng với một giàn đào kép mặc áo đủ màu bước ra cúi đầu trình diện.

Dứt lời ông, thì tiếng vỗ tay vang dội nổi lên. Bởi ông thầy tuồng nào cũng vậy, nói năng rất là bài bản. Nhưng đêm nay ông bầu không nói nhiều qua sự tích của tuồng hát, mà ông nói lên tấm lòng ủng hộ của cô bác ở đây. Cho nên tất cả đào kép trong đoàn, xin ghi tạc vào lòng không bao giờ quên được.

Bức màn nhung từ từ hạ xuống, tiếng đàn tiếng trống từ từ trong lại nổi lên, làm cho mọi người đều nổi nức. Bà Năm; má Tám Bảnh lấy trầu ra nhai bôm bôm, hết mời người này rồi tới người kia. Thỉnh thoảng họ cũng dòm chừng, rồi nhỏ xuống đất nghe phệt phệt, không biết nước cốt trầu có văng dính ống quần không, nhưng bà nào bà nấy cũng vui vẻ nói cười chớ không ai để ý.

Nhưng rồi tuồng hát đã hát gần quá nửa đêm, mà thằng Tám Bảnh đóng vai gì sao không thấy hát. Có một bà bạn già, lo lắng hỏi bằng quơ:

- Sao kỳ quá vậy chị Năm. Các vai ra tôi đếm gần đủ hết rồi, màn tối này là Quan Công qua ải. Như vậy là làm sao, hay là nó đang bị cảm...

Bao nhiêu câu hỏi, làm cho bà ruột rối tơ tó. Bởi hồi chiều này khi ẵm cơm với mắm nha thấy nó ăn thật no, rồi còn nhậu vô một xị đế để gọi là tối nay hát cho nó đã. Sao tới giờ này mà chưa thấy bóng dáng của nó là sao, còn cái đám quân sĩ hồi này la ó vang trời, bà nhìn không chớp mắt cũng không thấy nó... Rồi kép Hoàng Than đêm nay thủ vai Quan Công Phò Nhị Tầu thật là uy dũng, mình ngồi trên lưng con Xích Thố cật vó chạy như bay, làm cho cô bác vỗ tay tán thưởng thiếu điều bẻ nhà lồng chợ.

Trong lúc kép Hoàng Than vung trường thương ra để tả xung hữu đột với quân thù, rồi chồm qua xốc ẩu chúa phò nhị tầu chạy qua cầu Trường Bản thì Tám Bảnh tức là kép Hoàng Núi đang làm ngựa cho nó còi cũng mệt muốn đứt hơi. Nên tới chỗ hát Nam Ai, anh ta làm thân ngựa đi chậm lại, rồi vệt lỗ trống thò đầu ra kêu bà già nói. Má; vai con đóng đêm nay đây nè má! Đó là một cảnh rất thảm thương, mà Tám Bảnh đã đi theo tổ nghiệp trong mấy năm trường, sờ trường chỉ có làm quân sĩ hoặc làm ngựa cho kép Hoàng Than nó cỡi. Ôi đời kép hát, nó thật náo nức. Đầu phải hể có giọng ca vàng rồi bước lên sân khấu hát được đầu, mà còn phải tùy thuộc vào nghiệp tổ. Nếu là đào hát, thì phải có nhan sắc, để trêu bẹo với mấy thầy tuồng, hoặc với mấy anh kép chánh đang là trụ cột ở đây. Có khi phải đổi một đời con gái, mới có được một vai để diễn! Bà già thất vọng ê chề, hai khoé mắt rung rung. Mấy bà bạn già thấy vậy cất lời an ủi:

- Coi vậy mà thằng Tám Bảnh đóng vai con Xích Thố cho “ông” cỡi hay lắm đó chị...

Còn bà khác thì nói:

- Chị coi kìa. Phi nước đại kiểu đó thì quân lính nào đuổi theo cho kịp. Phải nói thằng Bảnh mà nó đóng nổi vai con ngựa Xích Thố cũng thiệt tài tình, chớ gặp mấy thằng kép khác thì làm sao ông Quan Công hươi trường thương giết giặc...

Vở tuồng hát vang vào lúc nửa đêm, bà con hăm hở ra về.

Từng ngon đuốc bập bùng đi vào ngõ vắng tan dần trong xóm nhỏ. Chỉ riêng có bà Năm, là má của Tám Bảnh đang ngậm đắng nuốt cay. Bà cũng không ngờ đứa con trai của mình, mấy năm theo hát mà chỉ có được làm “ngựa” cho người ta cỡi. Bà đau lòng lắm, nhưng chẳng biết nói gì, chỉ làm lụi quơ cây đuốc tàu lá dừa đi dưới bóng đêm. Còn thằng Tám Bảnh thì ở trên gánh hát để mà lo dọn dẹp phòng màn, đó cũng là một đời của kép hát làm hàng quân sĩ từ trước đến nay, nên trăm thứ bà dẫn của đoàn hát thì cái đám khiên rương này làm hết.

Sáng hôm sau khi trời tờ mờ ánh, thì thằng Tám Bảnh cũng lò dò về nhà để lục cơm nguội ăn cho đỡ đói. Vì nó đã sạch túi từ mấy bữa nay, bởi phần hút thuốc, phần ăn nhậu, phần đánh bầu của với xốc đĩa thì đồng lương của hàng quân sĩ làm sao cho đủ sống.

Bà già giận lắm, nhưng nhìn thấy con đang ăn mà chẳng nở rầy la. Đợi Tám Bảnh ăn xong thì bà nói xằng:

- Nhục cho tao quá! Tao tưởng đâu mày đóng được vai gì trong tuồng hát, để cho tao được hành diện với lối xóm bà con. Nào ngờ mày khom lưng làm ngựa cho người ta cỡi!

Tám Bảnh nhìn bà rồi nói:

- Má nói vậy chớ làm “ngựa” cho “ông” cỡi đâu phải dễ. Ông bầu đã tuyển cả đoàn, mới lựa được có một mình con...

Tức quá, bà già nạt lớn:

- Thội đẹp cái tật ba xạo của mày qua một bên đi. Lên trên đoàn hát gom hết áo quần đem về. Từ nay trở đi ở nhà làm ruộng với tao, chớ không có đi hát xướng gì nữa hết...

Tám Bảnh than van:

- Má biết không? Con đi theo hát như vậy là để trốn quân dịch cho nó dễ. Chớ ở nhà họ bắt đi lính thì sao?

Bà già nạt lại:

- Đi lính chớ bộ ở tù sao mà sợ. Còn không thì ra xã đăng vô lính nghĩa quân cũng được...

Bà già nhà quê nào cũng vậy, nói là làm ngay chớ không có “on đơ” gì nữa hết. Tám Bảnh đã biết tánh bà già, nên lẳng lặng chấp hành chớ đâu dám cãi. Nhưng trong thâm tâm còn luyến tiếc cái nghề theo hát cải lương. Bởi cái mộng làm kép chánh, để đồng cặp với đào chánh thì đâu có thằng kép hát nào mà không khoái.

Thế là trên bước đường lưu diễn xuống quận Bình Đại tỉnh Bến Tre ở miền tây lẩn này, đoàn hát Trăng Ngàn Núi vừa bị tổn thất, đó là kép hát Tám Bảnh đã đào ngũ nửa chừng. Rồi đây vai ngựa cũng phải khó khăn, bởi mấy đứa khác ốm yếu, thì làm sao đủ sức làm con ngựa Xích Thổ cho kép Hoàng Than nó cỡi...

Chừng vài tháng sau trong một cái đồn nghĩa quân, đóng tại nơi cây cầu sắt giáp xã Tân Phú Trung và xã Lộc Thuận. Thịnh thoảng trong những đêm khuya canh vắng, người ta nghe ca sáu câu vọng cổ. Đó là nỗi lòng của Tám Bảnh, đã một thời đi theo gánh hát lấy nghệ danh là kép Hoàng Núi, nhưng vì lộc tổ không đãi, nên mới bị bà già bắt về rồi gởi vào đồn lính nghĩa quân.

Rồi đồn nghĩa quân cũng mở cửa quy hàng cũng như bao nhiêu đồn bớt khác. Khi cơn bão lửa ngày 30/4/1975 ập đến, lính tráng đều bị tan hàng. Người nào làm quan, làm công chức với cấp bậc lớn thì bị “họ” bắt đi cải tạo. Còn hàng lính lác nghĩa quân như Tám Bảnh thì học tập 2 tuần lễ tại đình Lộc Thuận, bắt đầu từ đó mọi sự đối khổ tràn lan, đi tới đâu cũng nghe tiếng kêu than của người dân không kể xiết.

Rồi người ta lại nghĩ ra cách vượt biên, họ chỉ cần chạy ghe ra tới hải phận quốc tế thì được tàu hải quân Mỹ, hay tàu buôn cứu vớt. Rồi họ đưa vào đất liền để chờ đợi định cư. Riêng Tám Bảnh chưa có bao giờ nghĩ tới, bởi anh còn một mẹ già đang nghèo rớt mòng tơi, thì tiền vàng đâu có mà để tìm đường vượt biên, nên phải đành ở lại dầm mình dưới con rạch Cái Muồng chia cá bóng sao, trước là để nuôi sống tâm thân, sau nữa là chăm sóc mẹ già cho tròn chữ hiếu.

Thế rồi từ nghề kép hát, anh xoay qua làm lính nghĩa quân. Bây giờ anh lại làm nghề chia cá bóng sao giời giang nhứt xóm. Tuy dầm mình dưới nước long theo bãi cạn, hoặc long theo mấy con xẻo để rình dằm bầy cá bóng sao và cá thòi lòi. Cái nghề này tuy âm thầm, nhưng cũng kiếm được miếng ăn. Nhờ thế, mà cũng có chén cơm ăn đắp đổi...

Rồi vào một buổi chiều cơn gió bắc căm căm kéo sợi. Nước dưới con rạch Cá Muồng lại trở lạnh bất thường. Đàn cá bóng sao với đàn cá thòi lòi cũng không còn tung tăng giỡn nước, chúng đang ần náo kín tận trong hang. Tám Bảnh bèn nghĩ bụng, thôi bữa nay mình về sớm một bữa, rồi lén chặt bẫy vại cây cà bắp dừa nước chỗ đầu đất ông Tư Lầu đem về cho bà già kéo bẫy vài cái gàu, để dành mút nước tưới trầu. Chớ cái gàu cũ nó đã nứt dít mấy bữa nay, mỗi lần đưa xuống giếng mút nước rồi kéo lên chỉ còn chừng phân nửa.

Nhưng anh ta vừa càn vô chừng vài thước thì mất anh như bị hoa lên. Bởi trước mặt anh đã có một đám người đang ngồi trong đó. Họ vừa thấy anh, thì họ đã nhảy tới vật xuống dề liền. Tám Bảnh chưa biết phản ứng ra sao, thì có người khác nói: - Mày muốn sống, thì ngồi xuống đây chờ ghe lớn xuống tới rồi đi vượt biên với tụi tao, còn la lối om sòm thì tao cắt cổ. Nói xong, thì có thằng quơ lưỡi dao bén ngót, làm cho anh sợ thiếu điều té đái trong quần. Nhưng cũng phải làm thinh, vì anh lén nhìn bộ tịch mấy thằng này, nó dữ dằn không thua gì bọn cướp!

Kể từ giờ phút đó trong cụm dừa nước hoàn toàn yên lặng. Chỉ có tiếng mũi vo ve, thỉnh thoảng lại vang lên những tiếng thở dài lo lắng. Từ trước tới giờ Tám Bảnh chưa bao giờ dám nghĩ tới cảnh vượt biên, nên anh ngồi đó mà cõi lòng chết lặng. Rồi mấy người này cũng tốt, họ lục trong túi xách đem lấy ra nào bánh lá dừa, bánh tét cắt chia đều. Tám Bảnh vừa ăn, vừa suy nghĩ mong lung. Chắc giờ này bà già ở nhà đang trông chờ anh

đem cá bóng sao và thòi lòi về như mọi bữa. Con nào còn sống thì đem rộng vào trong cái khạp da lươn, để sáng bùng lên chớ bán mà mua gạo. Còn con nào chết thì kho xả ăn cơm, nếu nhiều quá thì nhin bán bớt cho xóm chòm, vì cá chết nên bán lúc nào cũng rẻ.

Màn đêm từ từ buông xuống, muỗi rừng bắt đầu tấu lên một bản nhạc thiên nhiên, khiến cho mọi người đang tập kết tại điểm chờ ghe đến rước đi vượt biên. Tám Bảnh nghe quận thất cõi lòng, khi anh ta nghĩ tới giờ này chắc bà già cũng đang lo lắng cho anh. Vì từ trước tới nay, cái nghề đi chia cá bóng sao của anh chỉ long theo con nước ròng lòi bãi. Còn bây giờ trời đất đã nhá nhem, nước lớn đầy mà. Chắc bà già ở nhà lo sợ làm sao ngủ được!

Bốn bề yên lặng như tờ, thì bỗng đâu có tiếng giả cúm nùm kêu lên ba tiếng. Trong số người vượt biên đang ngồi đợi, họ lại giả ra ba tiếng ech kêu lên. Thế là ám hiệu ăn khóp, hai bên đều mừng rỡ. Chừng vài phút đồng hồ sau, thì có một người cầm đèn khí đá giả bộ soi nhái bước vào. Hai người nói nhỏ với nhau, rồi họ ra hiệu biểu mọi người bước đi theo trong bóng tối.

Khi họ dẫn đi ra tới mé sông Ba Lai, thì Tám Bảnh đã thấy có một chiếc ghe đang đậu ở đó trước rồi. Mọi người ai nấy cũng hấp tấp bước xuống ghe, sau đó họ bắt chun xuống hầm ngồi chật như nêm cối. Trong khoảnh khắc đó, Tám Bảnh cũng chưa có một khái niệm về sự vượt biên, nên anh ta cũng không mừng vui như bao nhiêu người khác.

Qua ngày hôm sau khi chiếc ghe vượt biên chạy ra tới hải phận quốc tế hải hùng, bốn bề sóng nước bủa vây. Còn chiếc ghe máy nổ cộc cạch chạy chậm như một chiếc lá vàng đang trôi theo dòng nước...

Nhưng nhờ trời Phật độ, chiếc ghe vượt biên của anh cũng chạy tới đảo Bi Đông. Anh ở đó đúng một năm thì được phái đoàn Úc phỏng vấn và cho định cư ty nạn chánh trị. Để từ đó đến nay, anh làm được Việt kiều. Một cái chức, hay một cái tên không biết từ đâu, do người nào đặt ra vậy mà ngày hôm nay sáng giá quá trời, đã có rất nhiều đứa con gái vì làm lỡ mgây thơ, nên đã trao thân cho tướng cướp “Việt kiều” để rồi sau này ân hận!

Cho đến ngày hôm nay mặc dầu Tám Bảnh đã già, nhưng hai tiếng cải lương làm cho anh còn mê mẩn. Chắc là tổ nghiệp đã vận vào thân, nên anh ao ước âm thầm. Nếu trúng số Lotto thì chắc anh lập ra đoàn hát. Khiến số tiền lương lao động cũng bị hao hụt một phần, vì anh đang nuôi 6 con số Lotto, đã cho nó ăn bộn tiền rồi mà cũng chưa bao giờ được trúng. Ước chi được trúng, anh sẽ làm chức ông bầu. Còn bà bầu không biết giao ai, thôi thì để đó chờ hạ hồi phân giải!/-

Phùng Nhân

Từ Bi Hồng

Nhà danh họa nổi tiếng vẽ Ngựa

Nguyễn Đức Tăng

Có thể nói trong chúng ta, dù yêu hay không yêu nghệ thuật, ít nhiều cũng đã có dịp nhìn ngắm những con ngựa tung vó phi nước đại hay đang thông dong gặm cỏ trong tranh thủy mặc của nhà danh họa Trung Quốc : Từ Bi Hồng.

Từ Bi Hồng sinh ngày 19-7-1895 tại một xóm nhỏ thuộc huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô, Trung Hoa. Thân phụ ông là một họa sĩ nghèo. Mẹ ông là một phụ nữ nông thôn cần cù, chân chất. Ông theo cha tập vẽ từ năm lên 9. Nhờ lòng say mê thiên bẩm, cộng với óc sáng tạo và công khổ luyện, ông đã tiến nhanh trên đường nghệ thuật và đã trở thành một ngôi sao sáng của nền nghệ thuật hội họa cận đại Trung Hoa.

Ông cũng đã từng theo học hội họa tại Nhật, Bỉ, Ý và Pháp. Thầy của ông là một danh họa nổi tiếng của Pháp, đã tiên đoán ông sẽ trở thành một danh họa.

Từ Bi Hồng còn biệt tài vẽ ngựa bằng mực tàu và màu nước. Những con ngựa dưới ngòi bút lông của ông thật sinh động, độc đáo, muôn hình vạn trạng, đã thu hút hàng triệu khán giả và làm kinh ngạc những nhà phê bình khó tính. Tác phẩm của Từ Bi Hồng đã nhiều lần được triển lãm tại Nhật, Ý, Ấn, Nam Dương, Thụy Sĩ, Đức, Pháp... đã được sự cảm phục của hàng triệu trái tim yêu nghệ thuật trên địa cầu.

Tê Bạch Thạch, một họa sĩ nổi tiếng của Trung Hoa là bạn của ông, đã có lần đánh giá ông là họa sĩ vẽ ngựa « cổ kim đệ nhất nhân ».

Từ Bi Hồng đã có một tình thương yêu đặc biệt đối với loài vật rất gần gũi với con người này. Ông đã tìm hiểu sâu về bản chất sống động và sự cấu tạo cơ thể của loài ngựa, ông quan sát, suy ngẫm cho đến khi hình tượng ngựa hiện lên một cách sinh động trong ý nghĩ ông. Khi đó, với bút lông no mực, ông vẽ ra những nét chắc nịch mà phóng khoáng bằng hai gam màu đen, trắng, với độ đậm nhạt và loang nhòa vừa phải, để những con ngựa của ông hiện lên, khi thì tung vó phi nước đại, khi thì đang thông dong gặm cỏ, khi thì ngựa có đàn hay lẻ loi cô độc; tất cả đều tràn trề sức sống, như là ông đã trút vào đó không phải chất liệu mực tàu và nước lã, mà cả hơi thở, cả chân khí nữa, khiến người xem tranh có cảm giác như đã nghe tiếng lóc cóc của vó ngựa, tiếng gió rít tung bồm hay tiếng hí rền vang động không gian.

Từ Bi Hồng không chỉ là một danh họa mà còn là một nhà giáo dục mỹ thuật nổi tiếng.

Những quan điểm của ông về hội họa thật sắc sảo. Ông quan niệm rằng ký họa là cơ sở của tạo hình, muốn lột tả hết tinh thần và sắc thái con vật với những đường nét sinh động chính xác thì nhất thiết phải lấy ký họa làm căn bản. Ông cũng từng nói : kỹ xảo và cảm nhận thực tiễn phải theo quy luật của tự nhiên. Ông luôn bám sát thực tiễn cuộc sống để cảm nhận, để khai thác nguồn cảm hứng sáng tác. Ông từng nói : « Nhà nước và xã hội cần những họa sĩ biết mô tả sống động hiện thực cuộc sống của người dân. »

Ông đã khéo léo dung hòa được tinh hoa của nền hội họa cổ kim, trong ngoài, để tích lũy và hoàn thành một phong cách riêng độc đáo, mang đậm nét Đông phương với cái hồn trong truyền thống quốc họa Trung Hoa. Ông cho rằng cần học tập tinh thần sáng tạo của các nhà nghệ thuật bậc thầy cổ đại chứ không nên theo đuổi và thỏa mãn trong sự bắt chước đơn thuần.

Là người từng sống trong thời kỳ mà Trung Hoa chìm ngập trong thác lũ thiên tai và chiến tranh, ông đã gửi gắm tâm tư mình vào những bức tranh vẽ ngựa. Ông vẽ con ngựa cô đơn, bơ vơ, với lời ghi : “Cùng trời cuối đất biết về đâu ?”. Khi đất nước ông có biến đổi phần khởi, ông vẽ một con ngựa phi nước đại với dòng chữ : “Sơn hà chiến thắng quy dân chủ, san bằng trở ngại đường thành thang.”

Ông thường nhắc nhở học trò của ông rằng muốn vẽ ngựa giỏi, không những cần có tài năng mà còn cần cả “chân khí” nữa, có nghĩa là cần có sức tưởng tượng trong khuôn khổ tập trung ý nghĩ cao độ tới mức nhập thần. Về ngựa trước nhất phải tôn trọng con ngựa là thầy. Bí quyết vẽ ngựa được ông đúc kết trong 6 chữ ngắn gọn : “Tập tinh vi, chí quảng đại” nghĩa là hết mình từ cái nhỏ nhoi để đạt được cái lớn lao.

Từ Bi Hồng mất ngày 26-9-1953 tại Bắc Kinh vì bệnh xuất huyết não. Hiện nay tại Viện Bảo tàng Mỹ Thuật Bắc Kinh còn lưu lại hàng ngàn bức ký họa ngựa của ông vẽ bằng chất liệu mực tàu, màu nước, chì than và phấn màu.-

(tài liệu tham khảo : “Từ Bi Hồng mã tập”)



Nỗi Nhớ



Ảnh truy cập và chép lại từ Google ngày 1.5.2013

Hè năm 1999, tôi và nhà tôi sang Pháp thăm gia đình một đứa con gái ở Saint Avertin, một thị trấn ngoại vi của thành phố Tours. Sáng nào chúng tôi cũng ra trạm Bưu điện của thị trấn và ngồi chơi trên cái băng cây nơi một công viên gần đó. Năng hạ vàng ở Pháp không nóng chỉ đủ làm ấm người và ấm lòng lữ khách.

Chúng tôi đến đó ngồi trên chiếc ghế băng dài kể chuyện cho nhau nghe về vùng Thung Lũng sông Loire (Val de Loire) hay là Touraine từ xa xưa vốn là lãnh địa của các sứ quân, giờ đây được người dân Pháp tôn vinh là Ngôi Vườn Nước Pháp (Jardin de France) với nhiều lâu đài thành quách cổ kính qui mô hoành tráng vào bậc nhất của nước Pháp.

Và cũng nơi đây các ngôi đền đài thành quách nguy nga đồ sộ này còn để lại cho đến ngày nay biết bao nhiêu thiên hùng sử và cũng không ít thiên tình sử bi đát trong hàng ngũ các sứ quân có mộng mưu bá đồ vương cùng với các giai nhân mỹ nữ trong chốn thâm cung bí sử.

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế băng dài này hàng giờ hưởng trọn ngọn gió tây nam mát mẻ từ vùng Auvergne sương mù thổi đến qua dải sông Loire bát ngát. Chúng tôi vui thích nhìn những tàn cây cao vút vượt lên khoảng trời xanh lam có những làn mây trắng trôi lững lờ. Chúng tôi cho những con chim sẽ quanh quẩn dưới chân chúng tôi những miếng bánh mì vụn bù lại chúng cho tôi nghe những tiếng kêu chim chirp dễ thương. Chiếc ghế băng dài nơi một góc vườn hoa nhỏ nhắn này dường như dành riêng cho chúng tôi. Ngay lúc chúng tôi đến, chiếc ghế dài đã sạch sẽ thơm mát không một hạt bụi, không một hạt sương khuya còn đọng lại, sẵn sàng và như mời gọi. Cả góc vườn này cũng vậy cũng trống vắng người du ngoạn...đường như tất cả vùng trời này dành riêng cho chúng tôi cho đến khi trời đã trưa chúng tôi luyến tiếc giả từ chiếc băng, giả từ góc vườn xinh đẹp ra về và hẹn ngày mai trở lại.

Thời gian là con thuyền chở chúng ta trên dòng đời không bao giờ có ngoại lệ, nên đã đến lúc chúng tôi phải nói lời tạm biệt với chiếc ghế băng dài, với ngôi vườn nhỏ bé mà chưa chi đã đi vào lòng chúng tôi. Sáng hôm ấy, buổi sáng chia tay Vùng Thung lũng sông Loire, chia tay thị trấn Saint Avertin thơ mộng, chia tay chiếc ghế băng dài trong ngôi vườn hoa với bầy chim sẻ, lòng chúng tôi cảm thấy lưu luyến ngậm ngùi.

Kịp khi xe đưa chúng tôi lên một cây cầu cao, tôi chồm người lên hướng tầm mắt về thị trấn Saint Avertin, tìm trạm Bưu điện để nhìn lại lần cuối chiếc ghế băng dài nơi một công viên nhỏ bé mà nơi đó ghi lại trong chúng tôi biết bao kỷ niệm. Nhưng sương mù buổi sáng của nền trời đã chồm thu và những giọt nước mắt nhạt nhòa đã không cho tôi nhìn ra cảnh cũ để vẫy tay chào tạm biệt chiếc ghế băng dài nơi một công viên nhỏ

bé....với đàn chim sẽ đã cùng chúng tôi bầu bạn trong một thời gian khá dài trong mùa hè năm ấy nơi đất Pháp.

Thời gian trôi, đối với tôi vùng Thung Lũng sông Loire, thị trấn Saint Avertin cũng lần lần trôi vào quá khứ, chiếc ghế băng dài bên ngôi vườn hoa nhỏ bé...cùng đàn chim sẽ...hoa hồng lắm cũng chỉ về trong giấc mộng và bốn năm sau...nhà tôi cũng đã ra đi. Thế là hết. Thế là vĩnh biệt cảnh cũ lẫn người xưa.

Nhưng vừa đây tôi có dịp” tái ngộ” với chiếc ghế băng dài bên vườn hoa nhỏ bé dưới vòm trời Saint Avertin mà tôi ngỡ là vĩnh viễn xa nhau. Số là một hôm vô công rồi việc, tôi vô tình nhấp chuột vì tính truy cập Google Trái đất. Rồi cũng vô tình nhấp vào từ Pháp quốc đến địa danh Indre et Loire rồi Tours rồi Saint Avertin và cứ thế con đường dẫn tôi đến trạm Bưu điện và lạ lùng làm sao chiếc ghế băng dài lộ lộ hiện ra rõ ràng trong ngôi vườn nhỏ bé thuở xưa...Tôi bàng hoàng nhìn lại vẫn nó, chiếc ghế băng dài ngày xưa, sạch sẽ tươm tất không một hạt bụi, không một hạt sương khuya còn đọng lại ...sẵn sàng như chào đón, như mời gọi người tri kỷ...Nước mắt tôi đã trào ra tự lúc nào....

Tôi thần thờ bấm máy lưu giữ tấm hình, phóng lớn ra để cố tìm ra dấu chân xưa của chúng tôi còn lưu giữ tại đây, tôi tìm ra từng ngọn cỏ vàng úa vì cái nóng mùa hạ, tôi tìm những tán cây xanh vượt lên nền trời xanh lam có những vùng mây trắng lơ lửng trôi....

Tôi có dịp trở lại đây với chiếc ghế băng dài đã cùng chúng tôi một thuở keo sơn gắn bó. Nhưng “nó”, chiếc ghế băng dài, đã cùng tôi xa cách mười bốn năm trời vẫn trông trơn như chờ đợi hai người tri kỷ năm xưa. Duyên hội ngộ này chỉ là ảo tưởng mà cũng là ảo ảnh vì còn ai đâu để cùng tôi nói lại tình xưa nghĩa cũ với chiếc ghế băng dài, nơi một vườn hoa nhỏ bé bên cạnh trạm Bưu điện của thị trấn Saint Avertin thơ mộng, của một vùng Touraine đầy dấu ấn lịch sử bị hùng thời trung cổ, của vùng đất miền Trung nước Pháp..

Ville de
Saint Avertin

nỗi nhớ

Hồn ta đây mà sao như về chốn cũ
Công viên buồn ủ rũ bóng em đâu
Băng ghế em ngồi như còn nóng hổi
Dấu chân em như in đậm vết cỏ sâu.



Trạm Bưu điện Saint Avertin
Saint Avertin , đây công viên Bưu điện
Em và ta như chiếm ngự cả góc trời
Chiếc ghế băng là của ta từ thuở trước
Tình thủy chung mấy chốc đã không rời.



Sông Loire vùng thượng nguồn (Touraine)

Tiếng chim hót như nhịp hoan ca muôn điệu
Gió sông Loire tắm mát chỉ riêng mình
Nắng hạ vàng làm ấm lòng lũ khách
Vùng Touraine bắt ngát một trời tình.



Lâu đài Chenonceau xây vắt qua sông Cher

Những đồi núi cao, những dòng sông thấp
Những lâu đài thành quách tự ngàn xưa
Khi ta đến đêm về trăng đèn thấp sáng
Chào mừng ta lấp lánh bóng sao sa.



Sông Cher, phụ lưu của sông Loire

Dòng sông Cher lững lờ tơ liễu rủ
Điện Chenonceau thấp thoáng bóng Diane
Ai đưa bước hồng nhan gần vương bá
Để rồi một kiếp mộng đành tan.



Lâu đài Chambord

Và đâu đây Chinon, Loches ..thiên hùng sử
Một Chambord nguy nga tráng lệ ...thời xa...
Đã có lúc giai nhân làm tiêu đề nghiệp
Để người sau viết lại bản bi hùng ca



Binh minh Saint Avertin

Ngày ra về nơi đây như hoang vắng
Chiếc băng xưa mãi đến ngày nay
Vẫn để trống dành cho em ngày trở lại
Ôi! bao giờ có được mộng trùng lai.



Quốc lộ đường về

Mỗi cánh chim bay đường về xa tắp
Ta thần thờ nhớ lại chiếc băng dài
Trong ngôi vườn nhỏ cùng đàn chim sẽ
Một khoảng đường là điệp khúc chia tay.

MẠC NHÂN TVC
Hạ chí năm Quý Tỵ. 2013

TRẠNG QUỲNH VÀ NỢ VĂN CHƯƠNG

(*3)

Nói đến Trang Quỳnh ngoài những chuyện dân gian mà mọi người đều biết, trong chúng ta chắc ít nhất cũng một lần nghe câu đối bất hủ làm cho cụ phải ngậm bồ hòn : “Đa trắng vỏ bì bạch”.

Không biết thời cụ Trang Quỳnh có câu “khôn ba năm, dạy một giờ” chưa? bộ hết giờ đi chơi hay sao mà chờ đến giờ cụ Đoàn Thị Điểm tắm mà vào chơi để cho người ta ra phán cho một câu rồi cuốn dù rút êm. Đã vậy lúc sống lại không lo trả nợ để món nợ cho đến bây giờ, nợ mẹ đẻ nợ con...Hình như bây giờ người ta moi ra đâu tới ba hay bốn câu gì đó mà cụ còn nợ bên phía liên bà.

Ở cái thời “Nam nữ thọ thọ bất thân” mà cụ vào nhà khuê nữ lúc người ta đang tắm vẫn không bị cáo quan thì phải phục cụ sát đất, chỉ cái khoảng này thôi bên phía học sinh trường Cụ Đồ lắm người muốn bái cụ làm sư. Mấy anh giỏi nhất trường Cụ Đồ cũng chỉ dám đến nhà bạn gái chơi rồi rủ tắm chung chứ chưa anh nào dám chui vào nhà lúc con gái thầy đang tắm cả? (Có anh nào dám làm chuyện này xin cho biết quý danh tôi tôn luôn làm thầy).

Người Việt mà đã nhận làm thầy rồi thì “Nhất nhật vi sư...” cho nên nợ cụ bên phía liên bà lắm người muốn trả, trả để mỗi lần nhìn thân hình trắng nõn nà của bà xã mà lại nhớ câu “Đa trắng vỏ bì bạch” khỏi phải hồn phi phách tán, bao nhiêu nhuệ khí tiêu tan... “Chuyện ấy đêm nay đành gác lại.

Mai...”

Nói đến nợ cũng lắm thứ và cũng lắm cách trả nợ. Có khi chủ nợ tính kiểu cho mượn con trâu, năm sau con trâu đẻ một con, năm sau nữa con mẹ và con con đẻ, chủ nợ được bốn con...Có khi con nợ tính kiểu đất lở :mượn một mẫu đất năm nay, năm tới đất lở mất hai thước...hai chục năm sau có khi chủ nợ phải bù thêm cho con nợ hoặc là mượn một mẫu đất thời Bảo Đại con nợ qui ra tiền Bảo Đại rồi trả bằng tiền bác Hồ...Tùy theo họ muốn trả nợ thật sự hay muốn quyt nợ. Có người tự nhiên quàng vào cổ cái nợ không dính dáng gì đến mình như chuyện nhận cụ Trang Quỳnh làm thầy rồi đi trả nợ hay Bill Gates nhận cái nợ của nhân loại phải bỏ cả công ăn việc làm để làm chuyện từ thiện.

Chuyện nợ nần một vài tuần, một vài tháng trả được là hay nhất để lâu quá sinh ra nhiều chuyện ngoài ý muốn ;Tôi có bà cô họ, cô mượn tiền cha tôi mua căn nhà vào thập niên 60 sau năm 75 cô tôi bán căn nhà 30 lượng vàng ;Lẽ ra nếu tính kiểu quyt nợ cô tôi chỉ cần tính số tiền mượn hồi trước rồi trả bằng tiền bác Hồ nhưng cô tôi không làm vậy mà tính hồi trước cha tôi cho mượn 2/3 số tiền mua nhà nhưng bây giờ mang 2/3 số vàng bán căn nhà mà trả cho cha tôi thì cô tôi không còn gì cả rồi cô tôi nhận nợ cha tôi kiếp này hai người vẫn vui vẻ .(Không biết có ai còn cách nào hay hơn không?)

Còn có thứ nợ nữa khó trả hơn ; Là nợ tình, nợ nhau ở tuổi đôi tám ; Hai hay ba mươi năm sau còn trả được .Còn như năm mươi năm sau, má hóp răng rụng hết, còn ăn uống nổi gì.Một ngày nào đó đang ngồi sưởi nắng bên thềm, thả hồn về dĩ vãng chẳng may có người đến nói “Anh còn nợ tình em” thôi thì “Cho anh luôn đây, xài không hết để dành cho con cháu anh xài”.

Nợ cha con trả là chuyện “thiên kinh địa nghĩa” nhưng với nợ tình thì không được, càng muốn trả lại càng khó coi không lẽ nói “Thưa bác con muốn trả nợ tình cho cha con” hay “Thưa bà con muốn trả nợ tình cho ông con”.Nói thì nói vậy nhưng suýt chút nữa tôi phải trả nợ tình cho cha rồi :

“Hồi chưa gặp mẹ tôi, ông bác họ định làm may cô em vợ cho cha tôi, hai người không thành ,sau này bà vợ huyệt này lại muốn tác thành tôi và con gái bà ;Cũng trót huốt”

Có những cái nợ phải trả liền ngay sau đó mới có ý nghĩa, đó là nợ câu đối và chỉ có người ra về đối và người đối là chủ nợ và con nợ nếu không đối liền được những người khác đối thay

hay qua ngày hôm sau nó không còn ý nghĩa của trò chơi này nữa.Như chuyện Mạc Đình Chi đi sứ :

“Một buổi chiều Hề oi bức, Mạc Đình Chi cùng đoàn tùy tùng dừng chân ở một quán nước ven đường .Chủ quán là một cụ già, ra chào khách .Trong khi chờ đợi chủ quán pha trà, ông đi nhìn phong cảnh xung quanh thì thấy trên thành giếng có viết năm chữ: ‘Ngân bình, kiên thượng ty’.thấy lạ, ông hỏi chủ quán, bà cụ từ tốn kể:

-Trong quán này, xưa có một cô bán hàng, cũng giỏi giang chữ nghĩa.Quán nằm trên đường đến trường của một anh học trò, cứ mỗi ngày đi học về là anh ta vào quán uống nước rồi tìm cách tán tỉnh.

Lâu dần cô hàng nước cũng xiêu lòng nhưng còn muốn thử tài học trước khi trao thân gởi phận mới ra về đối và hứa nếu anh chàng mà đối được sẽ nhận nâng khăn sửa túi.Còn nếu không thì xin giữ lễ nghĩa đúng phép.Về đối như vậy :

‘Ngân bình: kiên thượng ty’ (Bình ngọc:cổ trên vai –Ý cái vôi trên cổ ả).

Anh học trò nghĩ mãi không đối được, xấu hổ, đâm đầu xuống giếng tự vận .Sau đó có người viết về đối lên thành giếng để thách thức thiên hạ ,nhưng đến nay chưa ai đối được”.

Nghe đến đây ông tặc lưỡi ra về hồi tiếc cho anh học trò .Rồi ông khăn vãi vong hồn người chết : Lúc sống anh không đối được để phải chết tức tưởi ,thôi thì để ta đối giùm giải oan cho hồn anh được siêu thoát.

Ông đọc luôn :

‘Kim toà:phúc trung tu’ (Khoá vàng :râu trong bụng-Ý tua khoá trong ruột khoá) .

Rồi ông sai người khắc câu đó lên thành giếng bên cạnh câu của cô hàng nước.

Mọi người đều nhìn nhận câu đối thật hay”.

Chuyện Trang Ngọt -Hứa Tam Tỉnh.

Ông thi hội khoa Mậu Thìn (1508) đời vua Lê Uy Mục cùng với Nguyễn Giản Thanh, Nguyễn Hữu Nghiêm.

Qua các lần thi Hội và thi Đình ông đều xuất sắc hơn hai người kia nhưng lúc vào diện kiến vì tướng tá xấu xí lại đen nên sau khi diện kiến nhà vua ,ông chỉ đỗ bằng nhàn,Nguyễn Giản thanh -trạng nguyên, Nguyễn hữu Nghiêm –thám hoa mà lẽ ra quan trường định xếp cho ông đỗ trạng nguyên.

Lúc còn nhỏ, Hứa tam Tỉnh học rất giỏi chỉ tội nghèo lại xấu. Ông thích nhan sắc một tiểu thư con nhà quan, có một hôm ông dốc hết tiền dành dụm được chỉ để thay chân anh khiêng vồng cho cô hầu được nhìn cho đã thèm.Suốt ngày cứ nài ni mẹ đi cưới cô ta cho mình.

Bà mẹ thương con nên bấm bụng làm lễ đi xin cưới, cha cô gái nghe tài học Hứa Tam Tỉnh nên cũng đồng ý với điều kiện là anh phải thi đậu .Năm sau ông thi hương đỗ đầu quan giữ lời hứa và cho làm lễ cưới.

Đến ngày cưới tiểu thư mới vỡ lẽ người chồng của cô là tên khiên vồng năm nào lại xấu trai nữa nên lúc động phòng định làm khó cho đỡ tức hoặc nếu có ngượng thì bỏ cuộc cũng hay .Nghĩ vậy cô ra một vẻ đối :

-Ôc lậu nguyệt xuyên, hình kê hoãn,tam tam tứ tứ.

(Nhà thùng trăng soi, như trứng gà, loang loang lỗ lỗ).

Hứa Tam Tỉnh nghĩ mãi không ra về đối, vừa xấu hổ, vừa bức mình bỏ ra ngoài bờ sông định bụng nhảy xuống sông cho xong chuyện.

Gió mát trăng thanh làm ông thanh thản hơn, gió gợn sóng ánh lên những vẩy bạc như vẩy rồng, ông chợt nghĩ ra, liền quay về :

- Giang trường phong lộng, tự long lân, điệp điệp trùng trùng . Chút xíu nữa lại có một người chết oan nữa rồi.

Mạc Đình Chi đậu trạng nguyên năm 1304 đời vua Trần Anh Tông .Năm 1308 ông được vua Trần Anh Tông cử đi sứ nhà Nguyên vì đang mùa mưa nên sứ đoàn đến cửa ải chậm hai ngày . Quan giữ ải muốn làm khó sứ đoàn Việt Nam nên một

mực không cho qua .Vì muốn làm tròn nhiệm vụ nên ông cố nài ni viên quan coi cửa .Cuối cùng viên quan coi cửa cũng chịu nhưng với điều kiện là Mạc Đĩnh chi Phải đối được câu đối của hân .Nghĩ một hồi tên quan hí hửng ra câu đối :
-Quá quan trì, quan quan bế, át quá khách quá quan.
(Đền cửa ải chậm, người coi cửa đóng cửa không cho khách qua)

Không cần suy nghĩ .Mạc Đĩnh Chi đối ngay :

-Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh đối trước.

(Ra đối thì dễ, đối lại thì khó ,mời tiên sinh đối trước).

Quan coi ải vãi ông hai vãi , phực tài và cho qua .

Gây chuyện thì dễ chỉ tội cho người thu dọn tàn cuộc .Ra câu đối thì dễ như là đẩy một người xuống biển bơi được thì sống không bơi được thì ránh chịu .Thường thì những vế đối ra dễ bắt bí thiên hạ ;càng ngày người ta càng nghĩ ra những câu hóc búa hơn .Thời Mạc Đĩnh Chi đến thời Trịnh Quỳnh gần 400 năm,có lẽ Trịnh Quỳnh đã đọc được chuyện Mạc Đĩnh Chi đối câu “Ngân bình: kiên thượng ty” để siêu thoát cho gã thư sinh nên chẳng đại gì đâm đầu xuống giếng cho thiêu hạ phải “đối siêu”.

Trước đây có một vài người định trả nợ giùm cho cụ Trịnh Quỳnh gỡ lại mặt mũi cho phía liên ông ,khổ đời ở chỗ bao nhiêu câu đối cho là khó lại có mặt Trịnh Quỳnh cả hay là bao nhiêu nợ trên đời đều đổ cho ông hết ?

Phân tích câu “Da trắng vỗ bì bạch” có:

1- Da trắng và bì bạch cùng nghĩa.

2- Bì bạch tiếng Hán.

với hai điểm này có một số câu đối trước đó như:

- Trời xanh như thiên thanh.

- Gà đen nướng ô Kê.

Hay ta có thể làm một số câu tương tự như:

- Ngựa đen rượt ô mã.

- Gà đen đá ô kê.

- Rồng đen đề hắc long.

- Tắm ván đề mộc bản.

Mấy vế đối trên đạt được hai yêu cầu ,nhưng nghe không kêu ,không đã bằng từ tượng thanh vỗ “bì-bạch”,nổi ì -dùng , kêu oan- oác,thờ hồng học,nói rồn rần ...

3- Bì bạch tĩnh từ tượng thanh trong tiếng Việt.

Mấy năm trước tôi cũng ráng tìm được hai câu đạt được ba yêu cầu:

- **Hạc đỏ thờ hồng-học .**

Hồng học trong tiếng Hán cũng là con hạc đỏ, thờ hồng học đối với vỗ Bì bạch

- **Cọp đục đầu hùng-hồ.**

Hùng -hồ cũng là cọp đục trong tiếng Hán.

Đọc tới đọc lui vẫn chưa hài lòng với cách đối của mình, cố gắng mổ xẻ câu đối một lần nữa, tôi lại tìm ra một điểm nữa.

4-Chữ bì bạch là tiếng Việt do nói lái chữ “bạch bì” (tiếng Hán) mà ra. Đọc một điều là khi nói “bạch bì” có nghĩa hân hoan trong tiếng Hán nhưng khi nói ngược lại thì có nghĩa trong tiếng Việt lại là một từ tượng thanh, ta có thể dùng từ tượng thanh hay tượng hình ...để đối.

Trong câu “Hạc đỏ thờ hồng-học” ,Chữ hồng học chỉ có nghĩa trong tiếng Việt nhưng khi nói lái lại học hồng thì không đúng văn phạm tiếng Hán .Trong Hán văn tĩnh từ đứng trước .Người ta nói “Bạch mã hoàng tử” chứ không ai nói “Mã bạch hoàng tử” mà trong Việt ngữ thì động từ đứng trước tính từ;Không ai nói hoặc viết “trắng ngựa” mà phải viết hoặc nói là “ngựa trắng” .

Trong câu “Cọp đục đầu hùng hồ” ,cũng như câu trên chữ “hùng hồ” chỉ có nghĩa trong tiếng Việt nhưng khi nói lái lại thì chối lỏ tai không nghe được.Vì vậy tôi cố gắng làm thêm câu nữa đạt được hết bốn yêu cầu cùng lúc .

Lục bình trôi bình -bồng.

(Chữ bồng trong tiếng Hán nghĩa là dài, bình là bèo; “bồng bình” là cây lục bình).

(*3) “Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kéo lại hỏi thăm đường”

Là một câu nữa cũng nằm trong sổ nợ “văn chương” mà cụ Trịnh Quỳnh vẫn chưa trả được.

Ở Việt Nam hiện nay tình trạng rượu chè bê bối làm tang tóc cho biết bao gia đình, những người vợ hằng đêm trông ngóng chồng những người mẹ đứng ngồi không yên khi đêm đã khuya mà không thấy con về tất cả họ lo lắng chờ đợi trong sự lo âu triền miên .Nếu là con thì còn mần chửi được nhưng chồng thì phải làm sao?không may gặp mấy ông chồng vũ phu còn bị ăn đòn .Gặp mấy ông dễ dãi chút thì khuyên lơn phân tích lợi hại của việc nhậu còn nghe ,mấy ông “bướng “hơn chút thì cãi bừa:

“Bà thấy có thằng nào chết trên mộ đề:

Người này chết vì uống rượu- chưa?”

Hay như cái ông gần nhà tôi hồi trước:“Bà nói đi nhậu sướng lắm sao chứ,bạn bè hàng xóm qua lại lâu lâu họ có tiệc tùng mời tôi đi nhậu,nhậu thì phải say, đi té bờ té bụi ...có khi trúng gió mà chết...Bà cần nhẫn nhịn ...Thôi từ nay bạn tôi rủ đi nhậu bà đi giùm nha”.

Mỗi lần nhậu về sau một hồi cãi vã , đến khúc này,bà vợ cười trừ...

Nhân dịp đầu năm Giáp Ngọ tôi xin tặng các bà mẹ,các bà vợ câu đối đề đối phó với mấy ông nhậu nói lợi hại cho nghe mà còn cãi bướng .Câu này đề đối lại câu:

“Lên phố Mía,gặp cô hàng mật,cầm tay kéo lại hỏi thăm đường”

Câu đề đối lại là:

“Con ma men, phơi xác đất còn, trên mộ bia ‘đề’ phòng tử tửu”

**KÍNH CHÚC THẦY CÔ VÀ QUÝ THÂN HỮU
MỘT NĂM AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG**



Sưu tầm Mạc Nhân TVC

**LƯỢC SỬ CHÒM CÙ LAO
LONG - LÂN - QUI - PHỤNG**



*Bốn cù lao Long, Lân, Qui, Phụng và cầu Rạch Miễu
Hình trích trong Google.*

Từ ngày có bắc Rạch Miễu vào những năm đầu 1910, vùng sông cửa Tiểu và cửa Đại này, giữa hai bên bờ Mỹ Tho và Rạch Miễu chỉ có hai cù lao (cồn) mà thôi. Đó là cồn Thới Sơn (sau là Lân) và cồn Rồng (sau là Long). Trong khi đó cồn Nổi (cồn Phụng) mới hình thành. Riêng về cồn Cát (cồn Qui) mãi đến cuối thập niên 1940 mới nổi lên.

Địa danh chỉ bốn cồn “Long, Lân, Qui, Phụng” nói ra đây để cho dễ nhận thôi. Thật sự là thời này chưa có đủ bốn cồn như đã nói, còn hai cồn có trước đó cũng không mang tên cồn Lân mà là cồn Thới Sơn và cồn kia là cồn Rồng chớ chưa có tên Long. Vậy “Long, Lân, Qui, Phụng” từ đâu mà có?

Vào những năm đầu của thập niên 1950, ông Nguyễn Thành Nam, một cư dân xã Phước Thạnh, Bến Tre, du học Pháp, có bằng cử nhân Hóa, dân gian gọi là ông “Đạo Dừa” chiếm cồn Nổi sau này ông đặt tên là cồn Phụng, (ngang cầu bắc Rạch Miễu bên phía Bến Tre) để xây dựng thành một nơi hành đạo cho một giáo phái mà ông sáng tạo.

Ông này lại lấy hứng từ cồn Rồng bên phía Mỹ Tho đổi ra thành Long, cũng như từ cồn Cát mới thành hình, về hướng đông của cồn Phụng, mới nhô lên nên chỉ trông thấy khi nước ròng sất, trông giống như con rùa để ông đặt tên là Qui. Cũng từ đã cảm hứng đó ông đặt cho cồn Thới Sơn là Lân để hoàn tất việc đặt cho bốn cù lao với bốn tên trong tứ linh: Long, Lân, Qui, Phụng.

Vậy nếu nói chòm cù lao với tên Long Lân Qui Phụng là do ông bà ta thuê trước đặt, như các hướng dẫn viên du lịch thường giới thiệu với du khách, là sai./-

1. Lân tức là Cồn Thới Sơn. Cồn Thới Sơn được hình thành lâu nhất tại đây so với ba cồn còn lại. Cồn Thới Sơn có diện tích lớn nhất, có dân cư ở lâu nhất, có một nền nông nghiệp khá dể đủ nuôi sống cho cư dân trên cồn. Địa danh “Thới Sơn” tương truyền là do Chúa Nguyễn (?) đặt ra căn cứ trên hai yếu tố: Một là Miền Tây là vùng đồng bằng, ruộng vườn, sông rạch...nên người dân rất thích và khao khát đất cao như núi để không bị lụt lội, do vậy khi có một dãy cát nổi lên cao giữa sông thành cồn, người dân chọn từ “Sơn”, đồng thời từ “Thới” vốn là từ “Thái” có nghĩa là An Vui ám chỉ một vùng Đất Cao An Vui. Cồn Thới Sơn còn là vị trí chứng kiến trận đánh Rạch Gầm Xoài Mút một chiến thắng lịch sử quân Xiêm của anh hùng Nguyễn Huệ vào năm 1785.

Cồn Thới Sơn được công nhận vị trí hành chánh xã từ xa xưa. Hiện nay xã Thới Sơn là một xã thuộc thành phố Mỹ Tho, là một trung tâm du lịch nổi tiếng của tỉnh Tiền Giang.

2. Long tức là Cồn Rồng. Cồn Rồng được hình thành sau cồn Thới Sơn không bao lâu. Được gọi là Cồn Rồng là do trí tưởng tượng, người dân thấy một dãy cồn đầu to đuôi nhỏ lại nữa áng ngữ thành Mỹ Tho chóng giông tố, sóng gió, bão lụt. Thật vậy, Cồn Rồng che chở cho thành phố Mỹ Tho vào mùa gió Nam thường đưa sóng đánh vào bờ sông từ cầu Bắc cũ đến tận Bến Tầm Ngra.

Do thủy triều của dòng sông quá mạnh, cồn có nguy cơ sạt lở rất lớn. Trong thời gian 100 năm nay một phần đất đầu cồn về hướng Tây đã bị nước cuốn trôi và hai bên bờ cồn cũng chịu ảnh hưởng rất nặng của dòng nước sôi mòn. Hiện nay người ta đang làm bờ kè ở đầu cồn hầu ngăn sự xâm thực này. Nếu cồn Rồng bị sôi mòn quá nửa bờ sông Mỹ Tho, chủ yếu là công viên Lạc Hồng bị đe dọa.

Khi người Pháp đến trên phần đuôi cồn Rồng được xây dựng một bệnh viện cho người bệnh phong mà người dân gọi là Trại cùi. Sau đó Trại cùi này được dời về Bình Tạo rồi sau nữa sáp nhập vào Trại cùi Bến Sắn ở Đồng Nai.

Trước 1975. Cồn Rồng được xem như một vị trí hành chánh nhỏ thuộc Phường 1 Thị xã Mỹ Tho nay là Xã Tân Long thuộc Thành phố Mỹ Tho. Vì ở gần thành phố, xã Tân Long hiện đã phát triển về kinh tế và người dân cũng hoà mình với thị dân của Mỹ Tho.

3. Cồn Nổi tức là Cồn Phụng. Cồn Nổi chỉ mới hình thành 100 năm nay. Tôi biết chính xác điều này vì thuê nhỏ lúc 9, 10 tuổi vào năm 1936 bọn nhỏ chúng tôi thường theo người lớn bơi xuống qua chơi. Cồn mới nổi nên chỉ có bần, lát, cóc kền, lục bình, rau mát và các loại thủy sinh vật như cá tòi lòi sông, cá kèo, cá bóng sao... và đặc biệt là dơi quạ. Dơi quạ ban ngày đeo đen tất cả rừng bần chiều lại bay tán ra tìm trái cây.

Mãi đến thập niên 1946, 1947...do chiến tranh, người dân vùng Rạch Miễu tản cư đến đây tránh giặc giã và sinh sống. Thê rồi vào đầu thập niên 1950, ông Nguyễn Thành Nam nguyên là một kỹ sư Hoá học thành lập một giáo phái mới đến đây xây cất một ngôi chùa tu hành. Ông có khá nhiều tín đồ và cả ngừng người dân trốn lính cũng về cồn Nổi. Cũng tại đây Ông Nguyễn Thành Nam mà người ta gọi là ông Đạo Dừa đặt tên cho cồn Nổi là cồn Phụng, Danh tiếng ông Đạo Dừa thấu tai tờ báo Pháp Paris Macht nên cử một phóng viên lớn là nhà báo Raymond Cartier đến cồn Phụng trong một tuần lễ làm một bài phóng sự có giá trị.

Sau 1975, cơ sở tu hành của ông Đạo Dừa không còn tuy nhiên những kiến trúc ngày xưa vẫn còn giữ lại và bây giờ được đổi thành điểm du lịch của tỉnh Bến Tre. Cồn Phụng hiện nay là Ấp Tân Thạnh, xã Tân Thạch.

4. Cồn Cát tức là Cồn Qui. Cồn Cát hay cồn Qui về tuổi tác cũng như về vóc dáng là em út. Cồn Cát mới nổi trong vòng 70 năm (Thời gian viết bài này 2013). Thoạt đầu, cồn chỉ là một băng cát nổi lên khi nước ròng sất nên người địa phương gọi là cồn Cát. Hình dáng của cồn Cát không khác hình dáng một con rùa mà đầu trông về hướng Tây do đó ông Đạo Dừa có chùa tu trên cồn Nổi (cồn Phụng) cách chùa ông tu không đến 2 km, nên ông đặt tên là cồn Qui. Cồn Cát nổi lên rất nhanh, chỉ trong mười năm là hệ thủy thật vật đã mọc kín từ đầu đến đuôi cồn. Lúc bấy giờ có một người nông dân trông xa thấy rộng nên vội vã đến trồng thêm lát, bần...giữ đất phù sa và cuối cùng chính người nông dân này là chủ sở hữu của cồn Cát.Ngày nay cồn Cát hay cồn Qui là đơn vị hành chánh ấp của xã Quới Sơn, huyện Châu thành, tỉnh Bến Tre.

Xin xem vị trí của 4 cù lao Long, Lân, Qui, Phụng trong bản đồ trích từ Google Earth.

MỘT THOÁNG NHÌN

Mặc Nhân TVC, một bút danh khá quen thuộc với chúng ta, trong cái nhìn của riêng tôi là hình ảnh của một nhà văn tiêu biểu cho đồng bằng sông Cửu Long đặc biệt là vùng sông nước Bến Tre, vùng vườn dừa bạt ngàn của cù lao An Hoà, nơi có trai lành gái đẹp của vùng Rạch Miễu linh thiêng. Hầu hết tác phẩm ông đều viết về miền đất hứa của ông và đều do nguồn cảm xúc ray rứt từ con người chất phác, đến cây cầu dừa trơn trượt, cả hình dáng cổ kính của ngôi chùa, mái đình, nóc miếu ...đều được ông vận dụng một lối văn dung dị mà thâm trầm, mộc mạc mà thâm đậm, quê mùa nên gần gũi, dí dỏm nên dễ thương nhưng vẫn không thiếu phần “văn về ước lệ”.

Xin hãy đọc một số bài của Mặc Nhân TVC về vùng đất Rạch Miễu trong Tập san này.

Dã Hạc.

RẠCH MIỄU QUÊ TÔI

MẶC NHÂN TVC

Một ngôi nhà ngói cổ của Rạch Miếu hiện đang còn trong tình trạng tốt

Vùng Rạch Miếu từ thuở khai hoang lập ấp Miền Nam của ông cha ta cho đến thời Nam Kỳ Lục Tỉnh thuộc về huyện Kiên Hoà, trấn Định Tường mà lý sở là Mỹ Tho về sau trong thời thuộc địa của Pháp vùng Rạch Miếu này vẫn thuộc về tỉnh Mỹ Tho. Mãi đến năm 1956, vùng Rạch Miếu mới thuộc về tỉnh Bến Tre.

Rạch Miếu một vùng đất nằm giữa cù lao An Hoà, hướng Nam giáp với sông Ba Lai một nhánh sông Cũ Long. Hướng Bắc nhìn ra sông Cửa Đại bên kia là Cửa Tiểu tức là Mỹ Tho, gồm một số xã Tân Thạch, Quới Sơn, Giao Long, Giao Hoà, Song Phước, Phú An Hoà, An Khánh, Phú Túc, Phú Đức. Rạch Miếu có một vị trí địa lý giao thông về đường thủy cũng như đường bộ chính yếu và quan trọng từ các tỉnh Miền Tây lên Sài Gòn, Miền Đông tất nhiên là ra cả Trung và Bắc.

Truy căn nguyên, Rạch Miếu với một vùng đất nổi tiếng như vậy mà địa danh Rạch Miếu chỉ xuất xứ từ một con rạch nhỏ đổ ra sông Cửa Đại, trên bờ của vàm con rạch này về hữu ngạn có một ngôi miếu tuy nhỏ nhưng lâu đời. Nhưng địa danh Rạch Miếu được lan rộng vì Rạch Miếu là điểm trung chuyển giao thông đường bộ vô cùng quan trọng. Nơi này là đầu mối tiếp chuyển đến con đường Cái Quan thời xưa, con đường Thuộc địa số 1 thời Pháp, Quốc lộ 4 trước đây và bây giờ là con Đường Quốc lộ 1 A để đi từ Nam ra Bắc. Điển hình là từ ngày có cầu Rạch Miếu lượng xe cộ giao thông qua đây tăng lên gấp bội. Rồi vừa đây cây cầu qua sông Hàm Luông đã xong và cây cầu qua sông Cô Chiên đi Trà Vinh cũng trong dự án xây cất...chừng đó chắc chắn là hơn phân nửa lượng xe cộ giao thông từ Miền Tây lên Sài Gòn sẽ qua vùng Rạch Miếu. Về đường thủy cũng vậy tất cả phương tiện giao thông đường thủy từ các tỉnh Miền Tây muốn lên Sài Gòn, hay ra biên đều phải đi ngang vùng Rạch Miếu và Mỹ Tho.

Vùng Rạch Miếu cũng như vùng Bảy Núi, vùng Ba Giồng, vùng Cù Chi, vùng Năm Căn, vùng Tháp Mười, vùng Kỳ Hoà ... từ xa xưa đã là những vùng đất thiêng của Miền Nam Tổ quốc mãi đến bây giờ vẫn là những địa danh viết nên những trang sử địa lý, hành chính, chính trị, kinh tế, xã hội, nhân văn...của Đất Nước. Sau đây chúng ta để một ít thời gian trở về vùng Rạch Miếu xa xưa đây kỷ niệm.
BẮC RẠCH MIẾU...BUỒN OI CHÀO MI!



Cây cầu Rạch Miếu, cây cầu lịch sử, cây cầu dài nhất Việt Nam tính đến nay (2009), cây cầu thứ hai nối liền hữu và tả ngạn sông Tiền, thuộc một trong hai nhánh của sông Mekong, sông Cũ Long. Con sông tầm cỡ trên thế giới, vượt qua 4.180 km mang phù sa từ thượng nguồn xuyên qua sáu quốc gia, bồi đắp miền Nam Việt Nam thành một đồng bằng phì nhiêu nhất, để nơi đây trở nên vựa lúa lớn nhất nhì trong các châu lục... Cây cầu mang tên cầu Rạch Miếu này đã được khánh thành vào 09 giờ sáng ngày 19 tháng giêng năm 2009 trên quốc lộ 60, về địa phận tỉnh Bến Tre, bên kia là thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong nỗi hân hoan chào đón đoàn xe đầu tiên vượt cầu, trong một thoáng tôi nhìn về hướng hạ nguồn sông Tiền. Ánh mắt tôi chợt nhận ra, lặng lẽ mấy chiếc bắc, mà gần đây có người gọi là phà, mới ngày hôm qua còn chịu thương chịu khó nắng mưa dãi dầu đưa khách sang sông. Vậy mà, hôm nay chúng nó, những chiếc chiếc bắc này còn mang màu sơn trắng bạc, loang

loang dưới ánh nắng ban trưa, im ắng, bất động, chum mũi vào như muốn ôm chầm nhau để cùng chia sẻ một nỗi buồn chung, nỗi buồn chia tay với hàng triệu khách sang sông, với hai bên nước trường giang mà chúng hằng gắn bó qua một thế kỷ. Không buồn sao được, những chiếc bắc của tôi, ngày nào còn mong manh lắm, cả chục năm liền, đã mỗi ngày đều đặn sáng đưa tôi từ Rạch Miếu sang Mỹ Tho học, chiều rước tôi từ Mỹ Tho về nhà bên vàm Rạch Miếu. Không buồn sao được, khi tôi lớn lên, những chiếc bắc này cũng đã “trưởng thành” như tôi, to lớn hơn, mạnh mẽ hơn, nhanh nhẹn hơn, đang đang hơn vẫn chung thủy đưa tôi vì kế mưu sinh, hai buổi sáng đi chiều về với hai bờ sông nước. Những chiếc bắc già nua này vẫn nhẫn nại tháng năm ròng rã, đêm mưa ngày nắng không mệt mỏi đưa khách sang sông. Còn tôi tuổi đã già, không còn đủ sức để sang sông, nhưng đàn con, cháu tôi lại thay tôi chịu ơn những chiếc bắc này.

Trước ngày khánh thành cây cầu Rạch Miếu, một ý nghĩ nung nấu tôi. Tôi lên bến Bắc sớm, chen vào quầy bán vé mua một vé sang sông dù tôi không có nhu cầu đó hay ít ra là tôi muốn được qua Bắc lần cuối cùng. Thường là tôi nóng lòng muốn



mua vé nhanh, nhưng lần này tôi có tình tri hoãn, chen lẫn với những hành khách khác, cả kẻ với cô bán vé, nhìn xem cô mặc áo màu gì vì tôi biết rằng rồi

đây tôi không còn cơ hội nào để gặp cô, tôi nhìn tấm vé trong tay sao mà những dòng chữ, những con số ngày xưa đối với tôi vô nghĩa mà bây giờ dường như nó muốn nói với tôi điều gì. Xuống Bắc, lên boong tôi nhìn những người hành khách xa lạ mà dường như trong chuyến đi cuối cùng này tôi có cảm tình với họ đến thế. Bắc tách bến, tiếng máy rì rầm, tiếng hành khách trò chuyện, tiếng sóng vỗ vào mạn cái gì cũng gợi trong tôi một cảm giác chia tay. Nhìn ngược về thượng nguồn tôi thấy cây cầu mới đã xong sẵn sàng thay thế cho chiếc Bắc mà từ nay tôi sẽ qua sông bằng cây cầu này. Tôi tự nhủ lòng mình: Không phải tao phụ mấy đầu Bắc ơi! Chuyện đời là dâu bể mà....

Từ trên cầu Rạch Miếu vừa được khánh thành, cây cầu mang tên Rạch Miếu, tên “mượn” từ bến đò Rạch Miếu xa xưa, từ bến bắc Rạch Miếu ngày nào, từ bến phà Rạch Miếu gần đây, tôi nhìn những chiếc bắc, bị bỏ rơi từ nay không còn mang tên bắc Rạch Miếu. Chúng đang âm thầm chịu đựng số phận của luật đào thải, lòng thấy ngậm ngùi.

Nhớ lại tôi đã nôn nao chờ đợi đến sáu năm, để được với đôi chân mình qua sông Tiền bằng cây cầu mong ước, thế nhưng, nỗi vui chưa trọn vẹn với cây cầu mới, thì lòng tôi đã bồi hồi thương nhớ con đò xưa. Cũng như hai bờ bến cũ rồi cũng sẽ theo qui luật bể dâu, không còn nữa. Đành vậy, nhưng có lẽ hình ảnh đò xưa bến cũ sẽ không bao giờ tàn phai trong kí ức tôi. /-

2. CÂY DỪA VÙNG RẠCH MIẾU



Vườn dừa Bến Tre

Nói đến lịch sử kinh tế vùng Rạch Miếu mà không nói đến cây dừa là một thiếu sót lớn. Vườn dừa gần như đồng nghĩa với Bến Tre nói chung, vùng Rạch Miếu nói riêng. Thật vậy, một người khách từ bất cứ nơi nào đến, đi qua bắc, đặt bước chân đầu tiên lên vùng Rạch Miếu đều ngỡ ngàng trước những vườn dừa bát ngát, vô tận trải rộng tàn lá xanh tươi che kín gần như

toàn thể diện tích của mảnh đất tam đảo này. (Tỉnh Bến Tre gồm có ba cù lao: An Hóa, Minh và Bảo), đặt biệt là vùng Rạch Miễu.

Nói đến lợi nhuận kinh tế do cây dừa mang đến cho người dân hãy trở về trước đây bốn mươi năm. Một gia đình trung bình có 4 con và một mảnh vườn dừa một mẫu, có thể suốt cuộc đời, gia chủ này không phải làm việc gì khác ngoài việc chăm sóc khu vườn và thu huê lợi, có thể nuôi sống gia đình đầy đủ cơm ăn áo mặc, con cái đi học đến nơi đến chốn.

Trong phạm vi bài này, chỉ xin nêu ra những từ ngữ, từ vựng vô cùng phong phú về cây dừa và trái dừa để những người không phải là dân xứ dừa, mà có là dân xứ dừa đi nữa mà phải vì hoàn cảnh xa xứ, sẽ thấy nó đáng yêu biết bao nhiêu mỗi khi ta nghe một cô gái xứ dừa nói với bạn một câu chẳng hạn như thế này: “Anh ở lại với em một chút đi, cây dừa éo vàng Ba em trồng đó, mới có trái chiến, ngọt lắm, em giứt xuống mấy hôm rày, trông anh về chặt cho anh uống nước nè...” Nếu là bạn về thăm xứ dừa mà nghe thỏ thẻ một câu ân tình của một gái xứ dừa có nước da trắng mịn như miếng dừa nạo, ân cần với bạn như vậy thì liệu bạn có bỏ về được không? Mà nếu bạn ở lại cái xứ dừa này, uống nước trái dừa éo vàng của Ba em trồng, rồi em giứt xuống để dành chặt cho bạn uống.... e rằng quyền sở nhật ký của bạn rồi sẽ...sang trang.

Thôi trở lại chuyện cây dừa của chúng ta. Các loại dừa công nghiệp và thực phẩm gồm có: dừa ta, dừa dâu, dừa lửa, dừa ba khía, dừa ba cạnh, dừa bung.

Dừa giải khát: dừa xiêm, dừa tam quan, dừa éo, dừa éo vàng, dừa éo xanh, dừa lá dừa, dừa sấp.

Dừa bỏ đi: dừa điếc, dừa trắng ăn, dừa chuột khoét.

Quá trình trái dừa tăng trưởng: bông dừa, dừa non, dừa ránh cháo hay vánh cháo, dừa nạo, dừa cứng cạy, dừa rám, dừa khô, dừa mọng.

Các bộ phận của cây dừa: rễ dừa, gốc dừa, thân dừa, bẹ dừa, tàu dừa, lá dừa, cọng dừa, bông dừa, trái dừa, vỏ dừa, sơ dừa, bụi dừa, gáo dừa, mắt dừa, mầu dừa, sọ dừa, miếng gáo, nước dừa, com dừa, mọng dừa, mo nang, củ hũ.

Những thao tác xử lý: Leo dừa, bẻ dừa, giứt dừa, hái dừa, theo dừa, chặt dừa, lột dừa, đập dừa, nạo dừa, cạy dừa, phơi dừa, sấy dừa, thắng dầu, thắng nước màu, ép dầu, theo dừa, bẻ dừa, đốn dừa, đánh bả (sơ dừa) kéo dây lược (sơ dừa)...

Công dụng của cây dừa, trái dừa và dầu dừa: dầu ăn, xào dừa, um dừa, mút dừa, kẹo dừa, thạch dừa, cứt dừa (do thắng dầu dừa mà có), đuông dừa (một loại nhộng của cây dừa), nước màu dừa (thực phẩm), cột nhà, xiên nhà, kèo nhà, vách nhà, đòn tay nhà (xây dựng), cây cầu dừa (đi vào dân ca) xà bong, dầu dừa, dây lược, (công nghiệp) xúc tóc, đốt đèn, chùi bóng, chổi dừa, dừa ăn, dừa bẻ, vật lưu niệm (gia dụng).

Dụng cụ liên quan: dao phay, mác, chét, chĩa, chĩa ba, lưỡi liềm, sào giứt (dừa) nài leo (dừa), nằm lột (dừa), mác cạy (dừa), giàn sấy (dừa cho khô).

Một ngôi nhà trung lưu ở Rạch Miễu thường là xây cất hoàn toàn bằng cây dừa. Từ cột kèo, xiên, trính, đòn tay, vách, khung cửa, cửa đều do cây dừa. Người ta chọn những cây dừa lão trăm năm, đốn về dùng rìu tách vỏ ra cắt đoạn làm cột, rồi cũng dùng rìu chà nhẵn thành xiên, trính, đòn tay. Vách bỏ kho dừa phải dùng cưa tay, có thể mỗi tấm ván dừa như vậy do bàn tay khéo léo của thợ cưa, bề dài có thể đến 5, 6 mét và nhất bề dày không quá 1 cm 20. Dừa lão độ bền của nó không thua gì dầm dầm có thể dùng đến vài ba chục năm. Ngày nay ở Bến Tre cây dừa vẫn còn công dụng nhưng ít hơn rất nhiều do nhà cửa giờ được xây cất phần nhiều bằng gạch ngói, bê-tông...Tuy nhiên một ngôi nhà cất bằng cây dừa lợp bằng lá dừa nước nơi thôn quê, vẫn thấy nó xinh xinh dễ thương hơn.

Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là vùng Rạch Miễu và phụ cận được thiên nhiên ưu đãi. Dừa là một loại cây dễ trồng, thích ứng với vùng nước ngọt kể cả nước lợ. Dừa trồng trong 4 đến 5 năm là cho trái có giá trị kinh tế cao, có thể cho thu hoạch đến năm bảy chục năm. Ngoài trái là nguồn lợi chính,

cây dừa từ cội rễ, thân lá...không có phần nào là không có công dụng cần thiết cho cuộc sống người dân ...xứ dừa. /-

1. CÂY CẦU DỪA



Nói cây dừa ở Rạch Miễu mà không nói cây cầu dừa là vô tình với xứ dừa. Vườn dừa được xẻ mương lấy nước đồng thời lấy phù sa để bồi gò, do đó trong vườn dừa xen kẽ một bờ đất là một mương rộng nên việc đi lại phải có rất nhiều

cầu bắc qua mương. Lễ đương nhiên là cầu này làm bằng những thân dừa bỏ ngang qua mương. Đi cầu dừa phải quen để không nói là nghệ thuật vì mương rộng 2. 3 m mà chỉ có 1 thân dừa tròn lại vào mùa mưa rất trơn trượt. Vì vậy các cây cầu dừa thường có những cây gượng hay cây chống để người qua cầu được an toàn.

Những người dân xứ dừa quá quen thuộc với những cây cầu này rồi nhưng còn những người thành thị, những cô cậu học trò những cô gái tiểu thư về thăm vườn dừa đành chịu đưa bàn tay trinh nguyên của mình cho một cậu trai lạ hoắc dẫn qua nếu không muốn té mương. Và những “nắm tay qua cầu” này thường đưa đến những chuyện tình đầy áp tính lãng mạn của tuổi thơ.

Cho nên tôi viết về cây cầu dừa không thể nào lột hết cái nên thơ, cái trữ tình của những mối “tình cầu dừa” bằng bản nhạc “Cây Cầu Dừa” của nhạc sĩ Ngọc Sơn, nên tôi xin phép tác giả Ngọc Sơn cho tôi chép lại nơi đây để giới thiệu với độc giả của tập san này.

Nhạc phẩm: Cây Cầu Dừa. Lời và nhạc: Ngọc Sơn.

Đã lâu lắm rồi em về thăm lại chốn xưa

Đã lâu lắm rồi em về đi qua cầu dừa.

Cầu dừa trơn trượt lắm em ơi

Ai mà không khéo té như chơi

Môi son má hồng chân guốc cao gót

Làm sao qua cầu dừa.....

Em ở phố thị quen rồi xe cộ đón đưa

Em đã quên rồi quê mình có cây cầu dừa

Cầu dừa anh chạy trước em sau

Em cùng anh quán quýt bên nhau

Cây me trước nhà cây khế sau ngõ

Trèo leo cùng cười!!

Thuở thiếu thời vui lắm ai ơi

Em lâu rồi đã bỏ cuộc chơi

Bỏ anh bơ vơ với cây cầu dừa

Cây cầu dừa sớm nắng chiều mưa....

Em bước theo chồng khoe áo hồng bao kẻ đón đưa

Làm sao em nhớ đến cây cầu dừa

Nhớ giàn bông bí con ong bầu sớm trưa!!!

Bây giờ em về xa lạ cả người lẫn quê

Bây giờ em về anh buồn với bao kỷ niệm

Cầu dừa vẫn là lối đi chung

Em giờ chân bước thấy mong lung

Cây me trước nhà cây khế sau ngõ

Nhìn em sao lạ lùng....

Đấy kỷ niệm xưa thuở thiếu thời vui lắm ai ơi, em lâu rồi đã bỏ cuộc chơi, bỏ anh bơ vơ với cây cầu dừa.... thì tội nghiệp cho anh biết bao nhiêu.

Nếu bạn không dám đi cầu dừa mà bạn muốn qua mương chỉ còn một cách: nhảy mương. Nhảy mương âu cũng một nếp văn hoá. “Văn hoá nhảy mương” mà!

2. NHẢY MƯƠNG

Qua mương trong vườn dừa là một chuyện thường vì dân xứ dừa ngoài việc đi cầu dừa còn qua mương bằng một cách dễ dàng hơn, gọn gàng hơn, nhanh chóng hơn, thực tiễn hơn và

cũng nghệ thuật hơn...đó là nhảy mương. Nhảy mương, các bạn có nhảy mương chưa, rất thú vị. Tôi xin kể một chuyện nhảy mương khi tôi còn nhỏ lồi 12 tuổi.

Một ngày nghỉ học, như mọi khi tôi đi săn bắn, giàn thun trong tay, con Mực lon ton chạy theo tôi hộ tống. Sau một buổi đi lòng vòng trong khu vườn dừa tìm chim để bắn, trời đã trưa, người đã mệt, bụng đã đói mà chưa có một chú chim nào chịu đậu yên một chỗ cho mình bắn trúng. Con Mực cũng chán ngấy, lưỡi le dài, đuôi xụi lơ, trông mất cả nhuệ khí. Có lẽ vì nó không có cơ hội nào chạy đi ngoạm một con mồi về cho chủ nên xem chừng nó cũng không còn hào hứng với cuộc đi săn bắn này.

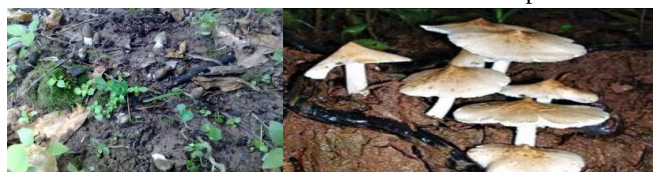
Chỉ còn nhảy một cái mương nữa là tôi về đến nhà. Tôi đeo giàn thun vào cổ lùi lại mấy bước lấy trớn sẵn sàng nhảy qua mương. A lê hấp! Nhảy. Tôi chọn một chỗ nhảy qua gần một thân cây dừa ngã ra mương để khi nhảy qua tôi có thể ôm vào cây dừa để có điểm tựa leo vào bờ. Ý đồ là như vậy, chiến thuật là như vậy nhưng trời không nung, mưu sự tại nhơn thành sự tại thiên mà, nên khi tôi nhảy qua mương đưa hai tay ôm thân cây dừa thì đúng vào chỗ đó có một ổ ong bần. Bầy ong bần đang êm ả với gia đình bỗng nhiên bị bàn tay kẻ xấu phá đám nên lập tức chúng túa ra bu vào đầu trọc vào cổ vào mặt của tôi mà chích.

Tôi cắn răng chịu đựng nếu không sẽ rơi xuống mương. Hai tay tôi phải khó khăn lắm mới buông được cây dừa leo vào bờ, vừa chạy ra xa vừa ôm đầu ôm cổ mà bầy ong vẫn không tha. Chúng bay đuổi theo tôi và ban cho tôi những mũi chích đau nhức buốt xương. Lâu lắm chúng mới đã giận bỏ tôi về ổ. Mặt mũi tôi sưng vù, đầu cổ tôi ê ẩm. Tôi nhìn quanh tìm con Mực để hỏi tại sao nó không “liều mình cứu chúa”, tôi lại thấy nó ngồi xỏm nhìn tôi xem bộ vui vẻ há hê lắm.

Tôi lão đảo ra về đi ngang con Mực, tôi đưa chân đá nó một cái cho nó ghét. Sau kỳ tích này, tôi sẽ không đi săn chim mà cũng không dám nhảy mương nữa nếu cần tôi kiếm một cây cầu dừa cho chắc ăn./-

3. NẤM MỐI

4. Nấm mối đã nở và còn búp



Rạch Miễu cũng như Bến Tre có những cái mà các nơi khác không có. Đó là nấm mối. Tại sao? Vì nấm mối là một loại nấm phát triển do meo của một hỗn hợp từ cây mực đặc biệt phải là cây, lá và rễ dừa và phải là nơi đất cao ráo để có một loài mối làm ổ. Đàn mối này tiết ra một chất dịch hoà quyện với môi trường đất, phân mục của cây dừa để vào giai đoạn “trời sa mưa giông”, vào tháng 4 tháng 5 hàng năm, đất ẩm do nước mưa đầu mùa cùng với nhiệt độ thời tiết tăng, tạo ra một chất meo thành nấm và đó là nấm mối.

Nếu chỉ có vậy thì nấm mối có gì khác hơn nấm rơm, nấm mèo...đâu mà nói. Không đâu thưa các bạn, sản phẩm “made in Rạch Miễu”, thì luôn luôn...có chuyện và là chuyện ly kỳ...cực. Ở Rạch Miễu chủ vườn dừa nào cũng vậy khi “trời sa mưa giông” biết là mùa nấm mối đến, sáng dậy thật sớm nom nớp ra bờ dừa đi từ bờ này qua bờ kia, mắt dáo dác nhìn vào các mô đất hồi hộp kiếm, tìm....nấm mối. Không có hay đúng ra là không thấy, trở vào nhà uống trà hút thuốc rồi lại trở ra....mắt lại dáo dác nhìn vào các mô đất hồi hộp kiếm, tìm....nấm mối. Cũng không có hay không thấy.

Việc này không phải một lần, hai lần mà không biết mấy lần trong ngày. Sự nhẫn nại lập đi lập lại động tháilắm lắm này không phải là không lý do. Bởi vì có gấp gì đâu, nấm mối mọc và phát triển nhanh lắm, đồng ý nhưng ít ra cũng phải 24 tiếng nó mới nở được – xin nhớ nấm mối mới đúng – mà

nó mọc trong vườn của mình, sáng này kiếm không có thì sáng hôm sau, ai giành giật đâu mà...lính quỳnh vậy. Nhưng không, có nhiều lý do khiến cho ông chủ vườn nhà ta lo lắng, bồn chồn....

Lý do thứ nhất là nấm mối mọc và phát triển rất nhanh nhưng điều này cũng không là nỗi lo lớn mà chính là vì nấm mối ...có ma. Chẳng hạn ngay ông chủ vườn mỗi sáng năm lần bảy lượt ra tìm kiếm mà không thấy. Thế mà ngay khi ông vừa đi qua khỏi một người khác lại phát hiện ra, thế là “họ”, họ là ai, đoạn sau các bạn sẽ biết, lại khám phá ra và lấy ngay một vật gì đó một cục đất, một khúc cây, một tàu lá...đánh dấu xí phần. Thế là đủ cho một sự thừa nhận một cách mặc nhiên quyền sở hữu. Ôi! Một hành động có tính dân chủ...tuyệt vời, một truyền thống “văn hoá nấm mối” đáng trân trọng.

Những người tìm nấm mối mà đi ngang ổ nấm mà không thấy nhưng lạ thay người đi sau lại thấy. Cho nên người ta cho nặng bóng vía hay nhẹ bóng vía. Cái vụ này chắc phải hỏi lại mấy ông thầy “nhạy cảm”.

Còn một chuyện nữa. Các bạn không biết đâu, vườn của bạn đó, nấm mối mọc trong vườn của bạn đó, nhiều khi sát bên vách nhà bạn nữa. Vườn lại có rào. Nhà lại có chó. Chủ vườn lại có heo gầy. Nhưng tất cả điều này không đủ “biện chứng” là nấm mối đó là thuộc quyền sở hữu của bạn đâu. Một cái luật bất thành văn – đã bất thành văn thì bất thành ...xử - nên ngoài bạn là chủ...sản phẩm trời cho này thì ai cũng có quyền đó cả từ thằng cha lồi xóm tới ngày đi đá gà cho đến con Mẹ Hai bán bánh tét, cả một bầy con nít như thằng Đực móm, thằng Nghia ù học trò “ngoan” đảng hoàng, con Đẹt lế, thậm chí có cả con Hương con ông chủ lò bánh tráng giầu có ra phết...mà cũng lăm le vào vườn bạn....nhỏ nấm. Bạn cự nự chứ gì? Không đâu bạn ơi, cái lệ này cái lệ coi nấm mối là của trời cho thì ai gặp trước là hưởng và như nói trên...điều oái oăm này đã là luật bất thành văn từ đời...Tây ăn trâu rồi.

Có điều chủ vườn phải nhìn mà trông bụng cứ ảm ách mãi. Cho nên ta thấy ông chủ vườn và cả nhà ông từ vợ ông, con công đến cháu ông...khi mùa nấm mối đến, đều phải “tranh thủ” ra vườn mình tìm ra ổ nấm mối xí phần trước sản phẩm ngay trong ngôi vườn ông bà mình để lại.

Cũng nên nói thêm là nấm mối rất....ngon, ngọt nước nhất là hiếm có chỉ có ở vườn dừa Bến Tre mà thôi, mà không phải vườn nào cũng có đâu. Của trời cho mà. Nấm mối làm gì cũng ngon: xào không với lá cách, xào với thịt, thịt nào cũng được kể cả ếch, nhái cùng với xả ớt, đồ bánh xèo, cuốn lá cách nướng, kho tương nếu nghèo, nấu lẩu Thái nếu có tiền.

Thêm một chuyện nữa nấm mối là món ăn chạy đăm bạc mà các vị tu hành nấu sòng thích lắm. Giá một kg nấm mối tươi gấp 3 lần giá một kg thịt heo. Còn nấm mối khô để dành chớ không phải để “giành” ăn quanh năm thì giá gấp bội, người ta chi dám mua để công hiến hay cúng...chùa thôi.

Tuy nói là nói vậy chớ bên Âu châu việc vào rừng tranh giành hái nấm cũng giống như ở Rạch Miễu ta giành hái nấm mối thôi./-

5. SOI NHÁI



Lập vườn thì phải khai mương. Làm trai hai vợ.....Câu thứ hai không liên quan gì đến bài viết này nên tác giả bỏ đi. Đúng vậy, lập vườn thì phải khai mương nhất là vườn dừa vì dừa cần rất nhiều nước để phát triển. Cho nên cứ mỗi bờ vườn là một cái mương. Những con nước rong từ sông cái đổ vào mương chẳng những đem nước vào mà còn đem cả phù sa vào mương. Hằng năm nhà vườn hốt mương tức là hốt phù sa đọng lại trong mương bồi lên bờ, lên gốc dừa.

Vào đêm, khi mực nước những con nước rong lên mấp mé các bờ mương cũng là lúc lũ nhái trèo lên bờ ngồi rình mồi từ những côn trùng trên bờ lẫn những con cá con, cá lừng cừng lừng lơ trên mặt nước. Vô tình lũ nhái này lại là đối tượng của những cuộc... soi nhái của dân vườn.

Soi nhái vào đêm, ngày xưa làm gì có đèn pile, đèn khi đá...chỉ có đuốc để soi đường. Đuốc tức là cây rọi mà ở vùng Rạch Miếu, vật liệu làm đuốc lẽ tất nhiên là lá dừa. Chỉ cần chặt khúc đuôi của một tàu dừa khô thêm vào một ít lá nữa ốp lại thành một bó tròn cỡ cườm chân dài từ 1 đến 2 m để mỗi khi cần đi đêm, chỉ ra nhà sau - hay là nhà dưới - rút một cây đuốc đốt lên, thế là có một cây rọi tiện lợi rẽ tiền cả việc dùng nó để xua đuôi mấy con chó chạy theo sủa...phá đám,

Một người đi đêm, đường xa lỡ hết đuốc có thể vào nhà của bất kỳ ai bên đường xin một cây đuốc để tiếp tục cuộc đi hành. Nhà ai cũng có dự trữ đuốc và sẵn sẵn cho mọi sự giúp đỡ như vậy. Dân Rạch Miếu, hào hiệp mà! Vậy đi soi hay săn nhái về đêm cũng chỉ cần đuốc.

Trong các cuộc săn bắt chỉ có săn nhái là có tính nghệ thuật cao, mặt đối mặt, tay không với chân không, nhanh thì thắng chậm thì chết...một cách quân tử hào hán như vậy. Còn những cách săn bắt khác thì lại dùng những phương tiện không mấy...anh hùng mã thượng chút nào. Chẳng hạn săn bắn chim thì người ta dùng ná thung, cung tên, ná lải, rồi súng ống, súng 1 lòng, 2 lòng, đạn viên, đạn chài...Săn bắn muông thú thì lại dùng thêm bẫy, rập cá dùng súng lớn súng nhỏ, ống ngắm...núp núp rình rình bắn lén. Còn việc câu hay săn bắt cá cũng vậy nào là lưới câu ngành thép nào là mồi thơm dụ cá còn có cả chài lưới, đăng đó...lẫn cả chất nổ. Toàn là phương tiện bẩn thiu. Chỉ có soi nhái là không lừa đảo, không gian trá ai nhanh tay thì thắng. Do đó tôi là thành viên của hội soi nhái không tên trong làng tôi.

Hôm nay, 17 âm lịch, nước rong, đêm về, tôi nháy mắt cho thằng em tôi, nó hội ý ngay nên nó chạy ra nhà sau rút 3 cây đuốc. tiện tay lấy cái đục đeo vào vai. Chúng tôi đốt 1 cây đuốc, còn 2 cây thằng em tôi cặp vào nách thế là chúng tôi băng vào đêm tối đi...soi nhái. Con Phèn ngẩng ngẩng đòi theo, thằng em tôi đá nó một cái, nó mà đi theo chỉ có cái làm loạn cả lên mấy con nhái nhảy tuốt xuống mương hết.

Tôi đi trước mắt lom lom nhìn mê mường lẻ để nước, thằng em tôi đi sau gờ cao ngọn đuốc soi đường. Trăng 17 lên chưa lên đến ngọn dừa, ánh trăng huyền xuyên kẽ lá chập chờn nhảy múa theo bước chân chúng tôi. Thình thoảng tiếng tôm tích búng “tốc” một tiếng khô khan nhưng quen thuộc. Những con cá thòi lòi nường theo mực nước leo lên bờ kiếm mồi, giương đôi mắt như hột cườm đỏ vô tư nhìn chúng tôi. Một vài con cá trắng nhớn nhớn dưới mương giựt mình vội chao mình lặn xuống nước mất tăm khi nghe tiếng chân người. Những con đom đóm lạt lạt chập chờn ánh lân tinh bay lượn như trình bày một màn dạ vũ lẻ loi...

Tôi chợt đứng lại gờ tay ra dấu cho thằng em tôi đứng lại. Nó khê gờ ngọn đuốc lên cao. Một con nhái xuất hiện, nó hoàn toàn choá mắt vì ánh đuốc, đang ngồi chễm trên một mô đất, rình rập...Như con hổ gặp mồi, tôi nhanh nhẹn chúi xuống, tay trái vừa chống đất tay phải đã nắm gọn một chú nhái bự xộp, nó không kịp kêu một tiếng. Tôi thả con mồi đầu tiên vào cái đục với ít nhiều kiêu hãnh. Tôi vừa tả cảnh chụp nhái của tôi như con hổ gặp mồi cho độc giả nghe hơi cường điệu một chút, chớ thật sự khi đứng lên, đầu gối trái của tôi bị một vết sưng rớm máu mà tôi cần rằng không nói ra sợ thằng em tôi hổ hởi vì nó vừa nịnh tôi một câu “Trời anh Hai số dzách”.

Đi hết một bờ tôi chộp được 5, 7 chú nhái chớ cũng để sảy hết mấy chú. Tiếp tục cuộc soi nhái gần hết khu vườn, đục đựng con mồi cũng khá nặng, cây đuốc cuối cùng cũng gần tàn, chúng tôi định quay trở về để làm một nồi cháo nhái. Trên đường quay về chúng tôi tìm một con đường khác hy vọng tìm thêm được vài con nữa.

Muốn là được, câu cách ngôn tôi học của mấy ông Tây thực dân cũng hay. Đúng vậy vì trước mắt tôi là một chú nhái to bằng nắm tay đang chăm chú nhìn vào một con trùng vì nước ngập nên ngoi lên bờ trên bờ. Lợi dụng chỗ con nhái đang rình mồi, đây là dịp tốt nhất nên tôi nghĩ là việc bắt chú nhái

này sẽ chắc mềm nên không cần đo, không nhìn trước nhìn sau...nhào xuống...a lên...chụp.

Tôi bỗng nghe thằng em tôi la “oái” thì tôi vừa chụp không phải con nhái mà... cái đuôi con rắn. Tôi cũng la “oái” nhưng tiếng oái của tôi còn lớn hơn của thằng em tôi. Cái đuôi con rắn lạnh ngắt nhưng trơn lúi vượt khỏi tay tôi và xương sống của tôi cũng lạnh ngắt.

Thì ra như trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine, một sự rình rập tương quan lẫn nhau giữa ba đối tượng chỉ muốn sát hại nhau. Số là con nhái đang rình con trùng, tôi đang rình con nhái rồi một con rắn – may là rắn nước – lại rình con nhái. Thế là cùng một lúc tôi và con rắn tấn công con nhái nhưng.... may quá tôi chậm hơn con rắn nên chụp vào đuôi nó nếu tôi nhanh như nó chắc là tôi chụp ngay đầu nó rồi.

Bữa cháo nhái đêm đó, tôi ăn không thấy ngon và mãi về sau tôi già từ cuộc đi soi nhái. Ngồi đây viết lại kỷ niệm này tôi còn có cái cảm giác lạnh lạnh rợn người của tôi khi tay tôi nắm vào con rắn trong cuộc đi soi nhái cuối cùng của tôi./-

Cầu Rạch Miếu

Nối liền thành phố Mỹ Tho và Bến Tre
Thương mến kính tặng Anh Chị Pétrus Giản (Thị Trần Cái Mơn)

*Tôi về thăm Bạn Cái Mơn
Qua Cầu Rạch Miếu dầm chân ngõ ngàng
Ngày xưa bến đợi đò sang
Ngày nay cầu đã đưa nàng quá giang
Mỹ Tho thương nhớ ngút ngàn
Cửu Long gần bó muôn vàn mến yêu
Đời lữ thứ, nhớ quê nhiều
Bến Tre thương nhớ những chiều xướng ca
Một vùng sông nước bao la
Rừng dừa bát ngát phù sa vùn bời
Mỹ Tho Thành Phố tôi yêu
Vớ bao kỷ niệm những chiều trúc ty
Người ở lại kẻ ra đi
Bao nhiêu đau xót từ khi xa nhà
Cầu Rạch Miếu, khách phương xa !
Nỗi lòng vẫn nhớ bến phà năm xưa!
Trong Lễ Ấu Dương*

Thú vui trồng trọt

Trần Kim Diệp

Nước, phân, cần, giống và ánh sáng mặt trời là những yếu tố căn bản để việc trồng trọt có kết quả tốt .

Nước là thức uống của tất cả loại cây. Thiếu nước, cây sẽ cần cỗi, khô héo và chết.

Pháp là xứ ít mưa, do đó trong việc trồng trọt rất cần bàn tay của con người giúp tưới tắm. Tất cả các nguồn nước không chứa hoá chất như: nước vo gạo, nước rửa rau, nước mưa v...v đều tốt để tưới cây. Giá nước máy ở Pháp lại tương đối mắc, những ai có vườn nên khai thác thêm nguồn nước mưa hứng từ máng xối hoặc tuý khả năng có thể đào giếng để lấy nước . Phân là thức ăn của cây cối. Qua bộ rễ, cây hấp thụ những chất bổ dưỡng chứa trong phân để giúp cây tăng trưởng , đơm hoa , kết quả .

Tổng quát thì phân gồm 2 loại:

phân hoá học và phân tự nhiên còn gọi là phân BIO như : phân thú vật (trâu , bò, ngựa ...) Người Miền Bắc VN còn dùng cả phân người tươi gọi là phân bắc và người Triều Châu cũng

dùng phân người nhưng đã hoai để trồng rau cải, phân cá khô, phân ủ (compost) do sự phân huỷ của lá cây, vỏ củ, quả, vỏ tôm, cua ...

Mỗi loại phân đều có ưu và khuyết điểm riêng. Dùng phân hoá học thì cây cối tăng trưởng nhanh, tốt, cho nhiều hoa, quả nhưng phân hoá học thường đắt tiền và rau, quả tuy tốt tươi nhưng mau hư, thối; ngoài ra nếu dùng phân hoá học không đúng cách có thể làm chết cây.

Phân tự nhiên tuy không giúp cây tăng trưởng nhanh như phân hoá học, nhưng rất tốt về mặt an toàn sức khỏe cho con người, rau quả bảo quản được lâu hơn.

Nhân đây xin kể lại chút kinh nghiệm xưa: “vào thập niên 60, ở quê tôi mùa cá linh, cá nhiều không tiêu thụ hết, người ta thường phơi khô và dùng để bón dây dưa bầu. Những trái dưa trồng với phân cá này, sau Tết vài tháng, xẻ ra ruột dưa vẫn thật tốt”.

Về cách dùng phân thì nên lưu ý là:

- Chất đạm 1' azote = Nitơ (N) giúp tăng trưởng lá, hoa.

- Chất lân phosphore (P) giúp tăng trưởng rễ, củ.

- Chất bô tạt potassium (K) giúp tăng trưởng hoa, quả.

Ngoài những chất cơ bản trên, cây cối cũng cần những nguyên tố vi lượng (oligo-élément) khác như manganèse, magnésium ...

Giống tốt thường cho kết quả tốt, do đó việc chọn giống để trồng trọt cũng là khâu rất quan trọng. Việc chọn giống thường do 2 cách: hoặc mua ở những nơi cung cấp nếu những loại cây mà ta không thể tạo được như: nho, cerise, phúc bồn tử, nhiều loại hoa ... hoặc tự gây giống lấy với những loại bầu, bí, su, khoai, các loại rau như húng, húng quế, tía tô, bắp cải, rau răm, ngò om, rau lang, ớt, hành, gừng, tỏi ...

Lợi điểm của cây giống mua từ những nhà sản xuất chuyên nghiệp thì thường được bảo đảm, có kết quả nhanh với những loại cây ăn trái nhờ kỹ thuật ghép, tháp, nhưng cây giống mua thường đắt tiền và kết quả nhiều khi không được như ta mong muốn.

Còn việc tự gây giống tuy phải mất chút công nhưng thường hợp gu của ta hơn. Tỉ như cà tồ mát, có rất nhiều loại khác nhau về hình dáng và mùi vị. Cà tồ mát lại rất dễ trồng, do đó khi ta mua nhiều thứ khác nhau để ăn, thấy thứ nào thích thì giữ lấy hạt để gieo.

Đối với các loại rau: húng (menthe), bắp cải khả năng sinh tồn rất mạnh, chỉ cần trồng một lần, đến mùa lạnh tuy cây có chết, nhưng chỉ cần giữ cho đất trong chậu đừng bị đóng băng, thì khi thời tiết ấm lại rễ rau sẽ tự đâm chồi và vươn lên.

Với rau tía tô, cresson, lá chua oseille..., hạt già rụng xuống đất, khi mùa ẩm đến cũng sẽ tự nảy mầm và phát triển mạnh.

Còn các loại rau húng, húng quế, rau răm, ngò om ... chọn cọng tốt, chừa 4, 5 lá ngọn, đặt vào chai nước suối đã cắt miệng, ngâm nước ngập gốc khoảng 2, 3 cm, để nơi thoáng mát, đợi đến khi đâm rễ, chuyển trồng xuống đất.

Ánh sáng mặt trời rất cần thiết đối với hầu hết loại cây, nhưng sở dĩ ở VN, Ông - Cha ta chỉ đề cập về nước, phân, cần, giống mà không thấy nói đến yếu tố này; vì lẽ VN là xứ nhiệt đới, quanh năm chan hoà ánh nắng mặt trời. Còn Pháp là xứ ôn đới, mỗi năm chỉ có khoảng 180 ngày là có ánh nắng, do đó muốn cây cối trồng có kết quả tốt cũng cần nên quan tâm về điều này.

Ngoài 4 yếu tố căn bản trên, phải nói CẦN (cần cù, siêng năng chăm sóc) là điều quan trọng nhất.

Trong việc trồng lúa, người Miền Bắc VN có câu « công cấy là công bỏ, công làm cỏ mới là công ăn ». Từ cấy, bừa, trực, gieo mạ, bón phân rồi cấy; qua nhiều giai đoạn thế mà vẫn chưa đáng kể, phải thêm khâu công làm cỏ mới được đánh giá là công ăn. Điều đó cho thấy trong việc trồng trọt, sự chăm sóc của con người sẽ quyết định kết quả.

Việc chăm sóc cây cối bao gồm rất nhiều lãnh vực:

Thiếu nước, cây sẽ chết, nhưng quá nhiều nước cây cũng có thể chết, do đó nên tưới nước cho đúng. Mùa hè nóng nực, cây cối

cần nước nhiều hơn. Rau, hoa trong chậu cần được tưới tắm nhiều hơn trong vườn. Cây ăn trái như: lê, táo, hồng, cerise ... có rễ sâu, biết tự tìm nước dưới đất, nên không cần tưới thường xuyên như rau, hoa. Chậu bằng đất nung, nước bị bốc hơi nhiều hơn chậu bằng plastic ... Điều cần lưu ý là tất cả chậu tự chế, cũng phải có lỗ thoát nước ở đáy chậu.

Thiếu phân, cây sẽ chậm phát triển và cần cỗi, nhưng việc dùng phân cũng phải cẩn thận, nhất là phân hoá học. Phân hoá học lỏng dễ xử dụng hơn loại khô, nhưng dùng loại phân hoá học nào cũng nên tuân theo sự chỉ dẫn về cách dùng, dùng tự ý thêm lượng phân sẽ có hại hơn là lợi. Riêng phân chuồng, compost ... đã hoai, ải thì tốt hơn còn tươi vì sự lên men của rau, vỏ trái cây thối rửa có thể tạo những loại nấm lây hại cho cây.

Pháp là nước có 2 mùa nóng và lạnh, do đó khi trồng trọt cũng cần quan tâm về thời vụ.

- Cà tím (aubergine) gieo đầu xuân, trồng giữa và cuối xuân, thu hoạch giữa và cuối hè.

- Dền (épinard) gieo trong mùa xuân, đầu hè, đầu thu; thu hoạch suốt năm.

- Sà lách (laitue) gieo từ cuối đông đến đầu hè; thu hoạch từ cuối xuân đến đầu thu.

- Ớt (piment) gieo đầu xuân; thu hoạch giữa hè và đầu thu.

- Ớt Đà Lạt (poivron) gieo đầu xuân; thu hoạch hè và đầu thu.



Xíu

« Anh thấy em nhỏ xíu, anh thương »

Ngô Hồng Linh

Tôi có thói quen ngủ sớm. Ngủ sớm cũng là một cách ... tiết kiệm mà. Rồi buổi sáng thức sớm, lang thang đi bộ cà rịch cà tang qua các ngõ ngách, để ngắm nhìn phố phường tỉnh khiết buổi ban mai, nơi thành phố tôi đang ở. Để thấy cái kiến trúc có phần hơi xô bồ mà lại thân quen, bởi tôi đã ở khá lâu thành phố này rồi. Bạn bè tôi cũng hay ví von cái thành phố này là: "Đi dễ nhớ, chứ không phải ở dễ thương ..." ??

Hỏi rằng người ở nơi đâu?

Thưa rằng tôi ở rất lâu quê nhà

Bùi Giáng.

Về cái khoảng đi bộ này chắc tôi chỉ thua Nhà Văn Sơn Nam chút xíu thôi! Rồi ghé quán quen, làm ly cà phê và điều thuốc lá đầu ngày cũng thấy thú vị. Về nghe nhạc, thường là Boléro theo sở thích của chủ quán! Rồi nhìn ông đi qua bà đi lại theo dòng đời xuôi xuôi (hông có ngược vì đường một chiều!) Riết rồi cũng thành thói quen ... tốt cho hệ thần kinh?

Nhớ hôm quán đề cái đĩa nhạc mới phát hành của ca sĩ Lê Quyên. Đang thả hồn theo những bài nhạc xưa qua một giọng hát mới, bỗng có tiếng hỏi:

"Xin lỗi, có phải anh là"

Tôi quay lại. Chỉ "Ủa" một tiếng thôi mà bao nhiêu kỷ niệm ào về đến chóng mặt như vận tốc ánh sáng!

Xíu! Xíu bằng xương bằng thịt đang ngồi cạnh bàn của tôi, Biết bao nhiêu năm tháng, rồi bao nhiêu nước chảy qua cầu! Nhớ lúc trước, khi chân ướt chân ráo mới từ Mỹ Tho lên Sài Gòn trọ học, nhờ sự giới thiệu của người bạn, mà cũng là anh họ của Xíu, tôi đến trọ trong căn gác xép, trước làm kho chứa

đồ phê thải của nhà Xíu , nay được sửa chữa làm giang son riêng cho tôi May lúc đó trái đất chưa nóng lên như bây giờ , còn tôi thì ốm nhom ốm nhách . Căn gác chỉ có một chiếc giường , một bàn học mà cũng là bàn đêm , một chiếc quạt máy cổ lỗ với cánh bằng sắt, nhưng lại là cả một Vương quốc , đối với những đứa trẻ học xa nhà như tôi ! Căn gác trọ nơi tôi ở có cái bao lơn nhìn qua nhà của nhà văn Hoài Diệp Tử (nghe nói đã mất) Thỉnh thoảng gặp gỡ , tôi hết lời khen ngợi nhà văn này, (dù tôi chưa hề đọc một tác phẩm nào của anh ấy !) Cho nên , đôi khi , chị Hoài Diệp Tử, lúc đó rất đẹp , theo trí nhớ của tôi , hay đắm đuối khi thì ô bảnh mí , khi thì gói xôi cho tôi ... đều là những " món ngon vật lạ " đối với tôi thời bấy giờ

Buổi sáng , mọi người thường ra khỏi nhà . Chỉ có tôi và Xíu, những lúc không có giờ học thì ở nhà . Thấy Xíu quá cô đơn nên tôi cũng thường đùa chơi với Xíu cho vui nổi nhớ nhà , Những buổi trưa nếu trời quá nóng hay những tiếng ồn ào do Xíu chơi nhảy dây , đánh đu , lò cò một mình ... làm tôi không thể tập trung việc học hành . Đạo đó , tôi sợ , nếu thi rớt thì phải đi lính , nên tôi bỏ vào thư viện hay đôi khi ra quán Tàu đầu ngõ uống ly ... trà đá , gần quạt máy, còn xin thêm bình trà nguội ! những lúc như vậy , Xíu hay nhìn tôi với đôi mắt buồn thê lương , và hay năn nỉ tôi ở nhà chơi với em .

Nói thật , trong nhà đó , người tôi oải nhất , ghét nhất là Xíu , vì em hay phá phách và luôn luôn làm phiền tôi mỗi lúc tôi cần sự yên tĩnh . Em nhỏ hơn tôi nhiều , chỉ mới học lớp sáu (đệ thất) thôi , nhưng gọi tôi bằng anh , theo vai vế của bạn tôi là anh họ của Xíu.

Xíu học buổi sáng , buổi trưa, nếu tôi có giờ thực tập , hay thỉnh thoảng la cà ở câu lạc bộ trong trường với bạn bè ; mỗi lần như thế, Xíu lên lục lọi mọi thứ trong căn gác của tôi ! Có lúc Xíu chơi luôn cái thứ " Thực phẩm dự trữ , cứu đói " Má tôi gói lên , trong những lúc thức khuya học bài ! Thật là quá sức chịu đựng của tôi !

Có những lúc " Tà lơn ôn bài " Xíu chạy vội lên gác lôi tôi " Xuống coi con của cô ca sĩ Thái Thanh đi học về nè Anh . Tôi bực mình hết sức mà cũng khó tránh được cánh tay con chủ nhà . Mà công nhận , lúc đó Ý Lan mới học lớp 9 Nguyễn Bá Tòng (bây giờ là Bùi thi Xuân) , mà đã xinh đẹp , quý phái lắm rồi !

" Đệ hôm nào em giới thiệu chị ấy cho anh nha, em là ... em nuôi mà "

May mà Xíu nói rồi quên đi , nếu không chắc bây giờ cái bộ sưu tập của cô ca sĩ nổi danh này , chắc dài thêm hơn một chút !

Những ngày trọ học xa nhà rồi cũng qua nhanh , năm lên lớp 9, Xíu đã trở thành một thiếu nữ đẹp lúc nào cũng không hay và cũng bớt làm phiền tôi ! Ông Bà Hòa, chủ nhà tha thiết yêu cầu tôi dạy thêm Toán Lý Hóa cho Xíu để khỏi phải đóng tiền trọ ! Nhận lời được vài tuần, vào trong giờ học, Xíu bắt đầu rũ rê : "Mình đi uống sinh tố nha anh , em bao !"

Lần lần.. Xíu trốn học , tôi trốn ... dạy. Từ đó, tôi bắt đầu sợ ánh mắt Xíu . Nhìn nhận, chỉ mới từng ấy tuổi đầu mà Xíu đã có ánh mắt đẹp một cách u uẩn , nhất là cách Xíu nhìn tôi.

Cũng thích thích vì rung động , mà tôi sợ quá , tôi là một thằng " Chết nhất bẩm sinh " Nhất là trong tư thế của tôi .

Về nguyên tắc , tôi là người " phụ trách " việc học hành , ôn tập cho Xíu lúc đó , nhưng chính Xíu mới là người bảo ban , chỉ vẽ cho tôi những xúc động đầu đời !!

Sau đợt nghỉ Tết trở lại Sài Gòn . Ngày Xíu đi Picnic với trường , Tôi lặng lẽ dọn thẳng qua Đại Học Xá Minh Mạng , nói cho văn hoa là : " chạy trốn một cuộc tình ! " Nhưng thực ra , để tiện việc học hành và đỡ gánh nặng tốn kém cho Ba Má tôi !

Rồi đất nước hòa bình...tôi tả , tang thương , mỗi người một

nơi , dù thỉnh thoảng tôi có đi qua con đường xưa , nhưng ngôi nhà cũ bây giờ đã xây cất lại bề thế hơn , hoành tráng hơn ! Rồi cuộc sống lồi tuột tôi đi , như ngày nào Xíu từng lôi kéo tôi như thế" Hồi xưa em còn con nít quá hà anh ? "

Tiếng Xíu vang lên như kéo tôi về thực tại , bởi tôi vẫn thường hay lẫn lộn giữa Mộng và Thực , Mộng có lúc cần Thực và Thực cũng có lúc cần Mộng !

Sau hồi kể lể và ôn lại các câu chuyện xưa , mà chắc là Xíu nói, tôi nghe nhiều hơn . Xíu về Việt Nam làm giở và thăm mộ của ông bà Hòa-(Ba Mẹ Xíu) , đã mất trong lúc vượt biên, Hiện giờ Xíu đang định cư với đứa em mà tôi chưa biết mặt vì khi út sanh ra thì tôi đã ra đi . Hai chị em hiện giờ đang ở Thành phố M. với một đứa con của Xíu, M. lại là một thành phố mà tôi có quá nhiều kỷ niệm . Xíu đơn độc nuôi em và nuôi con . Tôi chỉ biết nghe, sau khi đã đi một đường " lý lịch trích ngang " của tôi với Xíu ,

Xíu ngồi cạnh và dựa vào tôi . Chưa già , nhưng vài ngọn tóc lấm tấm bạc đã lòi xòe trên vầng trán thông minh , bướng bỉnh và tinh nghịch của em ngày nào ! Xíu vẫn xinh đẹp và nhất là đôi mắt . Đôi mắt Xíu, chưa bao giờ tôi quên được, kể cả trong giấc tôi mơ ! Gương mặt mộc mạc, không trang điểm, khác rất nhiều với những người phụ nữ từ xa về . Làm tôi cũng ngạc nhiên và thú vị . Cái dấu hiệu « tang đen » nổi bật trên chiếc chemise trắng, mà tôi không muốn hỏi ! Bởi, cái chữ " TẠI SAO " từ lâu đã bị xé nát, xóa nhòa ở trang nào đó trong cuốn tự điển của đời tôi....

15g ngày này, em sẽ ra phi trường về lại bên đó , Hiện em đang ở khách sạn xéo với nhà tôi , mà sao cả tuần lễ rồi tôi không hề hay biết ? . Sau hồi chuyện trò , chúng tôi ngồi im lặng thật lâu cho đến quá trưa , những người khách trong quán đã ra về . Xíu cũng về khách sạn để thu xếp đồ đạc . Tôi băng ngang con đường một chiều đông đúc như người mộng du . Lúc qua được bên kia đường , nhìn lại , thấy Xíu vẫn còn nhìn theo mà chưa vào hẳn khách sạn , chúng tôi lại vội tay

Khi mở cửa vào nhà , tôi mới nhớ Xíu chỉ là nick name , là tên thân mật ở nhà của Xíu , Còn tên thật Xíu là gì tôi không tài nào nhớ nổi ! dù khi xưa tôi đã nhiều lần ký tên vào sổ liên lạc học đường cho Xíu . Có thể , bây giờ Xíu đã có tên như là Angelina , Sophia , Clara, Triz, Elena ...gì đó cho người ta dễ gọi và cho "hợp thời trang" chăng ?

Thành phố M. , Nơi Xíu ở, tôi thường đi qua khi thăm các con tôi , đã quá quen thuộc , và trở thành thân thuộc với tôi . Thành phố M. cũng để lại cho tôi nhiều kỷ niệm buồn buồn.... Diện tích thành phố này thì lớn hơn diện tích của cả nước tôi , còn dân số thì chắc ít hơn dân số cái phường tôi đang ở ! Tôi cũng thường ghé chơi những khu người Việt quần cư với nhau, thăm bè bạn và quen biết thêm nhiều dân số tại .

Nhưng không biết tôi và em có còn gặp gỡ ? Tôi cũng nhớ là mình chưa có địa chỉ , số phone , hay e mail của Xíu . Chắc Xíu muốn chờ tôi hỏi . OK tối nay anh sẽ hỏi em , trong giấc mơ của anh ! Phôi pha là thuộc tính của con người : Yêu rồi cũng phôi pha , mà yêu chút chút rồi cũng phải phôi pha thôi mà !.

Bây giờ chắc Xíu đang bẽ bàng trên phi cơ , Trong những đám mây trên vùng trời Ấn Độ Dương . Xíu đang gật gù ngủ ? hay đang thức và đang nghĩ về tôi (????!!) với những kỷ niệm thật đẹp của thuở thiếu thời !

Have a good trip Xíu
Ngô Hồng Linh

VIẾT VỀ MẸ

Võ Nhựt Ngô

Tôi có hai người mẹ. Người mẹ lớn tôi gọi là “Mẹ” và mẹ ruột sinh ra tôi thì tôi gọi là “Má”.

Mợ tôi là con một ông thầy đồ dạy chữ Nho ở cuối thời Nho học. Nên mợ tôi biết vừa chữ nho vừa chữ quốc ngữ. Nhà tôi thuộc diện hiếm con. Đời cổ thì tôi có hai ông cố, ông cố ruột của tôi là ông cố em. Đời ông thì ông nội tôi là trai duy nhất với một người em gái. Đến đời ba tôi, thì chỉ đơn độc có một mình ba tôi, không em trai gái nào cả. Mợ tôi người ốm yếu, dịu dàng và mảnh mai vì bà vốn là một tiểu thư đài các.

Mợ tôi về thì chỉ sanh và nuôi được chỉ người chị cả của tôi thôi. Còn có vài kỳ sinh khác không biết trước hay sau thì đều không nuôi được. Ở thời đó chưa phát minh ra thuốc trụ sinh nên con người phải đối mặt với rất nhiều bệnh tật hiểm nghèo. Nên không mấy nhiều trẻ con nuôi được đến tuổi trưởng thành. Là con ông Đồ và có học chữ nho nên mợ tôi rất biết câu “bất hiếu hữu tam, vô hậu nhi đại”, tức có ba điều bất hiếu mà việc không con nối dõi là cái bất hiếu lớn nhất. Nên chính mợ tôi xin phép ông bà nội rồi nhờ mai mối tìm cưới vợ hai cho chồng.

Bà nội kể lại là chính mợ tôi đội khăn đóng, bung quả đi rước dâu để cưới má tôi về.

Má tôi là con một nhà trung nông. Đã sớm có một đời chồng. Nhưng chồng chết không con nên trở về ở với cha mẹ ruột. Có lẽ vì thế nên mới chấp nhận làm lẽ mọn.

Má tôi là người lao động. Trong gia đình con gái không được đi học, nên má tôi dốt chữ.

Nhưng má tôi rất mẫn cán, siêng năng gánh vác mọi việc trong nhà và có trí nhớ rất tốt lại thêm rất khéo tay nấu nướng. Tôi thấy vài lần ông nội tôi kêu má tôi lên, giải thích tí mĩ về món ăn ngon nào đó mà ông vừa ăn nơi nhà bạn và bảo má tôi làm thử để lần sau làm đãi khách. Vì ông nội là hương cả trong ban hội tề làng.

Mấy ông này luôn mời nhau những khi nhà có tiệc tùng như đám giỗ hay cưới hỏi. Và ai cũng cố gắng để không thua kém nhau trong sự đãi tiệc cho các bạn mình.

Ông nội tôi rất giàu nhờ có một thời gian lúa có giá rất cao, khoảng 1 đồng một gạ. Chỉ đến năm sinh tôi ra là lúc có khủng hoảng kinh tế thế giới nên giá mới tuột xuống chỉ còn trên/dưới 1 cắc một gạ.

Ở thời kỳ Nhật lật đổ Pháp, ông nội cho chúng tôi học chữ nho. Trong lúc tôi đang ê a học bài, thì mợ tôi đi ngang, nghe tôi đọc sai nên ngoắt tay bảo tôi đưa cuốn tập và chỉ cách đọc cho con chữ trước đó bị tôi đọc không đúng.

Theo sách vở thì thứ tiêu khiển của các sĩ tử thời ấy là : cầm kỳ thi họa, tức đánh đàn, đánh cờ tướng, làm thơ, và hội họa. Không hiểu bộ tứ tuyệt đó mợ tôi đã học đến bậc nào. Nhưng có một hôm tôi đấu cờ tướng với anh cả tôi. Lúc tôi đang thắng thế rung đùi nói phét, thì mợ tôi đi ngang qua, thấy thằng nhỏ đang làm phách, còn thằng lớn thì đang nhìn bàn cờ nói gượng với em là “ăn thua gì vậy !” nhưng có vẻ lúng túng chưa tìm ra nước gỡ. Mợ tôi ghé mắt xem rồi đưa ngón tay chỉ cho anh tôi một nước, thế là giải tỏa được mọi áp lực của tôi.

Tôi tức mợ lắm, nhưng cũng rất thâm phục nước cờ cao của mợ vì trước đó tôi cho rằng cuộc diện rất khó gỡ cho anh tôi. Mợ tôi là người theo phật. Nhưng chị cả tôi, con gái ruột và duy nhất của mợ, thì vì trước học trường Nhà Trắng nên mấy bà sơ lôi cuốn chị vào đạo chúa. Mợ tôi thường lo buồn về việc nhang khói cho mợ sau này.

Tôi thương mợ tôi lắm. Nhất là sau khi nghe bà nội kể lại rằng có một hôm má tôi đánh dạy em gái tôi nhiều quá khiến nó quính quáng khóc rất to. Mợ ở trên nhà trên nóng ruột và giận lắm nên bước xuống rầy má tôi sao đánh mạnh tay thế. Mợ nói bộ má nó tưởng là má nó đẻ rồi muốn đánh chết nó cũng được hay sao ? Tội nó là con của tôi đó, tôi mà không cưới má nó về thì làm sao có tội nó ! Câu nói này làm tôi càng quý trọng thương yêu mợ và cả đời tôi sẽ không bao giờ quên.

Má tôi thì bận rộn nhiều việc lao động chân tay cho gia đình, không có thời giờ để cưng chiều con cái. Nên gặp lúc em tôi

sái quấy thì vừa đánh vừa dạy dỗ. Má tôi lại cũng rất kính yêu và luôn nghe lời mợ tôi.

Má tôi làm đủ thứ việc như người đàn ông. Lúc thì cuốc đất lên giồng trồng khoai củ, lúc thì gánh nước tưới cây quanh nhà và nhất là cái vườn trầu của bà nội và 30 chậu kiểng của ông nội. Những tình tiết trên mở đầu cho bài thơ dưới đây:

MỢ TÔI

Mẹ chân không, bờ ao múc nước
Gánh oằn vai, tưới kiểng nhà ông
Nhà Nội : vườn sau xa cổng trước
Trầu xanh, hoa thắm, mẹ môi hồng.
Một tháng đôi lần có chợ đông
Mẹ tôi đi chợ bán hàng bông
Tiền trao bà nội, bà cho lại
Phải cách nằng dẫu, cách mẹ chồng.
Mới giỗ vừa xong, nhà lại giỗ
Họ hàng giềng xóm tụ chen đông
Vật bỏ mớ lợn ngoài sân cỏ
Mẹ hết lo ngoài, đèn chạy trong.
Thị đậu xong, thầy hẹn sáng mai
Quần đen áo trắng dẫn đi chơi
Con không áo trắng nên đêm ấy
Thức trắng đêm dài, mẹ cắt may.
Đâu đây giờ gõ sang canh một
Mẹ đến bên em nựng vôi vàng
Nó ngủ sau khi mồn mồi khóc
Hôm nào cũng vậy đã thành quen.
Đương buổi xuân thì, mẹ đảm đang
Thương chồng, vai nặng gánh giang-san
Ôn Trời cho rộng đường mai hậu
Nhà rộn vui : con một cháu đàn.
Trẻ lớn lên rồi trẻ lại đi
Mấy năm đèn sách, mấy chia xôi
Vườn sau ve gọi vang thoi thúc
Mong chóng hè sang trẻ chóng về.
Năm tháng qua dần tóc mẹ phai
Môi hồng nay đỏ với trầu cay
Đàn con: năm đứa còn quanh đó
Một đứa, sao đi chẳng thấy về !
Nhớ thuở con say mộng hải hồ
Cúi đầu nghe dạy, mẹ khuyên cho
Ngân khơi dẫu bề giờ ngăn cách
Sống cuộn lòng son, mắt lệ mờ
Đợi mãi con không về với mẹ
Lá vàng buồn rụng bỏ cành non
Tim già mỗi nhịp đong nhưng nhớ
Môi ghen lời thương, mắt ghen nhìn.
Thôi hết ... từ nay vĩnh-biệt rồi !
Dương-trần, âm cảnh đã chia tay.
Còn đâu mộng ước về thăm lại,
Ôm mẹ, hôn đôi má lệ đây.
Ôi kiếp phù sinh chốn bụi mờ
Khí thiêng trời đất tạo nên cho
Khí thiêng trời đất giờ thu lại
Qua bề trầm-luân đã đến bờ.
Bên đình trầm hương nghi-ngút khói
Nhà sao vắng mẹ quá diu hiu
Chiều nay mưa muộn ran trên ngói
Rào rạt từng cơn, nhớ mẹ nhiều.
Con biết bây giờ mẹ ở đâu
Bên kia trần thế khó trông theo
Cầu xin Thượng-đế ban ơn phước
Cho trẻ theo cùng mẹ kiếp sau.
Con biết bây giờ mẹ ở đâu
Trong lời kinh tiếng mõ dâng cao
"Nam-mô Quan-thế-âm bồ tát"

Dưới bóng từ-bi mẹ khẩn cầu.
 Con biết bây giờ mẹ ở đâu
 Kể tiên người tục khó theo nhau
 Con xin nối tiếp đời du-tử
 Hết kiếp con về với mẹ sau.
 Con biết bây giờ mẹ ở đâu
 Nối vòng tay trẻ dại thương nhau
 Tang-diên dầu biển thành thương-hải
 Hình mẹ trong tim chẳng nhạt màu.
 Bến Tre ngày 22/08/2013
 Võ Nhựt Ngô (Nouméa 1985)

Cao Sơn



Linh Sơn Thánh Mẫu



Núi Bà Đen

Cuối thế kỷ XIX theo chân đoàn người vào Nam, sau khi Chúa Nguyễn đánh chiếm đất Chiêm Thành, thành lập các phiên trấn, và đặt ra phủ Gia Định, mãi đến đời vua Minh Mạng mới thành lập thêm sáu tỉnh (lục tỉnh) Lúc bấy giờ đất Tây Ninh thuộc về Phủ Gia Định.

Từ Miền Đông đến, có gia đình Ông Đào Văn Chung tới vùng đất mới này, nhận thấy đất rộng, ít đồng bằng và phần còn lại toàn là rừng rậm hoang vu, nên lưu lại, lo đồn cây, phá cỏ đốt phá rừng khi nhận thấy đã nhiều thì ngưng lại, chí thú làm ăn, khai khẩn vùng đất đã được phát hoang, nên ruộng vườn tuy được chừng vài mẫu nhưng đất tốt vài ngày ngày được ruộng thêm lên, mới đầu nhà lá thô sơ, sau nhờ đất ở gần bờ sông có dừa nước mọc nhiều, hai ông bà hề hụi đồn cây chẻ lá đan làm hai lớp, lấy tre rừng làm kèo, làm cột làm sườn nhà, móc đất bùn trộn với rơm trấu trét vách, sẵn đá nên lựa viên nào dài dài dùng để bó nền, lợp thật nhiều vỏ ốc vỏ sò đốt thành vôi trắng pha nước, sơn phết lên trông thật là xinh xắn Có nhà cửa rồi, xung quanh sân tre thì đồn và chẻ làm vạc, làm ghế, làm bàn ăn, có ghế tre để ngồi..Khi ông bà làm xong xuôi các việc cần thiết xong, thì tình yêu ngày càng mặn nồng hơn thêm, nặng nghĩa nặng tình nên ông bà hạ sanh được một cháu trai đặt tên là Đào Văn Chuẩn. Nhận thấy thôn xóm lân cận có đông người đến cư ngụ, ông bà mới nảy ra sáng kiến thành lập một tiệm chạp phô để cung cấp cho bà con lối xóm nào :than, gạo, nước mắm, muối, đường khô cá v.v... công cuộc làm ăn ngày thêm khá.

Lại nghe tin đồn trên NamVang buôn bán làm ăn rất dễ, nên ông bà đều có ý đi NamVang lập nghiệp. Vợ chồng gọi người đến cho mượn cơ nơi, rồi hai vợ chồng tay bồng tay bế mượn xe trâu đi được vài ngày thì tới Phnom Penh, lại xuất tiền ra mua được một căn phố nhỏ nhỏ, mở tiệm chạp phô bán gạo, mắm, khô, đường, muối, đậu và vài sô lát vặt đủ thứ, như thời kỳ còn ở TâyNinh.

Công việc làm ăn ngày thêm phát triển, và từ đó thì lòng thương nhớ quê nhà càng rào rạt hơn. Cứ mỗi chiều, ông nằm vòng đưa kéo kết ngắm ánh tà dương mà lòng dấy lên một nỗi buồn kỳ cục ; lòng thương nhớ quê hương !....

Con đường làng gió cuốn bụi mờ

Cây bạch đàn cành lá xanh um

Lòng ước muốn về thăm làng xóm cũ

Ông bà hực hành liền, tiệm rao bán cho mấy Bòn được khá nhiều tiền và tìm thể mang được tất cả số tiền bán tiệm lẫn số tiền dành dụm bấy lâu nay về quê hươngmay mắn không bị cướp giựt giữa đường, âu cũng là số hên .Sân có vốn khá khá cộng thêm tiền cho mượn nhà mượn đất mấy năm nay, nên ông bà cất lên một căn nhà lá ba gian thật to, hai chái, vách gạch, nóc ngói, nền lát gạch tàu vuông vức đồ ao.. sân trước đất được dầm bằng phẳng để phơi lúa, trồng thêm vài cây điệp ta, hai cây hoa đại Ngọc Lan, lại dành một khoảng để nhỏ trồng rau cải, bạc hà, có thêm hàng hiên trồng các loài hoa giấy nhiều màu trông rất đẹp mắt, lại trồng thêm hai cột trụ cạnh hàng hiên bông giấy để giăng một cái võng nằm nghỉ trưa.

Phía sau hè, nhờ cậu con trai hợp cùng các trai tráng trong làng đào mương, đắp liếp 4 thước ngang để trồng dừa, cau, mận, mít, cam, quýt, bưởi, sa bô chê, xoài, tre măng tông lủ khủ, không quên đào thêm một cái ao, rộng 8 thước bề ngang, dài 15 thước, bề sâu vừa phải, rồi thả cá, còn nuôi thêm 3/40 gà vịt ngỗng, chạy tới chạy lui, gáy ò. ó o... om xòm, có nuôi thêm hai con heo ùn ùn nên hoạt cảnh rất vui

Bên hè lại mở thêm tiệm tạp hoá bán như ngày xưa, ngày càng thêm đông khách,, ông bà bèn mua thêm một chiếc tam bản có mũi, chèo đôi trước, chèo đôi sau, để đi đồ đi đây ; thăm bà con láng giềng, có lúc ra chợ bổ thêm hàng về bán. Sau đó, lại cất thêm một nhà mát ở ven sông để ngồi chơi nghỉ mát, và đặt thêm hai thân dừa làm cầu gần bờ có bụi gừa, cành lá xum xê, rể lòng thông, lại là chỗ neo ghe tam bản rất là tiện lợi. Chiều nào hai ông bà thường ra ngồi kể chuyện bên nhau để câu cá ít lắm cũng có vài chục con, rồi làm sạch sẽ, lột kho, lột nấu canh, nếu ăn không hết thì băm nát ra cho gà vịt ăn.

Ngày rằm, 30, Mùng Một , Đầu Năm Mới,hai vợ chồng cùng cậu Chuẩn đội mâm trái cây hái được trong vườn, kèm theo nhang đèn lên Chùa Bà để cúng.

Chùa ở trên núi, nghe những người lớn tuổi kể lại, ngày xưa có cô con gái thật đẹp tuy nước da hơi ngăm ngăm, tên Dên (bà con gọi là Đen) là con của một quan chức thấp, nên bị con trai quan Trần Thủ Tráng Bàng (gần Tây Ninh) ý mình là con quan lớn, nên lợi dụng chức quyền ép duyên cô Dên, nên cô sợ mà bỏ nhà trốn vào rừng, lên núi cất Chùa mái lá ọp ẹp để tu, bèn chí lâu ngày nên có sự hiển linh, sau này vào thời nhà Nguyễn, vua biết được việc, nên cho đúc tượng Đồng Đen lại sắc phong cho Bà là « Linh Sơn Thánh Mẫu » tức Chùa Bà Đen.

Hàng năm kể từ ngày 30 Tết đến hết tháng giêng, tháng hai là bà con thường đi Chùa, nhất là Ngày Rằm, không những bà con trong vùng mà còn nhiều nơi trên Miền Nam đi tới để hành hương Lễ Bái quá đông. Họ đến bằng xe bò, xe trâu, xe ngựa, ghe chài, ghe lồng chèo, tam bản, dưới sông xuống ghe tập nập dập diu.

CHÙA, sau nhiều lần tân tạo, linh hiển ; là một quần thể kiến trúc quy mô từ chân núi lên đến Chùa có Tháp, Đền, Miếu lớn nhỏ ; gốc đa không biết có tự bao giờ mà nay cành nhánh, rễ nổi lên khỏi mặt đất ngoằn ngoèo, thân cây cả mấy chục người ôm cũng không giáp vòng, nhờ bóng mát của cây đa che mát một vùng rộng lớn ở sân Chùa, quán xá mọc lên, mua bán rần rần...

Nhằm ngày Lễ Vu Lan, từ sáng sớm bà con ở khắp nơi, có người đến từ Sài Gòn hay từ miền lục tỉnh đến viếng Chùa quá đông lại nhằm lúc trời nắng, gió núi lại rai mát mẻ, đi bộ lên đến núi cũng khá xa,nhưng chung quanh đường lên núi, có cây lớn mọc xung quanh. Chân bước đi mà miệng niệm Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát, tai lại nghe tiếng chim hót líu lo, khiến người đi quên mệt, tuy mồ hôi đổ ướt áo,nhưng khi đến chỗ thì có nhiều quán lá bán trà, khách hành hương mua một ly trà đá uống cho khoẻ rồi đi tiếp tục...

Và cũng không quên mua thêm nhang đèn, bông hoa cây trái để vào cúng Chùa... đi thêm một khoảng xa xa nữa mới đến Chùa. Chùa mái ngói cong cong, lợp ngói lưu ly vàng ánh có tượng nhiều rồng vàng, bánh xe Pháp Luân, lang cang sơn đỏ, trước sân có Tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, cao 3 thước, đứng

trên Đài Sen, tượng đức bằng đồng đen to lớn như người thật. Chung quanh Chùa còn có nhiều cây cao bóng mát, hồ nước trong veo, rong xanh đến độ nhìn thấy cá rùa, cua, tôm tép bơi lội nhón nhờ trong nước. Đến đêm thì cồng cộc, le le, đến tìm mồi, bà con hành hương thấy bánh mì cho chúng ăn... Dân ta tin tưởng Phật Trời, Bà hiền linh nên đến cúng vái rất đông chẳng kém gì Chùa Bà ở Châu Đốc.

Lên đến Đình lớn, bà con xúm nhau lạy, đốt nhang..., rồi mới vào Chánh Điện lạy Phật, cùng Chư Vị Bồ Tát.

Cạnh bên hông Chùa lại có chỗ coi mạch, hốt thuốc miễn phí cho người bệnh, bằng nhánh lá cây thuốc, được hái trên rừng về phơi khô, cắt thành khúc nhỏ nhỏ, kèm thêm vỏ quít, bưởi, sả, gừng, nghệ, rễ nhàu, trái mù u, lá nọ, lá kia, gồm nhiều thứ để nấu nồi xông. Tìm thêm ở ven bờ ao, mé nước, rễ tranh, mía lao, lá dứa, mã đề, và năm thứ đậu, gốc sắp xếp lại thành gói để biểu cho bà con hành hương. Lại có thêm ông thầy ngoài tỉnh biết châm cứu nổi tiếng ngày xưa, tình nguyện vào các ngày Rằm hoặc Lễ lớn sẽ đến Chùa để bấm huyệt, lễ giác, hay là đốt thuốc để trị bệnh cho mọi người làm phước.

Chú Chuẩn lớn rồi mà chưa có vợ con, Cha Mẹ đều khuất núi, căn nhà trở nên trống trải, rộng thênh thang. Là người tốt thấy chiến tranh tàn hại quá, phát sanh ra nhiều trẻ mồ côi bơ vơ, sống đầu đường xó chợ, rách rưới, đi ăn xin, nên Chuẩn động lòng muốn cứu giúp. Vẫn tiếp tục buôn bán như thuở nay, nhưng nghĩ mình có phước phần nên mới cất thêm một nhà trại mái lá 4 căn, ngang 4 th. dài 16 thước, mua cây về đóng sập cho mấy em trai ngủ một bên, còn một bên dành cho cm gái, lại xây cất thêm nhà tắm, nhà vệ sinh dành hoàng, Nhà bếp vẫn là bếp cũ, mua thêm chén đĩa, muỗng dĩa đầy đủ cho các em, lại cũng không quên mua thêm bàn chải, kem đánh răng, ly nhôm. Mỗi đứa đều có hai bộ đồ bà ba bằng vải tám, mùng mền, khăn chiếu, savon, dép cao su dành hoàng. Gần rừng nên các em phải chia phiên nhau đi lượm cây rừng về làm củi để nấu nướng. Lại đốn tre chẻ mỏng đang cà tăng, thúng, rổ, nia, sĩa; chế tạo xia răng, trúc cắt khúc bề dài độ 6/7 phân nhuộm màu đỏ xanh, xỏ thành sợi dài dài làm màn cửa khiến ai thấy cũng khen, lại còn làm lồng đèn hình ngôi sao chờ Tết Trung Thu, rồi mang lên Chùa biếu không cho các em. Người hành hương thấy các em dễ thương nên lì xì cũng bộn lại còn phân phát thêm quà bánh cho các em. Sau hết các em còn được dạy chuốt nang làm quạt giấy màu nâu nâu hay trắng lại vẽ ngoằn ngoèo nhiều màu trông rất đẹp. Chuẩn có tính thương mại, nên nhờ các em gái lớn mang nhang, nấu nước trà, làm tạm cái quán lá nhỏ để bán cho khách hành hương trước cổng Chùa, nhờ vậy nên có tiền phụ chi dụng hằng ngày.

Khi rảnh rồi thì rủ mấy em ra nhà sau móc mương, quăng đất bồi liếp, rồi trồng thêm chuối, cây ăn trái, so dũa, lá dứa, chanh, bồ ngót, trồng khóm ở hai bên mé, chính giữa thì trồng đậu nành, đậu phộng, mè, rắc thêm lưới kẽm nhỏ cho cá nuôi ra sông không được, lại trồng thêm trong ao nào bông súng, rau muống....để khi cần có ăn.

Lại dạy cho bà con cô bác biết cưa thân cây so dũa ra nhiều khúc dài khoản 5-7 thước, phủ rơm, tưới nước thường ngày, độ một tháng thì có nấm mèo mọc lên rất nhiều trên thân cây, một phần để ăn, còn một phần, đem ra ngoài bán lấy tiền mua gà vịt về nuôi thêm, hái đậu nành làm chao, nhờ quý Sư chỉ cách làm tương bỏ thêm vào hủ tương chút ít gừng thì sẽ thơm ngon hơn.

Chiều lại, cơm nước xong xuôi, anh dạy các em học vài tiếng đồng hồ rồi đi ngủ, sáng thức sớm tập thể dục, đi bộ, lượm lá rụng quanh nhà gom đóng lại để đốt, múc nước tưới rau cải, tưới sân cho trời nắng bụi đừng bay, và cũng không quên mua hai trái banh cao su loại lớn lớn cho các em trai tập đá banh, còn mua thêm mấy cây vợt cho các em gái tập đánh cầu long gà tự chế...

Rảnh rồi thì chờ nước lớn dẫn mấy em ra bờ sông Vàm Cỏ câu cá nhiều lắm, đỡ tốn tiền đi chợ mua sắm hằng ngày.

Ngày Rằm, Phật Đản, Lễ Vu Lan, Lễ lớn, khi giáp năm gần Tết thì anh dắt các em lên Chùa nhỏ cỏ, vun giồng, tưới rau cải, các giồng khoai, và tưới luôn cả các cây bông hoa quý của các Sư Cô trồng, quét dọn trong ngoài sạch sẽ, tưới tắt, rồi ở lại Chùa ăn cơm chay, lạy Phật, bỏ tiền chút ít vào thùng Phước Sang rồi mới ra về.

Thấy mấy em quá dễ thương, nên nhiều Sư Cô Chùa Bà, sau một thờ công phu đánh chuông gõ mõ thường xuống chợ mua sách, tập viết để dạy cho các em học tập thêm, tập đọc, tập viết, nên chữ mấy em thật tốt, có Sư Cô hồi trước là y tá, coi bệnh cho các em rồi cho thuốc uống nên thuận lợi quá, lúc trước các em thường ngủ ở gầm cầu, nằm tạm ở thớt thịt nhà chợ, hiền phở... bị muỗi cắn nên mang bệnh phát rét, ghê chốc tùm lum ở kê tay kẹt háng, nhưng nhờ có sự săn sóc và xức thuốc của các Sư Cô nên nay đã đỡ lắm.

Biết ngày Rằm, Ba Mươi, Mừng Một quý Sư ăn chay, các em múc tương biếu. Không biết phải nhờ vậy hay không, nên một hôm nọ có anh bán vé số đi ngang qua, trong đó còn dư vài tấm, nài nỉ anh C.. mua dùm, lại nhờ em nhỏ nhất trong nhà lựa chọn lấy một cặp. C.. trao tiền xong rồi lấy hai tấm vé số đem nhét dưới địch tượng Ông Địa, sẵn nhà có chuối chín, lấy cúng, không biết nhờ ơn thánh thần gì đó, mà tới ngày số số dò mới biết mình trúng số độc đắc. Nhờ tiền trúng số, nên C.. mua thêm mấy mẫu ruộng, hai công vườn nối liền sau đất nhà, còn dư để đó, sau đem lên cúng Đường ở Chùa Bà.

Trong nhà có ba bốn em học giỏi, xuống tỉnh thi đậu vào Trung Học, sau đậu thêm Tú Tài, rồi cùng dắt nhau lên Sài Gòn, đua học y khoa, đua học Công Chánh, có đua xuống Cần Thơ học trường Canh Nông kỹ sư Canh Nông....

Con trai chú Chuẩn tên Tâm xuống Cần Thơ ở trọ bên Cù Lao Ông Chường, xóm khá giả, toàn là nhà ngói, ít nhà lá, ngày ngày đi học phải qua đò, được cái nhà gần sông nên trời mát, đỡ ồn ào hơn bên bến Ninh Kiều, (hàng quán xe cộ, bộ hành đi tới, đi lui đông quá, bụi bay mịt mù....)

Cạnh nhà trọ, có ông bà nhà giàu, lúa đầy lẫm, nhà gạch mái ngói, nền đúc tới ngực, vườn sau cây trái, rau cỏ sum xê, sân trước có bàn Vọng Thiên, hòn non bộ tròn độ ba thước đường bán kính, sâu cả thước, xây hồ gạch nuôi cá loại nhiều màu rồi thả bèo rong, trồng sen,, cạnh đó lại có thêm năm bảy cây sứ cùi, bông giấy, điệp ta. Ông bà cô bác chòm xóm mỗi lần gặp gỡ đều cuối đầu chào Cụ Chánh. Cụ có hai người con đều học Trung Học Phan Thanh Giản. Ông tuy lớn tuổi, mà giỏi lắm, biết xử dụng hầu hết các nhạc cụ cổ điển Việt Nam, Bà là gái Quan Họ Bắc Ninh, nên Ông Bà dạy cho con biết xử dụng nhiều nhạc khí: kèn, sáo trúc, ca hát, giọng điệu Bắc Nam, còn các cậu trai thì thay nhau đánh trống mỗi khi có cúng Đình. Hồi trước hể làng có hát Bội, Hương Chức biết Chánh Bái là người lớn tuổi rành nhạc cổ điển dân tộc,, nên thường mời Ông cầm châu.

Ở đâu được vài tháng làm quen, Tâm xin cậu Chánh dạy mình học đàn kìm, đàn cò, sáo trúc, và nhiều nhạc khí khác, lại dạy thêm ca vọng cổ, nhịp song lan. Vào các ngày nghỉ, ba bạn trẻ hợp nhau hoà nhạc vui chơi, những lúc ấy, bà chủ nhà cùng cô con gái lại nấu nhiều món ăn khéo ngon, để mời các cậu dùng cơm.

Thứ trai gần gái đẹp, má thắm, môi hồng, ngực cao cao, giỏi nội trợ, làm sao mà không mê, nên có bữa ông bà Chức vắng nhà, chỉ có cô Lan một mình, hai anh em hoà nhạc, cô đàn độc huyền (đàn bầu) cậu đàn kìm vui quá, không biết phải nhờ vậy không? mà cậu nắm tay cô hun, cô Hai rùn mình, cười nghe Tâm tỏ tình và chẳng có phản ứng gì hết, lại ngả đầu vào vai người ta nữa chứ, thế là gái phải hơi trai....

Học xong, Tâm đậu Kỹ Sư, được bổ làm Trưởng Ty Canh Nông Vĩnh Long kể tình nhà, có sắm được một xe hơi, nên thứ bảy hay chúa nhật nào cũng lái xe qua thăm người yêu. Cô Lan đậu tú tài, lên Sài Gòn học Cán Sự Y Tế 3 năm, lại đậu không cao, nên được bổ về Tây Ninh ở quận, gần núi có Chùa Bà Linh Sơn Thánh Mẫu, làm trưởng trạm Y Tế, nhờ vậy cô có

đưa ra chút ít tiền, nên cô cậu mới xin phép Cha Mẹ cho hai bên làm đám cưới rình rang : mổ heo, bò, thêm gà vịt, cá, tôm, cua, lại có giàn nhạc đến ca hát giúp vui. Cô lại xin Cha chồng hỏi mua dùm một cuộc đất lồi một công, ở cạnh bên để cất cái nhà cao cẳng, kiểu đặc biệt, nóc ngói, vách bằng bìa cây mù u lột bỏ vỏ, đánh dầu bóng, làm ván lót, trải thêm thảm có nhiều màu, vách phía trong phẳng, bảo lán, sơn màu hồng hồng treo nhiều loại đèn, tranh dầu vẽ trên vải, tủ thờ, bàn ghế toàn là danh mộc...

Cô có nghề, nên chú nhậ lên Chùa phụ coi mạch hốt thuốc giúp bà con,. Đôi lúc Chị Tâm nhớ Cha Mẹ ở Cần Thơ nên cô đào cái ao khá lớn ngoài vườn để nuôi cá, thiết ra không cần thiết phải nuôi cá, vì gần sông nên chúng đến chỗ nào cũng có nhiều thức ăn như... lục bình, rau muống, nhiều nơi mát để ở, và khi đến Tết đến, tát đìa bắt cá nấu đủ thức ăn để cúng Ông Bà và đãi khách đến mừng tuổi.

Cô lại thưa với Mẹ chồng : nhờ mấy em trai lớn đào cho cái đìa độ 8 thước ngang, , 15 thước dài, 1 thước rưỡi bề sâu cũng làm y như bên nhà cha mẹ ở Cần Thơ, rồi thả rong bèo, lục bình, rau muống, chà tre, cá ruột gà, ruột vịt, để dụ cá sông rạch gần nhà vào kiếm ăn, rồi đến chiều, nước ròng hạ xuống, có đìa giữ nước,giữ cá, nên lúc nào đìa cũng đầy nước, cá tôm nhiều, ăn mỗi thấy mà ham....

Chiều cơm nước xong, kêu mấy em qua nhà dạy đàn, nhiều em thấy cây đàn bầu chỉ có một giây mà tiếng nghe hay quá .

Một giây mà nói đủ lời

Nửa bầu chứa cả đất trời hư vô

Nên hỏi Chị Tâm sự tích, « Không biết đàn bầu có từ bao giờ (?), nhưng theo tích xưa có chàng Trang Viên, cùng trai làng phải đi đánh giặc chống ngoại xâm. Ngày ra đi, Trương Viên dặn vợ, nếu quá loạn lạc, em nên đưa Mẹ về quê lánh nạn, chẳng may chiến tranh ngày càng thêm thảm khốc, vợ chàng Trương đưa Mẹ về quê, trên đường đi nhiều ngày hết tiền, đành chịu đói, vốn là con dâu hiếu thảo, nàng thường nhịn ăn, nhường chút khoai cho Mẹ chồng đỡ lòng. Một hôm đi ngang qua làng kia thấy có nhiều nhà giàu nhưng có tấm lòng nhân, mời bà Mẹ cùng nàng vào dùng cơm, và cho biết làng phải làm vậy vì nơi đây có một ông Thần ác lắm nên người đàn bà nào đến làng trước được làng đãi một bữa ăn thịnh soạn và chỉ xin quý Bà hiến cho đôi mắt. Nay Bà Cụ đã vào làng trước, vậy chúng tôi xin cặp mắt của Cụ Bà ; nàng Trương khóc lóc van xin quý Ông, quý Bà cho tôi được hiến mắt tôi thay cho mắt Mẹ, thế là dân làng móc mắt nàng dâu hiếu thảo... !

Động lòng trời, Ngài sai tiên nữ đem xuống phàm trần tặng cho nàng dâu bị móc mắt, một cây đàn chỉ có một giây, còn dạy cách sử dụng, và căn dặn nàng « phải giữ gìn cây đàn cho thiệt kỹ, nó sẽ giúp cho con sinh sống, và sau này vợ chồng con sẽ đoàn tụ cùng nhau nhờ cây đàn một giây lạ lùng này. Và từ đó, nàng thường đàn cho bà con nghe tiếng đàn réo rất bi ai, có lúc thì réo rất thiết tha như nhớ, như thương, có lúc thì dồn dập như cơn sóng chiều hôm..., khiến cho ai đã nghe qua còn muốn nghe lại nữa, và vì thế hàng xóm láng giềng đều mến thương chị. Hể giặc, chàng Trương về làng không thấy Mẹ và vợ ở đâu nên đi tìm. Một bữa kia gặp lại, ôm nhau khóc và nước mắt nàng dâu có lẫn máu lệ lòng và cũng từ đó mắt nàng sáng lại như xưa...

Đàn bầu quê ta ! Đàn Bầu quê ta

Một giây dài nói biết bao lời

Tiếng Cao tha thiết chơi vơi

Tiếng Trầm sâu lắng, chói ngời tình quê..



Đàn bầu của ta là một hộp dài cỡ 1 th 100 , bề ngang 12-13 phân, đàn thường có một đầu lớn, một đầu nhỏ độ một tấc, cao khoảng 10 phân, dây đàn phẳng nên để không bị lúc lắc. Đàn thường làm bằng cây ngô đồng, cây thông... có khi dùng một khúc tre lớn bề tròn hơn 1 tấc, dài như đàn bằng cây, lại có thêm cần ốc, xa cừ, trên mặt đàn có một miếng xương ngà hay

kim khí, gọi là Ngựa, qua đó căn một sợi giây bằng kim khí nhỏ như chỉ, luồn phía dưới và cột chắc vào trục xỏ ngang đầu lớn. Thân đàn, cần đàn, nằm phía tay trái, thường làm bằng sừng trâu hay tre, trên đó có gắn nửa trái bầu nhỏ khô, thường thường là trái bầu được tiện bằng cây, từ đó căn giây cần đàn luồn vào thân đàn và buộc chắc vào trục...Khải đàn bằng que tre, miếng ngà, hay miếng sừng trâu, dài ngắn tùy theo thói quen và sở thích của từng, nghệ sĩ. Cách cầm que khai đàn cũng khác nhau, mỗi nghệ sĩ đều có cách cầm que riêng biệt của mình...

Lâu lâu, khi rảnh rỗi Chị Tâm thường hoà đàn vui vẻ với các em, hể trên Chùa có Lễ lớn thì Chị thường xin phép trái chiều trước sân Chùa rồi cùng các em hoà đàn ca hát. Những lúc ấy thiên hạ xúm lại coi rất đông và vỗ tay tán thưởng.

Lấy chồng đã lâu mà đến nay vẫn thiếu tiếng trẻ o oe. Chuẩn trông đợi có cháu bông ẵm cùng con dâu. Tới ngày van vái Phật Trời cho sinh được con để vui cửa vui nhà Rồi sau đó, được tin cô Lan có bụng, và 9 tháng sau, sinh được một quý tử làm cho cả gia đình đều vui vẻ, và nhớ ơn Trời Đất, nên mang nhang đèn cây trái bông hoa lên cúng Phật ở Chùa Quan Thế Âm.

Vợ chồng Chuẩn sau này sanh thêm được nhiều con, đưa đi học trường này, đưa trường nọ, lớn lên, nhờ học thức cao, bổng lộc nhiều, phụng sự Cha Mẹ hết sức chu đáo, hiếu đễ, nên trong lòng Chuẩn rất là thoải mái, hưởng thụ vui thú thanh nhàn, thỉnh thoảng lên Chùa lễ Phật, đôi khi lại bơi xuồng dạo chơi gần xa, xuồng lững lờ giữa sông rạch ngằn ngoèo, kinh nước đục phù sa, phong cảnh thật là hữu tình... Chiều chiều ngồi nhà mát câu cá, tai nghe tiếng hoà đàn trầm bổng của các con cháu thật là hạnh phúc, thanh nhàn...

Vì vui với con cháu nên Chuẩn chậm già, đôi lúc cảm thấy trong mình khoẻ khoắn như hồi 30-40, các con cháu bấy giờ đã lớn, tánh ý khác nhau, có đứa hiếu đễ không muốn sống xa cha Mẹ. Rồi, gái trai yêu nhau, nên vợ nên chồng. Cha biết vậy nên cất thêm nhà ở phía sau vườn cho các con ở. Anh Tâm, kỹ sư canh nông hiểu biết về trồng trọt, nắm vững thị trường cây trái, nên chỉ cách trồng ớt, chỉ cách phơi khô, chỉ cách trồng các giống lúa tốt, nếp ngon nên mỗi khi gần Tết thì bán được rất nhiều tiền và cao giá.

Còn Chị Tâm thì đào ao nuôi cá, đào đìa rộng hơn nửa mẫu đất và thả xuống đìa, không quên thả thêm lục bình, bông sen, bông súng, chà chôm, và mua cá da trơn nuôi cho ăn khoai, chuối, cám, nên chúng rất mau lớn, và có may mắn là không bị kẻ gian câu trộm.

Nhờ làm ăn siêng năng, cần mẫn, nên gia đình trở nên khá giả, nhiều tiền nhiều bạc, tuy chưa có thể nói rằng đại phú gia.

(Tiểu phú do cần, đại phú do Thiên) mà. Nhờ tiền thu nhập nhiều, nên dành ra một phần xây cất thêm một trường học, dạy dùm con em trong xóm không nhận thù lao và mời thêm được hai bà giáo về hưu tăng cường, đến dạy cho các em cháu trong làng.

Nhờ trong nhà có ao nuôi sẵn cá tôm, có vườn nuôi sẵn gà vịt, vườn trồng rau cải, nên mỗi ngày khỏi phải chi tiêu thêm tiền cho chợ búa.

Làng biết gia đình anh Chuẩn có các trẻ con, giỏi đàn ca, đánh trống, đánh chiêng, hát hay, nên ở làng, mỗi khi có lễ lớn thì không quên xin Anh Chị cho các cháu đến đàn ca giúp vui.... Anh Chị Chuẩn vốn bản tánh hiền đức, nên khi có tiền nhiều rồi vẫn tiếp tục sống một cách bình thường, vui với cảnh trăng thanh gió mát, sông rộng núi cao. Thỉnh thoảng viếng Chùa Bà Linh Hiển, lúc ra đường gặp ai quen cũng chào hỏi tử tế và không quên một nụ cười.....

Anh Chị Chuẩn vui sống với con cháu trong không khí gia đình đầm ấm, tuy tuổi hơi cao nhưng mắt anh Chuẩn vẫn còn sáng tỏ, ngày ngày, ngồi dưới dàn bầu, dàn mướp hay dàn bông giấy để họp mặt hoà đàn cùng con cháu trong nhà, miệng thì bập bập điều thuốc gò, xa xa vắng vắng nghe tiếng chim hót trên cành, nhìn chuồn chuồn bướm bướm lượn nhón nhơ

ngoài vườn sau. Còn các đĩa sau nhà, thì cá đớp mỗi không dứt. Những khi trời chiều nhạt nắng, và màn đêm dần dần rơi xuống thì từng đàn dôm dóm lập lờ trên ngọn bần, ngọn gừa ở ven sông. Anh Chuẩn nằm vồng đưa kéo kệt hừng gió mát, từ trong nhà bếp đưa hương thức ăn thoang thoang... khiến bụng anh bắt đầu hơi đói, thì các con cháu ra mời anh vào nhà để dùng cơm, thức ăn ngon, thơm phức, bụng sẵn đói nên ăn rất ngon...giữa đám con cháu vây quanh. Ôi ! còn hạnh phúc nào hơn ?

Cơm nước xong, anh ra trước nhà kính cẩn trước Bàn Vọng Thiên cúng Trời, vào nhá lạy Phật, Ông Bà Cha Mẹ, đánh chuông gõ mõ, châm trà...

« Hạnh Phúc Quá, Cuộc Đời Đáng Sống »

Nguyễn Phương

CỦ GỪNG

BS Trần Thị Mỹ



Tiếng Pháp: Gingembre Poudre Blanche

Tiếng Anh :Ginger

Muối mặn, trăm năm, vẫn mặn mãi

Gừng cay, chín tháng(1) vẫn còn cay

Đạo nghĩa Can thường, chớ đời đừng thay,

Giàu Nghèo,vẫn mãi bên nhau đời đời

(1 chú thích: Gừng thu hoạch, sau 9 tháng trồng)

Tên khoa học, Gừng là ZINGIBER OFFICINALIS ROSCOE, họ Zingibéracées

Gừng là một cây sống dai, miền nhiệt đới, loại cây sậy (roseau), cao 1 thước rưỡi, có củ 2 phân bề dày, nhiều mắt (noueux), da vàng lợt, có rãnh, thịt vàng, thơm, nồng, cay, nhiều xơ lúc già. Bẹ lá ôm cây, so le, lá hình ngọn giáo (lancéolée). Bông nở màu xanh, điểm tím hoặc vàng cam.. Củ thu hoạch sau 9-10 tháng trồng, khi lá rụng. Gừng non đào lên sau 5-6 tháng trồng, dùng làm mức gừng non, gừng dẻo, hoặc ngâm dấm.



Ở đảo La Réunion, có 1 loại gừng ít cay, mùi nồng, thịt màu hồng cam,gọi là :**Gingembre Mangue**

NGUỒN GỐC :

Gừng được sử dụng từ 6000 năm nay, bên Á Châu (Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc), trong ẩm thực, và trị bệnh.

Những tay thương mại Á Rập, thường qua lại Á Châu và Ấn Độ, mua bán gừng cho La Mã và Hy Lạp. Đầu thế kỷ thứ XVI, người Tây Ban Nha, đem gừng về trồng ở Caraibes, rất thanh hành để bán ở Âu Châu.

TÍN NGƯỠNG

Ở Philippines, dân nhai gừng, tránh tà ma.

Theo ông Dioscoride, bác sĩ người Hy Lạp, gừng già độc. Hồng Kong, xắt 1 lát gừng đặt lên vết thương, cầm máu và tránh nhiễm độc.

Theo tín ngưỡng, gừng chứa một chất tăng dục, pha nước gừng già nhỏ với mật ong và trồng đỏ trứng gà, uống mỗi đêm, trong 1 tháng, kích thích dục vọng, như trong chuyện 1 nghìn lẻ 1 đêm (conte des mille et 1 nuits).

THÀNH PHẦN GỪNG :

Gừng chứa 85% nước, 10% glucides, 1,8% protides, 1,5% chất béo lipides, Vitamine B1, C, Potassium, Sodium, Magnésium. Chất cay gừng là Gingérol 25%

ÍCH LỢI CỦA GỪNG :

1- Gừng làm Gia Vị

Việt Nam dùng gừng trong ẩm thực rất nhiều, giúp tiêu hóa dễ dàng, báng mùi tanh hôi của cá, tôm, mắm.

- Trong các món ăn mặn:

Ở Ấn Độ, gừng trộn với các gia vị khác, làm bột càry.

Ở Nhật, gừng làm chua, gọi là Gari, ăn với Shushi.

Âu Châu, người Anh pha bột gừng với rượu ra Ginger Beer, Ginger Ale, hoặc làm bánh biscuit, mứt Marmelade, ăn với toast, lúc uống trà.

Pháp làm pain d'épice, có mật, quế, gừng,

Bên Antilles, ăn gừng với ớt hiểm, để tăng dục vọng.

Nơi Việt Nam, xài gừng rất nhiều: cá chưng tương gừng, gà ram gừng, cháo cá, cháo bò, gừng, hành, tiêu rất thơm. Ốc nhồi thịt, hấp lá gừng. Cá trê chiên, gà siêu siêu với nước mắm gừng. Gừng xào mực, dưa leo, củ hành, sốt chua ngọt, hương vị đậm đà

- Trong món ăn ngọt:

Gừng làm mứt gừng già, mứt dẻo gừng non, ô mai, tàu hủ mềm, bánh trôi nước, với nước đường kẹo nấu gừng xắt lát.

Khi ở lớp trung học, vào giờ Việt Văn, nơi trường Áo Tím Gia Long, học với Cô Năm Cửa (một Bà Thầy khả ái, cặp mắt long lanh, đượm đầy nguồn thơ), lúc TẾT đến, cô bắt chúng tôi làm Bài Vè :

Nghe Vẻ, nghe Ve,

Nghe Vẻ Bánh Mứt,

Mứt nào ngon nhứt,

Là Mứt Gừng Cay

(bài vè dài lắm, tôi nhớ bấy nhiêu thôi)

Ta có câu ca dao :

Gừng cay, rau húng, rau mùi,

Thìa là, cải cúc, đủ mùi hành hoa,

Mòng tơi, mướp đắng, ớt cà

Bí đao, đậu ván, vốn nhà trồng nên.

2- Gừng trong ngành Y Dược

- Khi bị chấn thương: Bong gân, va đập, té ngã, giãn gân chằng, trật chân, lấy gừng già và 5-7 lá trà vàng, giã nhuyễn, bỏ trong vải thưa, đắp vào chỗ đau, băng chặt lại, 2-3 giờ, mỗi ngày 1 lần, liên tục 2-3 ngày, giảm đau, bớt sưng, hiệu nghiệm.

- Gừng dùng làm khai vị, giúp các tuyến nước miếng, tiết nhiều nước bọt, dịch vị (suc gastrique) tiêu hóa dễ dàng.

- Bớt nôn mửa khi có thai, lúc buổi sáng, khi say sóng, lúc di chuyển bằng xe hơi, máy bay. Gừng có thể ví như vitamine B6.

- Khi rối loạn tiêu hóa, ăn không tiêu, cảm lạnh, tiêu chảy:

uống nước trà nóng, pha với gừng, ăn cháo muối lỏng nấu với gừng.

- Lúc lạnh bụng, ta có câu ca dao:

Bụng đau, nước nóng nên chuôm

Ví bằng không khỏi, Hắc Hương với GỪNG

- Ăn vài lát gừng tươi với muối, ngâm, mứt nước, sẽ ấm huyệt, dịu cơn ho

- Thông mật (cholagogue) khi suy yếu gan mật, ăn gừng, mật sẽ tiết ra nhiều.

- Hạ cholestérol, triglycérides

-Tiêu hóa khó, sinh bụng ợ hơi, nhai gừng với đậu khấu sanh nhơn

- Gừng tiêu diệt các vi khuẩn ở bao tử, ruột, bớt viêm ruột

- Đối với bệnh Ung thư, chưa có công trình nghiên cứu nào xác nhận vai trò gừng, trong vụ ngừa và trị bệnh đó,ngoại trừ, một số ít bác sĩ, gần đây, lấy các hợp chất gừng, thử để tiêu diệt tế bào ung thư buồng trứng, một loại ung thư, rất khó định bệnh,

lúc khởi phát, chỉ trừ Siêu Âm, nhận thấy 1 khối u ở buồng trứng, nhưng quá trễ, đã qua màng phôi, óc.

PHẢN ỨNG PHỤ CỦA GỪNG:

Gừng có hại khi có sạn sỏi mật (calcul biliaire)
Dùng nhiều, lâu dài với củ hành, tỏi, có thể gây loãng máu, nơi bệnh nhân uống thuốc chống máu đông cục (anti coagulants) vì bệnh tim mạch, tiểu đường.
Thiếu phụ có thai, nhai gừng lúc ới mưa mấy tháng đầu. Khi thai lớn, bớt lượng gừng dưới 2g/ngày, vì có hại cho thai, nhưng chưa có bằng chứng minh cụ thể.

KẾT LUẬN:

Gừng được dùng trên 6000 năm, làm gia vị trong ẩm thực, một cách rộng rãi.



Ông bà đã để lại cho ta, một gia tài quý báu, trị liệu bệnh bằng cây cỏ hoa lá (phytothérapie).

Gia đình Việt Nam nào cũng trồng gừng nơi nhà, để khi hữu sự, đau ốm đêm khuya, nhứt ở thôn quê, có thuốc sẵn.

Sau đây là 2 câu ca dao, kết luận bài này

Tay bụng chén muối, đĩa gừng,
Gừng cay, muối mặn, chớ đừng quên nhau

SÀI GÒN TRONG NIỀM THƯƠNG NỖI NHỚ

SÀI GÒN OI, SÀI GÒN ĐẸP LẮM, SÀI GÒN OI

ĐÈN SÀI GÒN, NGỌN XANH NGỌN ĐỎ
ĐÈN MỸ THO, KHI TỎ, KHI LU
ANH VỀ HỌC LẤY CHỮ NHU,
CHÍN TRẮNG EM ĐỘI, MƯỜI THU EM CHỜ

VIỆT NAM là Quê
Hương thứ nhứt của tôi,
là bà mẹ hiền đã từng
nâng đỡ tôi thời niên
thiếu, đến lúc trưởng
thành, lớn lên, xây đắp
tương lai.
Nhưng Sài Gòn là Quê
Hương thứ nhì của
tôi. Tôi vốn sinh trưởng, cất
tiếng chào đời, nơi căn hộ
đường Paul Blanchy lúc xưa. Lớn lên, học trường Huỳnh
Khương Ninh, Gialong Áo Tím, Chasseloup Laubat, trường Y
Nha Dược đường Testard Sau khi tốt nghiệp, tôi làm việc và
sống nơi thành phố đó, đến ngày cất bước ra đi, bỏ lại Việt
Nam thân yêu, một khung trời kỷ niệm, một Sài Gòn oằn oại
đau thương, khốn khổ, hình ảnh một bà mẹ hiền dịu dàng, một
người cha vất vả cuộc đời, nuôi các con khôn lớn.
Thuở còn thơ ngây, ngày hai buổi đến trường,
Yêu Quê Hương qua từng trang sách vở.



LỊCH SỬ :

Sài Gòn là một thành phố đông dân, một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, quan trọng của Việt Nam. Vùng đất này, ban đầu, được gọi là PREY NOKOR, một làng chài và hải cảng quan trọng của người Khmer, trước khi người Việt sát nhập vào thế kỷ 17. Sau đó, nhờ công cuộc khai phá miền nam của Nhà Nguyễn, Việt Nam thành hình. Thời kỳ hoang sơ, con người xuất hiện ở khu vực Sài Gòn từ khá sớm. Các cuộc khai quật, khảo cổ trên địa phận Saigon và khu vực lân cận, cho thấy ở

đây, đã tồn tại, nhiều nền văn hóa, từ thời kỳ « đồ đá cho tới thời kim khí ». Những cư dân cổ, từ nhiều thiên niên kỷ về trước, đã biết đến kỹ thuật canh tác nông nghiệp. Những người Việt đầu tiên tự động vượt biên, tới khai khẩn vùng này. Nhờ cuộc hôn nhân giữa Công Nương Ngọc Vạn với Vua Chân Lạp Chey Chetta II, từ năm 1620, mối quan hệ giữa Đại Việt và Chân Lạp trở nên êm đẹp. Dân cư hai nước tự do qua lại sinh sống. Nơi khu vực Sài Gòn Đồng Nai, bắt đầu xuất hiện, những người Việt định cư. Trước đó, người Chăm, người Mán, cũng sinh sống rải rác, ở đây từ xa xưa.

Từ 1623 đến 1698, là thời kỳ thành hình của Sài Gòn sau này. Năm 1679, Chúa Nguyễn Phúc Tần cho một nhóm người Hoa « phản Thanh, phục Minh », tới Mỹ Tho, Biên Hòa và Sài Gòn để lánh nạn

Năm 1698, Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định và hai Huyện Phước Long, Tân Bình. Vùng Nam Bộ được sát nhập vào cương vực Việt Nam
Khi chiếm thành Gia Định năm 1859, Pháp quy hoạch Saigon thành một đô thị lớn. Lục Tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp. Saigon nằm trong tỉnh Gia Định, nhanh chóng phát triển, trở nên một Đô Thị quan trọng, được gọi là « Hòn Ngọc Viễn Đông » (The pearl of the Far East), hay Paris Phương Đông (Paris in the Orient)

Từ năm 1949, Saigon là Thủ Đô của Quốc gia Việt Nam.
Năm 1954, sau hiệp định Genève, người Bắc di dân vào Nam.

SÀI GÒN HÔM NAY :

Sau ngày 30/04/1975, dân Saigon rời bỏ thành phố, ra định cư nước ngoài Thời gian đó lối 700.000 người di kinh tế mới, nền văn hóa có ảnh hưởng phương tây, bị lu mờ hoàn toàn.
Thương thay, Saigon thay đổi chóng lẹ bộ dạng. Từ một đô thành xinh đẹp, hiền lành, bao dung, Saigon tiêu tụy, nghèo nàn, nhớp nhúa, bụi bặm, hoang đường, vô trật tự. Lưu thông trong thành phố, xe gắn máy đông đúc, chen lấn, luồn lách, hỗn độn, không tôn trọng luật lệ đi đường. Đường xá quá tải, xe cộ hỗn độn, chạy như mắc cửi, không nhìn được ai. Chạy ngoài đường, trong mang một nón, ngoài là nón bảo hiểm, mang khẩu trang, trùm kín mặt, chừa hai mắt để thấy đường đi chuyên, tay mang gant tay tới nách (sợ ăn nắng, đen xấu xí), chân mang collant nơi một xứ nắng gắt.
Ai chào mình, cũng gật đầu chào lại, chẳng biết quen hay lạ
Đã vậy, muốn quẹo đầu, chẳng cần đèn xanh, đỏ, chẳng đưa tay, báo hiệu, lượn trước đầu xe, tài xế nhiều khi không tránh kịp. Ôi, sao quá hỗn độn ! !

Đường xá chật , xe cộ rầm rộ từ 6-7 giờ sáng, đến 11-12 giờ khuya, mà còn đào đường, chấn nẻo, để sửa, hết lô cốt đầu này đến lô cốt đằng khác, bết tắc càng lên, quá tải càng nhiều. Xe gắn máy, leo chạy trên lề đường (đã bị chiếm bán dạo) làm kẻ đi bộ càng khổ sở.

Về thăm quê, nhìn những cảnh ngộ như thế, không khỏi chùn chân, thối lui, nhưng lòng vẫn mãi mê với kỷ niệm êm đẹp thuở xưa, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi tôi được sanh ra và lớn lên với hình ảnh mẹ dịu hiền, với lòng hy sinh cao cả và bóng dáng cha kham khổ, vất vả, mưu sinh cho đàn con.

Tới phi trường Tân Sơn Nhứt, sau những thủ tục rườm rà, cách thức, cử chỉ rắc rối, quan liêu của hải quan và câu hỏi « Bác về lần đầu tiên ? », nói lái lại là « TIỀN ĐẦU ? » làm các bà lão ngẩn ngơ, nghi ngại, lần túi, nhét 10 đô, hoặc 10 Euros, vào passport để qua lọt cửa ải . Ôi thôi tự do quá, MẤT TỰ DO !

SÀI GÒN THUỞ XƯA:

Về lần đầu, không còn nhận ra quê hương tôi. Ráng cố gắng tìm những hình ảnh xưa, quãng đường cũ lúc bé, ngày ngày, cắp sách đi học, từ trường tiểu học Huỳnh Khương Ninh, trung học Áo Tím Gia Long, Chasseloup Laubat, đến trường Y.

Đường đã đổi tên lạ hoắc, còn đâu đường Paul Blanchy, Mayer, Le Grand De La Liraye, Larégnère, Chasseloup Laubat, Duy Tân, Công Lý, Tự Do, Thống Nhất !

Đâu còn những con đường lớn nhỏ, rợp bóng cây me to lớn đường Miche. Mùa me chín được hái, đi học ngang, mót me dưới đất, thưởng thức, trái me chua chua, ngọt lịm nơi cổ. Mùi vị tuổi niên thiếu, của chùm ruột xanh, đầm với muối ớt, hoặc hàng bán lèng kèng : xoài, ổi, cóc, ướp muối, nước cam thảo, trái cà na cánh chỉ, ngon làm sao ! Trong chợ Tân Định : sáng bà xằm, bán cháo trắng nấu nhừ với trái bạch quả, đựng trong seau trắng men trắng, ăn với cải mặn, ngon sao lạ lùng. Nếu có xu nhiều, ăn bánh ướt, mở hành xanh, chút tôm khô, hoặc ăn chung với chiếc bánh giá (bánh cồng) có con tôm trên mặt, chiên vàng ẻo, với chút nước mắm ớt đựng trong chai lít, đầy bằng ống chỉ, 1 đầu chuốt nhọn gắn vào cổ chai, đầu kia, lắc lắc cho nước mắm nhều ra, rưới lên miếng bánh ướt, ngon lạ lùng.

Trên đường đi học, sáng, xôi lá cẩm, xôi đậu xanh, bắp dĩa, muối mè, đôi khi, có xu khá, ăn tô cháo huyết heo, hành giá, giò chèo quẩy .

Trưa, bánh ít, bánh hủ hoa, nhưng dừa béo béo, ngọt ngọt . Hoặc chú chệt, đội mâm thiếc trên đầu, bán bánh bò trắng tinh, hay xanh lá dứa, cắt từng miếng xéo, béo nước dừa, hoặc các chú bán kẹo kéo, có hột đậu phộng ở trong.

Chiều, mì hủ tiếu, kêu lác cắc, ngon ngọt sao, đâu có tiền ăn, chỉ khi quét nhà, làm chút công chuyện, tèm trà, nhổ tóc ngứa cho mẹ, lãnh năm ba xu, ăn tô mì thánh.

Tối đến, các chị bán hột vịt lộn, nem nướng, xò trên chiếc que, nướng lửa than đỏ hồng, ăn với rau thơm, tòi hẹ khế chuối chất salade, tương ngọt trên mặt rắc đậu phộng đâm nhỏ.

Rồi, các chị bán chè, rao lạnh lót « Chè đậu xanh, bột khoai, nước dừa đường cát hồng » kéo dài, nói lên những âm thanh đặc biệt miền quê Nam Bộ. Bao nhiêu tiếng gọi đặc sắc Saigon, chiếm cả tâm hồn tôi lúc thơ ấu !!

Chợ Tân Định, tối đến, buôn bán tưng bừng chè, cháo, mì, sấm bỏ lạng, trái dừa thốt nốt ngâm đá, ngon làm sao !

Tôi tiếc nỗi lòng hình ảnh xưa, kỷ niệm tươi đẹp biến mất, tan nát cõi lòng. Nhớ mãi tiếng hát ầu ơ mẹ hát ru con, buổi trưa, tiếng võng đưa kẽo kẹt, giữa bầu không khí êm lặng, gia đình nghỉ trưa sau bữa cơm.

Tìm đâu, những con đường sạch sẽ, chỉ xe máy, xe kéo, xe thô mộc, chạy lóc cóc trên đường tráng nhựa, lâu lâu, tiếng xe hơi chạy nhẹ , không 1 tiếng còi rít lên.. Sáng sớm, khi xe đồ rác qua rồi, phải lấy thùng vô, quét dọn vỉa hè sạch , nếu không, 9g, một ông lính tây đen, đèn phạt liền. Ngoài vấn đề đường ngõ sạch, mưa xuống, cống rãnh hút nước mau lẹ vì không nghẹt.

Hiện nay, tốc độ gia tăng dân số quá mau, cơ sở hạ tầng chưa kịp quy hoạch, nâng cấp tổng thể, ý thức một số người dân quá kém, không nhận thức và bảo vệ môi trường chung. Vì vậy, Saigon đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm môi trường quá mức. Nước thải không được xử lý, đổ thẳng vào hệ thống sông ngòi còn rất phổ biến. Lượng rác thải lên tới 6.000 tấn/ ngày. Rác vẫn bừa bãi ngoài đường, đựng đâu bỏ đó, ruồi lẩn, chuột cống mặc tình thưởng thức.

Sông rạch không vét, là một thùng rác rộng lớn, mùi cống, mùi sinh hôi, lẫn lộn bụi khói xe cộ, bùng cả mũi. Ôi thành phố hoa lệ là thế !! ..

Tình trạng ngập lụt trong thành phố đến mức báo động cao, cả trong mùa khô, nơi các đường lớn. Ta đâu còn tự hào với du khách ngoại quốc : Đó là HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG. Thiệt hại do ngập lụt, quá mức, vì dân đông, thành phố mở mang càng lớn, càng quá tải. Cống đã xây cách đây hơn 50 năm, xuống cấp, hệ thống thoát nước không thông, rác đồ bừa bãi nơi miệng cống.

Những cái dở, cái xấu , các nghịch lý, bất công kể sao cho hết. Tuy nhiên cũng phải công bằng, nói đến vài tiên bộ trong mấy năm vừa qua. Đường xá được mở rộng ra, cây cỏ xanh được

chăm sóc trên vài nơi, nhiều cầu bắt ngang sông Saigon. Các hàng hóa bài trí khéo léo. Những mặt hàng quần áo sáng sủa, mỹ thuật, đẹp ra, dụ du khách nước ngoài.

Nhà hàng cao ốc mọc lên như nấm, ngợp thờ với các quán ăn thiết trí trang nhã, nhân viên đồng phục sạch sẽ, phục vụ chu đáo, lễ độ, trang trí máy lạnh, sàn nhà không bỏ đồ ăn rác xuống, ghê tởm.

Những khuôn mặt người đi đường tươi tắn, xinh vui, quần áo thích nghi theo Âu Châu, hợp thời, gây cho ta một niềm mát mắt hạnh diện. Dân lễ độ hơn, câu chào hỏi lịch sự trên môi, đón tiếp khách tha hương, biết nhường chỗ trên xe bus cho các bà lão, kẻ tàn tật, phụ nữ có thai.

*Sài Gòn bây giờ đang đổi khác,
Những Bìn-Đinh lần lượt mọc lên cao,
Những con đường ngày xưa biếng nhác,
Bây giờ đây, xe cộ rất ồn ào.*

Dù không nhiều, không tươi vui lắm, nhưng còn có, hơn là không. Dù vậy, lòng tôi vẫn buồn mênh mông, vì không tìm thấy vết cũ ngày xưa. Trường Áo Tím Gia Long đổi tên xa lạ. Kỷ niệm tuổi 12-16, tràn đầy mộng mơ, đã lùi dần vào dĩ vãng.

*Saigon nắng vẫn « đông đưa »
Saigon mưa vẫn như xưa, dịu hiền
Lụa xưa vẫn đáng em hiền,
Gia Long Áo Tím, nay trường “Minh Khai “
Tìm đâu Áo Tím tôi yêu?
Mượn khùng, tôi “ nhốt nắng chiều ” vào tranh,
Tôi mơ áo lụa Hoàng Anh,
Hay mơ tiếng gọi “Sài Thành” thuở xưa*

36 năm xa Sài Gòn, tôi còn có thể nói: Sài Gòn là QUÊ HƯƠNG tôi không?, nơi tôi sinh trưởng, sống tuổi trẻ, trưởng thành. Tôi chỉ nói lên: “Sài Gòn của tôi là mối tình nồng nàn, đắng cay, chua ngọt đầy đầy, nhưng tình ấy vẫn lặng lẽ thủy chung suốt cả cuộc đời tôi ».

Ôi thành phố tôi yêu một thuở,
Có những chiều, dạo phố rất buồn.
Có những kẻ ra đi, mang nỗi nhớ,
Thành Phố Sài Gòn, Thành Phố thân thương

BS Trần Thị Mỹ

Hồi Hương Ngẫu Thư

Hạ Tri Chương tự Quý Chân, người quê Vĩnh Hưng thuộc Việt Châu (nay là Hợp Phố tỉnh Quảng Đông) . Ông đỗ Tiến Sĩ đời Vũ Hậu, làm quan đến chức Bí thư giám. Ông hơn Lý Bạch đến hơn bốn chục tuổi nhưng hai người kết bạn rất thân. Hạ Tri Chương giỏi về văn từ, có tài hùng biện, kiến thức uyên bác và trí nhớ đặc biệt , tính tình phóng khoáng, tự phong hiệu là “ Tứ Minh Cuồng Khách” . Ông mất năm 86 tuổi. Thơ văn của ông phần nhiều phục vụ cung đình. Có một số ít bài thơ xuất sắc phải kể đến là hai bài Hồi Hương Ngẫu Thư của Ông sáng tác khi từ quan về quê thăm nhà sau hơn năm mươi năm xa cách. Bài thơ dạt dào tình cảm, đã diễn tả những nỗi niềm chất phát bộc trực từ con tim và đáy lòng của nhà thơ. Ông đã từ giã quê hương ra đi để mưu tìm công danh sự nghiệp vào những năm còn trai trẻ, và qua bao nhiêu thăng trầm dâu bể của cuộc đời, bây giờ tóc đã rụng thưa, phơ phơ sương điểm, nhưng giọng nói quê cũ của ông vẫn chẳng bao giờ đổi thay, đã chứng tỏ tình cảm của ông vẫn luôn còn gắn bó tha thiết với quê hương cố quận, cho dù sống tha phương ngàn trùng xa cách, tận chân trời góc bể nào... Đã bao nhiêu năm xa cách nơi chôn nhau cắt

rún, chắc hẳn không phải là điều ngạc nhiên khi người thơ về thăm quê cha đất tổ và gặp đàn trẻ nhỏ chạy chơi quanh quần, nhìn ông như một người khách từ phương xa đến đây:

*Còn trẻ ra đi, lão mới về
Tóc thưa cần cỗi, tiếng còn quê
Trẻ con trông thấy mà không biết
Cười hỏi " Khách từ mô đến tề ? "*

Ông về đó để tìm lại những kỷ niệm đầu yêu thời hãy còn thơ ấu, để tìm lại bạn bè thuở hàn vi ... nhưng những người bạn cũ đó, nếu may mắn còn sống được đến ngày nay như tuổi của ông thì thật là hiếm có vô cùng. Bạn bè kẻ mất người còn, "bán tiêu ma" (vắng đi một nửa).. nhưng thật ra khó mà tìm được bạn cũ người xưa còn nhớ ông để mà tri âm, kể lại chuyện vui buồn dĩ vãng thời niên thiếu .. Thương nhớ bạn bè xưa để mà suy ngẫm thân phận mình, về chuyện đời lắm nỗi thăng trầm dâu bể. Tất cả đều đổi thay, tang điền thương hải. Cuộc đời như giấc mộng, như gió thoảng, mây bay cuối trời.. Có còn lại chẳng là cái hình ảnh của thiên nhiên vô thủy giữa cảnh trời đất mênh mông vô tận... mặt Hồ Kính trước nhà vẫn lung linh, sóng nước lăn tăn vẫn còn đó, vẫn còn nguyên vẹn trước gió

Xuân, dấu qua bao cuộc bể dâu:
Năm tháng xa nhà chắc đã lâu
Bạn bè mất nửa, nửa về đâu
Hồ Gương trước cửa lung linh nước
Gió chẳng làm thay gợn sóng sầu

Giấc mộng đêm Xuân

Nguyễn Trần
*Trời sinh chỉ cái chữ tình
Trai tơ gái lứa cũng mình với ta*



*Người khách đêm Xuân ấy lạ lùng
Chợt đi chợt đến thoáng mộng lung
Dáng hoa ẩn hiện như sương khói
Để lại một trời hương nhớ nhưng*

Cứ mỗi độ Xuân về là Phong nhớ lại một mùa Xuân kỷ niệm vào đầu thập niên 60 lúc chàng đang học lớp đệ nhất trường trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho. Thuở ấy, mặc dù theo học ban B nhưng Phong lại rất thích văn thơ nhạc nên thường tới nhà cậu 9 Hoàng là cậu ruột của Phong để học đàn vì Cậu 9 rất giỏi về băng cầm và Tây Ban Cầm. Sự giao du của hai cậu cháu thân tình tới độ có lúc cả hai tưởng chừng như là hai anh em mặc dù cậu lớn hơn Phong tới 13 tuổi và ngay cả đứa con trai lớn của cậu là thằng Long chỉ nhỏ hơn Phong có 9 tuổi. Một hôm vào chiều cuối năm với tiết trời se lạnh và không gian bàng bạc khói sương, cậu Hoàng rủ Phong tới nhà sinh hoạt văn nghệ cùng mấy người bạn đồng nghiệp giáo sư với cậu từ Sài Gòn xuống chơi. Mặc dù biết là bạn bè của cậu mình thì đều là bậc trưởng thượng nhưng với máu mê văn nghệ đầy mình nên Phong nhận lời và tới nhà cậu Hoàng trước để chờ phái đoàn Sài Gòn.

Một lúc sau thì khách tới bằng chiếc xe Simca màu xanh nhạt. Phái đoàn gồm 3 người đàn ông và một phụ nữ cũng trạc tuổi vừa trên 30 như cậu Hoàng mà cậu giới thiệu là các cậu Tân, cậu Hưng, cậu Thìn và cô Thúy toàn là đồng nghiệp giáo sư như cậu Hoàng. Điều làm Phong để ý nhất là cô Thúy rất đẹp

với khuôn mặt trái xoan, sóng mũi dọc dừa, bờ mi cong vút, đôi má hồng hồng, đôi môi mỏng hình trái tim làm rung động người đối diện cộng thêm mái tóc đen mượt xõa nhẹ trên bờ vai làm tăng thêm vẻ đẹp đài các. Nhưng sao hai mắt trong xanh của cô trông buồn quá lúc nào cũng long lanh ngấn lệ. Nghe nói chồng cô mới mất năm rồi vì chiến trận nên nhân dịp này, cô bằng lòng đi theo mấy người bạn đồng nghiệp du Xuân cho nguôi sầu.

Đặc biệt trên khuôn mặt diễm kiều nhưng u uất trầm mặc của cô Thúy lại phảng phất nét lạnh lùng nhưng gợi cảm, gần gũi nhưng xa lạ, kiều hãnh nhưng dịu dàng. Đó chính là lý do khiến Phong cứ thỉnh thoảng liếc nhìn lên cô để rồi có lúc bị cô trông thấy khiến chàng bẽn lèn như đứa con nít ăn vụng bị mẹ bắt gặp.

Sau màn chào hỏi chúc tụng đầu năm thì tất cả vừa nhập tiệc và nói chuyện huyên thiên một cách vui vẻ thân tình. Riêng Phong thì vì còn nhỏ và vì không biết nhiều chuyện đời, chuyện thiên hạ sự nên chỉ biết nghe nhiều hơn nói.

Xong bữa ăn, cậu Hoàng mời tất cả vào phòng khách để bắt đầu chương trình văn nghệ mà trước tiên là ca hát dưới tài đệm Tây Ban Cầm điêu luyện của cậu. Trong không khí bàng bạc hơi Xuân của một chiều cuối năm nhẹ nhàng bên những nhánh mai vàng rực rỡ sum suê, mọi người vừa thưởng thức những miếng bánh mứt ngọt lịm nhâm nhi chung trà sen bốc khói thơm lòng vừa lần lượt trình bày đa số là những bản nhạc Xuân như : Xuân và tuổi trẻ, Ly rượu mừng, Xuân miền Nam, Đón Xuân, Hoa Xuân, Gái Xuân... nhưng khi tới phiên cô Thúy thì cô lại hát bản "Trách người đi" của nhạc sĩ Đan Trường. Mà "may mắn" thay cho Phong là cô chọn cậu học trò này hát bè cho cô.

Giọng hát liêu trai trầm buồn cộng thêm khuôn mặt xa vắng huyền hoặc của cô như gợi gắm niềm tâm sự qua điệu nhạc rất dặt dìu và lời ca man mác sầu :

*Sương lam tuôn rơi hắt hiu trên hàng thông xám reo vì vu
Khiến xui bao nhiêu nhớ nhưng tràn lòng ước mơ
Người đi phương xa đâu ngờ
Miền quê hương ai mong chờ
Đau đớn xót thâm từ ngày biệt ly
Gió thu về mang thương nhớ
Đến cho lòng thêm chan chứa
Lá ngô bay trong sương sầu
Biết bao giờ còn thấy nhau*

Trong khi Phong với lòng hứng khởi ngập tràn, cho nên mặc dù không tập dượt trước cũng cố gắng hát bè qua cung điệu nam cao hơn và pha chút lỏm của bè phụ. Giọng nữ và nam quện vào nhau tạo nên một tiết tấu hòa điệu nhịp nhàng truyền cảm làm tất cả mọi người say mê lắng nghe. Sau phần ca hát, cậu Hưng đề nghị chơi trò vui lấy Kiều và rập nối thơ được mọi người tán thưởng. Những cậu Hoàng, Hưng, Tân, Thìn chắc giỏi truyện Kiều nên ghép nối thật tài tình và đầy đủ ý nghĩa. Tới phiên cô Thúy nói cô còn đau đớn trước sự hy sinh của chồng nên xin ghép hai câu thơ: câu áp chót trong bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu là :
Nhật mộ hương quan hà xứ thị và câu chót từ bài thơ Lương Châu Từ của Vương Hàn là Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi thành hai câu thơ như sau:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi
(Trời tối quê nhà đâu đó tá
Xưa nay chinh chiến mấy ai về)*

Như để phụ họa với người đẹp, Phong cũng xin lấy câu thơ áp chót của bài thơ Sơn Phòng Xuân Sự của Sầm Tham là Đình thụ bất tri nhân khứ tận và câu chót của bài thơ Đề Tích Sở Kiến Xứ của Thôi Hộ là Đào hoa y cựu tiếu Đông phong để có một cặp thơ là:

Đình thụ bất tri nhân khứ tận

Đào hoa y cựu tiểu Đông Phong

(Trong sân cây chẳng thấy người)

Hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông)

Thấy có người hường ứng tao nhã cách ghép thơ của mình,
Thúy nhìn Phong ra chiều cảm kích.

Cuộc vui nào cũng có lúc tàn, vừa đúng Giao Thừa thì bốn người khách từ già cậu Hoàng và Phong đề tiếp tục lên đường đi Cần Thơ theo chương trình đã định.

Đêm giao thừa đó, Phong trở về nhà với nỗi xao xuyến lâng lâng qua hình ảnh kiêu diễm nào nùng của Thúy vương vấn mãi trong lòng. Cứ nhớ nhớ thương thương rồi có lúc cậu học trò tự trách: “người ta lớn hơn mình nhiều mà, thương gì mà kỳ vậy”. Rồi những mâu thuẫn nội tâm đó cứ thay phiên ẩn hiện trong đầu óc Phong nhưng sau cùng thì con tim đã thắng vì tình yêu đầu có biên giới tuổi tác gì trong đó.

Nếu ngày xưa Kim Trọng lúc gặp gỡ Thuý Kiều lần đầu để mà than thở:

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không

thì giờ đây chàng rầu buồn khi nghĩ rằng làm sao mà có dịp gặp lại người đẹp dù chỉ để nhìn thấy dung nhan mà thôi.

Cầm bằng như nước đôi dòng lạ

Gặp gỡ chi rồi xa cách nhau

Biết cô Thúy dạy Việt Văn lớp đệ nhị cấp, Phong lại có mơ ước được là mãi mãi là học trò của cô như nhà thơ Nguyễn Bính viết:

Tôi muốn học cô suốt cả đời

Cả đời tôi chỉ học cô thôi

(Ước thầm)

Sáng mùng một Tết, trong khi Phong còn đang phụ cúng lễ đầu năm với ông ngoại thì cậu Hoàng sai thằng Long con trai lớn của cậu chạy sang báo hung tin chiếc xe chở mấy người khách bạn hồi hôm bị tai nạn tại ngã ba Trung Lương, giờ thì tất cả đang nằm nhà thương Mỹ Tho. Nghe vậy, Phong hốt hoảng bỏ cả việc cúng kiến, cuống cuồng chạy thẳng tới nhà thương.

“Trời ơi! không biết nãy cậu nhất là cô Thúy có sao không?”

Phong không dám nghĩ gì xa hơn nữa, chỉ biết van vái Trời Phật phò hộ cho tất cả bình an.

Khi tới nơi thì Phong đã thấy cậu Hoàng đứng lo âu bồn chồn trước phòng cấp cứu. Cậu cho biết xe của mấy cô cậu vừa chạy qua khỏi ngã ba Trung Lương thì vì trời quá tối và cậu Hưng chạy lẹ nên bị lật nhào xuống ruộng may mà lúc đó có chiếc xe đồ chạy từ Vĩnh Long lên thấy được nên báo Cảnh Sát và xe cứu thương. Ba cậu Hưng, Tân, Thìn thì may mắn là chỉ bị thương nhẹ nên đang nằm dưỡng sức tại phòng bệnh nhân còn cô Thúy thì bị gãy xương đầu gối và bị mảnh kiến cắt sâu ở vai nên đang giải phẫu trong phòng mổ. Nghe tới đây thì Phong điếng người vì lo lắng cho cô Thúy. “Trời ơi! người cô mảnh mai dịu dàng mà bị thương nặng như vậy biết có chịu đựng nổi không”. Thấy Phong hốt hoảng, cậu Hoàng trấn an: “Chắc cô Thúy cũng không sao đâu. Thôi cháu vào phòng bệnh nhân thăm ba cậu kia đi. Chút xíu có tin cô Thúy cháu sẽ báo cháu hay”. Mặc cho cậu mình nói thế nào, Phong cũng nhất định ở lại để ngóng chừng tin tức.

Sau hơn 3 tiếng chờ đợi trong lo âu phập phồng của cậu Hoàng nhất là Phong, bác sĩ giải phẫu từ phòng phẫu thuật bước ra cho biết cas mổ đã thành công: vết cắt trên vai đã khâu lại với 8 mũi chỉ, còn chỗ đầu gối bị gãy đã được băng bột. Nhưng bệnh nhân còn yếu và cần được yên nghỉ.

Tới lúc này thì Phong mới hoàn hồn bèn theo cậu Hoàng sang thăm ba cậu kia. Vì chỉ bị xây xát chút đỉnh nên chiều đó các cậu được cho xuất viện. Riêng cô Thúy thì còn phải nằm lại nhà thương để trị liệu thêm một thời gian nữa. Vì cha mẹ cô Thúy đã mất sớm nên em cô là cô Liễu từ Sài Gòn phải xin phép nghỉ việc hai tuần xuống Mỹ Tho săn sóc chị. Trong suốt thời gian này thì Phong là người lo lắng cho Thúy nhiều nhất. Trước hết, chàng năn nỉ má chàng là hoàn cảnh đơn chiếc của

cô Thúy để nhờ bà nấu ăn hằng ngày cho Thúy rồi chính chàng mang vào mỗi trưa và chiều. Nhờ chàng vốn học khá nên việc lo lắng có chiều thái quá của chàng không ảnh hưởng nhiều tới việc học hành. Chỉ tội nghiệp má Phong ngoài việc bận rộn buôn bán ngoài chợ bây giờ còn phải lo nấu ăn cho cô giáo thượng khách của đứa con trai duy nhất. Sự săn sóc chí tình của Phong khiến cho Liễu cũng thắc mắc hỏi chị:

- Sao em thấy cậu Phong lo cho chị còn hơn ruột thịt nữa đó? Thúy mắc cỡ chống chề:

- Chắc tại cậu ấy thấy chị thân với cậu Hoàng của cậu ta nên muốn giúp chị trong cơn hoạn nạn vậy mà.

Thời gian hai tuần trôi qua thật nhanh, Liễu phải trở lên Sài Gòn tiếp tục đi làm trở lại nên gởi gắm người chị lại cho Phong:

- Gia đình cô chỉ có hai chị em, không người quen biết ở Mỹ Tho. Vậy cô xin Phong rộng lòng giúp đỡ giùm cho cô Thúy. Cô vô cùng cảm kích ân tình của Phong.

Phong tuy trong lòng rất mừng vì cô Liễu không còn ở bên cạnh Thúy, nhưng cũng làm bộ nói:

- Xin cố cứ yên tâm. Tôi sẽ hết lòng lo lắng cho cô Thúy cho tới ngày cô bình phục.

Sau đó thì Phong càng tích cực hơn trong việc thăm viếng và mang cơm cho Thúy. Mặc dù cơn đau bệnh Thúy đã bớt đi có thể tự ăn cơm nhà thương nên nằng bướng Phong đừng đem phần ăn vào nữa nhưng Phong nhất định từ chối với lý do đồ ăn nhà thương không đủ dinh dưỡng để...tiếp tục đày đoạ... má chàng vì tất cả cho người đẹp. Thiệt đúng là... đồ quý tử.

Một hôm, Phong vào thăm gặp lúc Thúy ngủ say vì mệt mỏi, chàng say đắm nhìn khuôn mặt tuy còn hơi xanh xao nhưng vẫn đẹp quyến rũ của Thúy mà thấy lòng xao xuyến rung động. Còn đang thả hồn theo giấc mộng tình thì bỗng Thúy trở mình thức giấc phát giác ra Phong đang ngáy đại nhìn mình khiến nàng đỏ mặt thẹn thùng và Phong cũng tỉnh mộng trong nỗi sượng sùng ngượng ngáp.

Cả hai yên lặng trong bồi hồi một lúc thì Thúy run run giọng cảm kích:

- Trong tai nạn vừa qua của cô, Phong cực khổ lo lắng cho cô nhiều quá làm cô rất áy náy và không biết nói gì đủ để tạ ơn Phong.

Như đã chuẩn bị sẵn câu trả lời, Phong can đảm nói với giọng tuy nhẹ nhàng nhưng đầy khích động:

- Cô Thúy ơi! Khi người ta thích thú làm một cái gì đó cho người mình say mê thì những cực nhọc gian khổ lại chính là niềm hạnh phúc vô bờ.

Thúy sùng sốt nhìn Phong, ngay đêm giao thừa gặp Phong, với sự bén nhạy của người đàn bà, nàng biết rằng Phong đã đề ý tới mình nhưng không ngờ chàng lại tiến nhanh đến như vậy.

Nàng bàng hoàng nói câu vô nghĩa:

- Phong ơi! Sao lại thế này hở Phong?

Bây giờ thì chỉ còn tiền chứ không lùi được, Phong vội móc trong túi ra một trang giấy học trò trên đó chàng nắn nót bốn câu thơ tứ tuyệt:

Người khách đêm Xuân ấy lạ lòng

Chợt đi chợt đến thoáng mộng lung

Dáng hoa ẩn hiện như sương khói

Để lại một trời hương nhớ nhung

rồi run run trao cho Thúy bài thơ và nói lập bập:

- Đây là bài thơ đầu tiên của Phong sau khi có được cảm hứng. Có thể nói là nó chưa hoàn toàn hay đẹp nhưng với Phong nó có ý nghĩa rất lớn của một sự bắt đầu. Một sự bắt đầu không đơn độc vì trong lòng Phong đã có hình bóng của cô Thúy. Và hơn nữa, nó chuyên chờ được một thông điệp lớn lao của Phong, thông điệp của một tình yêu đầu đời.

Thúy hồi hộp đọc xong bài thơ rồi nhìn Phong với ánh mắt long lanh xúc động buồn buồn:

- Cô rất cảm kích tình yêu Phong nhưng sự việc diễn ra bất ngờ quá nên xin Phong cho cô vài ngày suy nghĩ để xét rõ lại lòng mình nha.

Phong liền bày tỏ nỗi lòng mình một cách rõ ràng dứt khoát hơn:

- Vài ngày đối với Phong trong tình yêu với cô tuy dài nhưng Phong sẵn sàng chờ. Cho dù phải chờ cô cả đời thì Phong cũng cứ chờ trong thương nhớ vô vàn

Những ngày kế tiếp, Phong vẫn vào thăm Thúy như thường lệ nhưng cả hai chỉ nhìn nhau nhiều hơn là nói với nhau. Điều làm Phong hy vọng hơn là kể từ đó, Thúy nhìn chàng với ánh mắt yêu thương dịu dàng như toát ra ánh hào quang màu nhiệm thiêng liêng của tình yêu.

Sau đó Thúy đã khá bình phục trong tình trạng sức khỏe khả quan nên nhà thương cho nàng xuất viện. Tính ra Thúy đã nằm bệnh viện gần một tháng rưỡi. Ngày Thúy xuất viện thì cũng là ngày mà Phong lẽ ra phải vui mừng thì trái lại chàng lại buồn rầu lo lắng nhất.

Trước ngày chia tay để trở về Sài Gòn tiếp tục dạy học, Thúy ngỏ lời cảm ơn má Phong đã tận tình lo lắng cho nàng qua những bữa ăn thật ngon miệng. Sau đó, nàng nhờ Phong lấy chiếc xe gắn máy Goebel của cậu Hoàng chở nàng vào chùa Vĩnh Tràng để mang hoa quả cúng tạ ơn Phật đã phò hộ nàng tai qua nạn khỏi. Sau khi lấy Phật xong, hai người diu nhau đi vòng ra sau hậu liêu ngồi dưới gốc dừa râm mát để tâm sự. Cả hai yên lặng một hồi lâu như thăm theo đuổi những ý nghĩ riêng tư.

Một lúc sau, Phong cố đè nén xúc động nhìn sâu vào đôi mắt đẹp náo nùng của Thúy rồi thì thầm:

- Thúy ơi! Mình sắp chia tay nhau rồi nên Phong phải nhắc lại với Thúy nỗi lòng sâu kín tự đáy lòng Phong mà Phong đã một lần nói với Thúy, đó là Phong đã yêu Thúy ngút ngàn. Phong không thể sống thiếu Thúy.

Tuy biết chắc câu chuyện rồi sẽ diễn tiến như vậy nhưng Thúy không tránh khỏi bàng hoàng xúc động, nàng âu yếm nhìn Phong rồi rót giọng ngọt mật vào tai người trai trẻ:

- Thúy biết chứ Phong...Thúy biết ngay từ lúc gặp Phong ở nhà anh Hoàng. Và khi từ già Phong đêm Giao Thừa, Thúy cũng đã yêu Phong rồi đó. Nhưng Phong ơi! Phong có nhớ rằng Thúy lớn tuổi hơn Phong nhiều không? Tình mình rồi sẽ đi vào bể tắt. Cho nên mặc dù yêu Phong nhưng Thúy không muốn hủy hoại tuổi thanh xuân của người mình yêu. Ngoài ra, lá tử vi nói Thúy có số sát phu, nhiều thầy đều nói vậy. Sự việc đã được chứng minh qua việc anh Quân chồng Thúy bị yếu mệnh. Bây giờ nếu Thúy tới với Phong thì Phong cũng sẽ ra đi vĩnh viễn thì Thúy làm sao mà sống nổi. Phong hiểu chưa?

Nghe lời trần tình thấm thiết của Thúy, Phong lặng người đau đớn, cổ họng như khô đắng, chàng nói như muốn khóc:

-Mặc kệ việc Thúy có sát phu hay không. Ai mà tin những lời bói ra ma quét nhà ra rác ấy. Phong yêu Thúy quá mất rồi. Nói cho cùng cho dù có được gần Thúy một ngày thôi rồi có chết thì Phong cũng mãn nguyện lắm rồi.

Thúy bồi hồi xúc động tát yêu vào gò má Phong:

- Cậu nhỏ ơi! Đừng có mà liều mạng như vậy. Tương lai Phong còn dài, rồi Phong sẽ tìm ra người yêu, người vợ trẻ đẹp hơn Thúy nhiều.

Nói tới đây giọng Thúy chùn xuống và rơm rớm nước mắt. Phong nói như đang mơ:

- Đối với Phong thì cả thế giới này không người đàn bà nào đẹp bằng Thúy hết. Đẹp tới độ đã hót hết cả hồn phách của Phong ngay phút đầu tiên.

Rồi chàng lặng nhìn say đắm vào đôi mắt long lanh như nước hồ Thu của Thúy với tất cả đam mê ngây ngất làm nàng tuy buồn nhưng cũng mắc cỡ nũng nịu nói:

- Làm gì mà nhìn người ta dữ vậy?

Phong thì thầm:

- Nhìn vào mắt hồ mắt “người ta” để tìm xem có thấy hình ảnh Phong đang ngụp lặn trong đó không?

Thúy vừa nguyền Phong một cái với đôi mắt dài sọc vừa véo vào vai chàng mắng yêu:

- Đồ con nít quý gì đâu!Thấy ghét

Sau những giây phút phù du tình tứ khóa lấp nỗi đau thì viễn ảnh tan tác chia ly lại trở về trong lòng hai người đang yêu nhau trong cuộc tình không lối thoát

Phong trong lúc nuối tiếc bề bàng, bỗng trở nên bạo dạn đa tình hơn, chàng choàng tay qua ôm nhẹ vai Thúy rồi nâng khuôn mặt đẹp như hoa Xuân khẽ nói:

-Thúy ơi! Cho Phong hôn Thúy nha.

Thúy run run xúc động nhắm mắt lại, hé mở đôi môi đẹp như đoá hàm tiếu đầu Xuân và khẽ gật đầu.

Chỉ đợi có thế, Phong cúi nhẹ xuống để đặt lên môi người yêu một nụ hôn dài bất tận với nỗi mê mẩn chất ngất. Mùi hương ngọt ngào quyến rũ của người đàn bà làm chàng như mê muội mềm lòng hẳn đi và ước gì được gói trọn hương yêu đó vào tận buồng phổi, góc tim.

Sau giây phút thiêng liêng cảm xúc, Thúy tuôn rơi nước mắt thủ thỉ:

-Nếu trên đời này có những người sinh nhằm vào vì sao xấu thì Phong và Thúy phải là những người bất hạnh đó. Định mệnh đã an bài như vậy rồi. Thì Phong ơi! Hãy cố quên Thúy đi.

Thúy biết Phong rất đau đớn, Thúy còn buồn hơn Phong nữa nhưng tương lai Phong còn dài, thời gian là liều thuốc nhiệm màu giúp Phong quên đi mà xây dựng một cuộc đời tươi sáng hơn là chấp nhận rủi ro tai vạ để cận kề bên Thúy.

Phong thần thờ nhìn đôi bướm lượn vờn trên những nụ bông sứ hồng tươi sáng rực vừa buồn buồn nói:

- Tình yêu nó khổ thế này sao Thúy?

Nhìn thấy gương mặt rầu rượi u sầu của người tình trẻ, Thúy thấy lòng chùn xuống, nàng úp mặt vào ngực Phong với cử chỉ âu yếm tình tứ vừa thôn thức. Nhưng ngay sau đó, Thúy phải cương quyết dù chỉ là bề ngoài giả tạo để nói tiếp:

- Phong không lo sợ Thúy phải làm góa phụ lần nữa sao? còn Thúy thì không muốn thương khốc thấy người mình yêu già biệt cõi đời chính vì mình. Phong hãy hiểu nỗi khổ tâm của Thúy nha Phong. Xa Phong Thúy đau lòng lắm nhưng còn hàng rào lễ giáo trong một xã hội khép kín ràng buộc bởi nhiều nền tảng đạo lý văn hóa cổ kính và nhất là cái lá số sát phu của Thúy là bức tường kiên cố ngăn cách hai đứa mình.

Phong nói trong nỗi tuyệt vọng:

- Mình không đến với nhau nhưng mình có thể là tri kỷ với nhau chứ Thúy

Thúy vuốt tóc Phong và yên ủi chàng:

- Thì chúng mình sẽ là tri kỷ với nhau chứ Phong. Mình có quá nhiều đồng cảm qua thơ nhạc rồi mà.

Rồi thì hai người cũng phải bịn rịn chia tay trong đau thương tiếc nuối. Phong đưa Thúy ra bến xe lộ Minh Chánh và mặc kệ bao nhiêu cặp mắt dòm ngó của những hành khách, chàng cầm tay Thúy lên hôn một cách say mê ngây ngất, một nụ hôn mà chàng không ngờ đó là nụ hôn vĩnh biệt vì sau đó, Thúy không muốn Phong quá yêu thương mình mà xao lãng việc học hành và cũng vì không muốn Phong lún sâu vào một cuộc tình không lối thoát nhiều nguy hiểm rủi ro cho cả tương lai đời chàng nên nàng đã cố tránh liên lạc với Phong và xin chuyển chuyện ra một tình thật xa ở miền Trung sau khi viết cho Phong lá thư vĩnh biệt đau thương:

Phong yêu dấu! Nếu có bao giờ Phong nghĩ rằng trong đời có một người đàn bà yêu thương Phong với tất cả tình yêu bao la cao đẹp mà phải đau đớn xa Phong thì chính là lúc này, lúc mà Phong đang đọc những lời yêu đương viết bằng nước mắt của chính Thúy. Phong ơi! Thúy biết rằng Trời xanh oan nghiệt lắm nhưng tại sao lại tàn nhẫn tới độ bắt hai người yêu nhau tha thiết như chúng mình phải đau khổ xa nhau. Tại sao? Tại sao không ai khác mà lại phải là Phong và Thúy?

Đúng là:

Trẻ tạo hóa đành hạnh quá ngần

Chết đuổi người trên cạn mà chơi

Lò cừ nung nấu sự đời

Bức tranh vãn cảnh về người tang thương

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Nhiều lúc, vì quá yêu Phong, vì quá nhớ Phong, Thúy muốn đánh liều cứ chạy tới ngã vào vòng tay Phong rồi có ra sao thì ra, nhưng sức nhớ lại cái số tử vì quá ác của Thúy có thể giết Phong bất cứ lúc nào thì Phong ơi! Như vậy thì làm sao mà Thúy sống cho nổi đây. Sự thể đã như thế này rồi thì Thúy chỉ xin Phong một ân huệ là nếu Phong thực lòng yêu Thúy thì van Phong hãy quên Thúy đi mà lo học hành đăng hoàng và dọn đường cho một tương lai tốt đẹp với vợ đẹp con xinh. Phong ơi! Thúy đang khóc khi viết tới những dòng chữ này nhưng đó lại là niềm hạnh phúc lớn lao cho Thúy. Trong nền đạo lý truyền thống Việt Nam có một đức tính cao quý tốt đẹp là hi sinh tất cả cho người mình yêu và Thúy đang làm điều đó với Phong, người yêu ngàn đời của Thúy.

Điều Thúy mong Phong hiểu cho là ở phương trời xa xăm này, Thúy luôn dõi theo từng bước chân Phong và mãi mãi cầu nguyện mọi điều tốt đẹp nhất cho Phong.

Yêu mà không thể gần nhau

Thì thôi chỉ biết trông vào nhớ nhung

Người đi cay đắng mặt mừng

Còn người ở lại chấp chùng đón đau

Hôn Phong và yêu Phong suốt đời, P.T. Mississauga đầu Thu 2013

Tuổi Thọ



Lúc Thượng Đế tạo dựng thế giới vừa xong, Người bèn bắt đầu hội họp các quan chức trên Thượng Giới để định tuổi Thọ của các loài:

Lừa được gọi đến trước nhất:

-Tâu thượng đế con sẽ sống được mấy năm trên dương thế ?

-30 năm, mi mãi nguyện chớ ?

Lừa nghe xong kinh hoàng:

-Tâu Thượng Đế. Sao Ngài lại cho tôi sống lâu quá. Xin Thượng Đế thương xót đến cuộc đời đau khổ nhọc nhằn của tôi. Từ sáng đến chiều tôi phải chuyên chở nhiều món hàng hóa rất nặng. Tôi giúp cho loài người rất nhiều, thế mà đáp lại tôi chỉ hưởng được những roi vọt và đấm đá.

Thượng Đế nghe xong thương hại Lừa, nên bớt đi 18 năm tuổi thọ để cho Lừa chóng thoát khỏi cuộc sống khổ sở. Lừa nghe xong sung sướng cảm ơn Thượng Đế rồi ra về.

Thấy Chó bước đến - Thượng Đế hỏi:

-Còn ngươi muốn sống được mấy năm? Lừa kêu vang với ta thọ 30 năm là quá nhiều, nhưng đối với mi thì 30 năm thì có nghĩa lý gì ?

Chó rầu rĩ đáp:

-Tâu Thượng Đế, Ngài không rõ đấy thôi, chớ nêu Ngài biết rõ sự tình, chắc chắn Ngài sẽ còn thương tôi nhiều hơn Lừa nữa Tôi cần phải có đôi chân chạy thật mạnh, mạnh hơn chân Lừa nữa, mà chân tôi đâu có được mạnh như chân Lừa, đến khi già không đủ sức để sửa to, răng không đủ sức để cắn mạnh, tôi đành âm thầm đau khổ một mình mà thôi chẳng còn ai đồng ngó thương xót đái hoài đến tôi nữa !...

Thượng Đế nghe Chó nói có lý, bèn giảm bớt 12 năm tuổi thọ cho Chó. Chó ra về, kể đến Khi vào ra mắt, Thượng Đế hỏi :

-Nhà ngươi vui lòng sống 30 năm chớ ? Ngươi đâu có làm việc gì nặng nề khó nhọc như Lừa và Chó. Ngươi có thể sống một cách an nhàn để hưởng thụ sự sung sướng của thế gian ?

Khi buồn rầu đáp :

-Kính thưa Thượng Đế : Mới trông thoáng qua thì tôi có vẻ sung sướng ! Nhưng sự thật thì trái hẳn. Người ta chỉ cho tôi một nắm cơm thừa sau khi bắt tôi làm bao nhiêu trò khỉ cho họ xem, tôi phải nhịn mặt, méo miệng, múa máy quay cuồng cho người ta cười. Nếu họ vui lòng thì họ ném cho vài trái ôi sống, chất ngất; đau khổ chất chồng sau một vài hoan lạc quá ngắn ngủi... Con không thể nào chịu đựng được đến 30 năm!

Thượng Đế vốn rộng lượng và thương xót muôn loài, Người nghe xong tội nghiệp cho thân phận Khi, nên rút ngắn 10 năm tuổi thọ của Khi.

Đại biểu của loài Người đến sau cùng :

Kính xin Thượng Đế cho biết tuổi thọ của loài Người được bao lâu ? Người sẽ sống được 30 năm, người bằng lòng chớ ? Người thất vọng xin thưa :

-Kính thưa Thượng Đế : ít quá. Lúc tôi vừa xây dựng xong được một căn nhà, lửa đang reo vui trong bếp, lúc tôi vừa mới trồng được một vườn cây vừa mới bắt đầu khai hoa, kết trái là lúc tôi sắp sửa được hưởng công sức cực nhọc của mình, thụ hưởng chút ít sung sướng của cuộc đời là lúc tôi phải chết ?

Kính tâu Thượng Đế cho tôi xin thêm vài chục năm tuổi thọ nữa ? Ta cho ngươi thêm 18 năm thọ của Lừa, cộng thêm 30 năm nguyên thủy của Người.

-Kính tâu Thượng Đế: Như vậy cũng chưa đủ

-Thế thì 12 năm thọ của Chó ta cũng cho ngươi nốt.

-Tâu Thượng Đế vẫn chưa đủ

Vậy thì ta cho ngươi thêm 10 năm của Khi, nhưng ngươi không thể nào xin thêm được nữa!

-Người đành phải ra về, nhưng không được mãn ý cho lắm!

Từ đây loài người thường sống đến 70 tuổi, 30 năm đầu Người sống với tuổi thọ nguyên thủy của Thượng Đế đã ban cho

mình, ba chục năm trôi qua thật nhanh chóng và trong thời gian ấy người cũng rất khỏe mạnh và sung sướng: Người làm việc hăng hái và hưởng thụ được cuộc sống với tất cả hương vị ngọt ngào đắm đuối.... Kể đến là 18 năm của Lừa, trong thời gian này, Người từng gánh trách nhiệm nặng nề đè nặng lên hai vai; Người phải làm việc cho kẻ khác hưởng – và để đền đáp lại chỉ được những bài học đau đớn, phủ phàng và vô ơn của đời... Tiếp đến là 12 năm của Chó, thời gian này người đi đứng mệt mỏi, các đốt xương bắt đầu nhừ nhôi, làm việc bớt hăng hái và thiếu sự khỏe mạnh vững vàng để đi đó đi đây !

Hết thời kỳ này, đời Người kết thúc bằng 10 năm đau khổ - Người biến thành láng trí, đại đột, hồ đồ, lẫn lộn - thỉnh thoảng lại có những cử chỉ ngờ ngẩn như trẻ con nhưng đôi khi lại rất hãnh diện với cái tuổi thọ của mình ?

(Ghi lại nguyên văn một bài phẩm luận đăng trong báo TBCN năm 1943, có chút ít sửa chữ -)

Tâm tình của Người sống xa Xứ

Nửa đêm thức giấc bước ra hiên

Nửa mảnh trăng rơi lạc xuống thềm

Nửa mảnh còn in nền vũ trụ

Nhìn đâu cũng thấy bóng Quê Hương

Quê Hương yêu dấu ! hỡi Quê Hương

Cách biệt nghìn năm vẫn nhớ thương

Thương từ luống mạ bên bờ ruộng

Thương lũy tre xanh cạnh mái trường

Đất khách tha phương quá nửa đời

Nhớ nhà , nhớ nước mãi khôn nguôi

Mỗi lần xuân đến miền đất khách

Chông chênh tăng thêm nỗi ngậm ngùi....!

Kính tặng Chị Hội Trường Thi Phia, Anh Hạt Cát, và Em Jean Tài

Trọng Lễ Ấu Dương

Sa Pa và các vùng phụ cận



Ở nước ta trong khi nắng hè chói chang trên khắp vùng châu thổ thì ở SaPa lúc nào cũng là cảnh xuân phơi phới như chẳng bao giờ tàn. Một khu nghỉ mát nằm trên mạch Hoàng Liên Sơn, ở đoạn cực bắc trong địa giới tỉnh Hoàng Liên Sơn. Nó có tên như vậy là vì ở trên sườn núi có nhiều cây thuốc có vị đắng, nhưng rất hiếm quý, đó là cây hoàng liên.

Từ Hà Nội lên đây, có thể đi bằng xe lửa, từ Ga Hàng Cỏ đến Ga Lào Cai, khoảng 296 cây số, rồi từ đây đi xe đò đến Sa Pa độ chừng 38 cây số nữa. (Đây là cách đi tiết kiệm) Nếu đi bằng xe hơi bắt đầu từ Hà Nội, thì theo lộ trình, từ đường số 1A, sang Yên Viên, rồi theo đường số 2 lên Phúc Yên, Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Đoan Hùng. Vùng Đoan Hùng có bưởi nổi tiếng khắp miền Bắc. (Nhưng tác giả thì cảm nhận bưởi da xanh ruột đỏ ở vùng Cái Mon (Bến Tre) là ngon nhất, ý kiến cá nhân)

Riêng về thị xã Lào Cai thì từ lâu đời vốn là cửa ngõ của nước ta sang Vân Nam, lại nằm sát vùng đất của dân tộc Miêu bên nước Tàu. Lào Cai là thành phố đôi, nằm ở cả hai bên bờ sông Hồng, bên tả ngạn là khu phố đã có lâu đời, gọi là khu phố cũ, còn bên hữu ngạn là Cốc Lếu được xây dựng sau này, và nay là trung tâm hành chính của thị xã.

Lào Cai nằm bên sông Hồng, nhưng lại là một ngã ba sông, có thêm một nhánh sông nhỏ tên gọi là Nam Thi đổ vào sông hồng ở ngay thị xã, sau khi đã làm biên giới thiên nhiên một đoạn dài giữa hai nước Việt Nam/Tàu, vượt sang sông nhờ chiếc cầu sắt nổi liền Lào Cai bên này, với thị xã Hà Khẩu bên kia. Đường xe lửa từ Hà Khẩu chạy dài độ 465 cây số thì đến Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam (Tàu) ở độ cao trên 1.280 thước. Nếu muốn đi sang Tàu thì cần mang theo thông hành (Passe-Port) thì có thể xin tại chỗ visa để đi Côn Minh cho biết)

Lào Cai chỉ cao hơn mặt biển độ 80 thước, mà đến Sa Pa thì độ cao đã lên đến hơn 1.560 thước, khoảng cách đường bộ chỉ có 38 cây số, và toàn là dốc và dốc, nên xe hơi chạy vô cùng khó khăn, vất vả, nguy hiểm; và cũng vì độ lên cao quá gần, quá nhanh, nên dọc đường ta cảm ngay sự thay đổi thời tiết thật mau chóng đến nỗi không thể ngờ.

Vào những ngày mà phố xá Lào Cai đang nóng đến 35, 36 độ C, nhưng khi xe rời cách xa thị xã vào khoảng 9-10 cây số, vừa lên tới bản Cốc Xan, là cái nóng đã biến đi đâu mất, trời tựa hồ như đã chuyển sang thu. Từ thị trấn Sa Pa nhìn xuống thung lũng Mường Bô, thấy dòng sông uốn khúc ở phía dưới độ 300 thước, trông rất ngoạn mục như bức tranh thủy mặc, con sông này đổ ra sông Hồng ở bên dưới Lào Cai.

Đường phố Sa Pa nhà gạch san sát, khách sạn lớn của Sa Pa nằm cạnh chợ, trước mặt là con đường lát đá, mà tiếng vó ngựa qua qua, lại lại, tạo ra một âm thanh lộp cộp, lộp cộp, giòn tan, nghe mà có cảm tưởng dường như thời gian đã lui về cảnh giới của một thời quá khứ xa xôi nào đó.

Từ trong thị trấn có đường tráng nhựa chạy dài ra bên ngoài, vòng quanh theo những quả đồi rộng. Trên đồi rải rác những biệt thự còn lại của thời xưa rất là xinh xắn, giữa nhà nọ với nhà kia là những khu vườn xanh um, những bãi cỏ mượt mà, nghiêng nghiêng theo sườn núi. Điểm tô thêm cho cảnh thơ mộng này là những khu rừng nhỏ, toàn là cây thông và cây trắc bá điệp cao vút... Sa Pa được chính quyền thời Pháp thuộc lập thành khu nghỉ mát từ năm 1922, có những ngôi nhà kiến trúc

theo cổ xưa đã bị tàn phá theo bước đi của thời gian, vì thiếu sự tu bổ, mà một phần nữa cũng là do chiến tranh...

Ở Sa Pa, đẹp nhất vào những ngày có chợ phiên. Chợ họp ngay giữa phố, vừa ra khỏi khách sạn là đã có chợ. Vào các tháng 6, 7, 8 rất có nhiều du khách lên nghỉ mát, chợ Sa Pa có rất nhiều đào, mận, (không phải như quả mận của miền Nam), quýt và vài loại lâm sản khác như: măng tre, nấm hương, mộc nhĩ, mật ong rừng. Trong những cái «gùi» đựng thuốc, đựng nấm tươi của các đồng bào sắc tộc Thái, Dao, Nùng, H'Mong từ các bản làng trên cao đổ xuống bán chợ, thể nào cũng có vài chiếc giỏ đựng đào, nải đào xanh, đào vàng. Đào Sa Pa không bán chục, bán cân, mà bán từng giỏ tre dài, mỗi giỏ có từ 30 đến 40 quả, khách mua trả tiền xong là cứ mang giỏ về.

Đào Sa Pa da vàng cùi mềm, ngọt thanh, đồ ừng là giống đào H'Mong, ngọt và ngon không kém đào Vân Nam bên Tàu, Mận Sa Pa cũng rất ngon, cùi giòn và ngọt.. Sa Pa là một vùng núi đẹp có tiếng khắp nước, nhờ khí hậu tốt lành, mát mẻ của vùng núi cao nhiệt đới. Mùa hè trong những tháng nóng nhất, ngay giữa trưa, trời Sa Pa vẫn man mát lạnh, nhiệt độ chỉ khoảng 20 – 22 độ C, ít khi nào lên đến 26 độ C, còn những tháng hè khác thì đều ở dưới 18° C. Nắng Sa Pa đẹp nhất vào những ngày của các tháng 6, 7, 8, khi gió từ trên đỉnh đèo Ô Quy Hồ thổi xuống thung lũng sông Mường Bô. Gió càng xuống, núi càng nóng lên, làm tan hết mây mù, và không gian như sáng hẳn lên. Thường thì về trưa, bầu trời càng thêm đẹp, lơ lửng vài cụm mây bơ vơ, lác lõng, rồi núi rừng như xích lại gần nhau trong tầm mắt của thi nhân. Gió mang đến nhiều ngày nắng ấm, làm cho các vườn đào, vườn mận mau chín hơn để đón khách đến nghỉ hè.

Nhờ không khí nhẹ và mát, nên ai đến Sa Pa cũng đều ưa thích, đi dạo chơi ngoài đường phố rất lâu mà không cảm thấy mệt, chỉ cảm thấy mau đói mà thôi, và sau đó ăn cơm rất ngon. Sa Pa không chỉ đơn thuần là một khu nghỉ mát, mà còn là một khu an dưỡng rất tốt cho người cao tuổi, người đau ốm.

Sa Pa, ban ngày ít khi mưa, thường mưa về đêm, nhất là vào lúc trước rạng đông, thường có những trận mưa rào rất lớn, nhưng đến sáng hẳn, là trời quang mây tạnh, cây cỏ, đường xá không còn chút bụi bặm, hoa lá càng thêm mơn mơn xinh tươi. Ở Sa Pa, mùa đông trời rét buốt, thường lạnh từ 4 đến 8 độ C, sương mù bao phủ khắp núi rừng. Phố phường, nhà cửa như đắm chìm trong màn sương dày đặc; ngồi trong nhà nhìn ra ngoài, không còn thấy khách qua đường, và ở trong nhà vừa bước ra khỏi cửa là như đã bị mất hút vào trong một sa mạc sương mù. Vào những ngày như thế, thì trong nhà, ngoài phố thường hay đốt lửa để sưởi; trong cái không gian lặng động và tĩnh mịch đó, thỉnh thoảng vài cơn gió vô tình thoảng qua làm xao động cây rừng như đang bồng bềnh trong biển mây và sương mù. Có những năm tuyết rơi ở Sa Pa, đầu năm 2003 tuyết rơi ở Sa Pa rất nhiều.

Từ Sa Pa nhìn về phía tây nam là đỉnh núi cao nhất Đông Dương: đỉnh Phan Xi Păng cao 3.143 thước, đồ sộ nhô lên trông thật hùng vĩ, như thách thức, như ngạo nghễ với non xanh nước biếc. Từ đỉnh núi Phan Xi Păng nhìn xuống, ít khi được trông thấy thị xã Sa Pa, chỉ có mây trắng hàng hàng lớp lớp, tràn lan trong bầu trời mênh mông vô tận, dường như muốn ngăn cách ngọn núi này với nơi trần thế.

Đầu năm 2003, tác giả trở lại Sa Pa lần thứ nhì, hân hạnh trở lại lần thứ ba vào năm 2012 và vẫn mong ước còn có cơ hội trở lại nữa... vì thiên nhiên ở đó có một sức lôi cuốn mãnh liệt đối với những bước chân giang hồ... và tâm hồn tôi...

Thế giới vô thường, vật đổi sao dời, không biết rồi đây với bước đi vô tình và nghiệt ngã của thời gian, trong tương lai SaPa có còn giữ được mãi mãi những nét đặc thù, đáng yêu, mà ai đã ghé qua Sapa một lần, vẫn còn mong ngày trở lại?

Kỷ niệm lần thứ ba đến Sa Pa.

Trọng Lễ Âu Dương

Chiếc áo dài Việt Nam



Khắp nơi trên thế giới, mỗi dân tộc đều có những nét đẹp độc đáo, riêng biệt về truyền thống trang phục của mình. Người phụ nữ Việt Nam chọn áo dài làm trang phục đặc thù của người Việt Nam, đã được nhiều nước trên thế giới biết đến và ca ngợi. Ngày xưa, vua chúa rất trọng lễ nghi. Áo dài được xem như là quốc phục. Mọi nghi lễ trong triều, từ vua đến quan đều mặc áo dài. Vua mặc long bào (áo thêu rồng) biểu tượng uy quyền của bậc thiên tử. Chiếc áo dài không chỉ khép kín trong cung đình mà còn phổ biến ra ngoài dân gian, từ hàng quan lại đến thứ dân, áo dài được dùng trong dịp Tết, đình đám, lễ lạc, cưới xin v.v...

Những năm giữa cuối thế kỷ 19, nước ta khi đã trở thành thuộc địa của Pháp, một số người Việt có xu hướng ăn mặc theo Âu Tây. Lăn lăn chiếc áo dài Việt Nam bị lấn áp. Tầng lớp thầy cai, thầy ký, thầy thông ngôn... làm việc cho Pháp rồi ăn vận Âu phục. Lăn lăn về sau, âu phục được phổ biến trong mọi tầng lớp xã hội, chiếc áo dài Việt Nam dần dần mất tư thế tự tôn, nhưng không vì thế mà bị mai một, nó vẫn giữ được sức sống ở nông thôn, nhất là những gia đình có truyền thống Nho Giáo.. Người phụ nữ Việt Nam vẫn luôn luôn coi trọng việc mặc áo dài. Khi xưa ở làng quê miền Nam, từng lớp quan lại địa phương như : hội đồng, cai tổng, hương cả, hương chủ v.v... tóm tắt lại là cả các thành phần trong ban Hội Tề, phần đông đều ăn vận như xưa, đầu đội khăn đóng, mặc áo dài, quần dài, chân thường đi guốc dong. Nền áo thường có in hình chữ « Kiết (chữ Nho) tỏ sự tốt lành, vui vẻ. Tay áo đủ rộng, lưng quần buộc dây lưng xanh hay đỏ tùy theo sở thích từng người. Việc ăn mặc của các vị đó nhằm thể hiện oai quyền trước dân chúng, khi đi sưu tra dân tình hay đi khám xét điền thổ. Người theo Đạo Phật ở Miền Nam thường dùng áo dài màu nâu, không phân biệt nam nữ. Trong việc cúng bái người quá cố, người ta không mặc áo « bà ba » vì cho như thế là thất lễ. Người tu hành mặc áo dài màu vàng khi đi hành đạo, truyền bá Phật Pháp v.v..

Trong việc cưới xin, chàng rể gặp gia đình ông nhạc còn theo nho giáo thì phải ăn mặc cho đúng điệu : khăn đóng áo dài, chớ ăn mặc lôi thôi không khéo mất vợ như chơi. Trong lễ cưới, cô dâu ăn mặc lộng lẫy, áo dài màu hồng, cài hoa trắng nên càng làm tăng thêm nét khả ái, sự duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam.

Ở Miền Nam ngày xưa, đứng mầy râu mỗi khi đi đám cưới thường mặc áo dài, khăn đóng. Trong việc đồng áng hay nội trợ gia đình, chiếc áo dài là trở ngại lớn, nhất là từ ngày mới đến Miền Nam khai hoang, lập nghiệp, lập làng...



Vùng đất mới còn nhiều bùn lầy, nước đọng, nên tà áo dài không còn thích hợp nữa.

Người miền Nam mới cải tiến chiếc áo dài : cắt bớt hai vạt trước sau cho ngắn lại, thêm hai túi, nút gài trước ngực chạy dài xuống bụng. Chiếc áo dài cải tiến, chính là chiếc « áo bà ba » ngày nay, rất tiện cho việc gia đình và việc đồng áng.

Người con gái miền Nam trong trang phục, quần đen với chiếc áo bà ba cũng làm cho người đi phiêu bạt khắp nơi trên thế giới, lòng riêng vẫn canh cánh nhớ hoài chiếc áo bà ba... Ôi ! nó dễ thương làm sao !

Màu sắc chiếc áo dài tùy theo sở thích của từng người. Nhiều giai nhân gặp tình duyên « trắc trở » thì sự thay đổi màu áo cũng còn là sự thay đổi cuộc đời.

Ngoài tình dân tộc, tà áo dài còn làm nổi bật những đường cong quyến rũ của người phụ nữ, kêu gọi, nhưng kín đáo, nó phát huy tối đa những đường nét đẹp. Tà áo dài thướt tha là nét đẹp độc đáo của người phụ nữ Việt Nam đã được nhiều nước trên thế giới rất ưa thích...

Sau bao nhiêu năm, thế sự thăng trầm ; chiếc áo dài Việt Nam vẫn giữ được sức sống mãnh liệt và tính cách riêng biệt của mình, rất đẹp, rất trang nhã.



Những tà áo trắng của nữ sinh Lê Ngọc Hân đã làm cho bao chàng trai Nguyễn Đình Chiểu, nay dù lưu lạc khắp bốn phương trời, nhưng mỗi lần nhớ đến thì bùi ngùi, tâm tư khoắc khoải..., như nhớ, như thương ai đó !

Trọng Lễ Âu Dương

Vọng Cổ Hoài Lang

Tân mạn mùa Xuân lạnh 2013



Tôi không phải là một nhà nghiên cứu về nghệ thuật, cũng chẳng phải là một nghệ sĩ cải lương, một nhạc sĩ tài ba, nhưng từ tuổi thơ ấu tôi đã say sưa bài ca vọng cổ, mỗi lần nghe ở đâu có đình đám, có tổ chức đờn ca tài tử là không vắng mặt tôi, nhiều khi tôi phải trốn nhà mà đi... có nhiều đêm gặp trời mưa gió, đường đất sinh lầy, (ngựa và ghe tam bản của thân phụ thì tôi không dám đụng đến) nên phải lội bộ gần hai cây số, qua những con đường bùn lầy, trong đêm tối, giữa cơn mưa rả rít, một bên là đồng ruộng mênh mông, một bên là dòng kinh Phụng Hiệp/Quảng Lộ, đến nơi để được nghe mấy câu vọng cổ rồi về... và quên tất cả mọi sự cực nhọc...

Chất trữ tình, nghiêng về sầu muộn và giọng luyến láy của người ca sĩ như đưa tôi vào một thế giới nhiệm mầu, tuy vô hình nhưng có sức mạnh không thể phá vỡ.

Nhớ những ngày lang thang phiêu bạt ở xứ người, bài ca vọng cổ đã đến với tôi. Nó đến không ồn ào, mà âm thầm lặng lẽ len lỏi vào tâm tư, tình cảm, tâm hồn tôi.... Những ngày sống ở xứ người, tôi thường lang thang đi tìm mua các đĩa hát hiệu Asia hay Pathé, có các bài ca vọng cổ, để nghe đi nghe lại hoài mà không biết chán : Năm Nghiã, Tám Thưa với bài Văng vẳng tiếng chuông Chùa, Cô Ba Bến Tre với bài Khóc mợ bạn, Út Trà Ôn với bài Gánh Nước Đêm Trăng v.v... Tôi mê các bài ca vọng cổ trữ tình này còn hơn mọi nhu cầu vật chất nào khác. ! Tôi thầm ghi ân các tác giả, các nghệ sĩ cải lương, các nhạc sĩ nam và nữ có giọng ca, tiếng đàn tuyệt diệu đã ăn sâu vào lòng tôi, vào tận tim tôi, rót vào lòng tôi những nhạc điệu, lời ca quen thuộc, càng nghe, càng xoắn vào lòng người, muốn dứt, dứt cũng không ra... Tuổi đời chông chênh tôi vẫn tiếp tục sống

cảnh tha hương, nên các bài ca vọng cổ như là một món ăn tinh thần cần thiết và niềm hạnh phúc cho đời sống của tôi ở xứ người...Giá trị của bản nhạc vọng cổ từ lâu đã được thời gian thẩm định và khẳng định ; đó là điều không phải bàn cãi, do xuất phát từ yêu cầu của công chúng ngày càng nhiều.

Trọng Lễ Âu Dương

Tình Non Nước và Nỗi Lòng Cố Quận

Chị Mến cùng các cháu

Anh Phạm Văn Ngọc, Kỹ Sư Địa chất, em Anh

Nên và cũng là bạn đồng môn của Trọng Lễ ở

Trường Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho)

Cô Kim Tuyền, bạn quý thương của Trọng Lễ

Anh Chị Giản, Anh Chị Ba Thiên, Aznh Minh Bảy ở Cái Mơn

Và các ông chủ các vườn sầu riêng ở Cái Mơn

Thình thoảng tôi mới có cơ hội trở về thăm lại làng xưa phố cũ, về với nỗi niềm thương nhớ lằng lằng, về với sự gắn bó nhớ nhung tiềm ẩn trong tâm hồn, trong buồn tim thót thịt của mình từ lâu, nhất là từ khi :

Lê thân phiêu bạt kiếp sông hồ -

Xứ người nương nấu thân tâm gởi

Năm nay tôi dự định đi Cái Mơn (Bến Tre) thị trấn rất gần gũi nơi tôi ra đời (Làng Điều Hoà Mỹ Tho) và cũng là nơi tôi trải qua thời kỳ trung học đầy thơ mộng (Trường Nguyễn Đình Chiểu), lúc tôi học, trường còn mang tên Le Myre de Vilers. Thời gian ở Mỹ Tho, tôi chỉ qua đò Rạch Miễu đôi ba lần ; đến chợ An Hóa xem xưởng làm giầy lười, hoặc đi dạo bằng xe đạp theo các nẻo đường của Mỹ Tho thân thương, nên tôi nhớ từ hàng cây góc phố, nhớ Chùa Vĩnh Tràng, nhớ dòng Bão Định, nhớ sông Cừ Long trong cảnh chiều tà.; thình thoảng vài lần đi xe đạp đến Chợ Gạo. Từ lâu tôi vẫn âm ức trong lòng : mình là dân Mỹ Tho (thật ra tôi là dân gốc Bạc Liêu, nhưng ra đời ở Mỹ Tho và khi khôn lớn được đào tạo qua bốn năm ở Trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho), nên tôi cũng vô cùng gắn bó với Mỹ Tho như đôi với Bạc Liêu -Cà Mau vậy mà lại không biết thành phố Bến Tre nằm kề bên, thôi thì năm nay, bằng mọi giá phải đi cho được.

Sáng sớm tôi ngồi ở băng đá công viên chờ đợi cô bạn thân thương Kim Tuyền đến để cùng đi chung với nhau xuống Cái Mơn thăm anh Giản, người bạn thân quý của chúng tôi, cựu nhân viên Hàng Không Việt Nam, đang bệnh và về Cái Mơn để tịnh dưỡng và đồng thời tránh cảnh xe cộ ồn ào của thành phố Sài Gòn.

Trên xe có sáu người và tài xế : Anh Chị Nên, anh Minh Bảy (Quê Cái Mơn) Cô Kim Tuyền, tác giả (Trọng Lễ AD) và ái nữ Anh Chị Nên. Anh Nên là con rể của Phú Đức tiền sinh, nhà văn nổi tiếng Miền Nam chuyên viết các loại tiểu thuyết trinh thám võ hiệp kỳ tình, đề cao chính nghĩa... đã được sự tán thưởng và say mê của đông đảo quần chúng và tri kỷ bốn phương. Anh Nên là anh rể của cô Kim Tuyền. Khi xe qua khỏi Sài Gòn-Chợ Lớn, qua khỏi vựa cá đầu mối Chánh Hưng thì phong cảnh hai bên đường bắt đầu thay đổi, nỗi lòng cố quận của tôi cũng bắt đầu dâng cao...Nhìn cảnh vật hai bên đường, từ đám cỏ xác xơ, từ hàng cây trụi cá vô chủ, chen lẫn với hàng xoài, hàng me hoang, đầu đây vài ba gốc dừa cần cội... bơ vơ ...rồi tiếp đến các mái nhà tranh, nhà ngói ngập tràn ánh sáng ban mai. Nhà cửa ở đây được xây cất theo phong cách của người Miền Nam từ nhiều thế hệ qua mà không hề thay đổi. Những ngôi nhà ẩn hiện sau các hàng rào bao quanh bằng cây bông búp (Miền Bắc nước ta gọi hoa bông búp là hoa dâm bụt), hoặc bằng một giống cây xương rồng có gai. Hoa bông búp rất đẹp. Còn bông giấy (vùng Cà Mau gọi là hoa biện lý) thì hình như sân nhà nào cũng có, và đang trổ hoa nhiều màu thật xinh xắn. Xe lại tiếp tục qua những lò gạch thủ công, những vườn xoài, vườn ổi, vườn chuối, vườn sầu, vườn mía v.v..., tiếp đến là những cánh đồng mênh mông bất tận, ngát mùi hương thơm của lúa mạ, mùi thơm đặc biệt của bún non, mà ai đã từng có

một thời gian gắn bó với đồng ruộng thì làm sao mà quên đượcxc mùi bún này ?

Rời đến vườn cam trái thật sai

Nằm bên vườn chuối chín đầy quây

Dăm ba thôn nữ đang thơ thẩn

Văng giọng hoài tình nhớ bóng ai ?

Sự hài hòa màu sắc của cây trái với các với các loại hoa cùng hình bóng nhà cửa càng làm tăng thêm vẻ đẹp của xóm làng ; lòng tôi tự nhiên quá xúc động. Hai tiếng Quê Hương sao mà êm đẹp quá, tôi thương quê tôi, từ cái đẹp nhất đến cái xấu nhất, từ những góc phố nghèo nàn đến những khu cư xá khang trang, từ chốn rừng núi hoang vu đến vùng đồng chua nước mặn, từ những sông rạch chằng chịt, rừng đước, rừng tràm, cho đến bãi sậy bờ lau, biển cả mênh mông...

Đôi khi xe qua cầu, tôi nhờ tài xế cho xe dừng lại trong chốc lát, để có thể gởi gắm tâm tư mình đến con sông, dòng rạch uốn khúc quanh co, tại lại được nghe văng vẳng, như từ trong một cõi xa xăm nào đó, giọng hò hoài tình của cô các thôn nữ đang khoan nhặt mái chèo giữa hai hàng dừa nước dài đặc theo hai bên bờ sông. Đây đó vài đám lục bình lững lờ mặc cho dòng nước cuốn trôi, như số kiếp phù du của đời người. Đến đây tôi chợt nhớ đến bài thơ Nỗi Buồn của TL

Tôi về đất Mẹ Trà Vinh

Qua cầu Mỹ Thuận xót tình bơ vơ

Lục bình xuôi nước lững lờ

Dòng sông lặng lẽ đôi bờ quanh hiu...

Rời xe qua bến bắc Rạch Miễu ! Ôi biết bao kỷ niệm của thuở thiếu thời như tràn ngập tâm tư tôi... Trong giây phút, tôi muốn biến thành mây, thành gió, để có thể ôm ấp vào lòng, bến Bắc và dòng sông, hầu vơi đi phần nào nỗi sầu lữ thứ...

Khi những vườn cây hai bên đường bắt đầu xuất hiện càng lúc càng nhiều, là chúng tôi biết đã tới địa phận Cái Mơn. Gió từ sông Hàm Luông thổi đến xô đuổi cái nóng gay gắt của buổi trưa hè ở vùng nhiệt đới, như chào đón khác phương xa về thăm quê.

Khoảng 3 giờ xế trưa thì chúng tôi đến Cái Mơn (Quê Hương của Văn Hào Trương Vĩnh Ký) ; được gia đình anh Giản và anh Minh Bảy đón tiếp thật nồng hậu với các đặc sản và cây trái vùng Cái Mơn : nào chôm chôm tróc hột, bòn bon, đặc biệt là loại sầu riêng hột lép Cái Mơn, hương vị và chất lượng chẳng kém gì sầu riêng Thái Lan, Mã Lai... còn có phần đậm đà và hợp khẩu vị của người Việt Nam hơn, chỉ kém sầu ruồng Thái Lan một điểm duy nhất là trái nhỏ hơn, nhưng lại có được cái ưu điểm là quả sầu riêng Cái Mơn tuy vỏ bề ngoài còn xanh, nhưng múi ở bên trong đang ở mức độ vừa chín tới, không còn cái dư vị lợt lạt, hơi đắng đắng của thời gian chờ đợi, cũng không có cái ngọt lịm dư thừa của ngày tháng triền miên trên cành, hương vị ở đây là cái ngọt, cái bùi, cái thơm đúng mức, đúng thời điểm để ăn, mà khách say mê sầu riêng khó tánh nhất cũng phải ngất ngây...

Sau khi thưởng thức phần trái cây, là món tôm càng nướng được gờ ở các cọc đóng đầy giăng trên sông Hàm Luông (đây là loại tôm càng thiên nhiên) nên mùi vị rất thơm ngon. Một bữa tôm càng nướng (ăn bao bụng), kèm theo nhiều loại rau sống mọc dọc theo bờ ruộng, xung quanh bờ ao, hè nhà, rồi nào là chuối chát, khế, dưa leo, gừng, tỏi, ớt v.v... bữa ăn thật ngon, còn ngoài trời thì tiếng chim hót, tiếng lá rơi, hoà cùng tiếng gà gáy trưa tạo ra âm thanh và hình ảnh của một cuộc sống thanh bình, an lạc..khiến lòng kẻ ly hương chạnh lòng thương nhớ vu vơ...

Sau đó, tôi và cô Kim Tuyền đi viếng thăm Lò Cốm Gạo, Cốm Bắp, và xem cách thức « thực cốm » còn làm theo thủ công. Theo sự phát triển của của ngành công nghệ, nghề « thủ công thực cốm » nay đã không còn nữa (Lò thực cốm duy nhất còn lại này cũng sẽ dẹp bỏ trong một thời gian gần đây). Kể đến, lợi

dụng thời gian còn rảnh rỗi, chúng tôi : cô Kim Tuyền, T.Lễ A.D. con trai cô Kim Tuyền và thêm một cô gái quê ở Cái Mơn, thuê xuồng xuôi ngược theo dòng Hàm Luông. Nhìn những trái bần đầy trái soi bóng xuống dòng sông, rồi đến ô rô, cóc kèn, mái dầm, mọc dài theo bờ sông, khiến tôi bồi hồi thương quê hương mình quá, rồi biết bao kỷ niệm của thời thơ ấu bất chợt sống dậy trong tiềm thức tôi...

Tối đêm đó, tôi được anh Ba, anh ruột của anh Minh Bảy dành cho một căn phòng đầy đủ tiện nghi, ở tầng lầu một của nhà Anh, cửa sổ và cửa cái hướng ra ngoài nên có thể nhìn xung quanh vườn và có thể phóng tầm mắt thật xa để quan sát và thưởng thức vẻ đẹp của miền thôn dã về đêm. Kế sát bên phòng nghỉ của tôi, là một vườn cây cảnh mênh mông như chiếm cứ gần hết cả sân nhà, rồi tới một con đường mòn (đã được lát gạch xi măng) để dẫn đến một vườn cây ăn trái nữa, rồi mới đến bờ sông Hàm Luông...thấp thoáng vài chiếc thuyền con gác mái lơ lửng dưới ánh trăng ngà. Trong lúc bàng hoàng say mê trước giang sơn cẩm tú, tai tôi lại được nghe giàn nhạc bát hủ của ếch ương, ếch nhái hoà cùng côn trùng vang rân không ngừng trong một không gian tĩnh lặng, tạo thành một hoà tấu khúc thiên nhiên tuyệt vời, tôi nghe mà cứ tưởng như mình đang nằm mộng, vì không bao giờ tôi nghĩ được rằng, sau gần nửa thế kỷ lang thang nơi đất khách quê người, mà nay còn nghe lại được cái âm thanh, cái cảnh mà mình đã từng thấy qua, nghe qua ở thời niên thiếu. Tôi vui mừng quá, nên mở cửa ra đứng ngoài hành lang để đón ánh trăng khuya và tiếp tục nghe khúc đại hoà tấu thiên nhiên này (tiếc thay không có mang máy thu thanh theo để thu) và nhìn cho tận tường cảnh tuyệt đẹp của dòng Hàm Luông dưới ánh trăng khuya...

Anh Ba mấy lần gõ cửa hỏi tôi : có lẽ, lạ nhà, lạ cửa, nên chú Lễ ngủ không được ? Tôi vội đáp lời anh : em muốn thức trắng đêm nay để thưởng thức và khắc ghi vào tâm khảm hình ảnh thân thương của đêm trăng miền thôn dã, với đàn nhạc tuyệt vời và đầy linh động này đem về Pháp để mà nhớ mà thương đó anh Ba à. Sau đó tôi thực sự đã thức trắng đêm, cho đến khi tiếng gà gáy bắt đầu vang lên từ đầu xóm. Nhìn lại thì đã ngoài bốn giờ, tôi mới vào nghỉ lưng chốc lát, nhưng mà thực tế, tinh thần thật sảng khoái và cơ thể không mệt mỏi chút nào hết.

Vì còn quyền luyến cảnh vật và con người ở Cái Mơn, nên sau đó tôi trở lại Bến Tre một lần nữa. Tỉnh Bến Tre nằm giữa các nhánh sông Tiền, vùng đất Chợ Lách, Cái Mơn, cạnh đây là vùng bờ biển còn sinh lầy, nhiều nơi còn hoang vu, nhưng vùng đất này vẫn có một khuôn mặt đặc biệt trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bến Tre là nơi địa linh, nhân kiệt « nơi lưu dấu của các chí sĩ : thi hào ái quốc Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản ; Học giả uyên bác Trương Vĩnh Ký. Ở Ba Tri còn có ngôi mộ của thi hào ái quốc Nguyễn Đình Chiểu.

Bến đò trên đường Hiền Vương, có sông Bến Tre nối liền sông Hàm Luông, Ba Lai, Mỹ Tho. Từ bến thuyền này đi các nơi khác đều thuận tiện : đi sân chim Vàm Hồ, đi Cồn Ốc, đi Cái Mơn v.v

Làng Kiềng Cái Mơn : Đất nước Cái Mơn nước ngọt quanh năm, không ngập lũ, vườn trù phú xinh tươi đầy cây trái. Thế mạnh ở Cái Mơn là trồng cây con, cây giống, cây ghép, gỏi bán đi khắp nơi. Nghề trồng hồng hoa kiềng cũng rất mạnh, hai nghề chủ lực là uốn hình nai kiền và trồng tắc kiềng rất mạnh. Cái Mơn còn có kỷ niệm nơi sinh của văn hào ái quốc Trương Vĩnh Ký.

Cồn ốc cù lao : xanh mát giữa sông Hàm Luông. Nên đi vào mùa cây trái. Cồn Ốc có xoài, mận, cam, quýt, bưởi, mía v.v...

Sân chim Vàm Hồ : nằm bên cạnh bờ sông Ba Lai, thuộc huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Khu mộ thi hào ái quốc Nguyễn Đình Chiểu cách thị trấn Ba Tri khoảng 2 cây số. Nhà thờ được xây cất vào năm 1969.

Viết lại bài này để tưởng nhớ đến Anh Phạm văn Mên (tức Anh Nền) đã ra đi về Cõi Vĩnh Hằng

Nỗi đau bất tận

Lời tác giả : Đây là một câu chuyện có thật, nói lên những vắn nạn cười ra nước mắt trong tập thể người Việt hải ngoại. Nhân vật chính trong câu chuyện này là bạn thân tình của tác giả, sau lần tâm sự cuối cùng, đã rũ sạch bụi trần, nương thân nơi chốn Thiên Môn để gọi rửa tiền nghiệp ?

Tôi và anh ấy gặp nhau lần đầu tiên ở hải ngoại sau trên một phần tư thế kỷ. Kề chân trời, người góc bể. Tôi nay trong khu vườn nhỏ ở sau nhà tôi ; chúng tôi ngồi kể cho nhau nghe những thăng trầm của cuộc đời. Trời sắp sang hạ, vài cơn gió nhẹ len lỏi qua mấy khóm lan. Lá cây xào xạc lay động để lộ ra một mảnh trăng thơ mộng ngay trên đầu chúng tôi. Giàn dạ lý hương về đêm ngát ngào hương thơm liêu trai... cảnh vật khá hữu tình để có thể cùng nhau tâm sự dài dòng những chuyện bề đầu, sau gần 30 năm xa cách.

Chưa bắt đầu câu chuyện mà nước mắt anh đã lưng tròng. Trên gương mặt khô cằn qua những năm tháng khổ đau ; cát bụi thời gian đã bôi xóa quá mau những nét thanh xuân và « bô trai » của anh ngày nào...Ngày ấy đã lâu lắm rồi,

ngày mà anh và tôi thường đạp xe kéo kẹt cặp kề nhau đi ngắm cảnh hoàng hôn trên bến bắc Thủ Thiêm. Dòng Bến Nghé không phải là dòng sông đẹp nhất Châu Á, hay đẹp nhất thế giới, nhưng đối với anh và tôi, nó là dòng sông đặc biệt và thân thương nhất, gây nhiều nỗi nhớ nhung trong suốt cuộc đời của chúng tôi. Thời gian xa xưa ấy, tôi và anh đã say sưa ngắm dòng sông Sài Gòn lúc trời vừa rạng đông, hay vào những buổi hoàng hôn khi những tia nắng nhạt cuối ngày vừa tắt mất.

Ngắm hoài, ngắm mãi mà không bao giờ cảm thấy chán. Chỉ có dòng Sài Gòn mà chúng tôi đã tha thiết như thế. Thử hỏi còn biết bao nhiêu hình ảnh giang sơn cẩm tú khác nữa của Đất Nước, mà chúng ta không đủ chữ, không đủ lời để nói về nỗi nhớ niềm thương, chỉ có con tim nóng bỏng của ta, mới chứa chất được cả bầu trời Quê Mẹ, mà ta tự biết lấy mình.

Hễ mỗi lần viết thư thăm tôi thì anh luôn nhắc đến dòng sông Sài Gòn, nhắc đến những kỷ niệm thời niên thiếu đầy hoa mộng, vô tư, rồi chiều nay gặp nhau ở Stains, anh cũng không quên nhắc y nguyên những câu chuyện mà anh thường viết trong thư gửi cho tôi. Tôi lặng yên để cho anh cạn dòng tâm sự, để cho tâm tư anh được thoải mái, lắng đọng, và để cho dòng nước mắt cuốn trôi đi những nỗi đau khổ hằn lên trên gương mặt cằn cỗi trước tuổi của anh.

Tôi nói sơ qua cho anh biết về cuộc sống của tôi ở Pháp ; nhắc đến sự lo lắng hết tình của anh trong thời gian tôi lo giấy tờ xuất ngoại, tiền bạc mà anh đã đổ ra cho tôi, trong khi tất cả bà con thân nhân của tôi, có dư khả năng, nhưng họ lại im hơi lặng tiếng ? Nếu không có sự giúp đỡ tận tình của anh (cho mượn gạo không cần biết trong hầm có lúa ?) thì số phận của tôi ngày nay ra sao ? Anh không bằng lòng cho tôi nói đến chuyện nghĩa ân này hoài. Lẽ ra cậu hãy nói sang đề tài khác đi. Tôi nói : bây giờ đến lượt anh phải kể cho tôi được rõ ràng, tường tận, câu chuyện của gia đình anh, chớ nói qua thư không được đầy đủ lắm. Anh móc khăn ra lau nước mắt, rồi bắt đầu chậm rãi kể :

Như Lễ đã biết, Thúy và tôi cùng hai cháu của Anh Chị là Linh và Đoàn đã vượt biên sang đến Mỹ Quốc sau bao ngày cam go tột cùng, thuyền lênh đênh trên mặt biển khơi, sóng gió vô tình, cướp bóc như đi chợ, rồi may mắn, chúng tôi cũng tới được trại tỵ nạn để chờ đợi ngày sang Mỹ. Thiết tưởng cậu đã từng đọc qua báo chí, xem qua phim ảnh, thì đã biết thế nào là nỗi khổ tột cùng của những kẻ vượt biên ? Sau rốt chúng tôi cũng đến được bến bờ tự do.

Đến Mỹ, vợ chồng chúng tôi cực lực làm việc, bắt đầu từ con số không, hai cháu thì được đến trường như các trẻ em khác. Bước thời gian tưởng đâu chậm chậm trôi, nhưng xét kỹ lại thì thật nhanh chóng, đúng như câu người xưa thường nói « thời gian đi mau như bóng câu thoáng qua song cửa », nó chẳng

chờ đợi ai, vô tình và bạc bẽo lắm nhưng nó lại chứa chấp và ôm ấp đầy đủ những kỷ niệm vui buồn ở phía sau lưng, mà suốt đời chúng ta khó có thể quên được. Nhớ mới ngày nào, kiếp sống như chỉ mảnh treo chuông, trước cảnh đói khát, lạnh lẽo, cướp bóc, hăm hiếp trên biển đông mênh mông bát ngát, sóng gió vô tình ; người vượt biên bị coi như là những kẻ tội đồ, mạnh ai muốn làm gì thì làm, vô kỷ cương, vô pháp luật... Nếu không nhờ có Huê Kỳ và một số ít các nước Tây Phương, Úc Châu, cùng một số các tổ chức nhân đạo quốc tế tiếp nhận, giúp đỡ, lo lắng từ phương diện tinh thần đến vật chất, thì thử hỏi nỗi khổ của người vượt biên tìm tự do sẽ tăng lên đến mức nào ?

Và rồi nhờ may mắn, tôi cũng đến được Huê Kỳ cùng vợ và hai con thơ, còn nỗi vui mừng nào hơn ? Rồi lại bắt đầu hi vọng cho một tương lai sáng lạn... Giờ đây, hai cháu đã tốt nghiệp đại học. Linh càng lớn càng đẹp ra. Đoàn là một thanh niên mạnh khỏe, cứng cỏi, nói và viết được Việt ngữ, lại thỉnh thoảng còn làm thơ, viết văn nữa. Làm cha mẹ ai mà không sung sướng, vui mừng trước kết quả mỹ mãn của các con, và hãnh diện về thành quả của riêng mình : Niềm vui, kế tiếp nỗi buồn Nắng lên đầu ngõ, mưa tuôn phố chiều...

Cháu Linh đã có việc làm, trưa ăn « cantine » ở sở, chiều về dùng cơm nhà với ba mẹ và em. Cuộc sống tưởng đâu sẽ êm đềm như dòng sông trầm lặng mang nguồn nước ngọt và đất phù sa đến cho thôn làng heo lánh. Nào ngờ... sóng gió bắt đầu nổi lên :

Nhân một buổi chiều mùa đông rét buốt, tuyết trắng ngập phố phường, trong một bữa ăn gia đình, Linh đặt nhẹ chén xuống bàn, gác đầu nhìn thẳng vào mặt ba mẹ, rồi trân trọng xin phép hỏi ý kiến ba mẹ: Con có ý lập gia đình trong năm nay, nên xin ý kiến của ba mẹ ? Tôi trả lời liền cho con gái : Đó là lẽ thường tình, con gái cưng của ba mẹ à ! Con gái lớn lên thì phải lấy chồng, cũng như con trai lớn thì cưới vợ vậy. Nhưng con báo tin quá ư đột ngột, khiến ba mẹ ngỡ ngàng đôi chút. Ba Mẹ không thuộc dạng hủ nho, phong kiến, hoặc thích can thiệp, ngăn cấm sự tự do kết hôn của con cái ; thêm vào các yếu tố đó, là hiện giờ chúng ta đang sinh sống ở Mỹ Quốc, một quốc gia tân tiến, có rất nhiều phong tục tập quán khác biệt với đất nước chúng ta. Ngạn ngữ phương Đông có câu :

« Nhập giang tùy khúc – đáo gia tùy tục », nhưng dù sao ba mẹ cũng muốn biết sơ qua về đối tượng của con.

À ! Được rồi ba mẹ ơi, hôm nào con sẽ dắt anh về nhà để chào hỏi và ra mắt ba mẹ.

Cách đó vài hôm sau, vào thời gian trước bữa cơm chiều, có tiếng xe ngừng trước nhà. Linh, con gái chúng tôi xuống xe cùng một cậu da đen cỡ trung niên. Vừa nhìn thấy « con rể tương lai » chúng tôi chưng hửng, bàng hoàng... Vợ tôi hỏi : Anh à, sao trông nó lớn tuổi quá vậy? Nó có xứng đôi với con gái mình không ? Con Linh thì học giỏi, có nghề nghiệp đàng hoàng, lại còn đẹp gái nữa Thật uống quá Tôi tiếp lời vợ :

Số phận mà em ! Việc đâu còn đó, thùng thăng rồi anh hỏi kỹ lại nó xem sao ?

Vợ chồng tôi mời cậu bạn cháu Linh vào phòng khách cùng cháu. Trong dáng dấp cậu « Mỹ đen » này lắc lắc, làm ra vẻ sành sỏi, và hơi ngang bướng lắm sao ấy... Ấn tượng đầu tiên khiến chúng tôi vô cùng thất vọng và mất vui...

Linh nói : Anh tên là G... ba mẹ à.

Tôi dạy qua nói với G... : Chúng tôi hân hạnh được biết cậu. Xin lỗi, năm nay cậu được bao nhiêu tuổi ? Nhà ở phố nào, cậu học đến đâu, hiện tại đang làm nghề gì ? v.v...

G... có vẻ không bằng lòng vì các câu hỏi của tôi. Cậu trả lời một cách phang ngang, khiến vợ chồng tôi phải sững sờ... Bộ hai bác muốn chất vấn tôi ? Hai bác muốn biết gì về tôi thì hãy hỏi con gái của mình. Sở dĩ hôm nay tôi đến đây là do sự yêu cầu tha thiết của cô ấy !

Tôi và Thúy lặng im, nhưng lòng cảm thấy tức... tức làm sao đó ! Kế tiếp chúng tôi nhắc nhở Linh, tiện bữa ăn, mời G... ở lại dùng cơm. Nhưng y đã từ chối, và xin phép ra về trước.

Không khí bữa ăn chiều hôm nay có vẻ nặng nề khó thở. Tôi mở đầu câu chuyện với Linh : Không phải ba mẹ phân biệt chủng tộc (raciste) , đen, trắng, vàng, đỏ, sắc tộc nào cũng đều có kẻ tốt người xấu, miễn họ có học thức, tư cách, giáo dục, nhất là có một công việc làm ăn đàng hoàng, tánh tình hiền hoà, cởi mở để có thể sống hạnh phúc lâu dài cùng con, và đối xử tử tế với ba mẹ cùng em con. Không phải vì nó đen mà ba mẹ không ưa, nhưng qua một thoáng nhận xét, ba mẹ nhận thấy nó không có được sự lễ độ tối thiểu, nên việc hôn nhân này ba mẹ cần suy xét lại, nhưng trước tiên là hạnh phúc và sự quyết định của con là điều tối quan trọng. Vậy con hãy suy nghĩ một cách chính chắn, đừng quá « chủ quan » bởi tình yêu mù quáng, nên phân tách rõ ràng các khía cạnh tốt xấu, để tránh nỗi ân hận về sau. Nhưng nói thật nghe con : nội tâm ba mẹ sẽ mãi ngấm ngấm đau khổ nếu con nhất định lấy G... làm chồng ! Con gái tôi trả lời : Việc này con xin phép được bàn sau cùng ba mẹ, bây giờ con xin thay mặt G... để trả lời các câu hỏi của ba mẹ :

G. học rất kém, chưa qua trung học, còn nghề nghiệp thì tạp nham, làm đủ các nghề, như sửa xe, đá bóng, bán hàng, dọn nhà thuê, thỉnh thoảng được mời đi đánh đàn trong các Clubs privés. Lương hưởng thì không đủ gắn liền đầu và cuối tháng, vì thế con phải luôn luôn tiếp tế cho anh, nhưng con yêu anh, con tha thiết yêu anh ba mẹ à ! Nghe lời giới thiệu và giải thích của con gái về đối tượng G... mà chúng tôi phát ớn lạnh... Thời gian sau đó, Linh ra ở riêng với G. Hôn lễ được cử hành hết sức đơn giản với sự tham dự của một số rất ít bạn bè. Ở cuối nhà hàng tổ chức tiệc cưới, có một chàng trai Việt Nam đang đứng dựa cột đèn, thiếu não, đầu tóc bù xù, cặp mắt như đã khô cạn dòng lệ. Tác giả xin nói: chàng trai này là một kỹ sư mới ra trường, cha mẹ nghèo chỉ có trông cậy vào đứa con trai duy nhất... nay nó đã bị chữ tình làm tan nát tương lai, tiêu tan cuộc đời và sự nghiệp lại còn mang tội đại bất hiếu ! (vì là con một ở với cha mẹ già...)

Khoảng một tuần lễ sau ngày thành hôn của Linh và G. có một tin ngắn trên các cột báo hàng ngày: Một thanh niên trí thức Việt Nam tự tử vì tình, khẩu súng và bức thư tuyệt mạng còn để lại kẻ bên thi thể người bạc mạng.

Anh kể tiếp: thời gian lặng lẽ trôi qua, sau ngày hôn lễ của Linh và G... chúng tôi bắt đầu đắm chìm trong nỗi đau khổ triền miên mà không nói được nên lời; đêm đêm thì mộng mị toàn chuyện đầu đầu.... đến nỗi chúng tôi phải đồng tâm xin phép sở nghỉ hai tuần lễ và ghi tên vào một tour du lịch để coi tâm hồn có được thư giãn chút nào không ?

Sau hai tuần đi nghỉ phép, vừa về đến nhà thì một tin sét đánh ụp xuống đầu chúng tôi, ngày hôm qua Linh đã treo cổ tự tử, cảnh sát đang làm nhiệm vụ. Chúng tôi vội vã đến xin phép nhận thi hài của cháu đem về nhà để lo bề hậu sự. Đó là nỗi đau đớn tột cùng đã xảy đến cho đứa con gái cưng của chúng tôi. Lẽ ơi ! Nghỉ một lát, tôi sẽ kể tiếp cho anh về câu chuyện đứa con trai :

Khoảng một năm sau ngày cháu Linh vĩnh viễn ra đi, bỗng một hôm thẳng Đoàn dắt về giới thiệu với vợ chồng chúng tôi một cô gái cũng da màu, mặt coi tạm được được, nhưng cách thức chưng diện quá lố lăng và ăn nói hàm hồ, không một chút nữ tính, nó giới thiệu với chúng tôi là E... người yêu của nó, và xin làm tiệc cưới và đem vợ nó về nhà ở chung với chúng tôi. Lần này tôi phản đối ra mặt, nhất định từ chối, và quyết định không cho cô gái này bước chân vào nhà. Chúng tôi nói với Đoàn : nếu con nhất quyết lấy nó làm vợ, thì hãy dọn ra riêng. Xin lỗi, con thông cảm dùm cho ba mẹ.

Đoàn nổi nóng : ăn nói cộc cằn, cười gằn nói : Được, được, xin cảm ơn hai người. Trước thái độ dữ dằn của Đoàn, Thúy nhũn chí, vội phân bua với tôi : Minh à, nếu nó muốn đem con E... về ở chung và sau đó cử hành hôn lễ, thôi thì mình cứ nhắm

mắt mà chấp thuận đi cho xong Tôi vẫn cương quyết : Không, không và không...

Một cuộc gây gỗ dữ dội bùng nổ ra giữa tôi và Thúy. Kết quả, Đoàn đất E... ra đi, không một lời giã từ chúng tôi, cũng không cho biết địa chỉ của chúng nó. Có lẽ nó muốn dứt tình phụ tử. Một thời gian hơi dài sau đó, một đêm vào giữa canh khuya, chúng tôi đang trần trọc với bao nỗi đắng cay của thể thái nhân tình, thì thình lình nghe tiếng chuông cửa reo vang và bạn của Đoàn đang thêu thảo : Hai bác ơi !anh Đoàn đã bị người ta giết chết mất rồi... có lẽ do ghen tuông hay tranh dành gì đó mà ra nông nỗi Nhà chúng con ở kề cận bên nhà anh nên con đến báo tin này cho hai bác biết sớm. Hiện nay cảnh sát còn đang điều tra, nhưng chưa tìm ra hung thủ.

Trên đường từ nhà chúng tôi đến nhà Đoàn để nhận xác con, Thúy đã chửi rủa tôi thậm tệ với tất cả từ ngữ bần thủ gớm ghiếc, khiến tôi chùng hững Tôi không bao giờ ngờ người bạn lòng mà tôi đã ôm ấp, yêu quý suốt mấy chục năm qua, đã cạn tàu ráo máng, mắng nhiếc tôi với những từ ngữ mà tôi ghê sợ đến không dám viết ra chữ, nói ra lời. Thúy nhất quyết đồ tất cả tội lỗi lên đầu tôi, cho rằng Đoàn chết là tại tôi, thời thì trăm đầu đều đổ đầu tằm, dễ quá mà ; Thay vì khi gặp hoàn cảnh khó khăn như thế này, thì hai vợ chồng phải thông cảm cho nhau, hợp lại cùng chung một ý kiến để giải quyết vấn đề. Đàng này chỉ biết chửi, chửi và chửi...

Tình nghĩa giữa tôi và Thúy đến đây đã dứt, suốt đời này tôi sẽ không bao giờ trở lại với Thúy...

Anh chấm dứt câu chuyện bằng một tiếng thở dài não ruột. Cậu nghĩ xem : Một gia đình hạnh phúc như thế, chỉ trong vòng chưa đầy hai năm đã biến thành cát bụi phù du, bẽ khổ trùng trùng...

Nếu nói rằng có kiếp luân hồi, thì có lẽ đây là nghiệp báo mà tôi đã vay từ kiếp trước. Nói thế để an ủi mình vậy thôi ! Hôm nay, tôi đến thăm cậu là lần cuối cùng, rồi đây kẻ phương Đông, người phương Tây, biết còn có gặp lại nhau nữa không ? Tôi chỉ biết cầu chúc cho Lễ và gia đình được an lành trong cõi nhân sinh này.

Hai năm sau, tôi đến Thái Lan, và về tận một Ngôi Chùa xa lơ xa lắc ở một vùng quê hẻo lánh, thuộc tỉnh Khorat của Vương Quốc Thái Lan với sứ mạng chuyển giao một bức thư của một người đàn bà VN ở Huế Kỳ nhờ tôi trao lại tận tay người nhận (vì tất cả thư gởi qua đường Bưu Điện chánh thức) luôn luôn bị trả lại, và cũng tiện dịp này thăm lại một Vị Sư có thâm tình như « thù túc » với tôi, hiện đang ẩn tu tại đây. Tôi ôm choàng nhà Sư thật lâu, lúc buông nhau ra thì lá thư tôi trao cho Nhà Sư đã rách nát, tan tành ra từng mảnh nhỏ cuốn bay theo chiều gió...

Dưới lớp áo Cà Sa vàng chói, trong đôi mắt thật buồn của người... tôi nhìn thấy « bẽ khổ » đang tràn ngập...

Trên chuyến tàu hỏa trở về thủ đô Vọng Các, nước mắt tôi không ngừng chảy...

Lời tác giả : Sau này tôi được biết lý do vì sao mà bạn tôi xé nát thư, vì mỗi thư người đàn bà ấy không ngoài ý muốn : được gặp lại tôi để dập đầu hối lỗi và cầu xin tôi bỏ tu hành, trở lại cõi ta bà... Vì chỉ có một lý do đó, nên bạn tôi không nhận thư nữa. Chớ đã xuất thân làm Phật Tử rồi thì còn giận hờn ai nữa mà làm chi. Thế gian là bẽ khổ mà...

Còn tôi, khi có cơ hội ghé qua Thái Lan thì không quên dành ra một ngày để viếng thăm bạn mình.

L ờ i n ớ i

Lời nói là phương tiện để con người trao đổi tư tưởng, tình cảm và kinh nghiệm với nhau (bao gồm cả kinh nghiệm xử thế, ở cơ sở làm việc) Vì thế, nó có giá trị đặc biệt trong đời sống. Đề góp ý cùng mọi người cách nói năng sao cho đạt hiệu quả cao nhất trong giao tiếp, vì thế nên Ông Cha ta đã từng căn dặn :

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường xuyên phải dùng ngôn ngữ làm phương tiện giao tiếp. Nếu biết lựa chọn lời nói thích hợp thì mọi người sẽ hiểu nhau hơn, công việc sẽ thuận lợi hơn, kết quả sẽ cao hơn.. Những người bình thường đều có khả năng nói lên mọi điều, nhưng có lời hay, lời đẹp, mà cũng có lời thô lỗ, vụng về. « Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe ». Ta có thể chọn lựa được lời nói tùy theo ý định và trình độ văn hóa của mình. Ông Cha ta ngày xưa nhận thấy lời nói như là một thứ công cụ để kiểm, để chọn trong tầm tay của mọi người. Nếu chọn đúng, lời nói sẽ tạo hiệu quả lớn, còn lựa lời sai, thì lời nói sẽ làm mất lòng nhau.

Hiệu quả của lời nói đẹp là làm vừa lòng nhau. Lời nói đẹp tạo ra sự cảm thông, sự ăn ý và hiểu biết cùng thông cảm lẫn nhau. Đó là yếu tố để con người đạt được mục đích trong giao tiếp. Để cho vừa lòng nhau, cần phải biết chọn lựa lời nói thích hợp với đối tượng, với hoàn cảnh và với sắc thái tình cảm.

Cùng nói về một hiện tượng là « Cái Chết » nhưng có nhiều cách diễn đạt khác nhau : Sư Già đã Viên Tịch - Người Lính đã chết vì Tổ Quốc, Ông Cụ vừa khuất núi. Người có văn hóa khi giao tiếp thường biết lựa chọn cách nói cho thích hợp. Một lời nói hợp cảnh, hợp tình sẽ làm cho quan hệ thêm tốt đẹp và việc làm thêm hiệu quả. Một lời nói hờ hênh, vô ý thức sẽ làm hư cả mọi việc. Chọn được những lời nói thích hợp chính là ta đã làm tốt trong việc lựa lời.

Nhưng để có khả năng lựa lời, chúng ta phải học tập, rèn luyện liên tục, lâu dài. Ông Cha ta khi xưa đã từng để lại rất nhiều lời khuyên về sự cần trọng trong cách nói năng của con người.

« Ăn phải nhai, nói phải nghĩ - Học ăn, học nói, học gói, học mở »

Tuy rằng chú ý đến việc lựa lời để đạt được hiệu quả giao tiếp, nhưng người xưa không bao giờ cho rằng mục đích khi giao tiếp không phải là chỉ làm vừa lòng nhau. Cần phải chọn lời nói thích hợp, đúng đắn, chớ không phải chỉ quan tâm đến sự đồng tình của người nghe, bởi vì có nhiều khi « Nói thật mất lòng » Một lời nói êm tai, dịu dàng, nhưng giả dối, không thể coi là một hành vi giao tiếp đúng đắn. « Nói gần, nói xa, chẳng qua nói thật » Lời nói thích hợp trước nhất phải là lời nói chân thật, sau đó mới là lời nói đẹp.

Lời nói là một công cụ giao tiếp ; lời nói thể hiện phẩm chất, trình độ của mọi con người. Biết rằng lời nói thích hợp sẽ tạo được hiệu quả tốt trong giao tiếp. Vì vậy, chúng ta cần phải tự rèn luyện cách nói năng văn minh, lịch sự, để dễ dàng đạt được mục đích mình mong muốn.

Lễ Tạt nước ở Xứ Ai Lao

Ai cũng quan tâm đến ngày Tết, từ Á sang Âu, từ Đông sang Tây, và cái Tết được coi như là ngày thiêng liêng nhất, được chuẩn bị trang trọng bằng những phong tục tập quán của mỗi xứ khác nhau. Bài này kính gởi đến quý đọc giả về tập tục ở xứ Ai Lao hiền hoà, vào dịp Lễ Tạt Nước.

Tết xứ Ai Lao khai hội vào trung tuần tháng 5 giữa cái nắng gay gắt với ánh mặt trời nung nấu. Đó có thể là một trong những lý do khiến người dân Ai Lao nghĩ ra cái Lễ Tạt Nước mang nhiều sắc thái đặc sắc, hấp dẫn, vui nhộn như hội trăng rằm, nôi đình nổi đám vào bậc nhất này trong các trò vui Xuân. Ngày vui Xuân, từ tờ mờ sáng các cô thiếu nữ Lào đã xiêm y rực rỡ, trông thật nổi và rất quý phái. Các nàng búi tóc thật cao trên đỉnh đầu, chéch về một bên, để lộ ra chiếc gáy nõn nà, trông thật mát mắt và dễ thương. Trên đôi vai thon tròn của một thân hình mảnh khảnh, một chiếc khăn lụa mỏng dệt thật

mỹ thuật, choàng xéo một cách hững hờ phát phơ trước ngực trông rất khêu gợi và nên thơ. Mỗi cô ôm một «chiếc ô» nam bạc (hoặc bạc nguyên chất) chạm trổ rất tinh vi để đựng lễ vật, mang đi cúng kiếng ở Chùa.

Cũng nên biết xứ Lào nổi tiếng là có rất nhiều Chùa, lăm Sái, lăm Ni Cô, vì dân bản xứ rất sùng mộ Đạo Phật, xem như là Quốc Giáo, « tuy không chính thức » như ở Thái Lan.

Không khí Tết là khi bắt đầu có tiếng chuông ngân vang, và hàng hàng thiếu nữ lộng lẫy ngồi xếp trước bàn thờ Phật, với những lễ vật thành kính dâng cho Sư Sái sắp đi hành khất trong ngày đầu Xuân. Trời càng về sáng, cảnh trang trọng tan biến dần dần để nhường chỗ cho sinh hoạt vui nhộn. Muốn người nô nức sửa soạn tắm nước. Nhiều chàng trai nghịch ngợm vận y phục đen có thêu những hàng chữ nổi sau lưng ngụ ý như : « xin nước» hay « nóng nực quá », rồi họ xua động nổi niêu son chảo pha lẫn với tiếng trống, tiếng khèn (nhạc cụ đặc trưng của Ai Lao) tạo thành một âm thanh hỗn tạp, nhưng vui nhộn, thu hút sự chú ý của mọi người.

Phần các cô gái thì sửa soạn những xô nước có pha nước hoa và thả vào đó những cánh hoa sứ, hoa lài, hoa hồng, hoa lan v.v... vừa thơm vừa đẹp mắt. Tạt nước trong ngày đầu Xuân được xem như là một phúc lộc mà người ta trao đổi cho nhau. Người Lào xem như là một lối tặng quà, nên không làm phật ý ai cả, họ cho rằng đón Xuân bằng những gáo nước lạnh là hứng lấy ơn mưa móc của Trời, để chịu suốt một năm làm ăn vất vả, nhưng thoải mái. Họ hăm hờ tạt nước cho nhau, ai nấy đều ướt từ đầu đến chân mà theo họ thì càng ướt nhiều càng vui hơn. Thế nhưng « nạn tạt nước » lại làm cho một số du khách bức mình nếu không quen với phong tục, tập quán của Ai Lao. Du khách nào ham vui, để hoà mình nhập cuộc sẽ hứng thú như quần chúng Lào.

Mỗi khi đi ngang Chùa, thiên hạ còn ghé vào để tắm Phật, bằng thứ nước thơm và cầu xin Phật Tổ chứng giám cho lòng thành của mình được Phật Trời phù hộ trong đời sống ở thế gian.

Chính vì vậy mà nơi Đền Phật rất nguy nga lộng lẫy, mùi nước hoa thơm phức xen lẫn với mùi khói hương.

Ngoài đường họ trao đổi cho nhau những lời chúc tụng kèm theo những gáo nước lạnh làm mát lòng người. Kẻ tạt qua, người tạt lại, nước loang loáng ở khắp nơi. Hơi nước bốc lên dưới sự nung nấu của mặt trời càng làm tăng thêm cái nóng nung người...

Lớp trẻ thì đi ngoài đường phố chọc phá nhau, còn kẻ già thì hưởng cái thú chén chú, chén anh, cho đến lúc say khướt....

Tuy thế, cuộc chơi vẫn còn kéo dài đến khi tắt nắng. Xế chiều, lại có Hội Chợ ở các sân Chùa. Dân chúng bày ra các trò cải lương « lăm lưong », múa hát, đánh bài, hát xiệc hay là tổ chức hát bóng lộ thiên. Cũng trong dịp này các phụ nữ Lào làm xôi lam đựng trong những ống tre nướng thơm phức mùi nếp ngon pha lẫn mùi nước cốt dừa. Nếu được thưởng thức món xôi này với thịt gà nướng bếp than, do các giai nhân phục vụ, có lẽ chẳng mấy ai tránh được sự quyến rũ của xứ Ai Lao huyền bí và hiền hoà này. Cho đến khuya lơ, khuya lác, các cuộc vui mới tàn và hừng đông hôm sau mọi sự lại tái diễn, độ vài hôm (không nhất định mấy hôm) thì hết Tết, và dân Lào trở lại cuộc sống thường nhật.

Tôi viết lên đây với tất cả những gì tôi được biết về xứ Ai Lao, sống thật lâu tại chỗ, thấy tại chỗ, nghe tại chỗ, nếu có gì sơ sót, lỗi lầm, xin quý bạn góp ý) Đất Nước này đã ban cho tôi một cuộc sống hạnh phúc, bình an, trong một thời gian thật lâu dài..

Bài này được viết vào trung tuần tháng tư, tức là vào thời gian mà nhân dân Lào đang chuẩn bị đón Xuân Tạt Nước.

(Ghi chú: Lào = Ai Lao)

Trọng Lễ Âu Dương viết bài này để tưởng nhớ đến : Ông Bà Sisouk Sisombat, (Cựu Chủ tịch, Tổng Giám Đốc Công Ty Sogimex, kiêm Chủ tịch Phòng Thương Mãi Quốc Gia Ai

Lao) Cụ Việt, Bắc Dương, quý anh Sang, Anh , Hậu và Cô Khăm Chanh .

Quá khứ là muôn mặt đằng sau, nhưng mà ta vẫn ôm ấp mãi, thương nhớ mãi... càng nghĩ đến càng nhớ nhiều hơn.

Trọng Lễ Âu Dương

Trái Ô Môi và tâm tình người xa xứ

Thuở ấu thơ, tuổi còn đi học ở trường làng, mỗi khi có ngày nghỉ, hay ngày lễ lâu dài, tôi thường hay lang thang trên các nẻo đường quê, để ngắm nhìn hoa và cây trái khoe sắc dọc theo hai bên hương lộ, tôi thương..., thương từ cây bản mọc bên bờ kinh, cây so đũa với những chùm hoa trắng tinh hoặc đỏ chói ; cây vong đồng với màu hoa đỏ của pháo cưới, rồi đến vườn chuối, vườn cam, vườn bưởi vườn xoài v.v... và cũng không quên được cây me keo, cây ô môi, (mà người trong làng đều cho là cây dại, cây vô ích) ; nhưng tôi thì rất quý mến cây ô môi với những chùm hoa màu tím tím của lãng mạn của nhớ thương , nhưng lại có rất ít cảm tình với trái ô môi. Trái gì mà dài thậm thụt, sần sùi, gút mắc, cong cong, đen đúa, cứng đờ như thanh gỗ, chẳng có chút mỹ quan nào ! Bề ngoài đã như vậy, mà bên trong thì lại có cái mùi thum thum, hăng hăng, khó chịu. Tôi không thích trái ô môi, nhưng mà mỗi lần tôi sắp ra khỏi nhà, thì chị Ba tôi lại nhẩn thòng một câu : Năm à, nếu em đi dọc đường làng mà thấy cây ô môi, thì đừng quên hái về cho chị vài trái nghen em ?

Khi tôi mang trái ô môi về đến nhà vào buổi xế trưa rảnh rỗi, thì chị mừng lắm ! chị Ba ngồi xuống, rồi vặt sạch vỏ cứng chung quanh trái ô môi, sắp sửa lại, rồi đẩy nhẹ cho cái sống hai bên so le với nhau, để dễ dàng gỡ ra từng tấm tròn tròn như đồng tiền thời tiền sử, rồi chị ngồi ăn ngon lành một mình, hạt thì ném ra sân. Tuy không nói ra, nhưng trong lòng tôi thì « kinh » chị Ba quá, cho dù đồng tiền « ô môi » ấy thơm mát vàng màu nâu đen, như mật thuốc phiện, rất hấp dẫn, mà sao hương vị lại hăng hăng khó chịu cứ như là hắt vào mũi mình, vì thế, mặc dù rất thương chị Ba, nhưng mỗi lần chị ăn ô môi thì tôi phải lánh xa... dù ở nội tâm rất muốn ngồi gần xem chị ăn, để tận hưởng cái tình chị em ... Có đôi ba lần chị Ba nài nỉ : « Năm à ! em ăn thử đi, ngon lắm mà ». Chị Ba lại nói tiếp, em không biết ăn trái ô môi là một thiệt thòi quá lớn của dân ở ruộng đó Rồi một thời gian sau, do sự khuyến khích, gần như là ép uống nhiều lần của chị Ba, nên một hôm tôi thu hết can đảm ngậm một đồng tiền ô môi vào miệng mà cảm thấy rờn rợn một mùi hương kỳ lạ. Chị Ba lại nói tiếp: Ngon quá phải không em ? Tôi nghĩ trong bụng : ngon lành cái nổi gì, em muốn nhả ra đây, nhưng khi nhìn thấy ánh mắt sáng lên và vẻ mặt vui tươi của chị Ba, nên tôi cố gắng nhắm nháp nhẹ chút hương vị của đồng tiền ô môi.

Lạ thật, cái mùi thum thum, hôi hôi đã tan đi rất nhanh, đầu lưỡi tôi chỉ còn lại cái dư vị ngọt ngọt, bùi bùi, với cái mùi thơm kín đáo còn lưu lại trong cổ rất lâu. Tôi bắt đầu biết ăn trái ô môi từ buổi xế trưa hôm ấy. Rồi sau đó, nhiều buổi trưa cùng chị Ba nhắm nháp trái ô môi(cũng như nhắm nháp rượu) ,và dần dần tôi cảm thấy thích thú, rồi đắm ra như nghiện cái mùi vị hoang dã mà tôi rất ghét trước đây. Từ đây về sau, mỗi lần đi dạo trên các nẻo đường quê ở làng, không cần chị Ba căn dặn, tôi cũng ráng tìm mà hái cho được vài ba trái ô môi đem về nhà để cùng nhắm nháp với chị Ba !

Sau đó, chị em sống xa nhau, người phương đông, kẻ phương tây, tôi không còn cơ hội để cùng chị ăn trái ô môi vào những buổi xế trưa ở quê nhà, và qua một thời gian dài dằng dặc trên một phần ba thế kỷ, tôi không có dịp ngắm lại cây ô môi với trái sai đầy cành, cùng sắc hoa màu thương nhớ...

Thân ba chìm bấy nổi, mãi đến năm 2005, tôi mới có dịp trở lại làng quê, tìm hái cho được trái ô môi đem sang Pháp để treo

lùng lẳng trong nhà, ngay trên đầu mình, chỗ tôi thường ngồi đánh đàn bầu, để mỗi khi nhìn trái « ô môi » thì lòng tôi phát sinh ra mỗi cảm xúc ai hoài như đã nhìn thấy được một gốc trời Quê Mẹ !

Do nhận được tập thơ « Hoa ô môi » của nhà thơ nữ Thảo Chi gửi tặng, tôi mới nảy ý viết bài tản văn này. Cảm ơn nữ thi sĩ Thảo Chi .

Trọng Lễ Ấu Dương

C ầ n G i ờ

Đây là lần đầu tiên tôi đi nghỉ mát ở Bãi Biển Cần Giờ (bãi biển gần thủ đô Sài Gòn nhất), có cái bất tiện là khi tới Nhà Bè, Bạn phải xuống Bắc sang sông...

Phong cảnh xung quanh bãi biển Cần Giờ, với những đồng cỏ lau bát ngát, trông rất đẹp mắt. Giữa cảnh hoang vu ấy, điểm tô thêm một dòng suối nhỏ chạy dọc theo hương lộ đến gần tận chợ Cần Giờ. Chúng ta có thể hưởng thú câu cá dọc theo dòng suối, rất thư giãn và vui ; riêng tác giả thì giờ đây lòng không còn ham thích sát sinh nữa, nên chỉ đứng nhìn thiên hạ câu cá, mà lòng lại cảm thấy xót thương cho các con cá, vì đôi lòng nên mắc phải lưới câu. Người sống ở đời dù được ăm no, mà vẫn còn tham lam, nên thường mắc phải lưới câu : sân si, danh lợi... thì há gì các con cá ?

Bãi biển ở đây không được sạch sẽ và hấp dẫn như các bãi biển ở Vũng Tàu, Long Hải, Nha Trang , Mũi Né v.v..., nhưng mỗi nơi đều có những nét đặc thù riêng !

Giá khách sạn thì tương đối rẻ. Đây là bãi biển duy nhất ở nước Việt Nam không có bóng dáng một du khách ngoại quốc nào ! Gần bãi biển, có nhiều tiệm ăn và các gian hàng bán rất nhiều kỷ vật lưu niệm : điêu khắc rất đẹp, tinh xảo, giá lại rẻ. Về đêm trời thật tĩnh lặng, bãi biển quanh hiu, chỉ còn nghe tiếng sóng ầm ầm từ ngàn khơi vọng về; tiếng chim đêm lạc lõng kêu sương... và ánh trăng gầy gò hiu hắt canh khuya. Gặp những đêm mưa gió thì phong cảnh thật buồn rầu ảo não, người có tâm sự buồn thì càng buồn thấm thía hơn...

Ở chợ Cần Giờ có mấy tiệm bán bánh khọt rất ngon, ăn bánh khọt để nhớ lại những kỷ niệm của thời thơ ấu; có chợ cá tương đối, nhưng bán đủ các loại cá, tôm, cua v.v... có đèn thờ Cá Voi và có rất nhiều biệt thự rộng rãi cho thuê .

Những con đường trong thị trấn có rất nhiều cây cao bóng mát, rất nhiều hoa phượng, Khách nhân du, nường bóng mát nên thường đi dạo dưới các tàng cây, và khi ngược mặt nhìn lên trời cao, thì thấy một rừng hoa phượng đỏ hồng điều lấp lánh...trông rất thư giãn và đẹp mắt...

Trọng Lễ Ấu Dương

Hồi ký buồn

Kính tặng Thầy MN Tấn Văn Công -Trọng Lễ Ấu Dương

Có lẽ bây giờ đã quá muộn khi nói về chuyện tuổi thơ - một câu chuyện đau lòng do hành động bất nhơn của tôi đối với một phụ nữ, vì quá nghèo và quá lao lực, nên tuy tuổi chưa cao cho lắm mà đã bị còm lụng, (nên xóm làng có danh xưng gọi dì là Dì Ba Còm), ai nấy cũng thương cho hoàn cảnh của dì Ba. Câu chuyện đã lắng đọng, quá muộn màng, và với bước đi vô tình và bạc bẽo của thời gian, nhưng tôi vẫn cảm thấy, dù cho quá trễ còn hơn là mãi đầu kín tâm tư của mình, cũng là một phần trong nhật ký « buồn » của đời tôi, để lòng trắc ẩn với đi chút nào sự ân hận ngập tràn.

Hồi ấy khi còn là một cậu bé có bản chất rất gần bó với đồng quê, ruộng rẫy ; thích thơ thần trên các đường đê vào những buổi chiều vàng nhạt nắng, bơi xuồng ba lá xuôi theo những con rạch ngồn ngoèo để hái bắp giữa hai hàng dừa nước, cời trâu, câu cá, bẫy chim.. bản chất thật thà, lạt lòng, hiền lành, và nhẹ dạ, nên thường bị sự thách đố, rầy rến, lại hay đòi ăn ổi của các bạn xấu, và cũng vì muốn làm vừa lòng bạn, nên tôi hay nghịch ngợm, quậy phá ; thỉnh thoảng thường gây nhiều chuyện không hay cho người khác, mà có lẽ dì Ba là một trong những người gánh chịu những chuyện như thế nhiều nhất.

Hồi ấy dì Ba, hình như độ tuổi trung niên, nhưng dì đã già đi trước tuổi, dì ở với đứa con gái tên Thăm, trong một căn nhà lá nhỏ thuộc đất Ngoại tôi tặng, và được cất cạnh vườn nhà Ngoại, có lẽ dì đã góa chồng và sống lây lất nghèo khổ với đứa con gái nhỏ, Ngoại tôi rất thương dì, xem dì như là em cháu trong nhà . Ngày ngày thấy gương mặt đăm chiêu của dì, tự nhiên tôi có vẻ không ưa, nhưng lại thầm thương con gái người ta, đó có phải chăng là định mệnh và tình yêu ? tôi vẫn phục thẩm cách thức làm việc, từ tướng đi, lời nói, đến cả cái « mít ước » của con Thăm, vì thế nên tôi xin phép Ngoại và Dì Ba cho tôi mỗi ngày được dạy học cho Thăm ; lòng tôi đã vẫn vương cùng Thăm ? và Thăm thì đối với tôi có lẽ cũng như thế !...Tôi đâu có ngờ rằng Ngoại đã chọn con Thăm làm cháu dâu cho Ngoại từ lâu rồi, với sự ưng thuận và vui mừng của dì Ba, vì lý do : tánh tình Thăm rất đảm đảm, dịu dàng, giỏi việc bếp núc, thêu thùa, mà lại còn đẹp gái nữa con gái đẹp Miền Tây mà ! Rồi, thế sự thăng trầm...dòng đời trôi chảy, thương hải tang điền...biết đâu mà lường trước được sự việc sẽ xảy ra về sau ? (Người tính cũng không bằng Trời tính ! Mãi thật lâu về sau này, khi từ hải ngoại trở về thăm Quê Hương lần thứ nhất, thì tôi mới biết được dự tính của Ngoại tôi, với sự đồng tâm nhất trí tuyệt đối, giữa Ngoại tôi và dì Ba về việc hôn nhân giữa Thăm và tôi đã từ lâu) ; có lẽ Thăm biết được việc đó, nên đã mòn mỏi chờ đợi tôi qua bao mùa lá rụng vẫn bất vô âm tín, như tượng đá vọng phu, mà tôi nào có hay biết gì ? Thật là tội nghiệp cho tôi... Nhắc lại thuở xưa, thuở tôi còn sống hăm hiu với Ngoại, thời dì Ba còn sống ở căn nhà lá với mảnh vườn nhỏ mà Ngoại tôi đã tặng cho dì. Nơi đó, dì trồng rất nhiều loại cây ăn trái mà tôi rất ưa thích. Vườn ngoại tôi tuy rộng lớn, nhưng chỉ trồng toàn cam, quýt, bưởi, mít, sa kê, xoài, vú sữa, măng cầu, sa bô chề v.v.. nhưng lại thiếu cây ổi đầy trái chua, trái ngọt, mà tôi và các (bạn ưa nghịch phá) của tôi rất thích, vì bất cứ lúc nào cũng có thể hái trái ăn liền được. Hàng ngày dì Ba vẫn lom khom bước ra vườn nhổ cỏ, vun xới, tưới nước cho cây. Đôi lúc, muốn chọc tức dì Ba cho bớt về đăm chiêu ; thỉnh thoảng phải cố nụ cười và sự tức giận, như người bình thường, nên tôi quyết tâm hái một mớ ổi trong vườn của dì và san sẻ cho các thằng bạn xấu, ăn cho đã thèm... Tôi rình mò cả buổi chiều, chờ đến lúc thấy bóng dì Ba đã khuất hẳn sau bức phen vách lá, tôi mới lên vào vườn . Nhanh như cắt, tôi thoăn thoắt trèo lên cây ổi. Ô ! những trái ổi chín thơm phức cuốn hút tôi. Tôi bứt và bứt. Lá ổi rơi lảo xào, thân cây run chuyển. Nghe tiếng động con chó mực đen già của nhà dì Ba ra khỏi nhà, vừa đi vừa sủa, « Chẳng lẽ lại bị tóm cổ hay sao ? nếu bà Ngoại biết mình đi ăn cắp ổi thì sẽ bị đánh đòn nặng.. như là những hành động bất kính đối với người nghèo khổ, ở trong vùng đất của Ngoại... Chân tay tôi bắt đầu run. Con mực thì tiếp tục sủa inh ỏi. Tôi vói tay tìm bứt một quả ổi còn xanh có ý ném mạnh vào con mực. Ối ! tiếng kêu chột vang lên, thì ra tôi đã ném trúng mặt dì Ba đang đứng cạnh con mực tự lúc nào không hay. Dì ôm mặt khóc, tuổi cao sức yếu, dù một quả ổi xanh trúng mạnh vào người cũng đau lắm chứ... Con mực vẫn sủa. Chân tay tôi càng run lên.. Tôi hét to lên :Cháu không cố ý đâu dì Ba ời ! Rắc rắc, cành ổi gãy, tôi ngã nhào xuống đất và không biết gì nữa. Đến khi tỉnh lại thì trời đã nhá nhem tối. Tôi đang nằm trong ngôi nhà quen thuộc của mình. Người đầu tiên mà tôi thấy là dì Ba, trên nét mặt già nua trước tuổi và

khắc khổ của di đầy những nét lo âu. Tôi buột miệng kêu :Dì Ba !, Dì Ba, vỗ nhẹ vào người tôi :

Cháu nằm yên đi, nghỉ cho lại sức. Có lẽ lúc ấy, di Ba đang nghĩ : bây giờ mình lo đây, là lo cho thằng con rể tương lai của mình ... mà nào tôi có hay biết gì đâu về câu chuyện ký kết thâm kính giữa Ngoại tôi với di Ba, về tương lai của tôi và Thậm ?

Tôi định ngồi dậy nhưng bị khựng lại bởi cái tay đau kinh khủng. Nhìn xuống, tôi thấy tay mình đã được băng bó. Ngoại bảo tôi bị trẹo tay và suốt hai ngày nay, di Ba bỏ cả ăn, ngủ, để ngồi túc trực bên tôi. Tôi nhìn di, nét bầm vẫn còn hằn trên mặt làm cho cặp mắt di sưng vù. Tôi định nói lời xin lỗi, nhưng không sao thốt nên lời; nước mắt cứ tuôn trào ra. Di Ba cũng rầu rầu :

Chỉ tại di thôi cháu !

Tôi không hiểu nghĩa câu nói của di Ba là thế nào ? Lúc ấy Ngoại tôi đỡ lời :

Cháu đừng nói vậy, chỉ tại thằng Năm nó nghịch ngợm mới ra nông nổi này, bây giờ nó đã đỡ, cháu cứ yên tâm về nhà nghỉ đi.

Dì Ba yên lặng. Ánh mắt già nua trước tuổi của di, nhìn xa vời vợi, bước ra đến cửa mà di còn ngoái lại nhìn tôi một lần nữa với cặp mắt đầy trĩu mến thương yêu, cặp mắt di long lanh như ánh mắt của từ mẫu nhìn con.. Tôi không hiểu vì sao ? Ánh mắt ấy đã ám ảnh mãi đời tôi cho đến hôm nay ?....

Ít lâu sau Ba Má nhắn Ngoại đưa tôi về Bạc Liêu rồi xin cho tôi vào học trường Cà Mau, sau ba năm học ở Cà Mau, tôi may mắn được thi đậu vào Trường Nguyễn Đình Chiểu, thời tôi đi học Trường còn mang tên Tây : Le Myre de Vilers, có lẽ vì số tôi đã ra đời ở làng Điều Hòa Mỹ Tho, vùng đất thân thương này, nên Ông Bà Đất Nước Tiên Giang dun dùi cho tôi được có cơ may hồi quy Đất Tổ, nên thi đậu và hân hạnh được học bốn năm ở Trường Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho) thành phố Tiên Giang thân thương, nơi tôi sinh thành ? với bao kỷ niệm êm đềm của thời học sinh đầy thơ mộng. Rồi tôi quên đi tất cả, quên Cô Thậm lẫn cô Trâm với tiếng đàn bầu ní non ai oán, và tiếp đến là những biến động liên tục của thế giới vô thường, bể dâu... Mãi đến thời gian gần đây, khi tôi từ hải ngoại trở về thăm chốn cũ quê xưa lần thứ hai, nhưng còn đâu nữa mái nhà tranh của di Ba ? Thay vào đó là một căn nhà ngói ba gian đẹp đẽ. Thì ra di Ba đã mất được mấy năm nay. Mảnh vườn luôn đất của Ngoại tôi tặng cho Di, đã bán cho một gia đình khác. Tôi đứng lặng người, hồi tưởng lại câu chuyện xưa, nước mắt ứa lúc nào cũng không hay...

Qua hôm sau tôi dò hỏi bà con làng xóm về tung tích của cô Thậm, con gái của di Ba Còm, thì được trả lời: cậu Năm đi đâu mà lâu giữ vậy, không tin tức gì cho ai biết ?; con Thậm nó chờ đợi người vô tâm mòn mỏi suốt mười mấy năm trường; và mới lấy chồng được mấy năm nay, có được hai con, vợ chồng đều lam lũ, nghèo khó, cất được một căn nhà lá, vách lá với một mảnh vườn nhỏ, ở phía đầu voi bên kia sông. Đợi đến chiều tối tôi mới đến thăm thì được gặp cả hai vợ chồng. Tôi xin phép được giúp đỡ cho vợ chồng Thậm một số bạc kha khá để xây lại căn nhà lá; vách lá thay bằng vách gạch và nếu còn dư ra chút ít, thì để dành phòng thân khi tôi lửa tắt đèn. Vợ chồng Thậm rất cảm động.. Sáng hôm sau tôi nhờ Thậm dắt tôi ra viếng mộ di Ba, tôi thấp mảy nên hương trước vong linh di Ba và xin lỗi di về việc liệng trái ối xanh làm u đầu Di. Di Ba ơi, xin Di hãy thứ lỗi cho việc cháu làm ngày xưa !... Tôi khấn vái mà mắt thì ướt lệ, đến khi nhìn lại thì thấy Thậm khóc thật nhiều, nhiều hơn tôi, khóc vì nhớ Mẹ, mà cũng khóc vì duyên kiếp bể bàng... Sau việc này, lòng tôi trở lại thanh thản và mấy ngày sau, tôi quá giang xe đò về Sài Gòn để rồi từ thủ đô thân yêu trở về Pháp với nỗi buồn mênh mang của kiếp sống tha hương và những nỗi buồn thầm lặng của thời dĩ vãng.

Hoa Sen

*Hoa Sen (Nelumbo nucifera Gaertn)
(Nelumbium nelumbo L. Druce)*



Cây có thân rễ mang củ dính khá sâu trong bùn ao hồ. Lá gần như tròn, có lá nổi trên mặt nước, có lá lửng lơ ngang mặt nước,. Các lá nhô cao trên mặt nước thường nhiều hơn, nằm ở đầu các cuống dài 0,50-1,50 m. Phiến lá màu xanh lục, rộng 20-80cms, mép lượn sóng, thường có lớp sáp thật mịn phủ trên mặt. Hoa rất đẹp, đường kính 20-30cms, thường lộ lên trên lá, màu hồng. Nhị nhiều, màu vàng, làm viền nổi cho phần nhụy có dạng nón ngược, màu xanh (ta gọi là gương sen). Gương sen chứa hạt bên trong (gọi là hạt sen). Loại sen này mọc rải rác từ biển Caspienne tới Nhật Bản, Philippine, Ấn Độ, Trung Hoa, bắc Australia và rất nhiều xứ khác nữa trên hành tinh này. Các nhà chuyên môn ở một số quốc gia và các quốc gia được biết như Mỹ, Pháp, Trung Hoa, còn tạo ra nhiều giống. Ở nước ta, thường trồng phổ biến hai giống :

Sen hồng : cây cao khỏe, hoa màu hồng to và thơm

Sen trắng : cây cao, hoa màu trắng, cây yếu hơn so với sen hồng.

Còn có giống” Sen Sè “có dạng cây thấp, hoa bé nhỏ, được trồng trong các bể nhỏ, trong các chậu...

Sen gần như được trồng ở khắp các xứ Á Đông để lấy hoa, lấy nhị hoa ướp trà, lấy củ để ăn, lấy nõg làm rau và lấy hạt làm mứt, nấu chè. Sen mọc tốt ở các ao hồ có nhiều bùn ở khắp nước ta. Mùa đông, cây tàn, đến mùa xuân cây mọc lại, mùa hè cây ra hoa và kéo dài tới cuối thu.

Có thể trồng sen bằng mầm non (ngó sen) hay trồng bằng hạt, vì nõg sen dễ trồng và cây có hoa mau hơn. Trồng giữa mùa xuân vào lúc thời tiết đã ấm áp. Sau khi trồng sen, cho nước vào hồ sen ngập độ 2/3 thân cây. Nên giữ mức nước như vậy trong thời gian độ 3-4 tháng. Cây sen sẽ lớn dần dần và cho hoa vào mùa hè năm sau, (tư liệu thu thập trong thời gian làm việc ở viện Khảo Cứu Thảo Mộc Học) (Division de Botanique) Cây sen gắn bó từ lâu với Đạo Phật. Sau khi thái tử Tất Đạt Đa (Siddharta) gần 11 năm tầm đạo trở thành Phật, từ cảnh đời ô trọc, trong vòng mê dục, một phen tỉnh giấc, giác ngộ thành quả, như hoa sen từ chỗ bùn lầy vươn lên, Phật đã lấy hoa sen làm biểu tượng cuộc sống và đạo lý của Ngài. Đạo Phật cũng dùng hình ảnh hoa sen để biểu tượng cuộc sống và đạo lý của Đức Phật và đồng thời cũng dùng hoa sen để nhắc nhở Phật tử, ở giữa chốn ô nhiễm mà cố gắng vượt ra nơi trong sạch bằng trí tuệ sáng ngời của mình.

Chúng ta cũng thấy giá trị triết lý của Sen trong những câu ca dao rất gần gũi với nhân dân ta :

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn...

Sen còn làm tăng vẻ đẹp của Đồng Tháp Mười, nên được nêu lên trong ca dao miền Nam nước ta :

Sen Tháp Mười hương thơm ngào ngạt

Lúa Tháp Mười trĩu hạt sẵn bông

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm

Ai về Châu Đốc Nam Vang

*Ghé qua Đồng Tháp bạt ngàn bông sen
Sen mọc giữa đồng lòng sen trắng
Sen đất Tháp Mười mưa nắng vẫn tươi
Bông sen như nét con người
Đẹp như con gái Tháp Mười quê ta...*

Nhà thơ Nguyễn Bính đã nói đến Lá sen trong bài thơ : “
Trường Huyện “ và nói về phẩm tiết của hoa sen như sau:

*Những buổi học về không có nón
Đội đầu chung một lá sen to
Lá sen vương vấn hương sen ngát
Áp ủ hai ta chút nhụy hồ
Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc
Theo về tận cửa mới tan mơ..*

*Lòng sen cát bụi không mờ nhạt
Sen trắng bùn nhơ chẳng nhuốm tanh...*

Trong dân gian có bài thơ khuyên chúng ta nên tìm cuộc sống
nơi thôn quê dân dã :

*Rủ nhau đi tắm hồ sen,
Nước trong, bóng mát, hương len cạnh mình
Có chi đường ngọc ao quỳnh
Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay..
Trọng Lễ Âu Dương
Cựu nhân viên Viện Khảo Cứu Thảo Mộc Học*

T ì n h Đ ò i

Ngày xưa có một hàn sĩ đến kinh đô để ứng thi. Trong thời gian chờ đợi ngày thi, chàng tạm ngụ tại một quán rộng rãi bề thế. Chủ quán thấy chàng túng thiếu, nghèo khổ, nên mới đề nghị cho chàng ra ở căn nhà sát chuồng ngựa. Một hôm sau, chàng vừa đi thi về đến, ghé qua chuồng ngựa bỗng thấy lửa cháy phừng phừng phía trước, chàng hàn sĩ ấy vừa kêu la cứu lửa, vừa chạy tìm cách dập lửa. Sau rốt, đám hỏa hoạn cũng gây thiệt hại lớn cho chủ quán. Chủ quán vội cho gia đình bắt chàng dẫn lên cáo quan: Gã thư sinh này ở ngụ tại nhà tôi, vì thấy hần túng thiếu, mà phải ở lại kinh đô để chờ ngày thi cử, nên tôi không đành đuổi đi, nhưng đề nghị hần ra ở căn phòng sát chuồng ngựa không tính tiền. Vì lẽ đó mà nó đâm ra hoán hận và cốt ý đốt quán tôi để trả thù. Án quan hỏi :Việc thư sinh này đốt nhà mụ có ai làm chứng không ? Mụ quán đáp : Trưa vắng, ít khách vắng lại, nhưng chính mắt tôi thấy, hần vừa đốt nhà xong, thì miệng hô to : Lửa cháy,lửa cháy ! còn chân thì chạy đi tìm chỗ trốn. Lúc ấy quan án nghĩ thầm : Có lý nào mụ quán lại đặt điều để hại gã này ? vì mụ cho hần ở căn nhà sát chuồng ngựa không tính tiền, như vậy là người tốt rồi. Án quan tin ngay lời chủ quán, không cần nghe lời biện bạch của chàng hàn sĩ. Chàng bị kêu án hai năm tù ở. Sau hai năm mãn tù, chàng ghé lại kinh đô, hỏi thăm thì mới biết mình đã được chấm đầu, nhưng vì vắng mặt vào lúc chấm thi, thì bằng như công cốc... Chàng quá buồn bã và hận đời. Chàng hàn sĩ bằng mọi cách, cố gắng tìm mua được một bộ áo quần như thư sinh thật giàu sang và lịch sự, mặc vào, rồi ghé qua quán xưa, lặng lẽ quàng ra phía sau chuồng ngựa, châm lửa đốt nhà, rồi chạy ra phía trước, vờ như khách sang vừa mới bước vào quán? Chàng vừa gọi thức ăn, vừa đưa mắt nhìn lửa cháy phừng phừng từ phía sau nhà, rồi vờ vờ chạy đi tìm gáo múc nước để dập lửa giúp. Người người xúm lại dập tắt được ngọn lửa. Mụ chủ quán hình như quên mặt chàng, nhìn chàng rồi cảm ơn rồi rít, và còn thưởng công cho chàng rất hậu..

Hàn sĩ cảm ơn rồi bỏ đi, miệng lầm râm : Ôi cuộc đời, kẻ có công thì bị ở tù, người có tội thì được thưởng ?!... Bài này có ý nói người đời thường hay lầm lẫn, hay có những phán đoán chủ quan. Kẻ có công đáng ra được thưởng, người có tội phải bị trừng trị. Ở đây thì ngược lại. Để được công bình, xét công và tội mỗi người, kẻ có trách nhiệm xử việc, không nên phán xét một cách vô đoán.

Ngày xưa bậc quân tử không mấy khi biện bạch được nỗi oan khức của mình. Hoặc có biện bạch đi nữa, mà người ta không nghe thì họ cũng chẳng thêm oán hận làm chi. Xét cho kỹ ra, oán hận cũng không lợi ích gì. Nhà Phật có nói : Nỗi oan không cần biện bạch, vì biện bạch thì không hi xả. Ôi, biết bao oan tình trong bể khổ của thế gian vô thường và phù du này!..

(Bài này ghi nguyên văn một bài phím luận đăng trên nhật báo „Tiếng Chuông „ vào năm 1956)
Trọng Lễ Âu Dương giữ nguyên văn có thêm vài ý kiến.

DÒNG SÔNG nơi CỔ QUẬN

Bach Văn

*Thơ thần một mình trên bến vắng
Ngắm nhìn mây nước, dậy hồn thơ
Hàng dừa xanh, thùy dương rủ bóng
Sông dài đồng rộng, trăm bến mơ
Nắng vàng áp ủ tình quê mẹ
Hạnh phúc tràn trẻ tuổi ấu thơ
Di vãng tựa tầm đan chiếc kén
Chờ lòng chùng xuống...nhả muôn tơ*

Dòng sông quận Cái bè tôi trôi êm như những hoa lục-bình tím dịu-dàng bông bênh lá xanh, với chiếc đồ ngang nổi hai bờ ; như thời niên thiếu tôi trôi êm trong căn nhà ven sông ấy ; căn nhà tổ ấm của tuổi thơ vô tư lự... Cái bè thuộc tỉnh Mỹtho, miền Nam ViệtNam, nổi tiếng về « chợ nổi » và những « cù lao » với vườn cây ăn trái xum xuê, sông rạch thơ mộng, nên rất nhiều du khách viếng thăm. Căn nhà ông bà tôi ngó ra sông, khoảng giữa chợ và vàm sông cái. Trước nhà là con lộ đá có hai hàng me. Tôi rất mê hàng me này, đến mùa me chín, sáng tôi thường dậy sớm để lượm me rụng ; có khi sau một tối mưa gió lớn, sáng ra mừng vô kể khi tìm được vài trái « me dốt » (là me bắt đầu trở chín, vỏ me không còn sát múi nữa, nhưng múi me còn xanh, một màu xanh hấp dẫn với tuổi cốm chanh, ăn không quá chua mà lại giòn ngọt). Dọc bờ sông là hàng thùy dương và dừa xiêm cho bóng mát. Ba tôi thường ra sân trước trên lầu, sáng ngồi phơi nắng, đọc sách, chiều thường đứng tựa bao lơn nhìn xuống dòng sông trải dài trước mắt (chẳng biết những lúc đó Ba có thỉnh thoảng nhớ lại dòng sông Seine thời ông du học bên Pháp không ? Nhưng chắc chắn với ông, dòng sông Cái bè thân thương đậm tình quê hương này là nhất). Bà và các cháu cũng thường ngồi trên băng cây dọc bờ, ngắm trời nước mênh mông, ghe xuống qua lại, xem đàn vịt con xinh xắn ngoan ngoãn lội theo mẹ. Đàn vịt thật khôn, sáng được lừa xuống nước kiếm ăn, quanh quẩn gần đó ; chiều lại biết đường về nhà mới giới chứ ! Hàng dừa cho trái thật ngọt nước, trời nóng, giải khát với nước dừa tươi thơm ngon thì như uống cả dòng suối mát. Vàm sông rộng đón nước Cửu Long màu mỡ, chuyển đến những con rạch đầy cá tôm, thả đượm vào đồng lúa xanh tươi, vườn tược sung túc, tạo cho người dân vùng Cái bè một cuộc sống êm ả. Sớm tinh sương, các nhà thuyền chài đã ra ngoài vàm sông đánh cá để kịp sáng bán ra chợ. Cá sông rất ngọt thịt, lại thêm cá tươi, người dân quê được cái lợi là không xài đến cá đông lạnh như chúng mình hiện nay.

Phía vàm sông nổi ra sông Cái là phía bờ lở, theo lẽ thiên nhiên của tạo hóa, một bên lở là có một bên bồi. Thế là bên kia bờ Cũu Long ta có nhiều cù-lao bồi đắp bởi đất phù sa, nên rất phì-nhiêu, trù-phú. Có những cồn ốc gạo, đến mùa ốc, chỉ việc cào lên là ta có ốc đầy giỏ. Ốc gạo Cáibè ngon có tiếng, được chở bán xuống Mỹtho, qua Vinhlong, Sadéc, lên Sài Gòn, các tỉnh lân cận. Trưa rồi rảnh, cả nhà quây quần trên chiếc đệm, bày sẵn bánh trắng rau thơm, chờ đợi nồi ốc gạo. Ốc gạo đem luộc với chút xíu muối, còn nóng hổi, đem ra lễ ốc với gai chanh cho thơm, thịt ốc vàng mượt, mềm mại, no tròn, cuốn với dưa bào, bánh trắng, chấm nước mắm ớt chanh thì thôi tuyệt hảo, hơn cả ốc lát, ốc bươu ; so với bulot bên Pháp nó vượt xa nghìn dặm...

Dưới bờ sông trước nhà, ông tôi cho đào một cái ụ lớn để ghe đậu, có thể chứa được một xuồng, một ghe hầu, một ghe tam bản, hai ghe lườn chở 200 và 500 gia lúa. Ghe hầu rất đẹp, trong khoang trải chiếu hoa, có màn che cửa sổ, trông thật thanh nhã, được dùng chờ ông tôi đi thăm điền, hoặc bà tôi đi viếng người quen bên kia sông. Tôi rất sung sướng thường được ông bà cùng dắt theo, các chị lớn đá lên Sài Gòn học, các em còn quá nhỏ.

Ghe lườn để chở lúa thân góp của các tá điền sau mùa gặt hái. Quang cảnh ghe về thật rộn-rịp, nhiều khi gặp chạng vạng tối, đèn manchon được đốt lên sáng trưng ; mấy anh bạn vác lúa thoăn-thoắt trên đòn dài nhún-nhịp đều theo bước đi, đem lúa đổ vào vựa. Không khí thật vui nhộn, trẻ nhỏ như tôi lúc đó rất ưa thích. Cũng như đến lúc ghe chài trên Chơlớn đến mua lúa, lúa từ vựa lại được đóng vào bao 2 gia (mỗi gia 40 lít) cho xuống ghe. Thế nên các anh bạn làm công quanh vùng luôn có việc. Ngoài mùa lúa, bạn ghe lại theo dòng sông vào vườn trâm bầu đồn cùi. Trâm bầu dễ mọc, mau lớn ; có vài vườn như vậy là có cùi xài quanh năm ; đôi khi dư ra để bán. Cùi trâm bầu rất tốt, bổn lữ, ít khói, nên được tiêu thụ nhiều.

Ông tôi còn cho đào một cái địa kế bên ụ ghe, đất đào lên lại đắp bờ cao quanh địa, có trồng mấy cây trứng cá, mấy cây bần. Tôi có nhớ Kim Anh xấp xỉ tuổi là bạn cùng nô đùa, con bà quản gia có họ xa với ông tôi. Ngày nghỉ, chúng tôi trưa ăn cơm xong, trốn ngủ, xuống tìm hái trứng cá chín, trái nhân lòng, rượt mấy con cá thòi lòi dưới xình, bắt còng ướp muối tập làm mắm !!! Mấy trái bần vừa chát, vừa chua, chúng tôi cũng chẳng tha...chấm muối ớt cay xuyết xoa ăn vẫn ngon vô cùng !

Nghịch quá thành ra có ngày cũng phải vương...giây. Số là một hôm vì bờ đất lở, ghe lườn bạn đi chở lúa, ông tôi cho người đào đất ở phía ụ ghe để đắp bờ địa thêm. Kế bên nhà có một hồ bơi cho học sinh, (gọi là hồ bơi cho oai, chứ thật ra đây và quanh thành hồ không có tráng xi măng, lót gạch gì cả). Thấy mấy anh học sinh lớn, lội, plongeon xem ngoạn mục quá nên tôi mong cũng được tài như vậy. Cùng cháu, bà tôi cho chặt mấy cây chuối để ôm chuối tập bơi. Từ chỗ cạn ôm cây chuối lội ra ngoài thì dễ, nhưng khi muốn quay vào, vì non tay chưa rành, cây chuối nặng, nên phải đứng xuống để xoay cây chuối lại. Thế là tôi rơi tõm ngay vào chỗ đã được đào đất hôm qua. Tôi nghiệp chị ba canh giữ tại nhóc con nhào đại xuống nước để cứu, nhưng chị có biết lội đâu, thế là tôi và chị hụp lặn tha hồ uống nước ; may là có bà tôi trên bờ kêu cứu, mấy anh bạn làm công vội kiếm sào dài quơ vớt chúng tôi. Trên bờ thiên hạ bu lại xem, thật là xấu hổ lại thêm một mẻ sợ kinh hồn ! Vậy mà nhờ món nào tôi cũng thích xía vô, nên sau này bơi lội tôi cũng biết ; biết cả bơi xuồng ; cưa, bửa cùi ; giã gạo chày đôi hay chày đập.

Mùa nước ròng, nước xăm xấp mé bờ, nhìn thấy cá lòng tong nhớn nhớn lội từng đoàn, tụi nhỏ tôi đi « câu giựt » là lưới câu không có mồi, chỉ gắn một hột cườm đỏ, rồi quay cần câu cho khéo, đều, liên tục theo chiều kim đồng hồ, giựt mạnh sợi nhợ lên, chẳng khác cowboy quăng giây lasso khắc phục mấy chú ngựa con. Thịnh thoảng rải một ít cám thơm, cá bu lại nhiều

quá nên thế nào cũng có con cắn câu. Cá lòng tong kho tiêu, lăn bột chiên là món hảo của tôi. Có khi chúng tôi vác cần câu ra sau ghe, nắng chang chang, mỗi đứa đội cái nón lá, câu được cá ký « cá he » vảy bạc, kỳ đỏ, mê quá quên giờ cơm trưa luôn, nên thường bị mẹ mắng. Cá he đem về cho bà bếp chiên giòn, nấu canh chua với bông su-dà. Cá tự mình câu lấy, nên ăn ngon không thể tả...

Nếu ai có dịp mấy lúc tát đìa, còn thấy vui hơn nữa. Mỗi năm đìa có khi được tát hai lần. Trước khi tát đìa, anh « sáu nhỏ » phụ việc nhà, có phận sự chiêu tôi canh chừng khi nước lớn, sửa soạn rang cám cho thơm, đem rải trên mặt nước, gần miệng cửa vò đìa, để nhử cá vào cho nhiều, như thế trong vài ngày liên tiếp. Khi quyết định tát là tới đến, chờ lúc nước đứng, đem tấm phen tre đan thật khít, chặn cửa vào đìa thật chắc, vì khi nước ròng, đám cá theo nước lội ra mà gặp cá to tông vào làm sứt tấm phen, thì công trình sửa soạn tan theo dòng nước. Đến sáng nước ròng, tiếp tục tát nước còn lại cho cạn thêm, thấy cá lố nhỏ trườn dầy trên xình thật mê, thế là xúm nhau nhào xuống bắt. Thật không có cảnh nào vui nhộn hơn, mặc dầu mặt mày, quần áo lấm đầy bùn. Trẻ con lỏi xóm cũng đến « bắt hời » và bà con lỏi xóm cũng được bà tôi biếu cho cá tôm tươi còn nhảy soi-sỏi.

Tùy mùa, ta có thật nhiều khi cá trê, khi cá lóc, khi tôm. Cá trê vàng đem kho tiêu, hoặc nấu canh bầu, hay cấp gấp nướng, dầm nước mắm gừng thì ăn cơm quên thôi. Khi cá vào đìa nhiều quá, tôi đến ta nghe cá lóc tấp bùm bụp ; cá rô mè nhảy rền rẹt, thật vui tai và mừng là kỳ này trúng mùa. Cá lóc lớn đem nấu cháo, nướng trui. Cá mà được bọc đất sét nướng, khi chín, gờ lớp đất sét ra, da cá dính theo để lộ thịt cá trắng nõn, giữ được hương vị thơm ngon ; ta thoa lên chút mỡ hành, chấm mắm nêm thì tuyệt. Cá lóc, cá sặc, cá trên được xẻ làm khô, làm mắm. Bà tôi để dọc theo vựa lúa nhiều khạp mắm của nhiều loại cá, nên nhà có ăn quanh năm, mắm được pha chế đủ kiểu : nào « mắm thối » « mắm lóc chưng thịt ». « mắm chưng hột vịt », « mắm kho và rau », « bún mắm »vv..

Còn mùa tôm thì toàn tôm càng, bò ngổn ngang, mà là tôm càng vô xanh chứ ! Tôm này đem « kho tàu » với nước mắm ngon, khi con tôm săn lại thì lăn vô gạch đỏ của nó ; trông con tôm thật đẹp, mượt rượt, hấp dẫn, ta có thể để lâu được. Tôm nướng vô cháy bay thơm phức ăn với bún rau, hoặc xé ra trộn gỏi với ngó sen hay củ cải trắng bào sợi. Củ cải trắng hơi cay cay, nồng nồng sánh đôi tuyệt diệu với tôm nướng thơm lừng, thịt trắng bóc, ta rắc lên rau răm đậu phộng thì hơn xa gỏi trộn với tép luộc mặc dầu tép to đi nữa. Đầu tôm đầy gạch ăn béo ngậy. Tôm càng vô xanh ngon nhất trong các loài tôm, hơn hẳn homard !

Nói về địa cá, thời trước, có mấy « ông thầy địa » chuyên tìm địa thế cho tốt, để chỉ cho thân chủ lập địa. Mấy ông này như những nhà ngoại cảm. Khi có người nhờ đến, thì các ông đứng trên bờ quan sát, nhìn trời, nhìn đất, nhìn sông rạch, nhìn hướng gió thổi mà đoán biết dưới nước, đến mùa gió chướng nước rút, cá sẽ đi đường nào, rồi chỉ chỗ để đào. Chẳng biết có linh ứng không ? Có điều là sông rạch miền Nam rất nhiều cá tôm, nên mấy địa lớn, cái nào cũng cho trong năm cả ngàn ký cá, ít lắm cũng vài trăm. Có vài cái địa như vậy là cát nhà ngồi mấy hời !

...Ôi dòng sông đó, có biết chẳng cô bé liếng thoảng thuở nọ, nay vẫn thường mộng mơ về ngày xưa cũ, với nỗi sầu viễn xứ khôn nguôi !

Cố quận

Hồ ơ... Có ai về quận Cáibè

Cam sành ngọt lịm... Hồ ơ... trái cây đầy vườn

Cho tôi nhắn gửi người thương... Hồ ơ....

Cáibè quận lỵ đẹp như mơ

Tiến tiến, lui lui, xuồng nhích bước

Có Cũu Long giang dọc sát bờ

Mái chèo khua nước rộn trên sông

Dòng sông rộng mở mời du khách
 Nón lá, khăn rằn che mái tóc
 Viếng thăm « chợ nổi » tiếng đồn vang
 Nhận nhịp vô cùng buổi chợ đông
 « Chợ nổi » hàng hàng xuồng lớp lớp
 Trắng xóa, giáo đường sừng sừng đứng
 Rau xanh, tôm cá khăm đầy ghe
 Oai nghiêm, phong nhã, ngắm dòng sông
 Quả hoa trăm thứ khoe màu sắc
 Chuông trưa theo gió... ngân ngân đậm
 Xôn-xao lạnh-lạnh tiếng chào mua
 Quyển-luẩn dòng sông chảy lững-lờ...

Bao mươi năm lưu lạc xứ người, viếng thăm nhiều nơi nguy nga, tráng lệ, nhiều thắng cảnh hùng vĩ, nên thơ ; nhưng những kỷ niệm êm đềm nhất, sâu đậm nhất còn đọng lại trong tôi, vẫn là dòng sông tĩnh lặng nơi cố quận, đầy cá tôm, chảy êm trước căn nhà ven sông ấy ; căn nhà tổ ấm đã nuan đúc tôi, đã gói trọn tôi trong tình thương dồi dào, ngọt lịm của ông bà, cha mẹ, chị em, một quãng đời ấu thơ hoa gấm...! Thời niên thiếu nầy đeo đẳng mãi tôi như người bạn tâm tình, để vồ về an ủi ... những lúc tôi thấy lòng mình chùng xuống ...

Bach Vân

Trang Thơ

Mừng Xuân



Thu Đông một thoáng qua mau
 Sắc Xuân đã đến mang màu thắm tươi
 Nơi nơi vạn vật tươi cười
 Gia Đình sum họp muôn lời chúc nhau
 Trời trong mây trắng giăng cao
 Gió xuân thoảng nhẹ ngọt ngào sắc
 Hương

Kính chúc Dân Việt tha phương
 Ngày hội cổ quốc là đường đi chung!

Trọng Lễ Áu Dương

Chợ Hoa đường Hùng Vương Mỹ Tho



Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc
 Áo nàng xanh anh mến lá sân trường
 (Tuổi 13-NguyễnSa)

Xương:

XUÂN Ý

Ngày Tết hương xuân thoảng đất trời
 Bảy mươi một tuổi đã dần trôi
 Mang hoài tuổi hạc chìm nghe nặng
 Giữ mãi tình xanh chắc thấy tươi
 Trọn kiếp phù sinh dài mấy nẻo
 Một đời hư ảo ngẩn vài thôi
 Tiêu dao quên lãng vòng danh lợi
 Giữ lại giùm nhau một nụ cười.
 Mẫn Hồ (Ottawa)

Họa:

XUÂN CẨM

Xuân đến mang vui cả Đất Trời
 Oanh ca én lượn áng mây trôi
 Nhón như trước ngõ nàng mai nở
 Yếu điệu sau hè ả cúc tươi
 Một kiếp phù sinh dâu bể lắm
 Trăm năm thân thế nổi trôi thôi
 Vui Xuân bỏ mặc vòng cương tỏa
 Chỉ giữ trong tâm một tiếng cười./

Nguyễn Trần (Toronto)

Trường Tương Tư

XÓM CHÙA CHÀ NỖI NHỚ

Bảo Tâm- Mặc Nhân- Nguyễn Trần
 Triều mến trao về đồng hương Mỹ Tho



Tôi mãi đi tìm áo trắng bay

1.Chùa Chùa trở lại tìm quê cũ
 Chỉ thấy mây buồn lơ lững bay
 Hình bóng người xưa giờ lảng đãng
 Đau thương theo những tháng cùng ngày

2. Năm ấy mùa hè em tắm mưa
 Áo em mỏng lắm lụa hàng thưa
 Em còn nhỏ xíu nên em lạnh
 Anh vội dịu em núp cổng chùa.

3.Mỗi lần em bước ngang nhà anh
 Áo đỏ ca-rô thoảng gió màn
 Xóm nhỏ Chùa Chà như rực sáng
 Hồn anh ngơ ngẩn dạ loang quanh

4.Xin anh chờ bận làm thơ nữa
 Để khỏi em buồn nhớ bạn xưa
 Khỏi nhớ quốc đông, quân sọt đỏ
 Ngang nhà em trối khúc vu vơ.

5.Ngã Tư Quốc tế giờ ly biệt
 Sốc chiếc ba-lô nện gót giày
 Hổ thi tang bông trang trái nợ
 Mà sao vương vấn bóng hình ai.

6.Tôi mãi đi tìm áo trắng bay
 Ngã Tư thương nhớ vẫn vương hoài
 Nghìn sau áo trắng đâu còn nữa
 Chỉ có canh bài thua trắng tay

7.Lắm đêm chân gầy theo bước Mẹ
 Tay ôm cặp đệm qua Cầu Quay
 Vào đời ngơ ngác nhìn Trường Lã
 Lá đỏ thu vàng lất phất bay.

8.Cũng dốc Cầu Quay qua tháng ngày
 Tan trường ta đợi bóng ai đây
 Mà sao chiều xuống trời hoang vắng
 Chỉ thấy lá vàng hờ hững bay.

9.Ngày xưa nhớ lúc tan trường
 Đáng em tha thướt con đường Hùng Vương
 Áo em trắng cả phố phường
 Cho anh thức trắng ôm tương tư sầu

10. Tôi yêu cái xã Điều Hòa
 Nơi tôi sinh trưởng thật thà lớn lên
 Hằng năm tới lễ kỳ yên
 Cả làng tụ họp linh thiêng cúng Thần
 11. Chùa Vĩnh Tràng lung linh nắng mai
 Bên nhau hai đứa nói "thương hoài"
 Nhưng rồi sau đó không duyên phận
 Lỗi tại nơi Trời hay tại ai?
 12. Chẳng phải tại Trời chẳng tại ai
 Vì anh hờ hững để tình phai
 Thư tình nở trả hình lưu niệm
 Duyên số rồi thôi đã sẵn bày.
 13. Điều Hòa có xóm Chùa Chà
 Với con đường hẻm thật là dễ thương
 Dù cho xa cách miền trường
 Lòng tôi sao mãi vấn vương khôn cùng
 14. Mơ thấy Xuân về với cánh mai
 Gió se se lạnh giấc quan hoài
 Chùa Chà xóm cũ đâu còn nữa
 Ngơ ngẩn đi tìm bóng dáng ai
 15. Năm mộng thấy về thăm chốn cũ
 Ngã Tư buồn ủ rũ buồn hiu
 Cảnh xưa trông quá tiêu điều
 Người xưa dưới nắng chiều rung rung
 16. Ngôi cổ tự trăm năm u tịch
 Chùa Vĩnh Tràng tỉnh mạch hàng sao
 Cổng chùa hai tháp đỉnh cao
 Tôi vào vãng cảnh trút bao ưu phiền
 17. Trời xuôi khiến nên duyên gặp gỡ
 Phút trung phùng tình mở thênh thang
 Tôi nhìn em đẹp nào nùng
 Nụ cười trăm mắt buồn triền miên
 18. Tình vẫn mặn nhưng duyên phận mỏng
 Em nguyện lòng dưới bóng từ bi
 Còn tôi nguyện Phật độ trì
 Cho con được sống theo lẽ thế gian.
 19. Vãng cảnh Đình xưa một sớm đông
 Điều Hòa cổ điện cạnh bờ sông
 Tùng bách đôi cao mơ tráng sĩ
 Liên trì ao lạnh nhớ thu phong
 20. Lao xao tre gọi hồn dân tộc
 Lã lướt liễu hoài dạ cổ hương
 Có đến đây rồi lòng vọng tưởng
 Gương xưa gìn giữ giống Tiên Rồng.
 21. Côn Rồng con gái hữu tình
 Một lần tao ngộ để mình nhớ thương
 Đò ngang ràng buộc yêu đương
 Đò qua thì dễ tơ vương khó về.
 22. Lâu lắm không về thăm xóm cũ
 Chùa Chà tường trắng có rêu phong
 Bạn bè ngày trước còn hay mặt
 Kỷ niệm chất chiu cả tấm lòng.
 23. Đường về chùa cũ không xa lắm
 Chỉ sợ rằng mình quên lối xưa
 Trăng khuyết ta chờ trăng lại sáng
 Mơ về Chùa cũ tắm trời mưa./

THO VZUI... 10 thương

Một thương em quá là...hư
 Hai thương em hết như sự từ gằm
 Ba thương cái mặt dăm dăm
 Bốn thương con mắt chăm chăm rợn người
 Năm thương mọi việc em lời
 Sáu thương thỉnh thoảng em cười như....ma

Bảy thương nay hết mặn mà
 Tám thương em hết em la suốt ngày
 Chín thương em nghiêng em đây
 Mười thương em tánh không thay không dời.
 On Aug 8, 2013 An-Son Trân wrote

Subject: MƯỜI THƯƠNG

Một Thương anh biết lau nhà,
 Hai Thương đêm đến Mát-xa (massage) hai giờ.
 Ba Thương tã, sữa con thơ,
 Bốn Thương nấu nướng khi chờ đợi em.
 Năm Thương giặt giũ theo kèm,
 Sáu Thương tối đến xoa kem, bóp dầu.
 Bảy Thương tắm vợ, gội đầu,
 Tám Thương rửa chén bao lâu cũng cười.
 Chín Thương "bài trả" gấp mười,
 Mười Thương lương tháng vui tươi dâng về./

Than chuyen..de cuoi chut choi..hahaha
 Chilan Tonnu

Của Nguyên Sa và Nguyên Sợ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN 10 THƯƠNG

Trời ơi! Ngó lại thân con,
 Trước nặng bảy chục giờ còn bốn hai.
 Mười Thương nó kéo dài dài,
 Nó không bỏ sớm, con "đai"(Die) tức thì
 Ngọc Hoàng Thượng Đế từ bi,
 Đền con Em khác phòng khi về già.
 Em nào chịu khổ lo xa,
 Em nào chịu khó quét nhà lau xe.
 Em nào giặt giũ không "ke" (Care),
 Nấu ăn rửa chén, rửa chén tận tay.
 Tiền lương không biết cày hay,
 Về già bù lại những ngày khổ đau./

KHIẾU NẠI NGỌC HOÀNG

Con đi từ Bắc vô Nam,
 Sài Gòn, Hà Nội, Tháp Chàm, Quy Nhơn,
 Hà Tiên, Quảng Trị, Đồ Sơn,
 Hải Phòng, Đà Lạt, Lạng Sơn, Vũng Tàu,
 Bình Định, Phú Quốc, Cà Mau,
 Con gái đều thuộc lâu lâu Mười Thương,
 Con đây bí quá hết đường,
 Trình lên Thượng Đế bồi thường cho con .
 Ngọc Hoàng nghe chuyện đập bàn,
 Mặt Rồng rục rỏ oang oang hết truyền,
 Ta đây đồng hội đồng thuyền,
 Mười Thương Ta chịu nào phiền đến ai,
 Đi ngay đừng nói một hai,
 Đền bù khiếu nại đến tai Bà Trời,
 Số ta cũng bị đi đời,
 Xuống dưới ráng sống cảm hơi qua ngày,
 Khi nào có Kế nào hay,
 Thì lên nói nhỏ, chỉ ngay Ta làm./
 "BỎ TAY, HẾT THUỐC CHỮA 10 THƯƠNG"

ÁO LỤA HÀ ĐÔNG (số1) THƠ ...của NGUYỄN SA :

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã về chân dung
Bay vội vã vào trong hồn mở cửa
Gặp một bữa, anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất
Em không nói, đã nghe từng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh trông lên bằng đôi mắt chung tình
Vớ tay trắng, em vào thơ diễm tuyệt
Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng, chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không báo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại
Để anh giận, mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sấm hối chạy trên môi
Những tháng ngày trên vai buồn bỗng nặng
Những tháng ngày đời anh thôi bầm dập
Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng

ÁO LỤA HÀ ĐÔNG (số2) THƠ...của NGUYỄN SẴO: SƯ TỬ " HÀ ĐÔNG "

Áo Lụa Hà Đông(New Version)
Nguyễn Sa Nguyễn Sẻo

Nắng Sài Gòn anh đi mà lạnh ngắt
Bởi vì em sinh quán tại Hà Đông
Bao lần anh khiếp hãi sợ vô cùng
Đây trên mặt vẫn còn nguyên vết sẹo !
Anh vẫn nhớ em ngồi đây quát đầy
Cầm khúc cây dài lắm để đe anh
Anh kinh hồn vội vã né lung tung
Gặp một bữa, anh đã rầu một bữa
Chờ sơ hở phóng ra đường đông tuốt.
Gặp hai hôm thành rầu rĩ cả tâm hồn
Bao lâu rồi ăn uống chẳng thấy ngon rượu
Và đôi mắt mơ màng đang bầm tím !
Em chưa hết đã vang lừng khắp xóm
Em chưa gằm mà đã động rừng xanh
Bao lần anh toan tính muốn làm lành
Lòng run sợ làm sao anh dám nói
Em thích đánh thích thoi anh vẫn biết
Lòng chợt lo chợt sợ chẳng vì đâu
Đôi khi em còn hăm dọa thiên thắng em.
Để anh lạy mặt xanh như tàu lá
Lúc em đánh, anh chỉ nhìn lăm lét
Giận điên lên nhưng nói chẳng nên lời
Em đi rồi, ôi khoái quá sướng mê toi!
Em ở đâu bên này hay bên nọ
Hỏi người em sinh quán ở Hà Đông
Anh vẫn run và sợ hãi vô cùng

KHI ANH VỀ EM CÓ HỎI

Phùng Nhân (tặng thầy Tân Văn Công)



Nếu mai mốt anh về có hỏi...
Mấy năm nay anh lại đi đâu?
Anh chỉ vào dòng sông đang chảy...
Nước sông Tiền đưa tới Úc Châu
Ở nơi đó, sống đời tỵ nạn!
Ráng mưu sinh một kiếp con người...
Vì ngôn ngữ không cùng một mẹ
Nên lưỡi anh, cũng ngọng nửa chừng!
Giờ về lại, quê hương mừng quá...
Gặp lại em, nói chuyện tâm tình
Rồi hợp bạn nhớ về ngày cũ...
Có ông thầy, từng dạy công dân
Còn khỏe mạnh, cà phê cà pháo...
Cười hồn nhiên, như một ông tiên
Có những bạn, kể về quá khứ
Mới ra trường, thầy dạy (xã) Thới Lai
Nhờ tướng tá của thầy cao ráo
Trong đội banh để cử trọng tài...
Khi thổi phạt, chắc thầy thiên vị?
Nên mãi còi, cầu thủ vây quanh...
Giờ nhớ lại, chuyện xưa tích cũ...
Thầy ung dung nói với học trò
Đời mấy bận lên voi xuống chó!
Suốt đời thầy, ông giáo mà thôi...
Còn em nữa viết bao tác phẩm...
Có cuốn nào ưng ý hay chưa?
Khi cầm viết nhớ điều liêm chính
Đừng bẻ cong cây viết của mình...
Ở bên này, tuần nầy giông bão!
Anh bó mình, ngồi riết trong nhà
Nên hồi tưởng, nhớ về bên đó...
Có ông thầy, tuổi hạc quá cao
Anh thương lắm, đời thầy tận tụy
Vớ chiếc xe, đạp khắp phố phường
Nếu có rãnh, chờ thầy ít bận
Đừng để thầy, xe đạp mỏi chum...
Hồi năm ngoái, truyền hình tỉnh bạn
Họ chạy về, phỏng vấn thầy mình
Những nhà cổ, tên đường ngày trước
Thầy trả lời, như thuộc bài thi
Nếu mai mốt, em mời hợp bạn
Uống dùm anh một tách cà phê
Pha thật đậm cho nhiều vị đắng
Thắm tình đời, mình đã cuu mang./

Làm Sao ?

Làm sao dứt được mối tơ vương ?
Như lữ hành xưa nhớ dặm đường !
Như khách tha phương yêu xóm cũ
Như thầy giáo, mãi nhớ Ngôi Trường
Đầu xanh, tuổi trẻ ưa bay nhảy
Tóc bạc, thân già, nhớ cố hương
Dù có giàu vang danh thế giới
Những điều nhân nghĩa phải am tường .. !!!

Kính tặng Chị Hội Trưởng Thi Phia, Anh Hạt Cát, và Em Jean Tài

Kể ở Người đi

Tin Buồn:

Trong thời gian vừa qua Hội Ái Hữu Lê Ngọc Hân/Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho Âu Châu (LNH-NĐC Mỹ Tho Âu Châu) đã nhận được những tin Buồn sau đây:

Và xin thành kính phân ưu cùng Tang Gia và cầu chúc cho Hương Linh Người Quá Cố được về Cõi Bình Yên..



* Ông Trần Như Trang - Cựu Học Sinh NĐC-LNH Mỹ Tho - Đồng Hương Mỹ Tho,
Nguyên Phó Giáo Sư Đại Học Luật Khoa Viện Đại Học Sài Gòn đã tạ thế vào ngày 02/02/13 tại Mỹ Quốc hưởng Thọ : 77 tuổi

* Ông Trương Tấn Hùng, Bào Đệ của Chị Trương Nguyệt Ánh Perth
Cựu Học Sinh Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho vừa tạ thế vào 3 giờ sáng ngày 19/02/13 tại Mỹ Tho - Hưởng Dương 56 tuổi.

* Ông Trần Văn Mẹo - Cựu Học Sinh LNH-NĐC - Cựu Giáo Sư Trường TH Tân Hiệp đã Từ Trần tại Xã An Khánh Bến Tre vào ngày 17/03/13 hưởng Thọ 86 tuổi. Lễ An Táng được cử hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013 tại Xã An Khánh Bến Tre bên cạnh Hiền Thê là Bà Đỗ Thị Nhung Nguyên Giám Thị Trường Trung Học Lê Ngọc Hân.

* Ông Đào Khánh Thọ - Cựu Học Sinh NĐC Mỹ Tho Cựu Hội Trưởng Trường Trung Học Tổng Phước Hiệp (Vĩnh Long), Cựu Trưởng Ty Học Chánh vùng IV Cựu Giám Đốc Nha Kế Hoạch Bộ Giáo Dục VNCH - đã tạ thế vào ngày thứ sáu 19/04/13 tại Anaheim (California) USA - Hưởng Thọ 78 tuổi

* Bà Góa Phụ Võ Toàn Ân – nữ Danh Nguyễn Thị Huệ là Mẫu Thân của Anh Võ Hùng Anh và là Di Ruột của Chị Nguyễn Kiêm Liêng, Cựu Học Sinh LNH-NĐC Mỹ Tho đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 19/05/2013 tại Nam Cali. Hưởng Thọ : 89 tuổi

* Ông Lê Ngọc Thanh Quang - Cựu Giáo Sư Nguyễn Đình Chiểu /LNH Mỹ Tho
Đã Tạ Thế tại tư gia Đường Phan Văn Trị Phường 8 Quận Gò Vấp Sài Gòn –
Vào ngày 11/06/2013 - Hưởng Thọ 74 tuổi

*-Ông Âu Đại Thành, đã tạ thế tại Birmingham (Anh Quốc) vào ngày 16/06/2013 hưởng thọ 86 tuổi là Anh ruột của Âu

Dương Trọng Lễ, Cựu HS Le Myre De Vilers (NĐC) Mỹ Tho, hiện tại là thành viên trong Ban Chấp Hành và BBT của Nội San LNH-NĐC Mỹ Tho Âu Châu

*-Anh Jean Marc Papon là chồng của Cô Tân Mộng Uyên Ái Nữ của Nhà
Giáo Nguyễn Hạnh, vừa vĩnh viễn ra đi vào đêm 21 tháng 6 tại Pháp Quốc.

*-Ông Hồ Phong là Bào Huynh của Chị Hồ Xuân - Thành Viên BCH Hội Ái Hữu NĐC/LNH Nam Cali, đã Từ Trần vào lúc 7 giờ chiều ngày 31/07/13 tại Sài Gòn Việt Nam - Hưởng Thọ ; 83 tuổi

*-Bác Sĩ PhêRô Phạm Thành Đạt - Cựu Giám Đốc Bảo Sanh Viện Mỹ Tho. Cựu Trưởng Ty Y Tế Định Tường (Tiền Giang) Đã Tạ Thế tại New Port - Beach, California Mỹ Quốc vào ngày 07/08/2013 - Hưởng Thọ 80 tuổi.

*-Ông Lê Chí Bảo, Bào Huynh của Thầy Lê Phú Hộ, Cựu Giáo Sư Trường Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho, Thân Phụ của Chị Lê Thị Hoàng Yến, Cựu học sinh Lê Ngọc Hân, Nhạc Phụ của Anh Phan Thế Hùng, Cựu Học Sinh Nguyễn Đình Chiểu, Thân Phụ của Anh Lê Chí Toàn và Vợ là Chị Dương Thị Kim Phụng, Cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho, vừa tạ thế tại Mỹ Tho ngày 2 tháng 9 năm 2013.

*-Bà Nguyễn Thị Huỳnh Loan - Cựu Giáo Viên Trường Nữ Tiểu Học Mỹ Tho
Thân Mẫu của Chị Lê Thị Hoàng Yến, Cựu HS Lê Ngọc Hân Nhạc Mẫu của Anh Phan Thế Hùng Cựu HS Nguyễn Đình Chiểu
Thân Mẫu Anh Lê Chí Toàn và Vợ là Chị Dương Thị Kim Phụng, Cựu Học Sinh Nguyễn Đình Chiểu : Mỹ Tho Đã vĩnh viễn ra đi tại Thành Phố Mỹ Tho (Định Tường) vào ngày 12/10/2013

Trong Nỗi Buồn Vô Hạn này, Hội Ái Hữu Lê Ngọc Hân/Mỹ Tho Âu Châu, không biết nói gì hơn, là Lòng Thành Kính Phân Ưu cùng Gia Đình các Tang Gia, có Người Quá Cố cũng đừng quá đau buồn mà không tốt cho sức khoẻ. Xin Nguyễn Cho Hương Linh các Người Quá Cố được An Vui Nơi Chốn Vĩnh Hằng.

Ngẫm lại thì đã sinh ra kiếp Con Người, có ai thoát khỏi Vòng Từ Sinh. Đã có Sinh thì phải có Tử ! Tất cả con người rồi sẽ mất hút trong cái không gian vô tận và sẽ tan biến trong cái thời gian vô cùng. Công Hầu, Danh Tướng, Tiền rường Bạc Bề rồi cũng sẽ ra đi với hay bàn tay không. (SINH KÝ TỬ QUÝ MÀ)



*Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một năm cỏ láu xanh rù.*